| Ngày soạn | 3/9/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 6/9/2022 | 6/9/2022 | 7/9/2022 |

**CHỦ ĐỀ: HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH**

**Tiết 1+ 2: GIỚI THIỆU SÁCH**

**I. MỤC TIÊU**

1. **Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù**

- Năng lực nhận biết, khai thác nội dung chương trình qua việc tìm hiểu cấu trúc SGK.

**2. Phẩm chất**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, chan hoà, khiêm tốn; trân trọng tình bạn, tôn trọng sự khác biệt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Chuẩn bị của giáo viên**

- KHBD, SGK, SGV, SBT. Tài liệu hướng dẫn thực hiện chương trình

- Tranh ảnh.

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, bút dạ, phiếu BT.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

**-** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập 1,2.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, quan sát để chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

- Giáo viên tổ chức cho học sinh tham gia trò chơi “nhanh như chớp” trả lời những câu hỏi liên quan đến bộ sách giáo khoa Ngữ văn lớp 6.

- Câu hỏi minh họa:

1. Môn Tiếng Việt ở cấp tiểu học được gọi là môn học gì ở cấp THCS?

2 Bộ SGK Ngữ văn chúng ta đang học có tên là gì?

3.Chúng ta rèn luyện được những kỹ năng nào trong môn học Ngữ văn?

4.SGK Ngữ văn tập 1,2 có bao nhiêu bài học chính?

5.Một tuần em có bao nhiêu tiết học Ngữ văn?

6.Cô giáo dạy môn Ngữ văn của em tên là gì?

………………………………………………..

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS về môn học Ngữ văn khi vào lớp 6, những điều HS mong đợi hoặc còn bỡ ngỡ về cuốn SGK đang cầm trên tay.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**   * GV chuyển giao nhiệm vụ   Cách 1: Em hãy chia sẻ suy nghĩ với cả lớp  vê môn Ngữ văn , về tên cuốn sách Ngữ văn Kêt nối tri thức với cuộc sống.  Cách 2: Giao viên trình chiếu hình ảnh bộ sách GK Ngữ văn tập 1,2.  ngu-van-4    *Và hỏi: Em biết gì về cuốn sách trên? ( tên sách, hình ảnh minh hoạ)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và trả lời.  - GV quan sát, lắng nghe.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận. Các nhóm thuyết minh sản phẩm của nhóm mình.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức, dẫn dắt vào bài:  Sách Ngữ văn 6 ***– Kết nối tri thức với cuộc sống*** là cuốn sách  giúp học sinh phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học nhờ hệ thống ngữ liệu có tính thẩm mĩ cao, giàu tính nhân văn, gần gũi với thực tiễn cuộc sống, được khai thác thông qua các hoạt động dạy học thiết kế theo phương pháp dạy học Ngữ văn hiện đại. | - Nghe và chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ  - Quan sát và chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc cá nhân. |

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu, giới thiệu mục đích của cuốn sách**

**a. Mục tiêu:** Nắm được quan điểm biên soạn sách của các tác giả.

**b. Nội dung:** Gv sử dụng phương pháp gợi mở để hướng dẫn HS tìm hiểu

**c.Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: Gv sử dụng kĩ thuật tia chớp kết hợp với câu hỏi gợi mở: *Các em hiểu gì về môn Tiếng việt đã được học ở Tiểu học? ( Các bài thơ, truyện, …)Môn học đã hình thành cho em những kiến thức,kĩ năng, thái độ gì?*  - HS tiếp trả lời câu hỏi và nhận kiến thức  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, lắng nghe.  - HS tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm cá nhân.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Tìm hiểu, giới thiệu mục đích của cuốn sách**  Kết nối tri thức với cuộc sống:  - Thứ nhất, giúp học sinh hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực thông qua các hoạt động: Đọc, viết, nói và nghe.  -Thứ hai, tích hợp các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe trong một bài học. Tích hợp kiến thức ngôn ngữ và kiến thức văn học với hoạt động: Đọc, viết, nói và nghe.  - Thứ ba, ngữ liệu dùng trong SGK hấp dẫn đối với học sinh, có giá trị thẩm mĩ cao và có ý nghĩa giáo dục lâu dài. |

**Hoạt động 2: Hướng dẫn cấu trúcSGK và cấu trúc bài học.**

1. **Mục tiêu:**

- Nhận biết được cấu trúc của cuốn sách và cấu trúc của từng bài học cụ thể.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: *Gv yêu cầu học sinh quan sát mục lục và 1 bài cụ thể , sau đó nhận xét về cấu trúc chung của sách và cấu trúc của 1 bài cụ thể*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  (\*) Từ phiếu học tập, Gv hướng học sinh đến  - Cấu trúc, cách khai thác các phần ( mục ) trong từng bài học | **II. Cấu trúc và cách khai thác**  **I.Cấu trúc chung của SGK**  SGK Ngữ văn 6 – Kết nối tri thức với cuộc sống gồm 2 tập – tương ứng với 2 học kì.  **Tập 1** có 5 bài học chính và 1 bài ôn tập. 5 bài học được thiết kế theo hệ thống chủ đề, với các văn bản thuộc thể loại truyện, thơ và ký. Mỗi bài tập trung vào 1 thể loại.  Bài 1. Tôi và các bạn.  Bài 2. Gõ cửa trái tim.  Bài 3. Yêu thương và chia sẻ.  Bài 4. Quê hương yêu dấu.  Bài 5. Những nẻo đường xứ sở.  **Tập 2:** Có 5 bài học chính và một bài ôn tập. Bốn bài đầu được thiết kế theo hệ thống chủ đề với nhiều thể loại văn bản (truyền thuyết, cổ tích, nghị luận và văn bản thông tin). Riêng bài 10 được thiết kế theo hình thức dự án đọc sách: ( Đọc một cuốn sách yêu thích-> Viết ->Sáng tạo sản phẩm->Giới thiệu sản phẩm-> Trình bày ý kiến về một vấn đề gợi ra từ cuốn sách).  Bài 6: Chuyện kể về những người anh hùng.  Bài 7: Thế giới cổ tích.  Bài 8: Khác biệt và gần gũi.  Bài 9: Trái đất – ngôi nhà chung.  Bài 10: cuốn sách tôi yêu.  **2Cấu trúc bài học**  - Mỗi bài học đều được bắt đầu bằng tên bài cũng chính là tên chủ đề. Ngay dưới tên bài là một câu đề từ gợi liên tưởng, suy nghĩ về chủ đề của bài học. Sau đó là giới thiệu bài học, thuyết minh ngắn về chủ đề chính trong bài.  - Tiếp theo là yêu cầu cần đạt hay mục tiêu bài học.  - Sau phần mở đầu là các cấu phần chính của bài học được tổ chức theo các hoạt động: Đọc, viết, nói và nghe  - Phần ĐỌC có các tri thức Ngữ văn (gồm tri thức văn học và tri thức Tiếng Việt) và các văn bản đọc  - Phần THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: Đưa ra các bài tập Tiếng  Việt đòi hỏi học sinh vận dụng kiến thức vừa được cung cấp để nhận biết và phân tích các hiện tượng, đơn vị ngôn ngữ trong văn bản đọc và vận dụng để đọc, viết, nói và nghe.  + Phần VIẾT đưa ra các đề bài, yêu cầu đối với kiểu bài, phân tích bài viết tham khảo và thực hành viết theo các bước: trước khi viết – viết bài – chỉnh sửa bài viết.  + Phần NÓI và NGHE được tích hợp với viết hoặc đọc. Học sinh sẽ thực hiện nói và nghe theo quy trình 3 bước: Trước khi nói, trình bày nói, sau khi nói.  + Phần CỦNG CỐ MỞ RỘNG: luyện tập, củng cố kiến thức kĩ năng thông qua một số bài tập ngắn.  + Phần THỰC HÀNH ĐỌC: Tự đọc một văn bản mới có cùng chủ đề |

**3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS hiểu rõ cấu trúc SGK, cấu trúc bài học, các nhiệm vụ cần thực hiện ở mỗi phần của bài học và xác định được kế hoạch học tập bộ môn cho cá nhân.

**b. Nội dung:** GV sử dụng PPDH giải quyết vấn đề, đàm thoại gợi mở, kĩ thuật dạy học khăn trải bàn hướng dẫn HS tổng hợp nội dung bài học, xác định mục tiêu, kế hoạch học tập bộ môn Ngữ văn cho bản thân

**c. Sản phẩm học tập:** Lập được kế hoạch học tập bộ môn.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **Tổ chức thực hiện** | **Dự kiến sản phẩm** |
| --- | --- |
| **Bước 1: Gi**ao nhiệm vụ học tập:  \_ GV chia nhóm phát phiếu học tập cho Hs yêu cầu hs điền thông tin vào phiếu.   | PHIẾU HỌC TẬP | | | | --- | --- | --- | | Những điều em học được trong *Bài mở đầu* | Dự định của em để học tốt môn Ngữ văn | Những điều em mong muốn ở giáo viên | |  |  |  |   Học sinh thảo luận nhóm....  **Bước 2: T**hực hiện nhiệm vụ:  *\_ Hs có thể làm việc cá nhân sau đó trao đổi với bạn cùng bàn để xác định câu trả lời, ghi ý kiến chung vào phiếu học tập.*  **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận:  Hs đại diện nhóm trình bày câu trả lời của nhóm mình trước lớp. Các nhóm Hs khác nhận xét, bổ sung ý kiến của mình  **Bước 4:** Kết luận nhận định:  - GV khen ngợi, động viên, chia sẻ kinh nghiệm học tập bộ môn và điều chỉnh cách dạy học phù hợp với đối tượng, mong muốn của HS. | - Câu trả lời, dự định, mong muốn của HS. |

**4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS về nhà biết lập kế hoạch và xác định nhiệm vụ cụ thể cho việc học tập bộ môn**.**

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK và phần kiến thức qua 2 tiết học để lập kế hoạch.

**c. Sản phẩm học tập:** Bản kế hoạch cụ thể của Hs

**d. Tổ chức thực hiện:**

**-** GV yêu cầu học sinh về nhà lập kế hoạch cụ thể và nộp sản phẩm vào tiết sau dựa vào PPCT (Gv đọc cho Hs)

- GV: nhận xét, đánh giá bản kế hoạch khi hs nộp sản phẩm.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

(Hướng dẫn về nhà: Đọc và soạn bài từ trang 10 đến hết trang 19 dựa vào phần hướng dẫn sử dụng sách để tìm hiểu bài học ở tiết sau)

| Ngày soạn | 3/9/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 7/9/2022  10/9/2022  13/9/2022 | 10/9/2022  12/9/2022  13/9/2022 | 10/9/2022  12/9/2022  14/9/2022 |

**BÀI 1: TÔI VÀ CÁC BẠN**

**Tiết 3,4,5: Văn bản (1): BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN**

**(Trích “Dế mèn phiêu lưu kí”)**

**– *Tô Hoài* –**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Biết chủ động tìm hiểu phần tri thức ngữ văn (truyện, truyện đồng thoại, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật, từ đơn và từ phức), tìm hiểu về nội dung VB, phát triển được vốn sống, có khả năng nhận biết tình cảm, cảm xúc thông qua tìm hiểu VB *Dế Mèn phiêu lưu kí.*

- Biết lựa chọn nội dung và hình thức giao tiếp phù hợp ; biết thảo luận, lập luận và đánh giá được nội dung, ý nghĩa của VB từ đó nắm được mục tiêu bài học.

- Biết cách giải quyết vấn đề một cách sáng tạo.

**b. Năng lực đặc thù**

- Phân biệt và xác định được thể loại VB: truyện đồng thoại (ngôi kể, nhân vật, cốt truyện).

- Nhận biết và phân tích được các chi tiết miêu tả hình dáng, cử chỉ, lời nói, suy nghĩ của các nhân vật Dế Mèn và Dế Choắt. Từ đó hình dung ra đặc điểm của nhân vật.

- Nhận xét, đánh giá được BPNT miêu tả đặc sắc, BPNT nhân hóa của VB *Dế Mèn* *phiêu lưu kí* làm nên sức hấp dẫn của câu chuyện (Truyện đồng thoại)

- Rút ra bài học về cách ứng xử với bạn bè và cách đối diện với lỗi lầm của bản thân.

**2. Về phẩm chất**

- *Nhân ái:*  Biết lên án thói xấu trong xã hội. Luôn có ý thức rèn luyện bản thân để có lối sống tích cực, hướng thiện.

*- Trách nhiệm:*  Có thái độ trân trọng, vun đắp, giữ gìn tình bạn, xây dựng tình bạn đẹp, vô tư, trong sáng, giúp đỡ những người bạn không may mắn.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Máy tính, máy chiếu; phiếu học tập; giấy A4 để HS làm việc nhóm.

- Giáo án, sgk.

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK,vở ghi, soạn bài theo hệ thống câu hỏi sgk.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu**

**-** Tạo tâm lí hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. hướng HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b. Nội dung**

- Tạo trò chơi hái hoa dân chủ, PP đàm thoại gợi mở và nêu vấn đề, GV hỏi, HS trả lời.Hs chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:**

- Câu trả lời của HS: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1: Gi**ao nhiệm vụ học tập

- *GV chiếu lên máy các câu hỏi ẩn sau mỗi cánh hoa, yêu cầu HS chọn số cánh hoa và trả lời câu hỏi:*

1.Trải qua 5 năm học Tiểu học, em có bạn thân nào không?

2.Theo em những người bạn có vai trò như thế nào đối với cuộc sống của chúng ta?

3. Đã bao giờ em mắc lỗi nào đó với bạn của mình? Hãy chia sẻ câu chuyện đó.

4. Chia sẻ với các bạn vài điều em thấy hài lòng hoặc không hài lòng khi nghĩ về bản thân?

5 Em đã từng độc một truyện kể hay xem một bộ phim nói về một niềm vui hay nỗi buồn mà nhân vật đã trải qua. Khi đọc em đã có suy nghĩ gì?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** Chọn cánh hoa tùy ý và HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và GV dẫn dắt kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới:

“ *Trong cuộc sống, có những lúc chúng ta phạm phải những lỗi lầm và khiến chúng ta phải ân hận. Những vấp ngã đó khiến chúng ta nhận ra những bài học sâu sắc trong cuộc sống của mình. …Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu văn bản Bài học đường đời đầu tiên để tìm hiểu những lỗi lầm và bài học với Dế Mèn.”*

**2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** HS nêu được những nét chính về tác giả, tác phẩm, truyện , truyện đồng thoại, nhân vật, ngôi kể…

**b. Nội dung:**

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi.

**-** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **B1: Giao nhiệm vụ học tập:**  *- GV hướng dẫn cách đọc:* GV đọc mẫu một đoạn đầu, sau đó HS đọc tiếp.  + Lưu ý: Đọc to, rõ ràng, chú ý các chi tiết MT hình dáng, cử chỉ, lời nói, hành động của nhân vật.  + Chú ý các thẻ chỉ dẫn để theo dõi và dự đoán ND.  - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi  - Nêu những hiểu biết của em về nhà văn Tô Hoài và tác phẩm Dế Mèn phiêu lưu kí?  - GV yêu cầu HS đọc tri thức ngữ văn trang 11 và trả lời câu hỏi qua phiếu học tập số 1.  Dế Mèn PLK" có phải là truyện dồng thoại không? Vì sao?  Qua phần tìm hiểu tri thức Ngữ văn ở nhà các em hãy chỉ ra các yếu tố của truyện đồng thoại qua văn bản " Bài học đường đời…".  - GV yêu cầu HS tìm hiểu từ khó và bố cục văn bản:  3. Yêu cầu HS giải nghĩa một số từ khó: *mẫm, hủn hoẳn, cà khịa, sốc nổi*  4. Văn bản chia làm mấy phần? Nội dung của từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** quan sát SGK đọc, lắng nghe và suy nghĩ trả lời câu hỏi.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  HS trình bày sản phẩm – câu trả lời của mình.  Gọi HS nx, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức - Chiếu lên máy chiếu.  - Chiếu hình ảnh tác giả Tô Hoài và các thông tin bổ sung cho HS quan sát.  - Gv nhấn mạnh:  - Truyện đồng thoại viết cho thiếu nhi, các tác giả thường sử dụng “tiếng chim, lời thú” hồn nhiên, ngộ nghĩnh để nói chuyện con người nên rất phù hợp với tâm lí trẻ em. Đa phần trẻ em đều rất thích đọc truyện đồng thoại.  - Trong truyện đồng thoại, sự kết hợp giữa hiện thực và tưởng tượng ngôn ngữ và hình ảnh sinh động…tạo nên sức hấp dẫn kì diệu đối với trẻ em.  - Các yếu tố của truyện đồng thoại:  + Cốt truyện: Có mở đầu, diễn biến và kết thúc…  + Nhân vật: Dế Mèn, Dế Choắt…  + Người kể chuyện: Ngôi kể thứ nhất (Dế Mèn)  +Lời người kể chuyện: VD: Bởi tôi ăn uống điều độ…  + Lời nhân vật: VD: DC: Thưa anh, em cũng muốn khôn….  **Hết tiết 1.** | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Tô Hoài (1920 – 2014)  - Tên: Nguyễn Sen.  - Quê: Hà Nội.  - Ông viết văn từ trước CMT8/1945.  - Là nhà văn có lối sống phong phú, năng lực quan sát, miêu tả tinh tế, giàu hình ảnh, ngôn ngữ chân thực, gần giũ với đời sống.  - Có nhiều tác phẩm viết cho thiếu nhi.  **2. Tác phẩm.**  **a. vị trí** : trích chương thứ I của “Dế Mèn phưu lưu ký”.  - Dế Mèn phiêu lưu kí là truyện đồng thoại viết cho trẻ em.  - Năm 1941 Tô Hoài xuất bản truyện “ Con Dế Mèn”, sau đó sang tác thêm Dế Mèn phưu lưu ký.  - 1954 Ông gộp hai tác phẩm trên thành " Dế Mèn phưu lưu ký”.  **b. Đọc kể tóm tắt** ( truyện kể theo ngôi thứ 1).  **3.Tìm hiểu về truyện và truyện đồng thoại.(SGK- T11)**  **4. Bố cục:**  **\* Bố cục văn bản**: 2 phần:  + P1: Từ đầu …….. thiên hạ: Bức chân dung tự họa của Dế Mèn  + Phần 2: Đoạn còn lại: Câu chuyện về bài học đường đời đầu tiên. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu**

- Phân tích, đánh giá được đặc điểm về hình dáng, tính cách của Dế Mèn, Dế choắt và bài bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn.

- Nhận biết được những BPNT nổi bật của VB thuộc thể loại truyện đồng thoại.

- Rút ra bài học cho bản thân từ nội dung bài học.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, phiếu học tập; tổ chức hoạt động nhóm cho HS.

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phiếu học tập của HS đã hoàn thành.

**d. Tổ chức thực hiện**

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu**

- Phân tích, đánh giá được đặc điểm về hình dáng, tính cách của Dế Mèn, Dế choắt và bài bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn.

- Nhận biết được những BPNT nổi bật của VB thuộc thể loại truyện đồng thoại.

- Rút ra bài học cho bản thân từ nội dung bài học.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, phiếu học tập; tổ chức hoạt động nhóm cho HS.

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phiếu học tập của HS đã hoàn thành.

**d. Tổ chức thực hiện**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu bức chân dung tự họa của Dế Mèn.**  **B1: Giao nhiệm vụ học tập:**  Em hiểu thế nào là bức chân dung tự họa?  - HS: Tự vẽ ( kể, miêu tả) về hình dáng, hành động, tính cách của mình.  - GV: Vậy qua lời kể cuả DM thì hình dáng, hành động, tính cách, suy nghĩ của Mèn hiện lên như thế nào **qua phiếu học tập số 2**  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **B3:Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – câu trả lời  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. ***Nhóm 1+ 2:***   | **Chi tiết miêu tả ngoại hình Dế Mèn** | **Nhận xét từ ngữ** | | --- | --- | | Càng : mẫm bóng   * Vuốt nhọn hoắt * Cánh: dài * Thân hình: màu nâu bóng mỡ * Đầu: to, nổi từng tảng * Răng: đen nhánh   Râu: dài, uốn cong | Từ miêu tả: danh từ, tính từ tuyệt đối. | | **=>** Một chàng Dế thanh niên cường tráng, , khỏe mạnh, đẹp đẽ, đầy sức sống. | |   ***Nhóm 3+ 4***   | **Hành động, suy nghĩ của Dế Mèn?** | **Nhận xét từ ngữ, biện pháp nghệ thuật?** | | --- | --- | | Đạp phanh phách   * Nhai ngoàm ngoạm * Trịnh trọng vuốt râu * Đi đứng oai vệ như con nhà võ, nhún chân, rung đùi... * Cà khịa với tất cả hàng xóm * Quát mấy chị Cào Cào * Đá mấy anh Gọng vó * Tưởng mình sắp đứng đầu thiên hạ * ( suy nghĩ) | + Từ loại: động từ,  +Nghệ thuật: so sánh,nhân hóa. | | **=> T**ự tin, yêu đời nhưng kiêu căng, xốc nổi, hợm hĩnh, tự phụ. | |   **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức  **? Vậy qua phân tích em có nhận xét gì về nghệ thuật miêu tả của tác giả (thảo luận cặp đôi).**  - Miêu tả tài tình.  - Miêu tả ngoại hình kết hợp với hành động  - Miêu tả từ khái quát đến cụ thể  - Sử dụng từ ngữ chọn lọc, chính xác, sáng tạo  - Thủ pháp so sánh, nhân hóa sinh động.  ? Hãy lấy ví dụ cho cô về cách miêu tả từ khái quát đến cụ thể.  **HS**: VD: tác giả đã khái quát DM là một chàng dế thanh niên cường tráng rồi mới đi miêu tả từng bộ phận.  **GV**: Các em ạ đây là một đoạn văn rất độc đáo, đặc sắc về nghệ thuật tả vật, bằng cách nhân hóa dùng nhiều tính từ, động từ, so sánh rất chọn lọc, chính xác. Tô Hoài đã để cho Dế Mèn tự họa về bức chân dung của mình vô cùng sống động, phù hợp với thực tế, hình dáng, tập tính của loài dế cũng như cách sống của một số thanh thiếu niên ở tuổi mới lớn .  ? Qua đoạn truyện giúp em hiểu gì về nhà văn Tô Hoài?  *+ Ông là nhà văn của thiếu nhi. Ông đã thành công khi dựng lên cả một thế giới loài vật trong trắng, ngây thơ, ngộ nghĩnh khao khát và say mê lý tưởng rất phù hợp với tâm lí tuổi thơ.*  *?Em thích và không thích điều gì về cách DM tự miêu tả và đánh giá về bản thân mình ko? Tại sao?*  **2) Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu bài học đường đời đầu tiên của DM:**  ***\*) Tìm hiểu nhân vật Dế Choắt:***  **B1: Giao nhiệm vụ học tập:**  -? Theo dõi phần hai của văn bản từ chỗ “ Câu chuyện ân hận đầu tiên mà tôi ghi nhớ suốt đời...đến hết”, em cho cô biết phần này có những sự việc chính nào?  - Có 3 sự việc:  + Thái độ của DM với DC  + DM trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của DC  + Sự ân hận của DM  - GV phát phiếu **học tập số 3** & giao nhiệm vụ: điền thông tin vào phiếu học tập số 3.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh dựa vào văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **B3:Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diện nhóm trình bày sản phẩm – câu trả lời  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức (máy chiếu)   | **Những chi tiết giới thiệu và miêu tả về DC** | **Nghệ thuật miêu tả hình ảnh DC** | | | | --- | --- | --- | --- | | - Là hàng xóm của DM, trạc tuổi với DM  - Người gầy gò, dài lêu ngêu như gã nghiện thuốc phiện  - Cánh ngắn củn, hở cả mạng sườn như người cởi trần mặc áo ghi lê  - Càng: bè bè, nặng nề  - Râu ria cụt một mẩu  -Mặt mũi ngẩn ngẩn, ngơ ngơ...  - Tính nết ăn xổi, ở thì | + Sử dụng từ láy  + Hình ảnh so sánh  + Nhân hóa | | | | **Nhận xét chung: > Dế Choắt gầy gò, ốm yếu.** | | | | | **Cách xưng hô** | | | | | **Với DM** | | | **Với chị Cốc** | | + Lúc đầu: gọi “anh” xưng “em”.  + Trước khi mất: gọi “anh” xưng  “tôi” và nói: “ở đời….thân”. | | + Van lạy  + Xưng hô: chị - em. | | | **Nhận xét chung : -> Dế Choắt rất khiêm tốn, nhã nhặn. Bao dung độ lượng trước tội lỗi của Mèn.** | | | |   ***\*) Thái độ của DM với DC:***  **B1: Giao nhiệm vụ**  **-** GV đặt câu hỏi:  **?** Dế Mèn đã nói gì khi sang thăm nhà Dế Choắt và khi Dé Choắt nhờ sự giúp đỡ?  **?** Những lời nói đó thể hiện thái độ gì của Dế Mèn?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Đọc SGK và tìm chi tiết thể hiện câu nói của Dế Mèn để hoàn thiện phiếu học tập.  - Suy nghĩ cá nhân.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Trả lời câu hỏi, theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức, kết nối với mục sau.  **Hết tiết 2**  ***\*) Bài học đường đời đầu tiên:***  **B1:Giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm cặp đôi , phát phiếu học tập số 4  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Làm việc cá nhân , nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  -Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức :   | **Dế Mèn** | **Trước khi**  **trêu chị Cốc** | **Sau khi**  **trêu chị Cốc** | **Hậu**  **quả** | | --- | --- | --- | --- | | Hành động | Nghĩ mưu, gọi Dế Choắt trêu cùng, khi Dế Choắt can ngăn thì quắc mắt, mắng Dế Choắt. | - Chui tọt vào hang.  - Núp tận đáy hang, nằm in thít.  - Mon men bò lên.  -Hốt hoảng, quỳ xuống nâng đầu Dế Choắt mà than  -- Chôn Dế Choắt. | Dế Choắt bị chị Cốc mổ cho đến chết | | Thái độ | Đắc ý, Hung hăng, ngạo mạn, xấc xược. | Sợ hãi, hèn nhát, ân hận | Hối hận | | Bài học cho DM | - Không nên kiêu căng, coi thường người khác.  - Không nên xốc nổi, nghịch dại  - Biết yêu thương, chia sẻ. | | |   \*GV yêu cầu HS quan sát văn bản và trả lời câu hỏi:Cuối truyện là hình ảnh Dế Mèn đứng lặng hồi lâu trước nấm mồ bạn. Em thử hình dung tâm trạng Dế Mèn lúc này?  - Sau tất cả các sự việc trên, nhất là sau khi Choắt chết, Dế Mèn đã tự rút ra bài học đường đời đầu tiên cho mình. Theo em, đó là bài học gì? Việc tác giả để cho Dế Mèn tự kể lại câu chuyện của mình bằng ngôi thứ nhất có tác dụng thế nào trong việc thể hiện bài học ấy?  **- GV nhấn mạnh:** Kẻ kiêu căng có thể làm hại người khác, khiến mình phải ân hận suốt đời**.**  - Nên biết sống đoàn kết với mọi người, đó là bài học về tình thân ái.  Đây là 2 bài học để trở thành người tốt từ câu chuyện của Dế Mèn.  **3) Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nội dung, nghệ thuật , ý nghĩa văn bản**  **B1: Giao nhiệm vụ**  Em hãy khái quát nghệ thuật và nội dung chính của văn bản?  Ý nghĩa của văn bản?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS suy nghĩ cá nhân * **B3: Báo cáo, thảo luận**   HS trả lời, nhận xét  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS  - Chốt KT | **II. Đọc – Hiểu văn bản:**  1.Nhân vật Dế Mèn.  a. Bức chân dung tự họa của Dế Mèn.   * Ngoại hình: Đôi càng mẫm bóng, vuốt cứng, nhọn hoắt, cánh dài, răng đen nhánh, râu dài uốn cong, hùng dũng. * Hành động của Dế Mèn:   + Nhai ngoàm ngoạm.  + Co cẳng lên .  + Đi đứng oai vệ.  + Quát mấy chị Cào Cào...  -Ngôn ngữ: Gọi Dế Choắt là “chú mày” với giọng điệu kinh khỉnh...  => Qua những chi tiết trên cho thấy Dế Mèn là một chàng thanh niên trẻ trung, yêu đời, tự tin nhưng vì tự tin quá mức về vẻ bề ngoài và sức mạnh của mình dẫn đến kiêu căng, tự phụ, hống hách, cậy sức bắt nạt kẻ yếu.    => Nghệ thuật:  + Kể chuyện kết hợp miêu tả;  + Thủ pháp nghệ thuật nhân hóa.  + So sánh, tính từ gợi hình gợi tả (*mẫm bóng, nhọn hoắt, bóng mỡ, đen nhánh* ...)  + Từ ngữ chính xác, sắc cạnh với nhiều động từ (đạp, nhai...)  + Giọng văn sôi nổi.  b.**Diễn biến câu chuyện Dế Mèn trêu chị Cốc dẫn đến cái chết thương tâm của Dế Choắt.**  **\* Dế Choắt trong cái nhìn của Dế Mèn.**  - Cái tên cũng do Dế Mèn đặt (giễu cợt).  - Cách xưng hô: “chú mày”- “ta”.  - Ngoại hình:  + Như gã nghiện thuốc phiện.  + Cánh ngắn ngủn, râu một mẩu, mặt mũi ngẩn ngơ.  + Hôi như cú mèo.  **- Nhận xét về tính cách, sinh hoạt của Dế Choắt:**  + Dại dột, có lớn mà không có khôn.  + Ăn ở bẩn thỉu, lôi thôi.  - Lời từ chối của Dế Mèn khi Dé Choắt mong muốn được giúp đỡ: (đào hang sâu, có đường sang hang của Dế Mèn phòng lúc hoạn nạn), Dế Mèn thẳng thừng từ chối, thậm chí còn miệt thị Dế Choắt: hôi hám…  Dế Choắt trong mắt của Dế Mèn: Xấu xí, yếu ớt, lười nhác, bẩn thỉu.  **\*Thái độ của Dế Mèn**: Coi thường, khinh khi, nhìn bạn với cái nhìn trịch thượng.  Ích kỉ, hẹp hòi, ngạo mạn, lạnh lùng trước hoàn cảnh khốn khó của đồng loại.  **\* Dế Mèn trêu chị Cốc dẫn đến cái chết của Dế Choắt.**  **- Diễn biến hành động và tâm lí của Dế Mèn:**  + Lúc đầu thì huyênh hoang trước Dế Choắt.  + Hát véo von, xấc xược… với chị Cốc.  + Sau đó chui tọt vào hang vắt chân chữ ngũ, nằm khểnh yên trí... đắc ý.  + Khi Dế choắt bị Cốc mổ thì nằm im thin thít, khi Cốc bay đi rồi mới dám mon men bò ra khỏi hang.  Hèn nhát, tham sống sợ chết, bỏ mặc bạn bè, không dám nhận lỗi.  - Đó không dũng cảm mà là sự liều lĩnh, ngông cuồng thiếu suy nghĩ: vì nó sẽ gây ra hậu quả nghiêm trọng cho Dế Choắt.  - Dế Mèn bỏ mặc bạn bẻ trong cơn nguy hiểm…hèn nhát, không dám nhận lỗi  **2.Bài học đường đời đầu tiên của DM.**  a. Hậu quả: Gây ra cái chết thảm thương cho Dế Choắt (Kẻ phải trực tiếp chịu hậu quả của trò đùa này là Dế Choắt).  - Với Dế Mèn:  + Mất bạn láng giềng.  + Bị Dế Choắt dạy cho bài học nhớ đời.  + Suốt đời phải ân hận vì lỗi lầm của mình gây ra.  - Tâm trạng của Dế Mèn:  + Dế Mèn thể hiện ân hận, hối lỗi.  + Nâng đầu Dế Choắt vừa thương, vừa ăn năn hối hận.  + Chôn xác Dế Choắt vào bụi cỏ um tùm.  **\* Nhận xét:**  Bài học đường đời đầu tiên mà Dế Mèn rút ra sau cái chết của Dế Choắt: Là thói ngông cuồng của mình, trêu đùa, khinh thường người khác, thoả mãn niềm vui cho mình đã gây ra hậu quả khôn lường, phải ân hận suốt đời.  **-** Không nên kiêu căng, coi thường người khác.  - Không nên xốc nổi, nghịch dại   * Biết yêu thương, chia sẻ.   **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Nghệ thuật miêu tả sinh động  - cách kể chuyện tự nhiên, hấp dẫn  - Ngôn ngữ chính xác, giàu tính tạo hình  - Sử dụng biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa  **2. Nội dung- ý nghĩa**  + Dế Mèn có vẻ đẹp cường tráng nhưng tính nết còn kiêu căng, xốc nổi.  + Do bày trò trêu chị Cốc dẫn dến cái chết thảm thương của Dế Choắt  + Dế Mèn ân hận và rút ra bài học đường đời đầu tiên  **3. Bài học:**  - Không quá đề cao bản thân rồi rước hoạ.  - Cần biết lắng nghe, quan tâm, giúp đỡ mọi người xung quanh. |

**Sau đọc hiểu (Tổng kết)**

**a. Mục tiêu:**

- HS tự rút ra được đặc sắc về nghệ thuật, nội dung ý nghĩa của VB “Bài học đường đời đầu tiên”

**b.** **Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| --- | --- |
| **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** thảo luận nhóm bàn để trả lời câu hỏi:  +Nhận xét về đặc sắc nghệ thuật và sức cuốn hút của tác phẩm? Nội dung, ý nghĩa của văn bản?  + Em học tập được gì từ nghệ thuật miêu tả và kể chuyện của Tô Hoài trong văn bản này?  **\* GV hỏi thêm:** Những dấu hiệu nào giúp em nhận biết *Bài học đường đời đầu tiên* là truyện đồng thoại?  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  - Văn bản mang đặc điểm truyện đồng thoại:  + Nhân vật là các loài vật đã được nhân hoá: trong văn bản *Bài học đường đời đầu tiên* có các nhân vật là Dế Mèn, Dế Choắt, Chị Cốc, chị Cào Cào.  + Thể hiện đặc điểm sinh hoạt của loài vật:  + Ngoại hình của Dế Mèn được miêu tả bằng những chi tiết đặc trưng cho loài dế: râu, đôi càng, đôi cánh, đầu, cái răng đen.  + Hành động của Dế Mèn như đạp phanh phách lên ngọn cỏ, đào hang… | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Kể chuyện kết hợp với miêu tả.  - Xây dựng hình tượng nhân vật Dế Mèn gần gũi với trẻ thơ, miêu tả loài vật chính xác, sinh động.  - Các phép tu từ .  - Lựa chọn ngôi kể, lời văn giàu hình ảnh, cảm xúc.  - Văn bản mang đặc điểm truyện đồng thoại.  **2. Nội dung:**  - Vẻ đẹp cường tráng của Dế Mèn. Dế Mèn kiêu căng, xốc nổi gây ra cái chết của Dế Choắt. Dế Mèn hối hận và rút ra bài học cho mình.  - Bài học về lối sống thân ái, chan hòa; yêu thương giúp đỡ bạn bè; cách ứng xử lễ độ, khiêm nhường; sự tự chủ; ăn năn hối lỗi trước cử chỉ sai lầm... |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** (Thực hiện được các bài tập nhằm hoàn thiện kiến thức vừa lĩnh hội).

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi, hoàn thiện phiếu học tập.

**c. Sản phẩm**: Phiếu học tập đẫ hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

**\* Bước 1.GV chuyển giao nhiệm vụ:**

**Nhiệm vụ 1**. Dựa vào gợi ý trong bảng dưới đây, em hãy tìm một vài câu thể hiện lời kể của Dế Mèn (lời kể xưng “tôi”) và lời đối thoại của Dế Mèn với nhân vật khác. (Phiếu học tập số 3)

| **Lời kể của Dế Mèn** | **Lời đối thoại của Dế Mèn** |
| --- | --- |
| Một tai họa đến mà đứa ích kỉ thì không thể biết trước được. Đó là không trông thấy tôi, nhưng chị Cốc đã trông thấy Dế Choắt... | IV. Luyện tập  - Sợ gì? Mày bảo tao sợ cái gì? Mày bảo tao biết sợ ai hơn tao nữa!  (Dế Mèn đối thoại với Dế Choắt) |
| ...... | ...... |
| ..... | ....... |

**\* Bước 2.Thực hiện nhiệm vụ.**

**\* Bước 3. Báo cáo sản phẩm.**

**\* Bước 4. Chuẩn kiến thức**

**Dự kiến sản phẩm:**

| **Lời kể của Dế Mèn** | **Lời đối thoại của Dế Mèn** |
| --- | --- |
| - Tôi tợn lắm. Dám cà khịa với tất cả mọi bà con trong xóm.  - Ngẫm ra thì tôi chỉ nói lấy sướng miệng thôi. Còn Dế Choắt than thở thế nào, tôi không để tai. Hồi ấy, tôi có tính tự đắc, cứ miệng mình nói tai mình nghe chứ không biết ai nghe, thậm chí cũng chẳng để ý có ai nghe mình không. | - Được, chú mình cứ nói thẳng thừng ra nào.  - Hức! Thông ngách sang nhà ta? Dễ nghe nhỉ, chú mày hôi như cú mèo thế này, ta nào chịu được.  - Chú mình có muốn cùng tớ đùa vui không?  (Lời của Dế Mèn với Dế Choắt) |

**Nhiệm vụ 2**. GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Rung chuông vàng (game mini) thông qua trả lời câu hỏi trắc nghiệm.

\* Bước 1: Gv phổ biến luật chơi.

- Mỗi người sẽ có 4 tấm thẻ (Mỗi tấm thẻ 1 màu)

+ Xanh: Đáp án A.

+ Đỏ: Đáp án B.

+ Tím: Đáp án C.

+ Vàng: Đáp án D

**\* Bước 2.** GV đọc từng câu hỏi.

**\* Bước 3.** HS chọn đáp án bằng cách giơ tấm thẻ có màu tương ứng đã quy ước.

**\* Bước 4.** Công bố kết quả

- Nếu chọn sai đáp án thì ngồi xuống và vĩnh viễn mất quyền chơi.

- Người thắng cuộc là người ngồi xuống sau cùng.

**Các câu hỏi như sau:**

**Câu 1**: Đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* được trích từ tác phẩm nào?

A. Đất rừng phương Nam.

B. Dế Mèn phiêu lưu kí.

C. Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng.

D. Những năm tháng cuộc đời.

**Câu 2:** Đoạn trích nằm ở phần nào của tác phẩm?

A. Chương I B. Chương III C. Chương VI D. Chương X

**Câu 3**: Hai nhân vật chính trong đoạn trích trên là ai?

A. Mẹ Dế Mèn và Dế Mèn.

B. Dế Mèn và chị Cốc.

C. Dế Mèn và Dế Choắt.

D. Chị Cốc và Dế Choắt.

**Câu 4**: Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là

A. Tự sự B. Biểu cảm C. Miêu tả D. Nghị luận

**Câu 5:** Đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* được kể lại theo lời

A. Dế Mèn. B. Chị Cốc. C. Dế Choắt. D. Tác giả.

**Câu 6**: Tác giả đã khắc họa vẻ ngoài của Dế Mèn như thế nào?

A. Ốm yếu, gầy gò và xanh xao.

B. Khỏe mạnh, cường tráng và đẹp đẽ.

C. Mập mạp, xấu xí và thô kệch.

D. Thân hình bình thường như bao con dế khác.

**Câu 7**: Tính cách của Dế Mèn trong đoạn trích *Bài học đường đời đầu tiên* như thế nào?

A. Hiền lành, tốt bụng và thích giúp đỡ người khác.

B. Khiêm tốn, đối xử hòa nhã với tất cả các con vật chung quanh,

C. Hung hăng, kiêu ngạo, xem thường các con vật khác.

D. Hiền lành và ngại va chạm với mọi người.

**Câu 8**: Bài học đường đời đầu tiên mà Dế Mèn rút ra được qua cái chết của Dế Choắt là gì?

A. Không nên trêu ghẹo những con vật khác, nhất là họ hàng nhà Cốc.

B. Nếu có ai nhờ mình giúp đỡ thì phải nhiệt tâm thực hiện, nếu không có ngày mình cần thì sẽ không có ai giúp đỡ.

C. Ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào thân.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a.Mục tiêu:** (phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học).

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

**\* Bước 1.** GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: Hiện nay, trong cuộc sống, đặc biệt là trong lớp học vẫn còn hiện tượng " Dế Mèn". Giả sử em gặp những hiện này, em sẽ nói với bạn như thế nào? Em rút ra được bài học ứng xử như thế nào cho bản thân qua câu chuyện Dế Mèn?

HS thực hiện nhiệm vụ.

**\*Bước 2**: Nhận xét sản phẩm, bổ sung.

**\* Bước 3**: Chuẩn kiến thức.

**\* Bước 4:** chuẩn kiến thức.

**\* Gợi ý:**

- Qua câu chuyện của Dế Mèn khiến chúng ta hiểu vì Dế Mèn mới lớn, sống trong một thế giới nhỏ bé, quanh quẩn gồm những người hiền lành nên đã lầm tưởng sự ngông cuồng là tài ba của mình, có thái độ kiêu căng, tự phụ, xốc nổi. Đây cũng là những lỗi lầm dễ mắc phải ở những người tuổi mới lớn.

- Thái độ cần có trước những lỗi lầm: chúng ta phải biết nhận ra và sửa chữa những sai lầm mà mình mắc phải, phải tự trọng, biết nghiêm khắc trước những thiếu xót của mình.

| Ngày soạn | 9/9/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 13/9/2022 | 13/9/2022 | 14/9/2022 |

**Tiết 6: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Biết chủ động tìm kiếm, củng cố lại kiến thức về kiến thức tiếng Việt đã học: từ đơn, từ phức; Nghĩa của từ và PPTT so sánh.

- Lựa chọn hình thức, phương tiện giao tiếp phù hợp; biết thảo luận, đánh giá về nội dung bài học.

- Giải quyết vấn đề một cách chủ động, sáng tạo.

**b. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân biệt được từ đơn, từ ghép, từ láy và chỉ ra được các từ loại trong VB.

- Giải nghĩa và phân biệt được nghĩa của từ. Từ đó thấy được sáng tạo trong việc sử dụng từ.

- Nhận biết và phân tích được tác dụng của biện pháp so sánh.

**2. Về phẩm chất**

- Chăm chỉ: có hứng thú học tập, tinh thần tự học.

- Trách nhiệm: Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV:** SGK, máy tính, máy chiếu, phiếu HT, giấy a4, bảng phụ .

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, vở ghi, sự chuẩn bị ở nhà của HS

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:**

**-** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

**b. Nội dung**: GV sử dụng PP nêu vấn đề, gợi mở, đưa câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập**: Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ học tập**

**-** GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi ghép các từ ở cột phải với các từ ở cột trái để miêu tả Dế Mèn cho phù hợp ( GV treo bảng phụ)

| **Cột A** | **Cột B** |
| --- | --- |
| vuốt | nhọn hoắt |
| Cánh | hủn hoẳn |
| người | rung rinh |
| Rang | đen nhánh |
|  | bóng mỡ |
|  | ngoàm ngoạp |

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời.

**B3: Báo cáo, thảo luận**: câu trả lời của HS

**B4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét câu trả lời của HS. Từ chia sẻ đó, GV dẫn dắt vào bài học mới*: Ở Tiểu học, các em đã được học về tiếng và từ, từ tiếng Việt có thể do một hoặc nhiều tiếng tạo thành. Tuy nhiên để giúp các em có thể hiểu sâu hơn và sử dụng thành thạo hơn từ tiếng việt, cô sẽ hướng dẫn cả lớp tìm hiểu trong bài Thực hành tiếng* *Việt.*

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các khái niệm: Từ đơn, từ phức; nhận biết nghĩa của từ; BP so sánh và tác dụng.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

- GV sử dụng PP nêu vấn đề, đàm thoại gợi mở, phiếu HT, thảo luận nhóm.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1:**  **B1: Giao nhiệm vụ học tập**  - Chia nhóm lớp & đặt câu hỏi:  - Giao nhiệm vụ:  ? Hãy kẻ bảng và điền các từ in đậm trong đoạn văn ở BT 1 vào 2 cột: từ đơn, từ phức?  ? Em có nhận xét gì về các từ ở 2 cột?  ? Em nhận thấy từ ghép và từ láy có gì giống và khác nhau?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: Kẻ bảng điền từ và hoàn thiện bảng.  **GV** hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **-** HS trình bày sản phẩm thảo luận   * GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.   **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.  Chuyển dẫn sang phần tiếp theo.  **2. Nhiệm vụ 2:**  **B1: Giao nhiệm vụ học tập**  **-** Yêu cầu HS xác định yêu cầu của bài số 4 (sgk/20)  - Làm bài tập và rút ra nội dung cần ghi nhớ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.  - Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả  - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  - HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau.  **3. Nhiệm vụ 3**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **-** Thảo luận nhóm bàn 5’  - GV chiếu câu hỏi:  ? Tìm 1 câu văn có hình ảnh so sánh trong văn bản Dế Mèn phiêu lưu kí ?  ? Những sự vật, sự việc nào  được so sánh với nhau?  ? Dựa vào cơ sở nào để có thể so sánh như vậy?  ? So sánh như thế nhằm mục đích gì? (Hãy so sánh với câu không  dùng phép so sánh)  ? Từ đó rút ra thế nào là phép tu từ so sánh?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** đọc SGK và trả lời các CH  **GV** gợi ý, hướng dẫn HS trả lời.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm.  **GV** yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức và chuyển dẫn vào HĐ sau. | **I. Bài học**  **1. Từ đơn và từ phức**   | **Từ đơn** | **Từ phức** | | | --- | --- | --- | | Tôi, nghe, người | - Bóng mỡ, ưa nhìn  - Hủn hoẳn, phành phạch, giòn giã, rung rinh | | | **Từ ghép** | **Từ láy** | |  | Bóng mỡ, ưa nhìn | - Hủn hoẳn, phành phạch, giòn giã, rung rinh |   ***=> Khái niệm từ đơn và từ phức***  *- Từ đơn do một tiếng tạo thành,*  *- Từ phức do hai hay nhiêu tiếng tạo thành và phân thành 2 loại:*  + Từ ghép là những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có nghĩa với nhau.  + Từ láy là những từ phức được tạo ra nhờ phép láy âm *(các tiếng có quan hệ với nhau về âm).*  **2. Nghĩa của từ**  - *Nghèo*: không có hoặc có rất ít về vật chất (VD: Nhà nó rất nghèo.)  - *Nghèo sức*: khả năng hoạt động, làm việc hạn chế.  - *Mưa dầm sùi sụt*: mưa nhỏ, rả rích, kéo dài không dứt.  - *Điệu hát mưa dần sùi sụt*: điệu hát nhỏ, kéo dài, buồn, ngậm ngùi, thê lương.  => nghĩa của từ là nội dunng mà từ biểu thị  - Để giải thích nghĩa:  + Nghĩa thông thường: dựa vào từ điển.  + Nghĩa chuyển (nghĩa phát triển thêm của từ) cần dựa vào nghĩa của các từ đứng trước hoặc sau nó  **3. Biện pháp tu từ so sánh**  **VD:**  **-** *Hai cái răng* đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp **như** *hai lưỡi liềm máy* làm việc.  🡪 Nhấn mạnh Dế Mèn đang ở tuổi ăn, tuổi lớn, đầy sức sống, khoẻ mạnh.  - *Mỏ Cốc*  như *cái dùi sắt*, chọc xuyên cả đất.  🡪 Cho thấy sự tức giận, sức mạnh đáng sợ của chị Cốc khi mổ Dế Choắt.  *=>So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng (giống nhau) Tác dụng: tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.* |

**3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu*:*** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

**b. Nội dung**: Sử dụng PP thảo luận, làm việc nhóm, suy nghĩ cá nhân.

**c. Sản phẩm*:*** Đáp án đúng của bài tập

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1:**  **B1: Giao nhiệm vụ học tập**  **-** GV yêu cầu HS đọc bài tập 2 và làm vào vở -> gọi 4 HS lên bảng làm.   * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS thảo luận câu hỏi  - Dự kiến sản phẩm  **B3: Báo cáo, thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  Ghi lên bảng  - GV củng cố lại kiến thức vê từ loại cho HS.  **2. Nhiệm vụ 2**  **B1: Giao nhiệm vụ học tập**  - Chia 3 nhóm tương ứng với 3 câu.  - GV yc HS đọc BT 3 -> thảo luận nhóm -> đại diện nhóm TB  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Dự kiến sản phẩm:  + Các từ láy: phanh phách, ngoàm ngoạp, dún dẩy  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đại diện nhóm TB kết quả  - HS khác lắng nghe, nx  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức -> Ghi lên bảng  **3. Nhiệm vụ 3**  **B1: Giao nhiệm vụ học tập**  - YC HS đọc yc BT 5 (sgk/20)  - Gọi 3 HS lên bảng đặt 3 câu tương ứng -> HS dưới lớp làm vào vở.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.  - Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả  - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  - HS báo cáo sản phẩm  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau. | **II. Luyện tập**  **1. Bài 2 (sgk/20)**  **-** Một số từ láy mô phỏng âm thanh: phanh phách, phành phạch, ngoàm ngoạp, văng vẳng...  **2. Bài 3 (sgk/20)**  - Phanh phách: âm thanh phát ra do một vật sắc tác động liên tiếp vào một vật khác.  - Ngoàm ngoạp: nhiêu, liên tục, nhanh  - Dún dẩy: điệu đi nhịp nhàng, ra vẻ kiểu cách.  => khiến cho Dế Mèn hiện lên sinh động. Nhấn mạnh vẻ đẹp cường tráng, mạnh mẽ, đầy sức sống của Dế Mèn. Qua đó Dế Mèn bộc lộ niềm tự hào ở chính mình.  **3. Bài 5 (sgk/20)**  - Câu do HS đặt (câu đúng, nếu sai 🡪 GV giúp HS sửa lại).  Vd: |

**4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*\* Dành cho HSKG: GV yêu cầu HS:* viết đoạn văn (5 – 7 câu) nêu suy nghĩ của em vê nhân vật Dế Mèn trong VB Bài học đường đời đầu tiên. Chỉ ra từ đơn, từ phức (ghép, từ láy) có sử dụng trong đoạn văn

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV: KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| - Hình thức hỏi- đáp  - Thuyết trình sản phẩm | **-** Phù hợp với mục tiêu, nội dung.  - Hấp dẫn, thu hút được sự tham gia tích cực của HS | **-** Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Báo cáo công việc.  - Trao đổi, thảo luận |  |

| Ngày soạn | 10/9/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày giảng | 14/9/2022  17/9/2022 | 17/9/2022  19/9/2022 | 17/9/2022  19/9/2022 |

**Tiết 7+8: Văn bản (2): NẾU CẬU MUỐN CÓ MỘT NGƯỜI BẠN**

**( *Trích Hoàng tử bé- Ăng-toan đơ Xanh- tơ Ê- Xu-pe-ri)***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

**-** Biết chủ động tìm kiếm các thông tin liên quan đến nội dung văn bản.

- Có khả năng phân tích các nguồn thông tin liên quan đến văn bản để từ đó có thể hiểu rõ hơn về các thông điệp ẩn chứa trong tác phẩm.

- Biết lựa chọn nội dung và hình thức giao tiếp phù hợp; biết thảo luận, lập luận và đánh giá được giá trị nội dung, nghệ thuật của VB.

- Giải quyết vấn đề một cách sáng tạo và linh hoạt.

**b. Năng lực đặc thù**

**-** HS nhận biết được các chi tiết miêu tả lời nói, cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật Hoàng tử bé và cáo; bước đầu biết phân tích một số chi tiết tiêu biểu để hiểu đặc điểm nv.

-  HS nhận biết được những yếu tố cơ bản làm nên sức hấp dần của truyện đồng thoại trong VB: nhân vật cáo (được nhân cách hóa) – vừa mang đặc tính loài vật, vừa mang đặc

tính của con người; ngôn ngữ đối thoại sinh động, giàu chất tưởng tượng( hoàng tử bé đến từ một hành tinh khác, con cáo có thể nói chuyện, kết bạn với con nguời…)

- Cảm nhận được ý nghĩa của tình bạn, có ý thức, trách nhiệm với những gì mình gắn bó, yêu thương.

- Phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**2. Về phẩm chất:**

- *Chăm chỉ:* Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.

*- Trách nhiệm:* Có ý thức rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, chan hoà, khiêm tốn; trân trọng tình bạn, tôn trọng sự khác biệt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của Giáo viên**: Sách giáo khoa, phiếu học tập, Máy tính, máy chiếu.

**2. Chuẩn bị của HS**: Đọc, chuẩn bị bài

**III.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỞ ĐẦU:**

**a. Mục tiêu**: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

**b. Nội dung hoạt động**: HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

**d. Tổ chứchoạt động**:

**B1: Giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi:

*?* ***Em và bạn đã làm quen với nhau như thế nào?***

***? Cảm xúc của em khi nghĩ về người bạn thân của mình.***

**B2***:*  **Thực hiện nhiệm vụ:** Hs quan sát và trả lời câu hỏi.

**B3: Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả (cá nhân).

**B4: Kết luận, nhận định**

**-** Từ chia sẻ của HS-> Gv dẫn dắt vào bài:

*“ Tình bạn có vai trò vô cùng quan trong trong cuộc sống này. Tình bạn nó như ánh sáng mặt trời soi tỏ tưới mát tâm hồn ta làm cho cuộc sống trở nên tươi đẹp hơn và hơn hết những người bạn thân là những người đã gắn bó, thân thiết với chúng ta, cùng nhau chia sẻ mọi niềm vui, nỗi buồn trong cuộc sống. Bài học hôm nay sẽ giúp các em hiểu hơn về giá trị tình bạn đối với mỗi con người”*

**2.HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản:**

**a.** **Mục tiêu**: Giúp HS:

- Trình bày được những nét cơ bản về cuộc đời, sự nghiệp của *tác giả.*

- Trình bày được cơ bản phong cách sáng tác của tác giả, những tác phẩm tiêu biểu.

**b.** **Nội dung**:

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi tìm hiểu về tác giả.

- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm học tập**: Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1:**  **B1: Giao nhiệm vụ học tập:**  ? Trình bày những hiểu biết chung của em về tác giả Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri?  (Gợi ý: *Tiểu sử, cuộc đời, sự nghiệp văn chương, các tác phẩm chính*.)  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc và tìm thông tin.  **B3: Báo cáo ,thảo luận**  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình.  **GV bổ sung**: *Antoine de Saint-Exupéry (1900-1944) là một nhà văn, một phi công người Pháp. Một tác giả có thể nói là độc nhất vô nhị trong lịch sử văn học thế giới khi là một phi công, một người lính, nhưng lại có đôi mắt và tâm hồn của nhà thơ.* ***Giải thưởng:*** *Huân chương Croix de Guerre (huân chương được nhà nước Pháp trao tặng cho các cá nhân hoặc đơn vị có thành tích trong Chiến tranh TG lần II)*  **2. Nhiệm vụ 2:**  **B1: Giao nhiệm vụ học tập.**  **- Chia nhóm, giao nhiệm vụ:**  ? Đoạn trích ***“Nếu cậu muốn có một người bạn”***  có xuất xứ từ đâu?  ? Truyện sử dụng ngôi kể nào? Dựa vào đâu em nhận ra ngôi kể đó? Lời kể của ai?  ? Văn bản thuộc thể loại nào? Dựa vào đâu em có nhận xét đó?  ? Nhân vật chính của truyện là ai?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc thông tin và làm việc cá nhân  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  GV nhắc lại từng câu hỏi, HS trả lời  **B4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét về thái độ & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau .  **3. Nhiệm vụ 3**  **B1: Giao nhiệm vụ học tập**  **- Hướng dẫn cách đọc :**  + Hình thức đọc **phân vai.**  + Đọc to, rõ ràng, rành mạch.  - Chú ý giọng đọc của từng nhân vật.  - Chú ý câu thể hiện suy nghĩ của Cáo và lời nhắc lại của Hoàng Tử Bé.  - Chú ý các hộp chỉ dẫn trong khi đọc.  - Gọi HS đọc văn bản , tóm tắt  Gọi HS đọc chú thích (Sgk)  ? Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc văn bản, tóm tắt, chia bố cục  **B3: Báo cáo, thảo luận**  Đọc, tóm tắt, chia bố cục.  **B4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét về cách đọc, tóm tắt, chia bố cục.  - Chốt và chuyển dẫn vào mục sau .  **Tóm tắt**: *Hoàng tử bé đến Trái Đất và nhìn thấy một vườn hoa hồng rực rỡ. Cậu cảm thấy buồn bã khi nghĩ đến bông hoa hồng ở hành tinh của mình. Thế rồi, một con cáo xuất hiện chào hỏi cậu. Hoàng tử bé đề nghị cáo đến chơi với mình. Nhưng cáo từ chối vì nó chưa được “cảm hóa”. Hoàng tử bé đã hỏi cáo “Cảm hóa có nghĩa là gì?”. Cáo đã chỉ cho hoàng tử bé cách cảm hóa, và rồi cả hai trở thành những người bạn. Trước khi chia tay, cáo khuyên hoàng tử bé hãy trở lại thăm vườn hoa hồng để hiểu ra bông hoa hồng của cậu là duy nhất trên đời. Sau đó, hoàng tử bé quay lại chào tạm biệt cáo và nhận được bài học ý nghĩa về tình bạn.* | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  -Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri (1900-1944)  - Là phi công và nhà văn lớn người Pháp.  - Cảm hứng: Hầu hết các tác phẩm của ông lấy cảm hứng từ những chuyến bay và cuộc sống của người phi công  **-** Các tác phẩm chính: Hoàng tử bé, Bay đêm, Cõi người ta…  **2.Tác phẩm:**  **-** Đoạn trích: ***“Nếu cậu muốn có một người bạn”*** (chương XXI) của tác phẩm **Hoàng tử bé** (tên tiếng Pháp: Le Petit Prince). Xuất bản năm 1943.  ***-* Ngôi kể**: ngôi thứ ba  **- Thể loại:** Truyện đồng thoại.  **- Nhân vật chính:** Hoàng tử bé và Cáo  **3. Đọc, tóm tắt.**  **a. Đọc-Tóm tắt:**  **b. Bố cục:** 3 phần  - P1: Từ đầu… *mình chưa được cảm hóa*: **Cuộc gặp gỡ giữa Hoàng tử bé và cáo**  - P2: *Tiếp theo ...duy nhất trên đời:* **kết bạn và sự cảm hóa của hoàng từ bé dành cho cáo.**  P3: *Phần còn lại*: **Chia tay và những bài học về tình bạn** |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản:**

**a) Mục tiêu**: Hs hiểu được diễn biến tâm trạng của nhân vật cáo qua 3 giai đoạn

**b) Nội dung**: HS trả lời câu hỏi, phiếu bài tập.

**c) Sản phẩm học tập**: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ, bằng phiếu học tâp.

**d) Tổ chức hoạt động:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1:**  **B1: Giao nhiệm vụ học tập:**  ? Hoàng tử bé đến từ đâu và gặp cáo trong hoàn cảnh nào?  ? Cáo gặp hoàng tử bé trong khi nó đang cảm nhận như thế nào về cuộc sống?  ? Cả hai nhân vật có đều mang tâm trạng gì  \* **Hoàn thiện phiếu HT số 1:**  ? Từ cuộc gặp gỡ của cáo và hoàng tử bé, em có rút ra được kinh nghiệm gì khi mình gặp gỡ 1 người bạn mới?  *( Thân thiện, lịch sự qua nụ cười, ánh mắt)*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc thông tin SGK để thực hiện nv.  - GV giúp đỡ HS ( nếu cần)  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trả lời câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau  Chúng ta thấy lịch sự, nhã nhặn, thân thiện, cởi mở là cơ sở để kết bạn nhưng chưa đủ.Vậy để tình bạn giữ hoàng tử bé và cáo trở nên hoàn thiện và tốt đẹp hơn còn cần điều gì nữa => tìm hiểu ở phần 2.  **( Hết tiết 1)**  **2. Nhiệm vụ 2:**  **B1: Giao nhiệm vụ**  HS thảo luận cặp đôi trả lời các câu hỏi sau:  ? Từ cảm hóa xuất hiện bao nhiêu lần trong đoan trích?  ? Theo như cáo giải thích cảm hóa có nghĩa là gì?  ? Khi Cáo hướng dẫn hoàng tử bé cảm hóa mình, em lại hiểu cảm hóa còn có nghĩa là gì nữa?  ? Qua đó em hiểu cảm hóa nghĩa là gì?  *\* Hoàn thiện phiếu HT số 2 để so sánh thái độ của cáo trước và sau khi được hoàng tử bé cảm hóa .*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận với bạn bên cạnh mình để trả lời câu hỏi và hoàn thành phiếu học tập số 2.  - GV giúp đỡ HS ( nếu cần)  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời, nhận xét, bổ sung  - Trình bày phiếu HT  **B4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau .  ( *nêu đặc điểm về truyện đồng thoại – nv cáo- vừa có đặc điểm của loài vật- vừa mang đặc đm của con người*)  **3. Nhiệm vụ 3**  **B1: Giao nhiệm vụ**  - GV chiếu câu hỏi:  ? khi chia tay hoàng tử bé, cáo đã có cảm xúc gì? cáo có hối tiếc về việc kết bạn với hoàng tử bé không?  ? Hoàng tử bé đã nhắc lại những lời nói nào của cáo để cho nhớ? Nêu cảm nhận về những câu nói đó?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Làm việc cá nhân 5 phút  - **GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Trình bày sản phẩm  **B4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét, chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau .  **4. Nhiệm vụ 4**  **B1: Giao nhiệm vụ học tập**  - Chia nhóm lớp theo bàn  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản ?  ? Ý nghĩa của văn bản.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:HS**:  -Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận:HS**:  - Đại diện nhóm trình bày kq, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. | **II. Đọc hiểu văn bản :**  **1. Cuộc gặp gỡ giữa Hoàng tử bé và cáo**  **- Hoàng tử bé:**  + Đến từ một hành tinh nhỏ bé và kì lạ  + Tâm trạng: Buồn bã và chán nản vô cùng  **Cáo:**  + Bị coi là tinh ranh và gian xảo  + Tâm trạng: Cô đơn và buồn chán, sợ hãi khi bị người săn đuổi.  -> **Cả hai nhân vật đều đang cô đơn, buồn bã và mong muốn tìm cho mình những người bạn.**  **-** Hoàng tử bé thân thiện, chân thành khiến cho cáo muốn được kết bạn  \* Bài học: Khi tiếp xúc với một người bạn mới quen cần thân thiện, cởi mở, chân thành và nhìn vào điểm tốt của bạn.  **2. Kết bạn (cảm hóa)**  **-** Cảm hóa xuất hiện 15 lần  \* Lời giải thích của cáo  - Cảm hóa -> làm cho gần gũi hơn (cần đến nhau hơn) -> kết bạn.  - Cảm hóa là kết nối tình cảm, dành thời gian tìm hiểu về nhau, kiên nhẫn làm thân với nhau.  => *cảm hóa là kết bạn, gắn kết tình cảm để hiểu nhau và cần đến nhau; là đón nhận đánh thức những điều đẹp đẽ, xóa bỏ mọi khoảng cách, để trở thành bạn bè, thấu hiểu và yêu thương nhau.*  \* Sự khác biệt về cuộc sống của cáo khi được hoàng tử bé cảm hóa.   | Cáo | Chưa đc cảm hóa | Nếu được cảm hóa | | --- | --- | --- | | Tiếng bước chân | Sợ hãi, chạy trốn | Vui thích, chủ động tiến lại gần | | Cánh đồng lúa mì | Không có ích gì | Thân thương, ấm áp, có ích | | Nhận định về cuộc sống | Buồn tẻ, quẩn quanh | Rực rỡ,ấm áp |   => giá trị của tình bạn: khiến cuộc sống tươi đẹp, hướng con người đến cái thiện.  **3. Hoàng tử bé chia tay cáo**  **a. Cáo**  - Cảm xúc: “Mình sẽ khóc mất”.  => Buồn nhưng không hối tiếc vì màu lúa mì làm cáo nhớ hoàng tử.  - Suy nghĩ: Cuộc sống tốt đẹp hơn và hạnh phúc hơn.  **b. Hoàng tử bé**  - Nhắc lại lời nói của cáo để cho nhớ:  + “ *Người ta chỉ thấy rõ với trái tim. Điều cốt lõi vô hình trong mắt trần*”  + *Chính thời gian mà bạn bỏ ra cho bông hoa hồng của bạn đã khiến nông hồng của bạn trở nên quan trọng đến thế*  *+ Bạn có trách nhiệm mãi mãi với những gì bạn cảm hóa. Bạn có trách nhiệm với bông hồng của bạn.*  **c. Món quà cáo dành tặng hoàng tử:**  + Bài học về cách kết bạn: cần thân thiện, kiên nhẫn, dành thời gian để cảm hóa nhau  + ý nghĩa của tình bạn: mang đến niềm vui, hạnh phúc, khiến cuộc sống trở nên phong phú, tươi đẹp  + bài học về cách nhìn nhận, đánh giá, trách nhiệm với bạn bè: biết thấy rõ trái tim, biết quan tấm, lắng nghe, thấu hiểu. sẻ chia, bảo vệ  **III.Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Kể kết hợp với miêu tả, biểu cảm  - Xây dựng hình tượng nhân vật phù hợp với tâm lí, suy nghĩ của trẻ thơ.  - Nghệ thuật nhân hoá đặc sắc., điệp ngữ.  **2. Nội dung**  **-** Kể về cuộc gặp gỡ bắt ngờ giữa hoàng tử bé và một con cáo trên Trái Đất. Cuộc gặp gỡ này đã mang đến cho cả hai những món quà quý giá.  **3.** **Ý nghĩa:**  Bài học về cách kết bạn cần kiên nhân và dành thời gian cho nhau; về cách nhìn nhận, đánh giá và trách nhiệm với bạn bè. |

**3.LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập

**b) Nội dung:** HS luyện đọc kĩ một đoạn trích trong văn bản và thực hiện các nhiệm vụ/trả lời các câu hỏi, bài tập để rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản.

**c) Sản phẩm học tập**: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ**

**- HS lựa chọn 1 trong 2 câu hỏi đề luyện tập:** *CH dành cho**HSKG*

? Tưởng tượng và viết đoạn văn ngắn 3- 5 câu miêu cảm xúc của nhân vật cáo sau khi từ biệt hoàng tử bé?

? Tưởng tượng và viết đoạn văn ngắn 3- 5 câu miêu cảm xúc của hoàng tử bé sau khi từ biệt cáo?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS:Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy.

**GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**HS** báo cáo kết quả, nhận xét, đánh giá

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**4. VẬN DỤNG:**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*GV yêu cầu HS* : Nhập vai nhân vật hoàng tử bé để ghi lại “nhật kí” vê cuộc gặp gỡ với người bạn mới.

**VI. KẾ HOACH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi**  **chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| * Hình thức hỏi – đáp * Thuyết trình sản phẩm. | * Phù hợp với mục tiêu, nội dung * Hấp dẫn, sinh động * Thu hút được sự tham gia tích cực của người học * Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | * Báo cáo thực hiện công việc. * Phiếu học tập * Hệ thống câu hỏi và bài tập * Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

Những điều gì ở hoàng tử bé khiến cáo mong muốn được kết bạn

| Lời chào hỏi |  |
| --- | --- |
| Lời khen |  |
| Bày tỏ mong muốn |  |
| Thái độ, cách nhìn đối với cáo |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

| Nhóm |  | Cuộc sống của cáo trước khi cảm hóa | Cuộc sống của cáo sau khi cảm hóa |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Cảm nhận của cáo về bước chân |  |  |
| 2 | Cảm nhận của cáo về đồng lúa mì |  |  |
| 3 | Nhận định của cáo về cuộc sống |  |  |

| Ngày soạn | 16/9/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 20/9/2022 | 20/9/2022 | 21/9/2022 |

**Tiết 9: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a.Năng lực chung:**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: Nhận biết và nêu tác dụng của một số biện pháp tu từ đặc sắc trong VB Nếu cậu muốn có một người bạn...

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Nhận biết và nêu tác dụng của một số biện pháp tu từ đặc sắc trong VB Nếu cậu muốn có một người bạn...

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Nhận diện và phân tích các phép tu từ từ vựng so sánh, nhân hóa, điệp ngữ.

- Nhận biết được được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó; tích cực hóa vốn từ.

**2.Về phẩm chất:**

- *Chăm chỉ:* Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.

*- Trách nhiệm:* Giữ gìn sự trong sáng của tiếng việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Chuẩn bị của giáo viên: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập, máy tính, máy chiếu, bảng phụ

**2**. Chuẩn bị của HS: sgk, vở soạn

**III. Tiến trình dạy học.**

**MỞ ĐẦU:**

**a) Mục tiêu**: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

**b) Nội dung hoạt động**: HS chơi trò chơi Ai nhanh hơn.

**c) Sản phẩm học tập**: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

**d) Tổ chứchoạt động**:

**B1: Giao nhiệm vụ học tập**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:* Khi gặp một từ khó, không hiểu nghĩa, em sẽ có cách nào để hiểu được nghĩa của từ?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

*-HS tiếp nhận nhiệm vụ. Dự kiến sản phẩm:* Tra từ điển, đoán nghĩa của từ dựa vào câu văn, đoạn văn mà từ đó xuất hiện.

**B3: Báo cáo, thảo luận**: HS trình bày câu trả lời

**B4: Kết luận, nhận định**

*Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Trong vốn tiếng việt phong phú và đa dạng, có nhiêu từ ngữ đa nghĩa. Vậy để hiểu được nghĩa của từ có những cách nào, chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a) Mục tiêu:** Hình thành, củng cố kiến thức về một số biện pháp tu từ , từ vựng và nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó

**b) Nội dung:** **HS** Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm bàn để hoàn thiện nhiệm vụ về nghĩa của yếu tố Hán Việt thông dụng, biện pháp tu từ. Từ đó hoàn thành bài tập.

**c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1.Nhiệm vụ 1:**  **B1: Giao nhiệm vụ học tập:**  ? Các tiếng Nam, quốc, sơn,hà nghĩa là gì? Tiếng nào dùng như 1 từ đơn để đặt câu? Tiếng nào không?  (Cô ấy người miền Nam).  (Cụ ấy là người yêu quốc; con cá đang bơi dưới hà…)  -Yếu tố Hán Việt thường được dùng để tạo thành từ ghép như:  + Sơn (núi) và hà (sông) trong từ Sơn Hà  + Bất (không) và công (công bằng) trong từ bất công.  + Phi (không) và nghãi (lẽ phải, đạo lí) trong từ Phi nghĩa.  -Yếu tố Hán Việt dùng độc lập như : hoa (bộ phận của cây), học (quá trình tiếp thu kiến thức), lợi (những điều có ích, có công dụng tốt), số (lượng nhiều hay ít của một sự vật)…  - **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh:suy nghĩ , trả lời  **B3:Báo cáo, thảo luận**  HS trình bày kết quả, nhận xét, bổ sung  **B4:Kết luận, nhận định**  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **2. Nhiệm vụ 2:**  **B1: Giao nhiệm vụ học tập:**  Hoạt động nhóm bàn trong 5 phút:  **-**HS hoàn thiện phiếu học tập số 1 -> Gv treo bảng phụ -> hs lên bảng điền  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh suy nghĩ và thảo luận, hoàn thiện phiếu  **B3: Báo cáo, thảo luận**  HS trình bày kết quả.   | **Cấu tạo phép tu từ so sánh:** | | | | | --- | --- | --- | --- | | **Vế A**  (Vế được so sánh) | **Phương diện so sánh** | **Từ so sánh** | **Vế B**  (Vế dùng để so sánh) | | Tiếng suối  Bóng Bác | Trong  ấm | như  hơn | tiếng hát xa  ngọn lửa hồng. | | **Có hai kiểu so sánh**  + So sánh không ngang bằng: từ so sánh là “hơn”, “kém”, “ chằng bằng”, “không bằng”  + So sánh ngang bằng: Từ so sánh là: như, như là, dường như… | | | |   - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  **B4: Kết luận, nhận định**  - Giáo viên nhận xét, đánh giá | **I. Bài học**  **1. Nghĩa của một số Hán Việt thông dụng**  **- Tiếng để cấu tạo từ Hán Việt gọi là yếu tố Hán Việt:**  + Thường dùng tạo từ ghép (vd: sơn hà, thiên thư…)  **+** Dùng độc lập (vd: hoa, quả…)  - Để giải nghĩa từ Hán Việt có thể giải nghĩa từng thành tố cấu tạo nên từ ( vd: sơn hà => sông/núi)  **2. Cấu tạo, các kiểu so sánh**  **- Cấu tạo đầy đủ của phép tu từ so sánh:**  + Vế được so sánh (vế A)  + Phương diện so sánh  + Từ so sánh  + Vế dùng để so sánh (vế B)  -  **Hai kiểu so sánh:**  + So sánh không ngang bằng: từ so sánh là “hơn”, “kém”, “ chằng bằng”, “không bằng”  + So sánh ngang bằng: Từ so sánh là: như, như là, dường như… |

**3. LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

**b) Nội dung**: HS luyện đọc kĩ một đoạn trích trong văn bản và thực hiện các nhiệm vụ/trả lời các câu hỏi, bài tập để rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản.

**c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1.Nhiệm vụ 1:**  **B1: Giao nhiệm vụ học tập:**  GV yêu cầu HS đọc và làm BT số 1: Tìm và giải thích nghĩa một sô từ có mô hình cấu tạo như từ cảm hóa:  ***Cảm hóa:*** dùng tình cảm tốt đẹp làm cho đối tượng nào đó cảm phục mà nghe theo, làm theo, chuyển biến theo hướng tích cực.  **GV cho HS thảo luận theo nhóm bàn**  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh:suy nghĩ và trao đổi, trình bày  **B3:Báo cá, thảo luận**: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  **B4: Kết luận, nhận định:**  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, củng cố kiến thức về nghĩa của từ cho HS  **2. Nhiệm vụ 2:**  **B1: Giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS đọc và làm bài tập số 2:  GV hướng dẫn HS dựa vào câu văn chứa từ và phần chú thích để giải thích nghĩa của các từ: đơn điệu, cốt lõi, kiên nhẫn.  **B2**: **Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh:suy nghĩ và trao đổi, trình bày  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  **B3: Báo cáo, thảo luận**: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  **B4: Nhận định, kết luận:**  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, củng  **3.Nhiệm vụ 3:**  **B1: Giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS đọc và làm bài tập số 3  - Chỉ ra và nêu tác dụng của BPTT so sánh?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh:suy nghĩ và trao đổi, trình bày  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  **B3. Báo cáo, thảo luận**: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  **B4. Kết luận, đánh giá**  - Giáo viên nhận xét, đánh giá.  **4. Nhiệm vụ 4:HSKG**  **B1: Giao nhiệm vụ:**  Gv hướng dẫn HS tìm hiểu và thực hiện yêu cầu của bài tập 4: Phép tu từ điệp ngữ và tác dụng của điệp ngữ.  **B2.Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh:suy nghĩ , trình bày  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  **B3. Báo cáo, thảo luận**: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  **B4. Kết luận, nhận định**  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **5.Nhiệm vụ 5:**  **B1: Giao nhiệm vụ:**  Gv hướng dẫn HS viết đoạn văn cảm nhận về nhân vật hoàng tử bé hoặc cáo trong VB *Nếu cậu muốn có một người bạn,* sử dụng ít nhất 2 từ ghép, 2 từ láy. **:**  Yêu cầu:  - Dung lượng đoạn văn từ 5-7 câu  - Nội dung của đoạn văn cảm nhận về nhân vật hoàng tử bé hoặc cáo trong VB *Nếu cậu muốn có một người bạn*  - Đoạn văn sử dụng ít nhất 2 từ ghép, 2 từ láy  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh:suy nghĩ , viết đoạn văn  - Giáo viên: quan sát  **B3. Báo cáo, thảo luận**: HS trả đọc đoạn văn. HS khác  **B4. Kết luận, nhận định**  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  \**HSKG: Đặt câu có sử dụng BPTT so sánh và nếu tác dụng* | **II. Luyện tập**  **Bài 1 SGK trang 26: Tìm và giải thích nghĩa một sô từ có mô hình cấu tạo như từ cảm hóa:**  - Từ có yếu tố ***hóa*** được hiểu theo nghĩa là "trở thành, làm cho trở thành hay làm cho tính chất mà trước đó chưa có":  - Từ Hán Việt theo mô hình như từ cảm hóa: **tha hóa, xã hội hóa, nhân cách hóa, đồng hóa, trẻ hóa, hiện đại hóa, công nghiệp hóa,...**  - ***Tha hóa:*** biến thành cái khác, mang đặc điểm trái ngược với bản chất vốn có.  - ***Nhân cách hóa:*** gán cho loài vật hoặc vật vô tri hình dáng, tính cách như con người (một biện pháp tu từ).  - ***Công nghiệp hóa*:** là quá trình phát triển nâng cao tỉ trọng của ngành công nghiêp của một vùng hay một quốc gia.  **Bài 2 SGK trang 26**  Giải thích nghĩa các từ , sau đó đặt câu:  - ***Cốt lõi:*** cái chính và quan trọng nhất  - ***Đơn điệu:*** chỉ có một sự lặp đi lặp lại, ít thay đổi. Cuộc sống đơn điệu.  -  ***Kiên nhẫn:*** bến bỉ, nhẫn nại dẫu có gặp khó khăn, trở ngại.  VD:  - Điều cốt lõi của tình bạn là trân trọng và yêu thương lẫn, giúp đỡ nhau.  - Tôi rất kiên nhẫn mỗi khi làm bài tập.  - Bản nhạc này thật đơn điệu.  **Bài 3 (sgk/26)**  **-** So sánh tiếng bước chân của hoàng tử bé với tiếng nhạc=> tiếng bước chân của hoàng tử bé là âm thanh gần gũi, quen thuộc, ấp áp đối với cáo. Nhờ tình bạn, sự gắn bó, yêu thương khiến những điều tưởng chừng như nhạt nhẽo “ai cũng giống ai” sẽ trở nên đặc biệt, ý nghĩa.  **Bài 4 SGK trang 26:** Những lời thoại được lặp đi lặp lại trong VB: Vĩnh biệt, Điều cốt lõi vô hình trong mắt trần, chính thời gian mà bạn bỏ ra cho bông hồng của bạn, bạn có trách nhiệm với bông hỗng của bạn...  => Những lời thoại lặp đi lặp lại như vậy vừa có tác dụng nhấn mạnh nội dung câu nói, vừa tạo tính nhạc, chất thơ cho văn bản.  **Bài 5 SGK trang 26**  **Tham khảo đv:** Nhân vật hoàng tử bé trong đoạn trích “*Nếu cậu muốn có một người bạn*…” gây ấn tượng cho người đọc bởi sự ngây thơ, tốt bụng và chân thành của mình. Cậu đã có những chuyến phiêu lưu qua nhiều hành tinh khác nhau trước khi đến Trái Đất. Ở trái đất, hoàng tử bé đã gặp được cáo vào đúng lúc cậu đang thất vọng và **Buồn bã** vì phát hiện ra một vườn hồng giống hệt với bông hồng duy nhất ở hành tinh của mình. Sau khi cáo bày tỏ **mong muốn** được cảm hóa, được kết bạn với hoàng tử bé thì hoàng tử bé đã sẵn lòng làm theo hướng dẫn của cáo để cám hóa cáo và biến cáo trở thành người đặc biệt của mình. Ở cuộc gặp gỡ này, hoàng tử bé không chỉ có thêm một người bạn mà cậu còn nhận được những bài học ý nghĩa về **tình bạn** nói chung. Người đọc cũng không khỏi cảm thấy yêu mến, **thích thú** trước những nét tính cách đáng yêu của hoàng tử bé  \* HS đặt câu |

**4. VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu**: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

**b) Nội dung hoạt động**: Thực hiện phiếu học tập, đặt câu

**c) Sản phẩm học tập**: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ:**

Tìm từ ghép các các yếu tố Hán Việt trong bảng sau. Sau đó hãy đặt ba câu có sử dụng một số từ Hán Việt tìm được ở bài tập trên.

*HSKG:* Đặt câu có sử dụng BPTT so sánh và nêu tác dụng?

| **STT** | **Yếu tố Hán Việt** | **Từ ghép Hán Việt** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Chân ( thật, đúng với hiện thực) |  |

| 2 | Hải ( biển) |  |
| --- | --- | --- |
| 3 | Đối ( đáp lại, ứng với) |  |

Dự kiến sp:

| **STT** | **Yếu tố Hán Việt** | **Từ ghép Hán Việt** |
| --- | --- | --- |
| 2 | Chân ( thật, đúng với hiện thực) | Chân thành, chân thật, chân lí, chân tướng, chân tình |
| 3 | Hải ( biển) | Hải đăng, hải cảng, hải đồ, hải khẩu, hải quân, hải sản |
| 4 | Đối ( đáp lại, ứng với) | Đối thoại, đối đáp, đối chiếu, đối đãi, đối lập, đối mặt , đối xứng |

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh:suy nghĩ , trình bày

- Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét

**B3. Báo cáo, thảo luận**:

HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá

**B4. Kết luận, nhận định**

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**VI. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

**RUBRIC ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM ĐOẠN VĂN**

| **Tiêu chí** | **Mức 3** | **Mức 2** | **Mức 1** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | - Đoạn văn có chủ đề rõ ràng, thống nhất.  - Các câu liên kết chặt chẽ.  - Sử dụng từ láy, từ ghép hợp lý, tự nhiên.  ***(5,5 - 7,0 điểm)*** | - Đoạn văn có chủ đề tương đối rõ ràng.  - Các liên kết khá chặt chẽ.  - Sử dụng từ láy, từ ghép tương đối hợp lý.  ***(3,0 - 5,25 điểm)*** | - Đoạn văn chưa rõ chủ đề.  - Các câu còn rời rạc.  - Có xuất hiện từ láy, từ ghép  ***(0 – 2,75 điểm)*** |
| **Hình thức** | - Diễn đạt linh hoạt, trôi chảy.  - Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.  ***(2,0 - 3,0 điểm)*** | - Diễn đạt rõ ràng.  - Mắc rất ít lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.  ***(1,25 – 1,75 điểm)*** | - Diễn đạt chưa rõ ràng.  - Mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.  ***(0 - 1,0 điểm)*** |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Hoàn thành phiếu học tập số 1**

**Cho hai ví dụ**

**-**Tiếng suối trong như tiếng hát xa.

- Bóng Bác cao lồng lộng

Ấm hơn ngọn lửa hồng

**Điền các từ ngữ chứa hình ảnh so sánh trong ví dụ trên vào bảng cấu tạo sau:**

| **Cấu tạo phép tu từ so sánh:** | | | |
| --- | --- | --- | --- |
| **Vế A**  ( Vế được so sánh) | **Phương diện so sánh** | **Từ so sánh** | **Vế B**  (Vế dùng để so sánh) |
|  |  |  |  |

? Từ mô hình trên em hãy cho biết có mấy kiểu so sánh.

| Ngày soạn | 15/9/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 20/9/2022 | 20/9/2022 | 21/9/2022 |

**Tiết 10: Văn bản (3): BẮT NẠT**

**( Nguyễn Thế Hoàng Linh)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Biết chủ động tìm hiểu, thu thập thông tin liên quan đến nội dung văn bản.

- Có khả năng nhận biết, xử lí và có thái độ đúng đắn trước hiện tượng bắt nạt.

- Biết lựa chọn nội dung và hình thức giao tiếp phù hợp, biết thảo luận,trao đổi thông tin trong quá trình tìm hiểu VB.

- Biết cách giải quyết vấn đề sáng tạo, linh hoạt.

**b. Năng lực đặc thù**

- Bước đầu nhận biết được đặc điểm khác nhau giữa VB truyện và VB thơ.

- Phân tích được các giá trị nội dung và nghệ thuật của VB Bắt nạt.

- Nhận biết được thông điệp mà VB hướng tới từ đó có thái độ đúng đắn trước hiện tượng bắt nạt.

- Rút ra bài học cho bản thân thông qua VB.

**2. Về phẩm chất**

- Chăm chỉ: có hứng thú học tập

- Nhân ái: biết chia sẻ,cảm thông và có thái độ đúng đắn góp phần xây dựng môi trường học đường lành mạnh, an toàn, hạnh phúc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** Máy tính, giáo án, sgk, giấy a4 để HS làm việc nhóm, phiếu HT.

**2. Chuẩn bị của HS:** Sgk, vở ghi, sự chuẩn bị ở nhà của HS

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu**

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung**

- HS chia sẻ kinh nghiệm, cảm xúc của bản thân.

**c. Sản phẩm**

- Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1: Giao nhiệm vụ HT**

- Chiếu cho HS xem những hình ảnh về *bắt nạt* trong trường học

? Quan sát và cho biết những hình ảnh này phản ánh điều gì? Em có suy nghĩ gì khi xem những hình ảnh này?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát và suy nghĩ trả lời câu hỏi

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**-** Trình bày ý kiến, suy nghĩ của bản thân

**B4: Kết luận, nhận định**

**-** GV nhận xét -> dẫn vào bài mới.

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**\*) Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu**: HS nêu được những nét chính về tác giả, tác phẩm

**b. Nội dung**:

- GV hướng dẫn HS đọc vb và trả lời câu hỏi

- HS sử dụng sgk đọc, và chắt lọc kiến thức để trả lời

**c. Sản phầm học tập**: HS trả lời câu hỏi

**d. Tổ chức thực hiện**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1:**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  **-** GV yêu cầu HS: đọc và giới thiệu vê tác giả và tác phẩm;  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B2:** **Thực hiện nhiệm vụ**   * HS đọc và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.   **B3: Báo cáo ,thảo luận**   * HS trình bày sản phẩm . * GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.   **B4: Kết luận, nhận định**  GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  Ghi lên bảng.  **2. Nhiệm vụ 2:**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV gọi hai HS đọc bài thơ.  *Giọng đọc nhẹ nhàng, khuyên nhủ, chú ý những câu có xuất hiện từ bắt nạt.*  - GV yêu cầu HS giải ghĩa của những từ khó: *híp-hóp, mù tạt*  *-* Xác định thể thơ của VB?  - VB được chia làm mấy phần? Nd từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS đọc VB, lắng nghe và xác định thể thơ và bố cục, nội dung từng phần?   **B3 : Báo cáo , thảo luận**   * HS trình bày sản phẩm   - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định.**   * GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến   thức => Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Tên: Nguyễn Thế Hoàng Linh (1982)  - Quê: Hà Nội  - Thơ viết cho trẻ em rất hồn nhiên, ngộ nghĩnh, trong trẻo, tươi vui.  **2. Tác phẩm**  - Trích từ tập thơ *Ra vườn nhặt nắng*;  Năm sáng tác: 2017.  **3. Đọc- kể tóm tắt**  \* Thể thơ: 5 chữ  \* Bố cục bài thơ Bắt nạt:  - Phần 1. Khổ 1: Thái độ về hành vi bắt nạt ( nêu vấn đề)  - Phần 2. Khổ 2, 3 và 4: Gợi ý việc làm tốt thay vì bắt nạt.  - Phần 3. Khổ 5, 6: Những đối tượng không nên bắt nạt  - Phần 4: Khổ 7, 8: Hành động bảo vệ người bị bắt nạt. |

**\* Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** HS trình bày và phân tíchđược nội dung, nghệ thuật của văn bản.

**b. Nội dung:** HS trả lời câu hỏi, phiếu BT

**c. Sản phẩm học tập**: HS tiếp thu kiến thức, câu trả lời và phiếu HT của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- | --- |
|  | **1. Nhiệm vụ 1:**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  **-** GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi với câu hỏi: GV chiếu câu hỏi.  ? Thái độ của nhân vật tớ được thể hiện ntn qua cách xưng hô, giọng điệu, ngôn ngữ lời nhắn gửi với các bạn bắt nạt và các bạn bị bắt nạt? Tìm các từ ngữ, chi tiết thể hiện điều đó?  - HS tiếp nhận nv  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi ra giấy a4  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sp  - Các nhóm khác nx, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.  **2. Nhiệm vụ 2:**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  - GV đặt câu hỏi:  ? Cụm từ “đừng bắt nạt” xuất hiện bao nhiêu lần trong bài thơ? Việc lặp lại như vậy có tác dụng gì?  ? Bài thơ nói chuyện bắt nạt mà vẫn ẩn chứa ý vị hài hước, em hãy chỉ ra một số biểu hiện của ý ị hài hước đó?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi * Nêu suy nghĩ bản thân   **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ->Ghi lên bảng.  **3. Nhiệm vụ 3**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  **- Phát phiếu HT- thảo luận nhóm bàn**  ? Nhân vật tớ đã đưa ra những gợi ý về những việc tốt nào để thay cho sự bắt nạt?  ? Những ai không nên bắt nạt? Vì sao?  ? Hành động bảo vệ người bị bắt nạt?  ? Bài học em rút ra cho bản thân?  *Qua đó em thay đổi cách ứng xử trước chuyện bắt nạt ntn? (CHNC- HSKG)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Thảo luận, trao đổi hoàn thành PHT  - Hs trình bày suy nghĩ của bản thân  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Trình bày sản phẩm  - Nhóm khác nx, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức => ghi bản  **4. Nhiệm vụ 4**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  - GV đặt câu hỏi: *Em hãy tổng kết nội dung và nghệ thuật của văn bản?*  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - HS khác nx, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kt => ghi bảng | **II. Đọc- hiểu văn bản**  **1. Thái độ của nhân vật “tớ”**  - Với các bạn bắt nạt:  + Thẳng thắn phê bình hành vi bắt nạt,  + Yêu cầu dùng thời gian quý giá của một ngày để làm những việc có ích.  - Với các bạn bị bắt nạt:  + Thể hiện sự gần gũi, tôn trọng  + Bênh vực và sẵn sàng giúp đỡ nếu họ tiếp tục bị bắt nạt.      - Nghệ thuật: điệp ngữ cụm từ “đừng bắt nạt”  nhắc nhở, thể hiện thái độ phủ định đối với thói xấu bắt nạt.  - Giọng điệu: hồn nhiên, dí dỏm, thân thiện.  **2. Lời khuyên của nv “tớ”**  - *Những việc có thể làm thay vì bắt nạt:*  + hát, nhảy híp-hóp, …  + Sẵn sàng bênh vực những người yếu đuối nhút nhát:  - *Những đối tượng không nên bắt nạt*  + Con người: người lớn, trẻ con, ai, đất nước  + Sự vật: mèo chó, cái cây  *- Hành động bảo vệ:*  + Bạn nào bắt nạt bạn/Cứ đưa bài thơ này”: muốn đánh vào nhận thức qua việc đọc bài thơ….  => Bắt nạt dễ lây, bắt nạt rất hôi, vì đó là hành vi xấu có thể ảnh hưởng đến sự phát triển của xã hội. **\* Bài học**: Cần đối xử tốt với bạn bè, có thái độ hoà đồng và đoàn kết, sẵn sàng giúp đỡ, bênh vực những bạn yếu hơn mình. Qua đó, chúng ta cần có thái độ đúng đắn trước hiện tượng bắt nạt, xây dựng môi trường học đường lành mạnh, an toàn, hạnh phúc. **III. Tổng kết**  **1. Nội dung- ý nghĩa**  - Bài thơ nói vê hiện tượng bắt nạt – một thói xấu cần phê bình và loại bỏ. Qua đó, mỗi người cần có thái độ đúng đắn trước hiện tượng bắt nạt, xây dựng môi trường học đường lành mạnh, an toàn,  hạnh phúc. **2. Nghệ thuật**  **-** Thể thơ 5 chữ.  - Điệp ngữ  - Giọng điệu: hồn nhiên, dí dỏm, thân thiện, khiến câu chuyện dễ tiếp nhận mà còn mang đến một cách nhìn thân thiện bao dung. |

**3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1: Giao nhiệm vụ**

**-** *GV yêu cầu HS:* GV chia lớp thành 3 nhóm, thảo luận và nêu ý kiến của mình trong các tình huống: GV chiếu TH hs quan sát.

***+ Tình huống 1:*** Nếu em bị bắt nạt, em im lặng chịu đựng, chống lại kẻ bắt nạt hay chia sẻ, tìm sự trợ giúp từ bạn bè, thầy cô, gia đình?

***+ Tình huống 2:*** Nếu chứng kiến chuyện bắt nạt: em thờ ơ, không quan tâm vì đó là chuyện không liên quan đến mình, có thể gây nguy hiểm cho mình hoặc “vào hùa” để cổ vũ hay can ngăn kẻ bắt nạt và bênh vực nạn nhân bị bắt nạt?

***+ Tình huống 3:*** Nếu mình là kẻ bắt nạt, em coi đó là chuyện bình thường, thậm chí là cách khẳng định bản thân hay nhận ra đó hành vi xấu cần từ bỏ, cảm thấy ân hận và xin lỗi người bị mình bắt nạt.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS suy nghĩ trả lời các tình huống

**B3: Báo cáo, thảo luận**: HS trình bày sản phẩm

**B4: Kết luận, nhận định**: GV nhận xét, chốt KT (cho điểm nếu HS trả lời tốt)

**4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b.Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d.Tổ chức thực hiện:**

*GV yêu cầu HS:* viết đoạn văn (5 – 7 câu) nêu suy nghĩ của em vê hiện tượng bắt nạt trong học đường.

**IV: KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **PP đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| * Hình thức hỏi – đáp   - Thuyết trình sản phẩm. | * Phù hợp với mục tiêu, nội dung * Hấp dẫn, sinh động * Thu hút được sự tham gia tích cực của người học * Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau   của người học | * Báo cáo thực hiện công việc. * Phiếu học tập * Hệ thống câu hỏi và bài tập   Trao đổi, thảo luận |  |

**V: HỒ SƠ DẠY HỌC**

| **Phiếu học tập** | | | |
| --- | --- | --- | --- |
| NV tớ đã đưa ra những gợi ý về những việc tốt nào để thay cho sự bắt nạt? | Những ai không nên bắt nạt? Vì sao? | Hành động bảo vệ người bị bắt nạt | Bài học em rút ra cho bản thân? |

| Ngày soạn | 16/9/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 21-24/9/2022 | 24-26/9/2022 | 24-26/2022 |

**TIẾT 11+12: VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Biết chủ động tìm hiểu về nội dung và đề tài có liên qua đến tiết học ( xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu).

- Lựa chọn và sử dụng phương thức giao tiếp, thảo luận và cách diễn đạt phù hợp

- Có khả năng phân tích các nguồn thông tin liên quan đến bài học để đáp ứng được chủ đề cần viết.

**b. Năng lực đặc thù**

- HS biết viết bài văn đảm bảo các bước; tìm ý và lập dàn ý; viết bài; chỉnh sửa bài viết và rút kinh nghiệm.

- HS viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.

- Biết cách lựa chọn các chi tiết phù hợp, tập trung vào các sv đã xảy ra.

**2. Về phẩm chất**

- Chăm chỉ: có ý thức học tập; Nhân ái, trân trọng trải nghiệm của bản thân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**: sgk, phiếu học tập cho HS, giấy a4 để HS làm nhóm.

**2. Chuẩn bị của Hs**: sgk, vở soanj, sự chuẩn bị ở nhà

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ học tập**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:* Trong VB Bài học đường đời đầu tiên, Dế Mèn đã kể lại trải nghiệm đáng nhớ nào?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ:* DM đã chia sẻ lại kỉ niệm vì trò trêu chọc dại dột của mình đã gây nên cái chết của Dế Choắt.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi

**B4: Kết luận, nhận định**

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Ai trong chúng ta cũng đều trải qua những kỉ niệm đáng nhớ trong cuộc đời, đó có thể là kỉ niệm vui, buồn, hạnh phúc, đau khổ… Bài học hôm nay sẽ tìm hiểu về kiểu bài kể lại một trải nghiệm, giúp các em biết cách trình bày một bài văn kể.

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

**-**  Nhận biết được các yêu cầu của bài văn kể lại trải nghiệm. Phân tích bài biết tham khảo, chỉ ra được ngôi kể và các phần MB,TB,KB.

- Nắm được các bước của một bài viết kể lại trải nghiệm của em

- Tìm ý, lập dàn ý cho bài viết.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1**  **B1: Giao nhiệm vụ học tập**   * GV yêu cầu HS:   *Kể chuyện theo ngôi thứ nhất, người kể xưng hô như thế nào? Tác dụng của ngôi kể thứ nhất là gì?*  *Theo em, một bài văn kể lại trải nghiệm theo ngôi thứ nhất cần đáp ứng những yêu cầu gì?*   * HS thực hiện nhiệm vụ.   **B2 : Thực hiện nhiệm vụ**  HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học   * Dự kiến sản phẩm: Kể chuyện ngôi thứ nhất, người kể chuyện xưng “tôi”.   **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**   * GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  Ghi lên bảng.   **2. Nhiệm vụ 2**  **B1: Giao nhiệm vụ học tập**  **GV** hỏi: Bài viết kể về kỉ niệm gì của tác giả?  **GV** chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho nhóm  1. Xác định ngôi kể trong bài văn?  2. Phần nào giới thiệu câu chuyện?  3. Phần nào tập trung vào các sự việc của câu chuyện? Đó là những sự việc nào?  4. Những từ ngữ nào thể hiện cảm xúc của người viết trước sự việc được kể?  **GV** yêu cầu: HS kể lại ngắn gọn câu chuyện theo các sự việc được xác định.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc SGK và trả lời câu hỏi  - Làm việc cá nhân 2’  - Làm việc nhóm 5’ để hoàn thiện nhiệm vụ mà GV giao.  **GV**:  - Hướng dẫn HS trả lời  - Quan sát, theo dõi HS thảo luận  **B3: Báo cáo thảo luận**  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV  - Đại diện nhóm báo cáo sp của nhóm, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **GV**: Hướng dẫn HS cách trình bày sp nhóm  **B4: Kết luận, nhận định**  **GV:**  **-** Nhận xét  + Câu trả lời của HS  + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm  + Sản phẩm của các nhóm  - Chốt kiến thức -> ghi lên bảng và kết nối với mục sau**.**  ***( hết tiết 1)***  **Nhiệm vụ 3:**  **B1: Giao nhiệm vụ học tập**  GV đặt câu hỏi: Để viết một bài văn kể lại trải nghiệm chúng ta cần thực hiện những bước nào? Nhiệm vụ của từng bước là gì?  -> phát phiếu HT số 1  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoàn thành phiếu học tập số 1  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đại diện nhóm trình bày sản phẩm những HS còn lại lăng nghe câu trả lời của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nx, chốt KT và kết nối với mục sau. | **I. Yêu cầu về kiểu bài**  ***1. Yêu cầu với đối bài văn kể lại một trải nghiệm***   * Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất, xưng tôi => Tác dụng giúp câu chuyện trở nên chân thận, người kể có thể bộc lộ những suy nghĩ, tình cảm, tâm trạng của mình. * Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ. * Tập trung vào sự việc đã xảy ra.   - Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể.    ***2. Phân tích bài viết tham khảo***  \* Kể về kỉ niệm với một người bạn nhỏ (mèo Mun).  - Ngôi kể: ngôi thứ nhất (xưng “tôi”)  - **Các phần**:  + Đoạn 1: Giới thiệu trải nghiệm. (MB)  + Đoạn 2,3,4 tập trung và các sự việc chính của câu chuyện. (TB)  + Đoạn 5: Nêu lên cảm xúc của bản thân. (KB)  - **Các sự việc:**  + Sự việc 1: Ngôi nhà mới của 3 mẹ con rất xinh xắn nhưng có nhiều chuột.  + Sự việc 2: Bà ngoại gửi cho 3 mẹ con một con mèo Mun.  + Sự việc 3: Ngôi nhà nhỏ đã thay đổi từ khi có mèo Mun.  + Sự việc 4: Một buổi chiều, Mun đã bị mất tích.    **II. Các bước làm bài văn kể về trải nghiệm của em**  **\* Gồm 4 bước:**  **-** Lựa chọn đề tài (tìm hiểu đề)  - Tìm ý và lập dàn ý  -Viết bài  - Chỉnh sửa bài viết. |

**3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, tìm ý và lập dàn ý cho bài viết.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, dự kiến người đọc .

* Hướng dẫn HS lựa chọn đề tài.
* GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, tìm ý cho bài viết theo Phiếu học tập số 2

- Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn Kể lại một trải nghiệm của bản thân

Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em.

Sau khi tìm ý xong

=> HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý.

( 3 phần MB, TB, KB nêu những ý gì)

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

*\* HSKG: Lập được dàn ý cho đề văn kể lại một trải nghiệm của em*.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV: Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện phiếu tìm ý.

- Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài.

- Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu.

- Lập dàn ý ra giấy

**B 3: Báo cáo thảo luận**

- GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.

HS: Đọc sản phẩm của mình.

+ Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau.

**4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS khắc sâu, mở rộng kiến thức đã học.

**b. Nội dung**: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**c. Sản phẩm học tập**: Câu trả lời của hs

**d. Tổ chức thực hiện:**

**-** GV yêu cầu HS kiểm tra chéo dàn ý của nhau -> dựa vào yêu cầu cần đạt ở tiết 1 => rút ra dàn ý hoàn chỉnh nhất.

=> gọi 2,3 cặp đôi Kt chéo lên nhận xét, trình bày.

\* GV yêu cầu HS về nhà viết bài dựa trên dàn ý đã lập, đã chỉnh sửa và hoàn thiện bài viết tiếp vào tiết sau.

**IV: KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi**  **chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| * Hình thức hỏi – đáp   - Thuyết trình sản phẩm. | * Phù hợp với mục tiêu, nội dung * Hấp dẫn, sinh động * Thu hút được sự tham gia tích cực của người học * Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau   của người học | * Báo cáo thực hiện công việc. * Phiếu học tập * Hệ thống câu hỏi và bài tập * Trao đổi, thảo luận |  |

**V: HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Phiếu học tập số 1:**

| **STT** | **Các bước tiến hành** | **Nhiệm vụ từng bước** |
| --- | --- | --- |
| **1** | **Lựa chọn đề tài (tìm hiểu đề)** |  |
| **2** | **Tìm ý và lập dàn ý** |  |
| **3** | **Viết bài** |  |
| **4** | **Chỉnh sửa bài viết** |  |

**Phiếu học tập số 2:**

| Ngày soạn | 22/9/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 27/9/2022 | 27/9/2022 | 28/9/2022 |

**Tiết 13+ 14: VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Biết chủ động tìm hiểu về nội dung và đề tài có liên qua đến tiết học ( xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu).

- Lựa chọn và sử dụng phương thức giao tiếp, thảo luận và cách diễn đạt phù hợp với bài viêt.

- Có khả năng phân tích các nguồn thông tin liên quan đến bài học để đáp ứng được chủ đề cần viết.

**b. Năng lực đặc thù**

- HS biết viết bài văn đảm bảo các bước; tìm ý và lập dàn ý; viết bài; chỉnh sửa bài viết và rút kinh nghiệm.

- HS viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.

- Biết cách lựa chọn các chi tiết phù hợp; tập trung được vào các sv đã xảy ra.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

**2. Về phẩm chất**

- Chăm chỉ: có ý thức học tập

- Nhân ái, trân trọng trải nghiệm của bản thân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1.Chuẩn bị của giáo viên**: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, bảng nhận xét của Gv đối với HS

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của Hs**: SGK, SBT Ngữ Văn 6, bài viết.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức hoạt động:**

**B1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV hỏi HS nhắc lại các bước làm 1 bài viết kể lại 1 trải nghiệm của em.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ, nhớ lại KT

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

**-** HS trình bày câu trả lời

**B4: Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét câu trả lời- > dẫn vào bài mới

**II. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** HS viết được bài văn Kể lại một trải nghiệm của em. Chỉnh sửa được bài viết theo gợi ý.

**b. Nội dung:** Hs viết bài.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài viết của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1**  **B1: Giao nhiệm vụ học tập**  *- GV yêu cầu HS:* HS thực hành viết tiếp bài, bám sát dàn ý đã lập.  - Viết xong, đọc và chỉnh sửa chéo bài của nhau theo phiếu chỉnh sửa gợi ý trong sgk  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS viết tiếp bài  **B3: Báo cáo, thảo luận:** HS hoàn thành sản phẩm**.** Rà soát, chỉnh sửa bài viết  **B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét đánh giá phần thực hành của HS( *hết tiết 1)*  **2. Nhiệm vụ 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  -Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc, nhận xét  - HS kiểm tra chéo của nhau.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-** HS làm việc theo nhóm bàn  - Kiểm tra chéo bài bạn bên cạnh.  **B3: Báo cáo thảo luận**.  - HS nhận xét bài viết của bạn  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  **-** GV Nx bài viết từng HS dựa trên phiếu NX đã chuẩn bị  -> GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.  \* *Yêu cầu đối với HSKG: Hoàn thiện bài viết đúng yêu cầu, cách diễn đạt ý tưởng rõ ràng, mạch lạc, trong sáng*.  *-* Nhắc HS chuẩn bị ND bài nói dựa trên dàn ý của bài viết | **III. Luyện tập**  **1. Viết bài dựa trên dàn ý đã lập**  **2. Chỉnh sửa bài viết**  **- Rà soát, chỉnh sửa lại bài viết**  **- Bài viết đã được sửa của HS** |

**4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d.Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Đứng tại chỗ và kể lại một kỉ niệm nhỏ của bản thân.

**IV: KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| * Hình thức hỏi – đáp   - Thuyết trình sản phẩm. | * Phù hợp với mục tiêu, nội dung * Hấp dẫn, sinh động * Thu hút được sự tham gia tích cực của người học | * Báo cáo thực hiện công việc. * Phiếu học tập * Hệ thống câu hỏi và bài tập   Trao đổi, thảo luận |  |

| **Ngày soạn** | **22/9/2022** | | |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **6A** | **6B** | **6C** |
| **Ngày dạy** | **27/9/2022** | **27/9/2022** | **28/9/2022** |

**Tiết 13+ 14: THỰC HÀNH VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Biết chủ động tìm hiểu về nội dung và đề tài có liên qua đến tiết học ( xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu).

- Lựa chọn và sử dụng phương thức giao tiếp, thảo luận và cách diễn đạt phù hợp

- Có khả năng phân tích các nguồn thông tin liên quan đến bài học để đáp ứng được chủ đề cần viết.

**b. Năng lực đặc thù**

- HS biết viết bài văn đảm bảo các bước; tìm ý và lập dàn ý; viết bài; chỉnh sửa bài viết và rút kinh nghiệm.

- HS viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.

- Biết cách lựa chọn các chi tiết phù hợp; tập trung được vào các sv đã xảy ra.

**2. Về phẩm chất**

- Chăm chỉ: có ý thức học tập

- Nhân ái, trân trọng trải nghiệm của bản thân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**: sgk, bảng nhận xét của Gv đối với HS

**2. Chuẩn bị của Hs**: sgk, bài viết.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức hoạt động:**

**B1: Giao nhiệm vụ học tập**

- GV hỏi HS nhắc lại các bước làm 1 bài viết kể lại 1 trải nghiệm của em.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS suy nghĩ, nhớ lại KT

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

**-** HS trình bày câu trả lời

**B4: Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét câu trả lời- > dẫn vào bài mới

**II. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** HS viết được bài văn Kể lại một trải nghiệm của em. Chỉnh sửa được bài viết theo gợi ý.

**b. Nội dung:** Hs viết bài.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài viết của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1**  **B1: Giao nhiệm vụ học tập**  *- GV yêu cầu HS:* HS thực hành viết tiếp bài, bám sát dàn ý đã lập.  - Viết xong, đọc và chỉnh sửa chéo bài của nhau theo phiếu chỉnh sửa gợi ý trong sgk  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS viết tiếp bài  **B3: Báo cáo, thảo luận:** HS hoàn thành sản phẩm**.** Rà soát, chỉnh sửa bài viết  **B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét đánh giá phần thực hành của HS( *hết tiết 1)*  **2. Nhiệm vụ 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  -Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc, nhận xét  - HS kiểm tra chéo của nhau.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-** HS làm việc theo nhóm bàn  - Kiểm tra chéo bài bạn bên cạnh.  **B3: Báo cáo thảo luận**.  - HS nhận xét bài viết của bạn  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  **-** GV Nx bài viết từng HS dựa trên phiếu NX đã chuẩn bị  -> GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.  \* *Yêu cầu đối với HSKG: Hoàn thiện bài viết đúng yêu cầu, cách diễn đạt ý tưởng rõ ràng, mạch lạc, trong sáng*.  *-* Nhắc HS chuẩn bị ND bài nói dựa trên dàn ý của bài viết | **III. Luyện tập**  **1. Viết bài dựa trên dàn ý đã lập**  **2. Chỉnh sửa bài viết**  **- Rà soát, chỉnh sửa lại bài viết**  **- Bài viết đã được sửa của HS** |

**4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d.Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Đứng tại chỗ và kể lại một kỉ niệm nhỏ của bản thân.

**IV: KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| * Hình thức hỏi – đáp   - Thuyết trình sản phẩm. | * Phù hợp với mục tiêu, nội dung * Hấp dẫn, sinh động * Thu hút được sự tham gia tích cực của người học * Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau   của người học | * Báo cáo thực hiện công việc. * Phiếu học tập * Hệ thống câu hỏi và bài tập   Trao đổi, thảo luận |  |

| Ngày soạn | 22/9/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 28/9/2022 | 1/10/2022 | 1/10/2022 |

**Tiết 15 : NÓI VÀ NGHE: KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Chủ động tìm hiểu nội dung bài, tóm tắt và phân tích những thông tin liên quan đến nội dung bài từ nhiều nguồn khác nhau.

- Biết lựa chọn ngôn ngữ, phương tiện giao tiếp phù hợp, thảo luận và trao đổi trong quá trình thực hiện nội dung bài.

- Chủ động hình thành ý tưởng dựa trên nguồn thông tin có liên quan đến nội dung nói và nghe.

**b. Năng lực đặc thù**

- Biết kể chuyện ngôi thứ nhất. Nói được về một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân.

- Biết cách nói và nghe phù hợp với đặc trưng của kiểu bài kể lại một trải nghiệm.

- Trình bày bài nói với tác phong tự tin,thoải mái.

**2. Về phẩm chất**

- Chăm chỉ: có ý thức học tốt môn học, ham học hỏi

- Trách nhiệm, có ý thức rèn luyện bản thân khi nói và nghe.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** SGK, máy chiếu, máy tính, phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sgk, vở ghi, sự chuẩn bị ở nhà của HS

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:**

**-** Tạo tâm lí hứng thúđể HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

**b. Nội dung:**

**-** GV yêu cầu HS quan sát video và giao nhiệm vụ cho HS.

**-**  HS quan sát video, lắng nghe câu chuyện được kể và trả lời câu hỏi của GV.

**c. Kết quả học tập**

- Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv cho HS xem 1 video clip kể chuyện sau đó ra câu hỏi:

? Em có nhận xét gì về phong thái, giọng nói của người kể chuyện

? Nội dung của đoạn video? Nhân vật trong đoạn video kể về điều gì?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân

- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung vào video (nếu có).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định:**GV nhận xét và kết nối vào bài

*Trong cuộc sống đôi lúc chúng ta muốn kể lại những trải nghiệm của mình mong người khác lắng nghe và chia sẻ. Vậy làm thế nào đẻ trở thành người nói hấp dẫn, người nghe tích cực. Bài học ngày hôm nay sẽ hướng dẫn các em làm được điều đó.*

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

- HS xác định được mục đích nói và người nghe; Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói

- Luyện kĩ năng nói cho HS

- Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông

- Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.

**b. Nội dung:**

- HS trả lời câu hỏi của GV & nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

- Hoàn thành bài nói và biết đánh giá bài nói thông qua phiếu đánh giá tiêu chí.

**c. Sản phẩm học tập**

- Phần trình bày của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV đặt câu hỏi:  ? Mục đích nói của bài nói là gì?  ? Những người nghe là ai?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ câu hỏi của GV.  - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi.  - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ.  ? Em sẽ nói về nội dung gì?  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b.  **2. Nhiệm vụ 2**  **B1: Giao nhiệm vụ học tập**  GV đưa câu hỏi  ? Để chuẩn bị trước khi nói em cần thực hiện những công việc gì?  ? HS suy thực hiện phiếu học tập để làm căn cứ tập kể diễn cảm.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ trả lời  - Hoàn thiện phiếu HT  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt kiến thức  - HD thêm HS thao tác nghe kể ( tập trung nghe bạn kể, không làm việc riêng hoặc nghĩ về chuyện khác.  => yêu cầu HS đọc nhiều lần ND bài viết để chuẩn bị cho tiết sau nói trước lớp.  **3. Nhiệm vụ 3**  **B1: Giao nhiệm vụ học tập**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS nói theo dàn ý của HĐ viết  - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS xem lại dàn ý của HĐ viết  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS nói (4 – 5 phút).  - GV hướng dẫn HS nói  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau.  **4. Nhiệm vụ 4**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.  - Yêu cầu HS đánh giá  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.  HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau.  \* *HSKG: Chọn được câu chuyện hay, ý nghĩa,trình bày tự tin, rõ ràng* | **I. Trước khi nói**  **1. Chuẩn bị bài nói**  **-** Mục đích của bài nói: Kể lại một trải nghiệm của em  - Người nghe: thầy cô, bạn bè, những người thân trong gia đình…  - Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.  **2. Chuẩn bị nội dung và tập luyện**  **\* Chuẩn bị nội dung nói**  **-** Đọc lại nhiều lần bài viết của mình để nắm chắc nội dung chính, quan trọng.  - Xác định giọng kể, ngữ điệu kể, điệu bộ, cử chỉ.  \* Tập luyện  - HS nói một mình trước gương.  - HS nói tập nói trước nhóm/tổ.  **II. Trình bày bài nói**  **\*** HS nói trước lớp  \* Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (kể lại một trải nghiệm).  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp.  **III. Sau khi nói**  - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Nhận xét của HS |
|  | | |

**3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c. Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập.

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Đóng vai nhân vật Dế Mèn, kể lại câu chuyện.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS liệt kê các sự việc trong câu chuyện và kể lại câu chuyện.

- GV hướng dẫn HS: liệt kê các sự việc, đóng vai nhân vật xưng “tôi”.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Viết một kỉ niệm của bản thân

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày sp

**B4: Kết luận, nhận định**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**IV: KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** |
| --- | --- | --- |
| * Hình thức hỏi – đáp   - Thuyết trình sản phẩm. | * Phù hợp với mục tiêu, nội dung * Hấp dẫn, sinh động * Thu hút được sự tham gia tích cực của người học * Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau   của người học | * Báo cáo thực hiện công việc. * Phiếu học tập * Hệ thống câu hỏi và bài tập * Trao đổi, thảo luận |

**V: HỒ SƠ DẠY HỌC**

**\* Phiếu HT số 1:**

| **Giọng kể** | **Nội dung bài viết** | **Điệu bộ, cử chỉ** |
| --- | --- | --- |
|  | (Mở đầu) |  |
| VD: vui tươi, hài hước | ( TB)- Đoạn 1 | VD: nheo mắt tinh nghịch… |
|  | Đoạn 2: |  |
|  | ( KB) |  |

**\* Phiếu đánh giá tiêu chí**

| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ** | | | |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm:** | | | |
| **Tiêu chí** | **Mức độ** | | |
| Chưa đạt (0đ) | Đạt (1đ) | Tốt (2đ) |
| Chọn được câu chuyện hay có ý nghĩa | Chưa có chuyện để kể | Có chuyện để kể nhưng chưa hay | Câu chuyện hay và chất lượng |
| Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn | Nội dung sơ sài | Có đủ chi tiết cho người nghe hiểu được ND chuyện | ND câu chuyện phong phú, hấp dẫn |
| Nói to, rõ ràng, truyền cảm | Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại, ngập ngừng nhiều lần | Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại ngập ngừng | Nói to, truyền cảm; hầu như k lặp lại hay ngập ngừng |
| SD yếu tố phi ngôn ngữ | Điệu bộ thiếu tự tin | Điệu bộ tự tin | Điệu bộ rất tự tin, nét mặt sinh động |
| Mở đầu và kết thúc hợp lí | K chào hỏi /k có lời kết | Có chào hỏi, có lời kết | Chào hỏi, kết thúc hấp dẫn, ấn tượng. |
| **Tổng điểm:………/10đ** | | | |

| Ngày soạn | 22/9/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 1-3/9/2022 | 3-4/9/2022 | 3-5/9/2022 |

**BÀI 2: GÕ CỬA TRÁI TIM**

**Tiết 16+17: Văn bản (1): CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ LOÀI NGƯỜI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

**-** Chủ động tìm hiểu các thông tin có liên quan đến nội dung bài học.

- Xác định được thể loại văn bản, phân biệt với thể loại VB khác.

- Nhận biết được giá trị biểu cảm của VB thơ “ Chuyện cổ tích về loài người”.

- Phân tích được tác dụng của những yếu tố hình thức và biện pháp nghệ thuật của VB “ Chuyện cổ tích về loài người”.

- Lựa chọn và sử dụng phương pháp giao tiếp, thảo luận và cách diễn đạt phù hợp.

**b. Năng lực đặc thù**

**-** Học sinh nhận biết được số tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong bài, vần của bài thơ “ Chuyện của tích về loài người”.

- HS nhận biết và bước đầu nhận xét độc đáo của bài thơ thể hiện qua yếu tố tự sự mang màu sắc cổ tích suy nguyên, những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ độc đáo.

- Nhận biết và phân tích được nhân vật trữ tình, tình cảm cảm xúc thông điệp trong bài thơ.

**2. Về năng lực**

- Chăm chỉ: có ý thức học tập, hứng thú trong học tập.

- Phát triển phẩm chất tốt đẹp: tình cảm, trách nhiệm với những người thân yêu trong gia đình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**: giáo án, máy tính, ti vi, phiếu HT.

**2. Chuẩn bị của HS:** vở soạn, sgk, sự chuẩn bị ở nhà.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh, thu hút học sinh vào bài học.

**b. Nội dung:** Huy động tri thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của hs

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1: Giao nhiệm vụ: Gv đưa câu hỏi:**

1) Nêu tên một truyện kể về nguồn gốc loài người trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam hoặc văn học nước ngoài mà em biết. Trong truyện kể đó, sự ra đời của loài người có điều gì kỳ lạ?

(2) Đọc một bài thơ hoặc đoạn thơ viết về tình cảm gia đình mà em biết?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, trả lời

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS chia sẻ theo hình thức cá nhân. Nêu tên truyện kể về nguồn gốc và nói về sự ra đời kỳ lạ của loài người trong truyện kể đó. Hs đọc một số bài thơ mà em biết

**B4: Kết luận, nhận định:**

GV mời một HS nhận xét, bổ sung, GV nhận xét

- (GV có thể gợi ý một số truyện như chuyện về Lạc Long Quân – Âu Cơ, Bàn Cổ khai thiên lập địa và Nữ Oa sáng tạo con người, truyện trong Kinh Thánh – Jehova sáng tạo ra con người, v.v... )

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Con người được sinh ra từ đời này sang đời khác tạo thành những dòng chảy, truyền thống. Vì thế, khi sống hôm nay, ta phải biết được về nguồn cội của bản thân mình. Mình là ai, mình từ đâu đến, mình được sinh ra từ đâu, v.v... Lý giải những câu hỏi đó bằng con mắt thơ ca, nữ thi sĩ Xuân Quỳnh đã viết nên bài thơ Chuyện cổ tích về loài người. Hôm nay* cô *và các em sẽ cùng tìm hiểu về nguồn gốc của loài người qua văn bản thơ này.*

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu**: Nắm được thông tin chính về tác giả Xuân Quỳnh và bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*, đọc văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kết hợp hiểu biết cá nhân kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1**  **B1: Giao nhiệm vụ học tập**  (1) Đọc và giới thiệu về tác giả Xuân Quỳnh và bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*.  - GV cho HS 2 phút chuẩn bị  - Sử dụng kĩ thuật trình bày 1 phút. Hs trình bày hiểu biết về tác giả, tác phẩm.  **B2:** T**hực hiện nhiệm vụ**  - Sử dụng kĩ thuật trình bày 1 phút HS trả lời nhanh .  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B5: Kết luận nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung:  - GV khuyến khích những cách diễn đạt khác nhau của HS.  GV bổ sung thêm thông tin về nhà thơ Xuân Quỳnh.  **2. Nhiệm vụ 2**  **B1: Giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn cách đọc diễn cảm, lưu loát, giọng kể chậm. GV đọc mẫu -> yêu cầu HS đọc.  *Trả lời các câu hỏi:*  ? Xác định thể thơ? Nhân vật chính?  ? PTBD? Bố cục và nd từng phần?  ? Em hãy nêu những căn cứ để xác định truyện Cổ tích loài người là một bài thơ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc , HS khác lắng nghe, nhận xét  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Bài đọc của HS  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV gọi hs nx -< gv nhận xét, chốt KT | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Nguyễn Thị Xuân Quỳnh (1942 – 1988)  - Quê : La Khê – Hà Đông – Hà Tây, nay là Hà Nội.  - Truyện và thơ viết cho thiếu nhi tràn đầy tình yêu thương, trìu mến, có hình thức giản dị, ngôn ngữ trong trẻo, phù hợp với cách cảm, cách nghĩ của trẻ em.  - Tác phẩm truyện và thơ viết cho thiếu nhi tiêu biểu: *Lời ru mặt đất, Bầu trời trong quả trứng, Bến tàu trong thành phố,...*  **2. Tác phẩm**  - *Chuyện cổ tích về loài người* được rút ra từ tập thơ *Lời ru trên mặt đất* (1978)  **3. Đọc- kể tóm tắt**  **-** Thể thơ: 5 chữ  - Nhân vật chính: trẻ em  - PTBĐ: trữ tình kết hợp TS, MT  - Bố cục: 2 phần  + *Phần 1*: Khổ 1: Thế giới trước khi trẻ con ra đời;  + *Phần 2:* Thế giới sau khi trẻ con ra đời  *Khổ 2:* Những thay đổi vê thiên nhiên đầu tiên khi trẻ con sinh ra;  *Khổ 3:* Sự xuất hiện của mẹ để cho trẻ tình yêu và lời ru  *Khổ 4*: Sự xuất hiện của bà để kể cho trẻ nghe những câu chuyện cổ  *Khổ 5:* Sự xuất hiện của bố và tình yêu thương của bố để cho trẻ có nhận thức về thế giới  *Khổ 6:* Sự xuất hiện của trường lớp và thầy giáo để cho trẻ được đi học và có kiến thức.  - PTBĐ: Biểu cảm ( mượn phương thức tự sự để bộc lộ cảm xúc)  + Số lượng tiếng: mỗi dòng năm tiếng, +Vần: vần chân ở hầu hết các dòng thơ  + BPTT: điệp cấu trúc. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được chủ đề văn bản: *Chuyện cổ tích về loài người*. Nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng của thể loại thơ: thể thơ; ngôn ngữ trong thơ; nội dung chủ yếu của thơ; yếu tố miêu tả, tự sự trong thơ, v.v…

- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua yếu tố tự sự mang màu sắc cổ tích suy nguyên, những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ độc đáo.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân, kiến thức thực tế để khám phá văn bản

**c. Sản phẩm học tập:** câu trả lời của HS,kết quả phiếu thảo luận nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  - GV tổ chức theo hình thức nhóm  - GV phát phiếu học tập cho nhóm trưởng.  - Nêu yêu cầu, hướng dẫn các nhóm.  (1). Hình ảnh Trái đất trước khi trẻ con được sinh ra?  (2) Trong tưởng tượng của nhà thơ, thế giới đã biến đổi ra sao sau khi trẻ con ra đời?  **(3)** Vì trẻ em mà thế giới đã thay đổi, điều đó nói lên ý nghĩa gì của trẻ em đối với thế giới?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và hoàn thiện phiếu học tập số 1  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, khái quát kiến thức.  **( hết tiết 1)**  **2. Nhiệm vụ 2**  **B1: Giao nhiệm vụ học tập**  Phát phiếu HT số 2:Hs thảo luận nhóm (5’)  **(1)** Trong VB, món quà tình cảm nào mà chỉ có mẹ mới đem đến được cho trẻ?  **(2**) Bà đã kể cho trẻ nghe những câu chuyện gì? Điều bà muốn gửi gắm trong những câu chuyện đó là gì?  **(3)** Điều bố dành cho trẻ có gì khác so với điều bà và mẹ dành cho trẻ?  **(4)** Người thầy đem đến điều gì cho trẻ em?  **(5)** Mỗi thành viên trong gia đình cho trẻ những điều khác nhau. Từ đây, em rút ra được điều gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS thảo luận đưa ra ý kiến-> nhóm trưởng tổng hợp kết quả.  **B3 : Báo cáo, thảo luận**  - Nhóm trưởng đại diện trình bày câu trả lời.  **B4: Kết luận, nhận định**   * GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức   🡺 Ghi lên bảng.  **3. Nhiệm vụ 3**  **B1: Giao nhiệm vụ học tập**  **- GV đưa câu hỏi:**  - Câu chuyện về nguồn gốc của loài người qua lời thơ của tác giả Xuân Quỳnh có gì khác so với những câu chuyện nguồn gốc loài người mà em biết? Sự khác biệt ấy có ý nghĩa như thế nào?  ? Nhan đề *” Chuyện cổ tích về loại người*” gợi cho em những suy nghĩ gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ trả lời câu hỏi  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Hs trả lời câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt Kt  **4. Nhiệm vụ 4**  **B1: Giao nhiệm vụ học tập**  - Giá trị nghệ thuật và nội dung củaVB?  *CHNC*: trình bày suy nghĩ của em về trách nhiệm của bản thân đối với những người thân trong gia đình?  - GV gợi ý HS trả lời.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày câu trả lời  **B4: kết luận, nhận định**  **-** GV nx, chốt KT | **II. Đọc – hiểu văn bản**  **1. Thế giới trước khi trẻ con ra đời và sự thay đổi sau khi trẻ con ra đời.**  ***\* Trước khi trẻ con ra đời.***  Thế giới lúc này chưa có gì cả. Tất cả mới chỉ là một màu đen.  ***\* Sau khi trẻ con ra đời***  - Thiên nhiên: ánh sáng xuất hiện 🡪 bắt đầu có màu sắc và sự sống của muôn loài => Thế giới đã có sự thay đổi khi trẻ em xuất hiện. Từ tối tăm sang có ánh sáng.  🡪Ý nghĩa to lớn trẻ em là trung tâm của thế giới, là tương lai của thế giới.  🡺Mỗi sự thay đổi trên thế giới đều bắt nguồn từ sự sinh ra của trẻ con. Các sự vật, hiện tượng xuất hiện đều để nâng đỡ, nuôi dưỡng, góp phần giúp trẻ con trưởng thành cả về vật chất và tâm hồn.  **2. Vai trò của sự xuất hiện các thành viên trong gia đình đối với trẻ em**  **- Mẹ:** Mang đến tình yêu, lời ru, bế bồng, chăm sóc. **=>** *Lời nhắn nhủ ân cần về cách sống đẹp: biết yêu thương, chia sẻ, nhân ái, thuỷ chung…*  - Bà: Mang đến những câu chuyện ngày xưa, ngày sau**=>** *dạy trẻ thơ những bài học về triết lí sống nhân hậu, ở hiề n gặp lành;*  - Bố: *Mang đến những hiểu biết, dạy con ngoan, biết nghĩ, có kiến thức*  - Thầy giáo: *mang đến cho trẻ thơ những bài học vể đạo đức, tri thức, nuôi dưỡng những ước mơ đẹp,... giúp trẻ thơ trưởng thành*  .  🡺 Mỗi thành viên trong gia đình đều yêu thương, quan tâm đến trẻ. Nhưng mỗi người lại có cách thê thiện tình yêu và vai trò riêng đối với trẻ.  \* Cách sd từ ngữ, hình ảnh độc đáo, nhiều màu sắc => sinh động, tươi vui, ấm áp của câu chuyện cổ tích về loài người.  **3. Sự giống và khác nhau giữa câu chuyện của nhà thơ Xuân Quỳnh với những câu chuyện nguồn gốc khác**  **-** Giống:  + Đều nói về sự xuất hiện của loài người giải thích nguồn gốc của loài người  + Đều có những yếu tố hoang đường, kỳ ảo  - Điểm khác biệt của nhà thơ Xuân Quỳnh:  + Không phải người lớn mà là trẻ con được sinh ra trước nhất. Trẻ con chính là trung tâm của vũ trụ cần được nâng niu, hướng dẫn.  🡺 ý nghĩa của sự khác biệt thể hiện điều nữ nhà thơ muốn nhắn gửi:  + Tới trẻ em: Yêu thương những người thân trong gia đình bởi họ đãn dành cho em những tình cảm tốt đẹp nhất từ những cử chỉ, hành động nhỏ nhất, giản dị, gần gũi nhất.  + Tới các bậc làm cha mẹ: yêu thương, chăm sóc và dành cho trẻ em những điêu tốt đẹp nhất vì các em chính là tương lai của gia đình, đất nước.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Nhan đê và thể loại:  + Thể loại: thơ  + Phương thức biểu đạt: biểu cảm  Mỗi dòng thơ có năm tiếng, các dòng được sắp xếp theo khổ và không giới hạn số lượng dòng trong một bài;  Sử dụng vần chân ở hầu hết các dòng thơ (Mỗi dòng đêu được ngắt nhịp 3/2 hoặc 2/3  tạo âm điệu nhịp nhàng như thủ thỉ, tâm tình, gần gũi với trẻ em:  - Yếu tố tự sự trong thơ: phương thức  biểu cảm kết hợp tự sự; nhan đề  Thơ trữ tình kết hợp yếu tố tự sự và các màu sắc hoang đường, kỳ ảo.  - Mạch thơ tuyến tính;  **2. Nội dung**  ***Chuyện cổ tích về loài người*** là một bài thơ với sự tưởng tượng hư cấu vê nguồn gốc của loài người hướng con người chú ý đến trẻ em. Bài thơ tràn đầy tình yêu thương, trìu mến đối với con người, trẻ em. Trẻ em cần được yêu thương, chăm sóc, dạy dỗ. Tất cả những gì tốt đẹp nhất đều được dành cho trẻ em. Mọi vật, mọi người sinh ra đều dành cho trẻ em, để yêu mến và giúp đỡ trẻ em. |

**3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học

**b. Nội dung:**  HS sử kiến thức đã học để tham gia trò chơi: ***Hỏi nhanh, đáp gọn***.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

+ GV chia lớp thành 2 đội chơi với câu hỏi dưới hình thức trắc nghiệm.

+ Mỗi đội cử 2 HS tham gia: một HS hỏi, một HS đáp

+ Thời gian chơi của mỗi đội là 1 phút.

+ Đội nào trong thời gian 1 phút trả lời được đúng nhiều câu hỏi nhất, đội đó giành chiến thắng

**Câu 1**. Trong "Chuyện cổ tích loài người", ai là người được sinh ra đầu tiên?

A. Thầy giáo B. Trẻ con C. Cha D. Mẹ

**Câu 2**. Trẻ con sinh ra mắt sáng nhưng chưa nhìn thấy, bởi vậy mới sinh ra thứ gì?

A. Mặt trăng B. Bóng đèn C. Vì sao D. Mặt trời

**Câu 3.** Trẻ con sinh ra vì sao cần có ngay người mẹ?

A. Để trao tình yêu và lời ru cho bé.

B. Để dạy cho bé những kiến thức ở trường lớp, sách vở.

C. Để dạy bé ngoan và biết nghĩ.

D. Tất cả các ý trên

**Câu 4**. Bố sinh ra đã giúp trẻ em những gì?

A. Khiến bé nhìn thấy rõ mặt trời.

B. Dạy cho trẻ những kiến thức ở trường lớp, sách vở.

C. Trao tình yêu, lời ru và chăm sóc bé ân cần.

D. Dạy cho trẻ hiểu biết: biết ngoan và biết nghĩ.

**Câu 5.** Trong khổ thơ 6, 7, thầy giáo dạy cho bé những điều gì?

A. Dạy cho bé biết về con đường, trái đất và những ngọn núi

B. Cho bé biết mẹ yêu thương và chăm sóc bé bằng tình yêu vô bờ.

C. Dạy cho bé biết ngoan và biết nghĩ, nghe lời bố mẹ.

D. Dạy cho bé biết học hành và biết về lịch sử loài người.

**Câu 6:** Điều gì được sinh ra trước nhất trên trái đất?

A.Người mẹ B. Cây cỏ C. Mặt trời D. Trẻ em

**Câu 7**: Nghệ thuật gì đặc trưng nhất trong bài thơ?

A.So sánh B. Nhân hóa C. Điệp ngữ D. Ẩn dụ

**Câu 8:** Sự xuất hiện của người mẹ mang đến những điều gì cho trẻ con?

1. Tình yêu, sự chở che B. Tình yêu

C. Tình yêu và lời ru D. ru

**Câu 9:** Tại sao mặt trời xuất hiện?

1. Để giúp trẻ con nhìn rõ B. Để chiếu sáng muôn loài

C. Đê cỏ cây phát triển D.Để bố mẹ đi làm

**Câu 10**. Dòng nào dưới đây nói đúng và đủ nội dung của bài?

A. Trẻ em mới là người được sinh ra đầu tiên trên trái đất, không phải cha mẹ hay thầy cô giáo.

B. Trẻ em là sinh ra rất nhỏ bé và yếu đuối, cần được chăm sóc, dạy dỗ và che chở.

C. Mọi vật sinh ra trên trái đất đều là vì con người, vì trẻ em. Hãy dành cho trẻ em những điều tốt đẹp nhất.

D. Tất cả các ý trên

**B2: thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiến hành thực hiện trò chơi

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- Các nhóm TL câu hỏi

**B4: Kết luận, nhận định:** GV tổng kết, nhận xét, đánh giá.

**4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để vận dụng viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm học tập:**  bài viết của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: giao nhiệm vụ HT**

(1)Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) thể hiện cảm xúc của em về một đoạn thơ mà em yêu thích trong bài thơ ***Chuyện cổ tích về loài người***.

(2) Em hãy chuyển bài thơ trên thành một tác phẩm truyện tranh

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS vận dụng kiến thức đã học và sự cảm thụ của bản thân viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một đoạn thơ yêu thích trong bài thơ

**B3:** **báo cáo, thảo luận:** Một số HS trình bày bài viết dưới hình thức cá nhân

**B4: Kết luận, nhận định**

**- Bước 1**: Lựa chọn một trong các đoạn thơ: đoạn thơ nói về sự thay đổi của thếgiới khi trẻ em xuất hiện; đoạn thơ thể hiện tình yêu thương, chăm sóc của mẹ; đoạn thơ bà kể chuyện và những điều bà muốn nhắn gửi; đoạn thơ bố dạy cho sự hiểu biết; đoạn thơ về trường lớp và thầy giáo, v.v...

**- Bước 2:** Sau khi tìm đoạn thơ yêu thích; xác định nội dung chính, những yếu tố nghệ thuật nổi bật và cảm xúc của em khi đọc đoạn thơ đó.

**- Bước 3**: Tiến hành viết đoạn văn:

+ Câu mở đầu cần giới thiệu được tên bài thơ, tên tác giả, nội dung đoạn thơ, cảm xúc chung của em về đoạn thơ.

+ Các câu tiếp theo thể hiện cảm xúc đối với các khía cạnh nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ.

+ Câu kết đoạn: Nêu cảm nghĩ chung về đoạn thơ

**IV: HỒ SƠ DẠY HỌC**

**1. Phiếu HT số 1:**

| Hình ảnh Trái đất trước khi trẻ con được sinh ra? | Nêu sự thay đổi của trái đất sau khi trẻ con được sinh ra? Vì trẻ em mà thế giới đã thay đổi, điều đó nói lên ý nghĩa gì của trẻ em đối với thế giới? | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | Mặt trời |  |  |
| Cây, cỏ, hoa |  |
| Tiếng chim, làn gió |  |
| Sông |  |
| Biển |  |
| Đám mây, con đường |  |

**Phiếu học tập số 2:**

| Mẹ, bà, bố đã đem đến cho trẻ món quà nào? | | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Sự ra đời của gia đình | Mẹ |  |  |
| Bà |  |  |
| Bố |  |  |
| Thầy giáo |  |  |

| Ngày soạn | 30/9/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 4/10/2022 | 8/10/2022 | 5/10/2022 |

**Tiết 18: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Về năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Chủ động tìm hiểu và ôn tập lại các kiến thức có liên quan đến bài học.

- Giải quyết vấn đề sáng tạo.

- Lựa chọn và sử dụng phương thức giao tiếp, thảo luận phù hợp.

**b. Năng lực đặc thù***:* Nhận diện và phân tích được tác dụng của các biện pháp tư từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ trong việc thể hiện nội dung của một văn bản cụ thể.

**2.Về phẩm chất:**

- *Chăm chỉ:* Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.

*- Trách nhiệm:* Giữ gìn sự trong sáng của tiếng việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập, máy tính, máy chiếu.

**2. Chuẩn bị của HS**: vở ghi, sgk, sự chuẩn bị ở nhà

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**

**1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu**: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

**b. Nội dung hoạt động**: HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập**: Câu trả lời/chia sẻ của HS

**d. Tổ chứchoạt động:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Khi đọc một VB thơ, em thấy ngôn ngữ trong thơ có gì khác so với ngôn ngữ đời thường?

**B2:Thực hiện nhiệm vụ học tập**: Hs trả lời câu hỏi

**B3: Báo cáo, thảo luận:**HS trình bày kết quả (cá nhân)

**B4: Đánh giá nhận xét, dẫn vào bài:** Thơ là một thể loại văn học, vì vậy ngôn ngữ thơ cũng sẽ có những chắt lọc và trau chuốt hơn so với ngôn ngữ đời thường. Vì thế ngôn ngữ thơ cũng sẽ sử dụng đa dạng các biện pháp tu từ. Để tìm hiểu sâu hơn về ngôn ngữ thơ và các biện pháp tu từ, chúng ta cùng đi vào bài Thực hành tiếng Việt ngày hôm nay.

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu**: Nắm được các khái niệm về ngôn ngữ thơ, so sánh, nhân hóa, điệp ngữ.

**b.Nội dung hoạt động**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập**: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

**d. Tổ chứchoạt động:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1**  **B1: Giao nhiệm vụ:**  GV gợi nhắc cho HS nhớ lại kiến thức đã học về nghĩa của từ và các biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa, điệp ngữ.  GV nêu câu hỏi. Yêu cầu HS trả lời.  - Thế nào là nghĩa của từ?  -Thế nào là so sánh? Lấy ví dụ minh họa.  -Nhân hóa là gì? Đọc một câu thơ, câu ca dao...mà em biết sử dụng nhân hóa.  - Điệp ngữ là phép tu từ có đặc điểm gì? Tác dụng của điệp ngữ?  - Học sinh tiếp nhận và thực hiện.  **B2:Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: suy nghĩ ,trình bày cá nhân vào nháp.  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  **B3: Báo cáo, thảo luận**: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  **B4: Đánh giá, nhận định**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá | **I. Ôn tập kiến thức**  **1. Nghĩa của từ**  **2. Biện pháp tu từ**  **2.1: Biện pháp tu từ nhân hóa:**  Khái niệm: nhân hóa là biện pháp tu từ gán thuộc tính của người cho những sự vật không phải là người để làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt.  VD: Chị ong nâu nâu nâu…  **2.2: So sánh**( Tiết 5)  **2.3 : Biện pháp tu từ điệp từ- điệp ngữ**  - Điệp ngữ là phép tu từ lặp đi, lặp lại một từ (đôi khi là một cụm từ, hoặc cả một câu) để làm nổi bật ý muốn nhấn mạnh.  VD: Cháu chiến đấu hôm nay  Vì lòng yêu Tổ quốc  Vì xóm làng thân thuộc  Bà ơi cũng vì bà…. |

**3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

**b. Nội dung hoạt động**: HS luyện đọc kĩ một đoạn trích trong văn bản và thực hiện các nhiệm vụ/trả lời các câu hỏi, bài tập để rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản.

**c. Sản phẩm học tập**: Câu trả lời của các câu hỏi, bài tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **Nhiệm vụ 1: Bài 1**  **B1: Giao nhiệm vụ:**  - HS đọc, xác định yêu cầu của bài số 1  - GV yêu cầu HS trao đổi nhóm để làm bài tập.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh:suy nghĩ , trả lời ra nháp, trình bày  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  **B3: Báo cáo, thảo luận**: 1-2 HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  **B4: Kết luận, hận đinh**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - GV hướng dẫn HS điều chỉnh, bs vào vở.  **Nhiệm vụ 2: Bài 2**  **B1: Giao nhiệm vụ:** Gọi 4 HS lên bảng, đại diện cho 2 nhóm trong thời gian 5P HS nào ghi được nhiều đáp án chính xác nhất HS đó chiến thắng.  **B2:Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: thực hiện nhiệm vụ của mình  - Giáo viên: quan sát, gọi nhận xét  **B3: Báo cáo , nhận xét**: HS trình bày kết quả. HS khác quan sát nhận xét, đánh giá  **B4: Kết luận, nhận định**  - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá chấm điểm  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, biểu dương bằng tràng pháo tay.  **3. Nhiệm vụ 3**  **B1: Giao nhiệm vụ HT:**  **Bài 3+4 thảo luận theo 4 nhóm** GV yêu cầu HS đọc lại YC BT 3,4  Nhóm 1,2- Bài 3  Nhóm 3,4- Bài 4  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo,thảo luận**  - HS đại diện nhóm trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng  **4. Nhiệm vụ 4**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  **-** YC hs đọc bài 5 -> suy nghĩ cá nhân và trả lời  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời CH ra nháp  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định**  Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá | **II. Luyện tập**  **Bài 1**  a. Theo từ điển Tiếng Việt, nhô: là động từ có nghĩa là đưa phần đầu cho vượt hẳn lên phía trước hoặc ra phía trước, so với những cái xung quanh.  - Nghĩa của từ ***nhô*** trong đoạn thơ cụ thể: ***mặt trời nhô cao*** nghĩa là mặt trời chuyển động lên cao trên bầu trời và có phần đột ngột, vượt lên so với sự vật xung quanh như núi non, cây cối. Động từ ***nhô*** cũng có tính biểu cảm, gợi lên vẻ tinh nghịch đáng yêu của hình ảnh mặt trời, phù hợp với cách nhìn, cách cảm của trẻ thơ.  b. Trong đoạn thơ trên, từ ***lên*** không thể thay thế được cho từ ***nhô***. Vì ***lên*** chỉ có nghĩa là chuyển đến một vị trí cao hơn. Từ ***nhô*** có nghĩa tinh tế.  **Bài 2 SGK trang 44**  - Một số từ ở trong và ngoài văn bản những từ có thể đảo trật tự các thành tố để có từ khác đồng nghĩa: *khao khát, thơ ngây, mênh mông, đau khổ, ngại ngần, yêu thương, thương cảm,cảm xúc, mong ngóng,suy nghĩ, ...*  **Bài 3: SGK trang 44**  - Chỉ ra những dòng thơ có sử dụng biện pháp tu từ so sánh:  + *Cây cao bằng gang tay*, *Lá cỏ bằng sợi tóc*, *Cái hoa bằng cái cúc*, *Tiếng hót trong bằng nước*, *Tiếng hót cao bằng mây*.  *Cây, lá cỏ, cái hoa, tiếng hót* (vế A) được so sánh với *gang tay, sợi tóc, cái cúc, nước, mây* (vế B)*.*  - Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh đó trong việc thể hiện nội dung khổ thơ:  Hình ảnh thiên nhiên (vế A) được so sánh với những hình ảnh nhỏ, xinh, gắn với thế giới con người (vế B). Tiếng hót của chim – âm thanh được so sánh với nước, mây trời làm tăng tác dụng biểu đạt cho sự trong trẻo, cao vút của tiếng chim Thiên nhiên như nhỏ lại, gần gũi và thật dễ thương trong đôi mắt trẻ thơ.  **Bài 4 SGK trang 44**  - Biện pháp tu từ: *nhân hóa*;  - Tác dụng:  + *Thơ ngây* – một tính từ thường dùng để nói về đặc điểm của con người, đặc biệt là trẻ em để nói về gió  Tác dụng: khiến làn gió mang vẻ đáng yêu, hồn nhiên như trẻ thơ.  **Bài tập 5 SGK trang 44**  - Điệp ngữ trong các đoạn thơ là các từ ngữ:  + “rất”  + “Từ cái…”, “Từ…”  - Tác dụng:  + “rất” Nhấn mạnh mức độ, tính chất của các sự vật có trong lời ru của mẹ;  + “Từ cái…”, “Từ…” liệt kê lần lượt những hình ảnh phong phú trong lời ru của mẹ: là những hình ảnh nổi bật trong kho tàng văn hóa dân tộc. |

**4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

**b. Nội dung**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

**c. Sản phẩm học tập**: Đoạn văn.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ học tập:** Hãy tìm các câu ca dao, câu thơ có sử dụng biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá, điệp ngữ. Gạch chân dưới những từ so sánh và từ thể hiện phép nhân hoá, điệp ngữ.

*CHNC:* Tìm câu ca dao có sd BPTT nhân hóa

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành, triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**B3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

**Dự kiến sp:**

*So sánh*:

- Thân em như hạt mưa sa/ Hạt vào đài các, hạt ra ruộng cày

- Dù ai nói ngả nói nghiêng/ Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân

- Anh em như thể tay chân/ Rách lành đùm bọc dở hay đỡ đần...

*Nhân hoá:*

- Trâu ơi ta bảo trâu này/ Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta

- Núi cao bởi có đất bồi/ Núi chê đất thấp núi ngồi ở đâu

- Bác giun đào đất suốt ngày/ Hôm nay chết dưới gốc cây sau nhà (Đám ma bác giun- TĐK)

- Heo hút cồn mây súng ngửi trời

- Bầu ơi thương lấy bí cùng/ Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn

*Điệp ngữ*:   
**-Trăng bao nhiêu** tuổi trăng già,  
**Núi bao nhiêu** tuổi gọi là núi non.  
**Trăng bao nhiêu** tuổi trăng tròn,  
**Núi bao nhiêu** tuổi núi còn trơ trơ.

**-Trông** trời, **trông** đất, **trông** mây,  
**Trông** mưa, **trông** nắng, **trông** ngày, **trông** đêm.  
**Trông** cho chân cứng đá mềm,  
Trời yên biển lặng mới yên tấm lòng.

**B4: Kết luận, nhận định*:***GV nhận xét, đánh giá kết qủa

.

| Ngày soạn | 30/9/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 4-8/10/2022 | 8-10/10/2022 | 8-10/10/2022 |

**Tiết 19 + 20: Văn bản (2): MÂY VÀ SÓNG**

**--** Ra-bin-đơ -ra-nát Ta-go--

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực:**

**a. Năng lực chung:**

- Chủ động tìm hiểu và đọc trước các thông tin có liên quan đến VB

- HS nhận biết được đặc điểm một bài thơ văn xuôi

- Chủ động thảo luận, trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Đánh giá được đặc điểm thơ văn xuôi: quy định số tiếng, số dòng, yc vần nhịp

- Nhận biết và nêu được tác dụng của yếu tố tự sự, miêu tả trong bài thơ

- Có khả năng trình bày những suy nghĩ, cảm nhận về một hình ảnh thơ, một khổ thơ, một tác phẩm thơ.

- Nhận diện được chủ đề nhất quán của tác phẩm (nd, giọng điệu, cấu trúc…)

**2.Về phẩm chất:**

- *Chăm chỉ:* Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.

*- Trách nhiệm:* Yêu thương cha mẹ và gia đình. Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên xung quanh.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV:** SGK, máy chiếu, máy tính, giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của HS:** sgk, vở ghi, sự chuẩn bị ở nhà.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu**: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

**b. Nội dung hoạt động**: Trò chơi sắp xếp từ ngữ

**c. Sản phẩm học tập**: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

**d. Tổ chứchoạt động**:

**B1: Giao nhiệm vụ học tập:** Chúng ta ai cũng đêu được bố mẹ sinh ra, nuôi nấng, chăm sóc, bảo ban. Chúng ta ai cũng muốn trở thành con ngoan, trò giỏi, nghe lời bố mẹ và thầy cô. *Vậy em có tự thấy mình là một người con ngoan không? Đã bao giờ em nói dối bố mẹ hay đi chơi mà không nói với bố mẹ chưa? Những lúc đó, bố mẹ em có phản ứng thế nào và em cảm thấy như thế nào?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ trả lời

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- Nêu suy nghĩ cá nhân

**B4: Kết luận, nhận định**

*GV dẫn dắt vào bài học mới:*

Chúng ta sẽ không tránh khỏi những lúc ham chơi mà quên không nói với bố mẹ. Chúng ta sẽ có lúc quên đi gia đình đầy yêu thương của mình để đi khám phá những điêu ta cho là hấp dẫn bên ngoài. Nhưng gia đình vẫn luôn ở đó, che chở, vỗ vê, động viên ta, cho ta một chỗ dựa tinh thần vững chắc. Em bé trong bài thơ ***Mây và sóng*** của Tagore đã đi chơi quên đường về, hay ở nhà với mẹ? Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu.

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu**: Biết được những nét chung về tác giả, tác phẩm,cách đọc văn bản.

**b. Nội dung**: HS suy nghĩ cá nhân , thảo luận để trả lời hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1:**  **B1: Giao nhiệm vụ HT (GV)**  - GV Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi:  Nêu những hiểu biết của em về nhà văn Ra-bin-đơ -ra-nát Ta-go và bài thơ ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin.  **HS** quan sát SGK.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt KT lên màn hình.  **GV mở rộng:**  - Tài năng nhưng số phận Ta-go gặp nhiều bất hạnh.  - Sự nghiệp sáng tác:    + Ta-go đã để lại cho nhân loại gia tài văn hóa đồ sộ: 52 tập thơ, 42 vở kịch, 12 bộ tiểu thuyết, khoảng 100 truyện ngắn, trên 1500 bức họa và nhiều bút kí, luận văn…   + Một số tác phẩm tiêu biểu: *Tập thơ Người làm vườn, tập Trăng non, tập Thơ dâng…*  + Vào năm 1913, ông trở thành người Châu Á đầu tiên được trao Giải Nobel Văn học với tập “Thơ dâng”  - Phong cách sáng tác: Đối với văn xuôi, Ta-go đề cập đến các vấn đề xã hội, chính trị, giáo dục. Về thơ ca, những tác phẩm của ông thể hiện tinh thần dân tộc và dân  chủ sâu sắc, tinh thần nhân văn cao cả và chất trữ tình triết lí nồng đượm; sử dụng thành công những hình ảnh thiên nhiên mang ý nghĩa tượng trưng, hình thức so sánh, liên tưởng và thủ pháp trùng điệp.  - Phong cách sáng tác: Đối với văn xuôi, Ta-go đề cập đến các vấn đề xã hội, chính trị, giáo dục. Về thơ ca, những tác phẩm của ông thể hiện tinh thần dân tộc và dân chủ sâu sắc, tinh thần nhân văn cao cả và chất trữ tình triết lí nồng đượm; sử dụng thành công những hình ảnh thiên nhiên mang ý nghĩa tượng trưng, hình thức so sánh, liên tưởng và thủ pháp trùng điệp.  **2. Nhiệm vụ 2**  **B1: Giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn cách đọc diễn cảm, lưu loát, GV đọc mẫu -> yêu cầu HS đọc.  - Giao nhiệm vụ:  Bài thơ này viết theo thể thơ gì?  Xác định phương thức biểu đạt chính?  Bài thơ chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**- Đọc văn bản  - Làm việc cá nhân 3 phút  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày , theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **GV***:* Nhận xét cách đọc của HS.  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục tìm hiểu chi tiết văn bản. | **I. Tìm hiểu chung**  **1.Tác giả**  - Ra-bin-đơ-ra-nátTa-go (1861–1941), là nhà thơ hiện đại lớn nhất của Ấn Độ, là nhà thơ đầu tiên của châu Á được nhận giải thưởng Nô-ben về văn học (năm 1913).  - Là nhà thơ của tình yêu và lòng nhân ái.  - Gia tài sáng tác đồ sộ với nhiều thể loại phong phú: thơ kịch, tiểu thuyết, truyện ngắn.  **2. Tác phẩm**  **- Xuất xứ:***Mây và Sóng* in trong tập thơ *Trẻ thơ(1909), sau được Ta-go dịch ra tiếng Anh và in trong tập Trăng non(1915)*  **- Hoàn cảnh sáng tác:**Trong giai đoạn nhà thơ chịu nhiều mất mát buồn đau khi nhiều người thân trong gia đình lần lượt qua đời.  **3. Đọc- kể tóm tắt**  **a. Đọc và tóm tắt.**  - Thể thơ : tự do  - PTBĐ chính: biểu cảm  **b. Bố cục**  - Chia làm 2 phần  + P1: Từ đầu … Từ đầu đến xanh thẳm.  🡪 câu chuyện của em bé với mẹ về những người trên mây  + P2: còn lại:  🡪 câu chuyện của em bé với mẹ về những người ở trong sóng |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a)Mục tiêu**:  HS tìm hiểu câu chuyện người trên mây rủ đi chơi qua đó thấy được lòng yêu thương của em giành cho mẹ.

**b) Nội dung hoạt động:** HS trả lời, hoạt động cá nhân, nhóm thông qua phiếu bài tập.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1**  **B1: Giao nhiệm vụ HT (GV)**  **YC HS đọc thầm đoạn 1 và suy nghĩ trả lời:**  - Qua lời trò chuyện của những người “trên mây” và “trong sóng”, em thấy thế giới của họ hiện lên như thế nào? Thế giới đó có gì hấp dẫn?  - Cách đến với thế giới của họ có gì đặc biệt?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 3 phút  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 3 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nx, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau.  ***Hết tiết 1***  **2. Nhiệm vụ 2**  **B1: Giao nhiệm vụ học tập:**  - Chia nhóm bàn, giao nhiệm vụ:  Khi được rủ đi chơi lúc đầu em bé có thái độ, tâm trạng như thế nào?  Cuối cùng em đã quyết định lựa chọn điều gì? Vì sao?  Nhận xét về tâm trạng, tình cảm em bé?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - 5 phút thảo luận nhóm và hoàn thành câu hỏi vào nháp  - Các thành viên của nhóm sẽ thảo luận và đóng góp ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Yêu cầu đại diện nhóm trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS** - Đại diện nhóm trung tâm lên trình bày sản phẩm.  - Các bạn khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của nhóm.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau.  **3. Nhiệm vụ 3**  **B1: Giao nhiệm vụ học tập**  **Chia nhóm hoàn thành phiếu học tập số 1**  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, làm việc cá nhân, làm việc nhóm  - Em có nhận xét gì về cấu trúc nội dung và hình thức giữa 2 câu chuyện mà em bé kể  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt Kt  **4. Nhiệm vụ 4**  **B1: Giao nhiệm vụ (GV)**  - G V giao nhiệm vụ  + Những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ?  + Nội dung chính của bài thơ “Mây và sóng”?  + Ý nghĩa của văn bản.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Câu trả lời của HS  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nx thái độ và kết quả làm việc của hs  *CHNC*: VB Mây và sóng có hình thức khác vơi VB Truyện cổ tích về loài người về số tiếng, số dòng… tại sao vẫn được coi là VB thơ? | **II. Đọc – hiểu văn bản**  **1. Lời mời gọi của những người sống “trên mây” và “trong sóng”**  *- Thế giới của người sống trên mây và “ trong sóng”*  + Thế giới của những người sống “trên mây”: Rực rỡ, lung linh, huyền ảo (ánh sáng mặt trời vàng buổi bình minh, ánh sáng vầng trăng bạc khi đêm về);  + Thế giới của những người sống “trong sóng”: Vui vẻ và hạnh phúc (chỉ có ca hát và rong chơi khắp nơi)  *- Cách đến với họ:*  + Đến nơi tận cùng trái đất, đưa tay lên trời;  + Đến bờ biển cả, nhắm nghiền mắt lại.  🡪 Hình ảnh thiên nhiên mây và sóng 2 hình ảnh tượng trưng bay bổng, lung linh, kì ảo: Lời mời gọi của một thế giới kì diệu, hấp dẫn với cách đến đơn giản.  🡺 Gợi lên trong em bé những khát khao được khám phá, ngao du ở những xứ sở xa xôi, kì bí.  **2. Lời từ chối của em bé**  - Khi mới được rủ rê,mời mọc, em bé rất muốn đi chơi nhưng còn lưỡng lự với những câu hỏi (sgk)  - Sau đó em đã từ chối lời mời mọc đầy quyến rũ của *mây* và *sóng* (chi tiết sgk)  🡪 Vì tình yêu thương của mẹ đã thắng lời mời gọi đầy hấp dẫn của những người “trên mây” và “trong sóng”.  🡺Tinh thần nhân văn sâu sắc của bài thơ thể hiện ở sự vượt lên ham muốn ấy. Đó chính là *sức níu giữ của tình mẫu tử.*  **3.Trò chơi sáng tạo của em bé**  **-** Trò chơi của em bé rất hay, thú vị, sáng tạo vừa thỏa ước mong làm mây, làm sóng tinh nghịch, bay cao, lan xa phiêu du khắp chốn; lại vừa được quấn quýt bên mẹ - như mây quấn quýt bên vầng trăng, như sóng vui đùa bên bờ biển.  🡪 Tình mẫu tử hòa quyện, lan tỏa, thâm nhập khắp thiên nhiên, vũ trụ mênh mông.  \* So sánh 2 trò chơi:  - Sử dụng cấu trúc trùng điệp có sự tương đồng về hình thức và nội dung => bài thơ có sự nhịp nhàng, sinh động, sâu sắc hơn  **III. Tổng kết**  a.  **Nghệ thuật**  - Bố cục hai phần giống nhau, sự giống nhau nhưng không trùng lặp về ý và lời.  - Sáng tạo nên những hình ảnh thiên nhiên bay bổng, lung linh, kỳ ảo song vẫn rất sinh động và chân thực gợi nhiều liên tưởng.  **b. Nội dung**  Ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt.  **c. Ý nghĩa**  Bài thơ ca ngợi ý nghĩa thiêng liêng của tình mẫu tử |

**3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**:Giúp HS

- Hs viết được đoạn văn kể chuyện tưởng tưởng

- Sử dụng ngôi kể thứ nhất.

**b. Nội dung***:* Hs viết đoạn văn

**c. Sản phẩm:**  Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1: Giao nhiệm vụ HT (GV):**

Hãy tưởng tượng em là người đang trò chuyện với mây và sóng. Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) về cuộc trò chuyện ấy.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS viết đoạn văn

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS đọc đoạn văn

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

**4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: GV giao bài tập cho HS

- Em làm thế nào khi nhận được những lời mời mọc, rủ rê đi chơi của các bạn khi mẹ dặn phải ở nhà

- Sưu tầm những câu chuyện, bài thơ, bài hát có ý nghĩa viết về tình mẫu tử.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**B3:Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho .

**IV: HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Phiếu học tập số 1**

| **Tìm hiểu trò chơi sáng tạo của em bé** | | |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Hình ảnh/ biện pháp tu từ** | **Nhận xét** |
| **Trò chơi mới của em bé** | * Biện pháp so sánh: ……………………… * Biện pháp điệp ngữ…………………… * Biện pháp điệp ngữ: ………….. |  |
| Em bé đã tạo ra trò chơi mới như thế nào?:  + Người chơi :  + Nhập vai :  + Địa điểm: đại dương mênh mông.  + Cách chơi : |  |

| Ngày soạn | 7/10/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 10/10/2022 | 11/10/2022 | 11/10/2022 |

**Tiết 21: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Chủ động tìm hiểu và đọc trước các thông tin có liên quan đến nội dung bài học.

- HS nhận biết được BPTT ẩn dụ trong các trường hợp cụ thể.

- Chủ động thảo luận, trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

- Giải quyết vấn đề một cách sáng tạo.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Năng lực nhận diện và phân tích các biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ.

- Phân tích được công dụng của dấu ngoặc kép, đại từ nhân xưng.

**2. Về phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức tiếng Việt vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

- Chăm chỉ, có trách nhiệm trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**: sgk, máy tính, ti vi...

**2. Chuẩn bị của HS**: sgk vở ghi, sự chuẩn bị ở nhà.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ HT**

**- GV tổ chức trò chơi giải ô chữ, tìm từ khóa, HS tham gia trò chơi.**

Câu 1: Tác giả của bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người* là ai?

Câu 2: Rabindranath Tagore là nhà thơ của nước nào?

Câu 3: Điền từ còn thiếu trong đoạn thơ sau:

*Trời sinh ra trước nhất*

*Chỉ toàn là trẻ con*

*Trên trái đất trụi trần*

*Không [...] ngọn cỏ*

Câu 4: Bài thơ *Mây và sóng* của Tagore ngợi ca tình cảm đẹp đẽ nào của con người?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS lắng nghe và suy nghĩ trả lời câu hỏi

**B3: Báo cáo, thảo luận:**  HS đưa ra câu trả lời

**B4: Kết luận, nhận định: GV dẫn vào bài mới, HS tiếp nhận thông tin bài học.**

Ở tiết học trước, các em đã làm quen với biện pháp so sánh. Trong tiếng Việt, có một biện pháp tu từ khác rất gần với biện pháp tu từ so sánh, đó là biện pháp ẩn dụ. Nếu không để ý kỹ, chúng ta rất dễ nhầm lẫn hai biện pháp tu từ này. Vậy ẩn dụ là gì, chúng ta cùng đi vào bài học ngày hôm nay.

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các khái niệm về ẩn dụ. Củng cố lại kiến thức về dấu câu và đại từ đã được học ở Tiểu học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV chiếu ví dụ lên màn chiếu, yêu cầu một HS đọc và chú ý vào từ in đậm  Từ mặt trời ở câu thơ nào dùng với nghĩa thông thường?  -Vậy, từ mặt trời trong “mặt trời của mẹ” nghĩa là gì? **Tác dụng của cách diễn đạt này?**  - Học sinh tiếp nhận và thực hiện.  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: suy nghĩ, trình bày cá nhân .  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS suy nghĩ trả lời theo **hình thức cặp đôi chia sẻ**  **Phép tu từ ẩn dụ là gì? Tác dụng của phép tu từ ẩn dụ trong diễn đạt?**  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh: suy nghĩ, thảo luận chia sẻ cặp đôi .  - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi nhận xét  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá- Giáo viên nhận xét, đánh giá  2. Nhiệm vụ 2  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  - GV cho VD yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ:  - Em hãy đọc đoạn VB dưới đây và cho biết, dấu chấm đã được đặt đúng vị trí trong các câu chưa? Nếu sai, sửa lại cho đúng?  *Chú bé bước vào đầu chú. Đội chiếc mũ sắt dưới chân. Đi đôi giày da trên trán. Lấm tấm mồ hôi.*  - Em biết những dấu câu nào trong tiếng Việt? (11)  GV cho ví dụ, yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Trong bài thơ Mây và sóng có nhiều đoạn dẫn lời nói trực tiếp của các nhân vật. Em hãy cho biết dấu câu nào được dùng để đánh dấu những lời nói trực tiếp đó?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nx, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nx, đánh giá, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.  **3. Nhiệm vụ 3**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  - GV đặt yêu cầu:  Em hãy nêu một số đại từ nhân xưng mà em biết và hay sử dụng.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo,thảo luận**  - HS trả lời;  - GV gọi HS khác nx, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **I. Bài học**  **1. Ẩn dụ**    **a. Ví dụ:**  **Mặt trời** của bắp thì nằm trên đồi  **Mặt trời** của mẹ, em nằm trên lưng.  *(Nguyễn Khoa Điềm, Khúc hát du những em bé lớn trên lưng mẹ)*  Từ **mặt trời** trong dòng thơ “**Mặt trời** của mẹ, em nằm trên lưng” dùng để chỉ em bé.  Tác dụng: Con giống như mặt trời tỏa ánh sáng trong cuộc đời mẹ. Ví con như mặt trời, nhà thơ nói lên tình yêu con tha thiết của người mẹ.  Kết luận: Từ **mặt trời** trong dòng thơ “**Mặt trời** của mẹ, em nằm trên lưng” là hình ảnh ẩn dụ.  **b. Kết luận:**  **Ẩn dụ** là biện pháp tu từ **gọi tên sự vật hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác** có **nét tương đồng** với nó, nhằm làm **tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt**. Nét tương đồng giữa các sự vật dựa vào cảm nhận chủ quan của người sử dụng nó.  **2. Dấu câu**  - Dấu câu là phương tiện ngữ pháp dùng trong chữ viết, có tác dụng làm rõ trên mặt văn bản một cấu tạo ngữ pháp bằng cách chỉ ra ranh giới giữa các câu, giữa cá thành phần của câu.  - Dấu câu dùng thích hợp thì người đọc hiểu rõ hơn, nhanh hơn. Không dùng dấu câu,hoặc dùng sai dấu câu có thể gây ra hiểu nhầm.  **\* Dấu ngoặc kép:**  **-** Được dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật hay người nào đó.  - Đóng khung tên riêng tác phẩm, một từ hoặc cụm từ cần chú ý, hay hiểu theo một nghĩa đặc biệt;  -Trong một số trường hợp thường đứng sau dấu hai chấm.  **3. Đại từ**  - Đại từ thường dùng để xưng hô (tôi, chúng tôi, chúng ta...); để hỏi (ai, gì, bao nhiêu, mấy, thế nào...);  - Đại từ chỉ ngôi là những đại từ để chỉ ngôi:  + Ngôi 1   * Số ít: tôi/tao/tớ/ta * Số nhiều: chúng tôi/chúng tao, bọn tao/bọn tớ   + Ngôi 2   * Số ít: mày/mi/ngươi/bạn * Số nhiều: các bạn/chúng mày/tụi mi/tụi bay   + Ngôi 3   * Số ít: nó/hắn/y/cô ấy/anh ấy   Số nhiều: chúng nó/bọn hắn/ họ |

|  |  |
| --- | --- |

**3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học: biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ; dấu câu; đại từ nhân xưng.

**b. Nội dung:**Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. nhiệm vụ 1**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  - GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS hoàn thành bài tập 1  + Nhóm 1,2 bài 1  + Nhóm 3,4 bài 2  **B2: thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nx, đánh giá, chốt KT 🡺 Ghi lên bảng.  **2. Nhiệm vụ 2**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  - GV yêu cầu HS đọc và hoàn thành bài tập 3 SGK trang 47;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng  **3. Nhiệm vụ 3**  **B1: giao nhiệm vụ HT**  - GV yêu cầu HS đọc và hoàn thành bài tập 5, 6 SGK trang 47;  - GV gợi ý: sự khác nhau giữa *chúng ta*, *chúng tớ* và *bọn tao*, *chúng tao* là gì?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nx đánh giá, chốt kiến thức 🡺 Ghi bảng.  *\* CHNC*: tìm 1,2 câu ca dao có sd BPTTđiệp ngữ | **II. Luyện tập**  **1.Bài 1: sgk/47**  **\* Có thể liên tưởng tới 1 số hình ảnh sau**  **-** *Mây* và *sóng* ẩn dụ cho thiên nhiên tươi đẹp, thơ mộng đầy hấp dẫn  - *Mây* và *sóng* mở ra những thế giới xa xôi, hư ảo, huyền bí  - *Mây* và *sóng* ẩn dụ cho những cám dỗ ở đời.  **Bài 2: sgk/47**  - Sử dụng BPTT ẩn dụ  + H/a bình minh vàng: mở ra một không gian tràn ngập ánh sáng mặt trời rực rỡ, lấp lánh -> gợi ý nghĩa về sự quý giá của mỗi khoảnh khắc thời gian  + H/a vầng trăng bạc: mĩ lệ hóa vẻ đẹp của vần trăng như chiếc đĩa bạc  **Bài 3 SGK trang 47**  - Điệp ngữ *lăn*  🡪 Tác dụng:  + Hình ảnh tả thực: hành động em bé sà vào lòng mẹ hết lần này đến lần khác.  + Hình ảnh tả thực: những con sóng nối tiếp nhau, chạy đuổi theo nhau lan xa trên mặt đại dương bao la rồi vỗ vào bờ cát.  🡪 Gợi hình ảnh em bé vô tư hồn nhiên, tinh nghịch vui chơi bên người mẹ hiền từ, dịu dàng, âu yếm che chở cho con.  **Bài tập 5, 6 SGK trang 47**  - *Chúng ta* là đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số nhiều;  - *Chúng ta* trong những lời nói trực tiếp ở bài *Mây và sóng* dùng để chỉ những người “trên mây” và “trong sóng”.  - *Chúng mình,* *bọn mình*: những đại từ ngôi thứ nhất số nhiều bao gồm cả người nói và người nghe.  - *Chúng tôi*, *bọn mình*, *chúng tớ*: những đại từ ngôi thứ nhất số nhiều chỉ bao gồm người nói. |

**4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Tưởng tượng em là em bé trong bài *Mây và sóng*. Em hãy viết một đoạn văn ngắn (5 – 7 câu) nêu cảm nhận của em về hai người bạn “trên mây” và “trong sóng”, trong đoạn văn có sử dụng dấu ngoặc kép, đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số nhiều và biện pháp tu từ điệp ngữ.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

| Ngày soạn | 7/10/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 11/10/2022 | 15/10/2022 | 12-15/10/2022 |

**TIẾT 22 + 23: Văn bản (3): BỨC TRANH CỦA EM GÁI TÔI**

**– *Tạ Duy Anh* –**

** **

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực:**

**a. Năng lực chung.**

- Biết chủ độngtìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để nhận biết được chủ đề của văn bản và tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.

- Biết lựa chọn phương thức thảo luận nhóm , phương tiện giao tiếp phù hợp để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề một cách sáng tạo.

- Tích cực, chủ động trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**b.** **Năng lực đặc thù.**

- Trình bày một vài nét cơ bản về tác giả, tác phẩm.

- Xác định được ngôi kể trong văn bản “Bức tranh của em gái tôi”, tóm tắt được văn bản.

- Nhận biết được các chi tiết miêu tả hình dáng, cử chỉ, lời nói, suy nghĩ của các nhân vật Kiều Phương và người anh trai. Từ đó hình dung ra đặc điểm của từng nhân vật.

- Nhận ra được bài học về cách ứng xử trước thành công của người khác và ứng xử trước lỗi lầm của người khác

**2. Về phẩm chất:**

- *Chăm chỉ:* Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày.

*- Trách nhiệm:* Yêu thương cha mẹ và gia đình. Nhân ái, yêu gia đình, vị tha, bao dung trước lỗi lầm của người khác

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**: SGK, SGV, Máy chiếu, máy tính.

**2. Chuẩn bị của học sinh**: Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỞ ĐẦU:**

**a. Mục tiêu**: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

**b. Nội dung hoạt động**: Chia sẻ về bản thân

**c. Sản phẩm học tập**: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

**d. Tổ chức hoạt động:**

**B1. Giao nhiệm vụ:** GV đưa ra câu hỏi tình huống để HS trình bày trải nghiệm

*“ Trong gia đình, khi em có thành tích hoặc niềm vui, mọi người sẽ bộc lộ tình cảm như thế nào? Trước tài năng , thành công , niềm vui của người khác em có cảm xúc như thế nào và ứng xử ra sao?”*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày trước lớp suy nghĩ cá nhân.

**B4: Kết luận, nhận định (GV):** Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào bài**:** Hôm nay các em sẽ được học VB “ Bức tranh của em gái tôi” của tác giả Tạ Duy Anh .

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**\*) Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu**: HS nêu được nét chính về nhà văn Tạ Duy Anh, tác phẩm, tóm tắt truyện

**b. Nội dung**: GV hướng dẫn HS đọc, tìm hiểu dưới sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS, phiếu học tập

**d. Tổ chức thực hiện**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1:**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi  - Nêu những hiểu biết của em về nhà văn Tạ Duy Anh và tác phẩm?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **- GV** hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin.  **- HS** quan sát SGK.  **B3: Báo cáo, thảo luận: HS** trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình.  **GV mở rộng về tác giả**  Tạ Duy Anh là hội viên hội nhà văn VN; hiện công tác tại NXB Hội Nhà văn. Ông đã từng nhận giải thưởng truyện ngắn nông thôn do báo Văn nghệ, báo Nông nghiệp và Đài tiếng nói VN tổ chức; giải thưởng truyện ngắn của tạp chí Văn nghệ quân đội.  **2. Nhiệm vụ 2**  **B1: Giao nhiệm vụ**  GV hướng dẫn đọc: diễn cảm, chú ý đoạn văn miêu tả tâm lý nv  + Lúc dầu: giọng người anh thân mật.  + Sau khi nghe chú Tiến Lê nói với bố mẹ về tài vẽ của Mèo -> giọng người anh hiềm khích, ghen tị.  + Cuối truyện: giọng ân hận, xấu hổ.  GV đọc mẫu -> yêu cầu HS đọc.  *- HS trả lời các câu hỏi:*  - Xác định ngôi kể của văn bản? Ngôi kể này có thuận lợi gì*?*  *-*  Nhân vật chính trong văn bản?Xác định PTBĐ chính?  *-* Tóm tắt văn bản theo trình tự sắp xếp các sự việc?  - Chia bố cục của văn bản?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Đọc văn bản-> Làm việc cá nhân 3 phút  **GV**: Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày, theo dõi, nx, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **GV***:* Nhận xét cách đọc của HS.  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Tạ Duy Anh;  - Năm sinh: 9/9/1959  - Quê Hà Nội  - Là nhà văn trẻ trong thời kì đổi mới, có nhiều sáng tác viết cho thiếu nhi : *Quả trứng vàng, Vó ngựa trở về, Bức tranh của em gái tôi...*  **2. Tác phẩm**  **a) Đọc – chú thích**  - HS đọc diễn cảm phù hợp với tâm lý nhân vật.  Chú thích (SGK), giải thích từ khó.  **b) Tìm hiểu chung**  **- xuất xứ:** Truyện ngắn đoạt giải nhì cuộc thi "Tương lai vẫy gọi" do báo TNTP tổ chức (1998)  **- Ngôi kể:** ngôi thứ nhất *(Bộc lộ được suy nghĩ tình cảm của nhân vật người anh một cách tự nhiên, chân thật)*  **- PTBĐ:** Tự sự, miêu tả  ***-* Nhân vật chính:** Anh trai – Kiều Phương  **c. Tóm tắt:**  SV1: Kiều Phương(Mèo) thích lục đồ đạc, mê vẽ -> người anh ngạc nhiên, vui vẻ.  SV 2: Kiều Phương được phát hiện có tài hội họa  SV3: Cả nhà vui mừng còn người anh xa lánh, đố kị em.  SV4: Kiều Phương đạt giải nhất tại trại thi vẽ tranh quốc tế với bức vẽ “anh trai tôi”,  SV 5: Cả nhà đi xem tranh, lúc này người anh trai: hãnh diện, xấu hổ, nhận ra tấm lòng của em  **\* Bố cục (3 phần)**  - Phần 1 (từ đầu đến “phát huy tài năng”): Tài năng của em gái được mọi người phát hiện.  - Phần 2 (tiếp đó đến “anh cùng đi nhận giả”): Lòng ghen tị và mặc cảm của người anh.  - Phần 3 (còn lại): Tâm trạng, cảm xúc của người anh khi đứng trước bức tranh của em gái. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu**:  HS tìm hiểu tính cách, tài năng nhân vật Kiều Phương, diễn biến tâm trạng nhân vật người anh và bài học rút ra qua truyện.

**b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời, hoạt động cá nhân, nhóm thông qua phiếu bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1**  **B1: Giao nhiệm vụ học tập:**  - chia lớp thành 6 nhóm:  **+ Nhóm 1+2:**  ? Tìm chi tiết miêu tả về ngoại hình, tính cách của Kiều Phương?  ? Qua đó em hiểu gì về tính tình của Kiều Phương ?  **+ Nhóm 3+4:**  ? Sở thích của Kiều Phương?  Tìm chi tiết nói về sở thích đó của nhân vật? Điều đó giúp em hiểu thêm gì về nhân vật người em?  **+ Nhóm 5+6:**  ? Tìm những chi tiết thể hiện cách cư xử của Kiều Phương dành cho mọi người và cho anh trai?  ? Bức tranh Kiều Phương vẽ anh trai đã bộc lộ điều gì?  ? Em có nhận xét gì về Kiều Phương?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - 5 phút thảo luận nhóm và hoàn thành câu hỏi  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Yêu cầu đại diện nhóm trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày .  - Đại diện nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các bạn khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của nhóm.  - Chốt KT lên màn hình, nhận xét về nghệ thuật và nội dung, chuyển dẫn sang mục sau.  ***( hết tiết 1)***  **2. Nhiệm vụ 2**  **B1: Giao nhiệm vụ HT (GV)**  - HS hoàn thiện phiếu HT số 2  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS Làm việc cá nhân 2’, nhóm 3 phút  GV Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Trình bày câu trả lời của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm HT của HS.  ***Phiếu HT số 2***   | **Tìm những chi tiết cho thấy tâm trạng người anh**  **có sự thay đổi ở hai thời điểm dưới đây.** | | | --- | --- | | **Khi tài năng của em gái chưa được phát hiện** | **Khi tài năng của em gái được phát hiện** | | - Đặt biệt danh cho em là Mèo  - Thấy em lục lọi đồ đạc-> Nhắc nhở quan tâm  - Khi thấy em có hành động lạ thì bí mật theo dõi | **Với chính bản thân:**  Cảm thấy mình bất tài nên bị đẩy ra ngoài.  Khi ngồi một mình, chỉ muốn gục mặt xuống khóc.  **Với em gái:**  Không thân với em như trước kia  Chỉ cần một lỗi nhỏ là gắt um lên  Lén lút xem trộm tranh của em rồi  trút tiếng thở dài.  Khi em đạt giải, ôm cổ anh để chiasẻ niềm vui thì anh viện cớ gạt ra. | | **Nhận xét:**Tình cảm anh em thân thiết gắn bó. | **Nhận xét:** Từ giận mình, người anh chuyển sang giận em gái, từ sự tự ti chuyển thành sự ghen tị , đố kị. |   *- GV liên hệ: không chỉ trong gia đình mà ở đâu cũng vậy. Lòng tự ái, mặc cảm, đố kị khi thấy người khác có tài hơn mình là biểu hiện tâm lí dễ gặp ở mọi người nhất là lứa tuổi thiếu niên. chúng ta cần phải vượt qua sự ích kỉ tầm thường đó để có cách xử sự đúng đắn.*  **-** Nếu lớp em có bạn học giỏi, đạt được nhiều thành tích, em sẽ có thái độ ntn?  **3. Nhiệm vụ 3**  **B1: Giao nhiệm vụ học tập**  *? Sau khi xem bức tranh đạt giải nhất của em gái, người anh đã có sự thay đổi liên tục về tâm trạng, cảm xúc. Em hãy lí giải nguyên nhân của mỗi sắc thái cảm xúc ấy?*  Tại sao tác giả lại để cho bức tranh cảm hoá, làm thay đổi người anh?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày , nhận xét  **B4: Kết luận, nhận định**  **-** GV nx, chốt KT  **Gv:** Nv người anh mà tác giả xây dựng ở đây không phải là xây dựng chân dung về ngoại hình , về hành động mà phải xây dựng một chân dung về sự nhận thức về quá trình nhận thức để hoàn thiện bản thân, đấy cũng chính là chủ đề tư tưởng của toàn bộ tác phẩm. Nv không có tên gọi riêng, không có diện mạo riêng mà chỉ chủ yếu được khắc họa qua những chi tiết cảm xúc , suy nghĩ, trâm trạng.  **4. Nhiệm vụ 4**  **B1: Giao nhiệm vụ học tập**  Em hãy khái quát NT và ND chính của văn bản?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS suy nghĩ, trả lời  **B3: Báo cáo, thảo luận**: HS trình bày , nhận xét  **B4: kết luận, nhận định: G**V nx, chốt KT  *\* CHNC*: Trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của lòng bao dung, nhân hậu. | **II. Đọc- hiểu văn bản.**  **1. Nhân vật người em gái.**  **\* Ngoại hình, tính cách.**   * *Tên là Kiều Phương* * *Anh đặt cho biệt hiệu là Mèo bởi vì khuôn mặt luôn bị chính nó bôi bẩn.* * *Dùng tên Mèo để xưng hô với bạn thật vui vẻ* * *Hay lục lọi các đồ vật*   **-> Hồn nhiên vô tư trong sáng, dễ thương.**  **\* Sở thích:** Yêu thích vẽ.  *- Em tự chế thuốc vẽ bằng những vật liệu có sẵn trong nhà từ các xoong nồi, bí mật vẽ tranh.*  *- Mọi thứ trong nhà đều được đưa vào tranh: cái bát cám lợn sứt mẻ cũng trở nên ngộ nghĩnh; con mèo vằn vào tranh to hơn cả con hổ nhưng nét mặt lại rất dễ mến...*  **-> Là cô bé chăm chỉ, say mê nghệ thuật, có năng khiếu hội họa, đáng khâm phục.**  **\*Tình cảm dành cho gia đình, mọi người:**   * Vui vẻ chấp nhận biệt hiệu “Mèo” anh tặng. * Dễ thân với bé Quỳnh, chú Tiến Lê ( họa sĩ) * Bị anh mắng vô cớ cũng không khóc hay cãi lại. * Đi thi vẽ tranh - vẽ về anh trai với tất cả tình yêu thương anh. * Được giải, hồ hởi ôm cổ anh chia vui.   -> Bức tranh đạt giải đã thể hiện tài năng hội họa vượt trội và tấm lòng nhân hậu, yêu thương anh của Kiều Phương.  **-> Vui vẻ, cởi mở, nhân hậu.**  \* Kiều Phương là cô bé hồn nhiên vô tư, đáng yêu, có tài năng hội họa, có tấm lòng trong sáng, khoan dung, độ lượng....  **- Nghệ thuật miêu tả:**  + Quan sát tinh tế, lựa chọn hình ảnh tiêu biểu.  + Sử dụng ngôn ngữ trong sáng, dễ hiểu.   * **Nội dung**: Tác giả đã vẽ lên bức chân dung người em là cô bé vô tư, hồn nhiên, trong sáng,có năng khiếu hội họa và có tấm lòng nhân hậu, vị tha.   **2. Diễn biến tâm trạng nhân vật người anh:**  **a. Khi chưa phát hiện ra tài năng của em .**  - Ngạc nhiên khi biết em chế thuốc vẽ, xem thường em  -> Thái độ: Vui vẻ, gần gũi quan tâm đến em.  **b. Tâm trạng người anh khi phát hiện ra tài vẽ của em:**  - Tâm trạng: Đau khổ, thất vọng, tự ti, mặc cảm, ghen tị , đố kị  **c. Tâm trạng của người anh khi em đoạt giải**  - Giật sững  - Bám chặt tay mẹ  - Ngỡ ngàng  - Hãnh diện  - Xấu hổ  -> Bất ngờ, xúc động mạnh  - Tôi muốn khóc quá  🡪Hối hận  - Người anh đã nhận ra thói xấu của mình và cảm động trước tình cảm trong sáng mà em gái đã dành cho mình.  => Qua bức tranh "Anh trai tôi" tác giả đã khẳng định sức mạnh của nghệ thuật : hướng con người tới cái thiện, cái đẹp.  **3. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật.**  - Miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc, ngôn ngữ độc thoại nội tâm.  - Cách kể chuyện tự nhiên, hấp dẫn.  - Ngôi kể thứ nhất  **2. Nội dung- ý nghĩa**  - Đề cao tình cảm yêu thương gia đình giữa hai anh em và đề cao tình cảm trong sáng, nhân hậu bao giờ cũng lớn hơn, cao đẹp hơn lòng ghen ghét đố kỵ. |

**3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

*GV yêu cầu HS:* GV chia lớp thành 2 nhóm- dãy bàn thảo luận và nêu ý kiến của mình trong các tình huống:

***Tình huống 1:***Nếu em có một khả năng đặc biệt nào đó so với mọi người xung quanh, mọi người tự ti vì họ không giỏi bằng em và có xu hướng đố kỵ. Trong TH đó, em sẽ làm gì?

***Tình huống 2:***Nếu em thấy bạn khác thông minh, giỏi hơn mình và được mọi người công nhận. Em cũng muốn được người khác công nhận mình như thế, em có buồn vì bạn giỏi hơn mình không? Em sẽ làm gì để em và bạn vẫn thân thiết với nhau? Em sẽ làm gì để mọi người công nhận em?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS thảo luận đưa ra ý kiến

**B3: Báo cáo, thảo luận**: Đại diện nhóm 1,2 HS trình bày ý kiến

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ HT**

*- GV yêu cầu HS:* Từ các VB ***Chuyện cổ tích về loài người***, ***Mây và sóng***, ***Bức tranh của em gái tôi***, em nhận thấy điều quan trọng nhất có thể gắn kết các thành viên trong gia đình là gì? Hãy viết một đoạn văn ngắn để nêu quan điểm của em.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hành viết đoạn văn

**B3: Báo cáo, thảo luận:** Bài viết của HS – gọi 2 hs đọc bài viết

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

| Nhân vật Kiều Phương | |
| --- | --- |
| Biệt danh | **……………………………………………………………** |
| Ngoại hình | **……………………………………………………………** |
| Cử chỉ  Hành động | **……………………………………………………………**  **……………………………………………………………** |
| Tài năng | **……………………………………………………………** |
| Thái độ | **……………………………………………………………** |
| Nhận xét: …………………………………………………………………. | |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

| **Tìm những chi tiết cho thấy diên biến tâm trạng người anh có sự thay đổi ở hai thời điểm dưới đây.** | |
| --- | --- |
| **Khi tài năng của em gái chưa được phát hiện** | **Khi tài năng của em gái được phát hiện** |
| **………………………………..**  **…………………………………** | **Với chính bản thân:**  **……………………………………**  **Với em gái:**  **…………………………….** |
| **Thái độ:**  **…………………………………** | **Thái độ:**  **…………………………………**  Em có đồng tình với thái độ của người anh ko? Vì sao? |

| Ngày soạn | 7/10/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 15-17/10/2022 | 17-18/10/2022 | 17-19/10/2022 |

**Tiết 24+25: VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ CÓ YẾU TỐ TỰ SỰ VÀ MIÊU TẢ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Chủ động tìm hiểu nội dung bài học và thu thập các thông tin có liên quan.

- Lựa chọn, sử dụng phương thức giao tiếp, thảo luận và cách diễn đạt phù hợp.

- Lựa chọn được bài thơ phù hợp với yêu cầu và có khả năng phân tích được các nguồn thông tin liên quan đến nội chủ đề cần viết.

**b. Năng lực đặc thù**

- HS biết viết bài văn đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập ý; viết đoạn văn; chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

- HS viết được đoạn văn nêu cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả, đảm bảo bố cục và số lượng câu đúng quy định.

**2. Về phẩm chất**

**-** Chăm chỉ: Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

- Trau dồi tình yêu văn chương

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV:** Giáo án, máy tính, ti vi, phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ HT**

*- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp:*

+ Trong hai VB ***Chuyện cổ tích về loài người*** và ***Mây và sóng***, các tác giả đã đề cập đến vấn đề gì? Việc sử dụng hình thức thơ để thể hiện điều đó có tác dụng như thế nào?

+ Các yếu tố tự sự và miêu tả trong hai VB đó có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện tình cảm của nhà thơ?

**B2: THực hiện nhiệm vụ:** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, báo cáo kết quả hoạt động*

*- Dự kiến sản phẩm:*

+ Hai VB ***Chuyện cổ tích về loài người*** và ***Mây và sóng*** đề cập đến tình yêu gia đình, thiên nhiên và cuộc sống. Việc sử dụng hình thức thơ giúp nhà thơ thể hiện điều đó tốt hơn vì thơ là thể loại trữ tình, phù hợp với việc bộc lộ tình cảm.

+ Các yếu tố tự sự và miêu tả trong hai VB cho phép câu chuyện được tự kể, cảnh vật tự nói lên những điều cần thiết, mang dụng ý của tác giả mà tác giả không nhất thiết phải thể hiện một cách trực tiếp.

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS đưa ra câu trả lời.

**B4: Kết luận, nhận định**

*- GV dẫn dắt vào bài học mới: Giới thiệu bài học viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả.*

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu của đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS**.**

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1**  **B1: Giao nhiệm vụ HT:** GV yêu cầu HS:  *+ Theo em, một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả cần đáp ứng những yêu cầu gì?*  - GV gợi ý:  *+ Có cần phải giới thiệu về bài thơ không? Giới thiệu về bài thơ bao gồm những gì? Có cần giới thiệu tên bài thơ và tác giả hay không?*  *+ Có cần chỉ ra các yếu tố tự sự và miêu tả trong bài thơ không? Sau khi chỉ ra có cần phân tích để thấy tác dụng của nó trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ không?->* HS tiếp nhận nv  **B2: thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sản phẩm:  + Cần phải giới thiệu được về bài thơ, bao gồm: tên bài thơ, tên tác giả;  + Chỉ ra được các yếu tố TS, MT và phân tích được td của chúng đối với việc thể hiện tình cảm của nhà thơ;  + Nêu được ý kiến cá nhân, đồng tình hay không đồng tình, góp ý…  **B3: Báo cáo,thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi->GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nx, đánh giá, bổ sung, chốt KT-> Ghi lên bảng.  **2. Nhiệm vụ 2**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  - YC hs đọc bài viết tham khảo, sau đó TL các câu hỏi sau: (Thảo luận nhóm bàn).  - Đoạn văn giới thiệu nhan đề bài thơ, tên tác giả và nêu cảm xúc chung của người viết bằng câu văn nào?  - Cảm xúc của người viết được thể hiện qua những từ ngữ nào?  - Người viết đã nêu và đánh giá ý nghĩa của các chi tiết mang yếu tố TS,MT nào trong bài thơ?  - Nét độc đáo trong cách TS,MT của nhà thơ được t,giả chỉ ra trong câu văn nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhân nv, suy nghĩ TL câu hỏi.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Dựa vào kq làm việc nhóm, đại diện 1 số nhóm trả lời, các nhóm khác nx, bổ sung, đi đến thống nhất.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nx, bs -> chốt KT **(*hết tiết 1*)**  **3. Nhiệm vụ 3**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc.  - YC hs hoàn thiện phiếu HT số 1 để nắm được các yêu cầu của từng bước.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, thảo luận hoàn thành phiếu HT  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời CH  **B4: Kêt luận, nhận định**  **-** GV nx. Chốt KT | **I. Yêu cầu về kiểu bài**  **1. Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả**  - Giới thiệu nhan đề bài thơ và tên tác giả;  - Thể hiện được cảm xúc chung về bài thơ;  - Nêu các chi tiết mang tính tự sự và miêu tả trong bài thơ; đánh giá ý nghĩa của chúng trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ;  - Chỉ ra được nét độc đáo trong cách tự sự và miêu tả của nhà thơ.  **2. Phân tích bài viết tham khảo**  - Giới thiệu nhan đề bài thơ, tên tác giả -> câu 1 (mở đoạn)  - Thể hiện cảm xúc chung, đánh giá ý nghĩa của các chi tiết TS,MT và nêu nét độc đáo trong TS, MT: Từ “ Đi theo…của mình” 2 (thân đoạn)  - Khái quát lại cảm xúc chung: Câu cuối (kết đoạn)  **II. Các bước làm *Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả.***  **\* Xác định:**  - Mục đích viết: chia sẻ cx về một bài thơ có yếu tố TS, MT  - Dự kiến người đọc  **\* Gồm 4 bước**  - Lựa chọn bài thơ  - Tìm ý và lập dàn ý  - Viết bài  - Chỉnh sửa |

**3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ HT**

*- GV yêu cầu HS:* HS thực hành xác định bài thơ, tìm ý và lập dàn ý cho bài thơ được lựa chọn để viết.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tiến hành làm các bước: chọn bài thơ, tìm ý và lập dàn ý

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- Gọi 2,3 hs đọc phần dàn ý đã hoàn thiện -> hs khác nx, bs sung ý kiến

**B4: Kết luận, nhận định**

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS rà soát, chỉnh sửa lại dàn ý sau khi đã được nhận xét.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

| Ngày soạn | 14/10/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 18/10/2022 | 19/10/2022 | 19/10/2022 |

**Tiết 26: NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG GIA ĐÌNH**

**I. Mục tiêu**

**1 Năng lực:**

**- Năng lực chung**: Giúp cho HS rèn luyện kỹ năng nghe và nói về một vấn đề nào đó trong cuộc sống.

- **Năng lực đặc thù:** HS tiếp tục rèn luyện và phát triển kĩ năng trình bày về một vấn đề trong đời sống gia đình sao cho hấp dẫn và thuyết phục.

-Với tư cách là người nghe, HS biết cách lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tư tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày.

**2 Phẩm chất:**

- Chăm chỉ: có ý thức học tốt môn học, ham học hỏi

- Trách nhiệm, có ý thức rèn luyện bản thân khi nói và nghe.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:** SGK, máy chiếu, máy tính, phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** sgk, vở ghi, sự chuẩn bị ở nhà của HS

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:**

**-** Tạo tâm lí hứng thúđể HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

**b. Nội dung:**

**-** GV yêu cầu HS quan sát video và giao nhiệm vụ cho HS.

**-**  HS quan sát video, lắng nghe câu chuyện được kể và trả lời câu hỏi của GV.

**c. Kết quả học tập**

- Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- Gv cho HS xem 1 video clip kể chuyện sau đó ra câu hỏi:

? Em có nhận xét gì về phong thái, giọng nói của người kể chuyện

? Nội dung của đoạn video? Nhân vật trong đoạn video kể về điều gì?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân

- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung vào video (nếu có).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định:**GV nhận xét và kết nối vào bài

*Trong cuộc sống đôi lúc chúng ta muốn trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống gia đình, người khác lắng nghe và chia sẻ. Vậy làm thế nào đẻ trở thành người nói hấp dẫn, người nghe tích cực. Bài học ngày hôm nay sẽ hướng dẫn các em làm được điều đó.*

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

- HS xác định được mục đích nói và người nghe; Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói

- Luyện kĩ năng nói cho HS

- Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông

- Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.

**b. Nội dung:**

- HS trả lời câu hỏi của GV & nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

- Hoàn thành bài nói và biết đánh giá bài nói thông qua phiếu đánh giá tiêu chí.

**c. Sản phẩm học tập**

- Phần trình bày của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

**Trong hoạt động**

**Trước khi nói: Chuẩn bị nội dung nói và luyện tập.**

**a. Mục tiêu:** HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài, có kĩ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

**b. Nội dung:** HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm bài viết, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm (YC)** |
| --- | --- |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau:  - Bài nói nhằm mục đích gì?  - Người nghe là ai?  - Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói (trình bày)?  - Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút?  Hãy lập dàn ý cho bài nói của mình:  - Em sẽ lựa chọn đề tài nào trong các đề tài sau:  +Mối quan hệ của các thành viên trong gia đình  +Việc chăm sóc, lắng nghe thấu hiểu của cha mẹ với con cái  +Sự tôn trọng sở thích của từng người trong gia đình  +Những việc cần làm để gia đình trở thành một tổ ấm yêu thương....)   * HS có thể dựa vào các VB đã học để hình thành ý tưởng: Như sự yêu thương chăm sóc của những người thân dành cho trẻ em như trong bài ***Chuyện cổ tích về loài người;*** tình cảm gắn bó yêu thương của người mẹ với con trong **Mây và sóng** của Ta-go; tình yêu thương của anh chị em trong gia đình **trong Bức tranh của em gái tôi**... * HS có thể sử dụng thêm tranh ảnh, đạo cụ…để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn.   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS Trình bày sản phẩm trước nhóm, các em khác nghe, góp ý bằng phiếu học tập.  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  Em hãy tự tập luyện bằng cách:  - Đứng trước gương để tập trình bày ý kiến về một vấn đề  - Tự điều chỉnh giọng điệu, ngữ điệu, nét mặt…. cho phù hợp để tạo sức hấp dẫn cho bài nói**.**    - Em có thể rủ nhóm cùng tập luyện hoặc nhờ bố mẹ quay lại video bài tập luyện của mình để xem lại, tự điều chỉnh hoặc gửi video cho các bạn trong nhóm để cùng góp ý cho nhau. | **1. Chuẩn bị nội dung nói**  **Bước 1: Người nghe, mục đích, không gian và thời gia nói** (trình bày).  **Bước 2: Chuẩn bị nội dung nói**  **- Xác định đề tài:**  **- Các ý cần phải nói và sắp xếp theo trình tự phù hợp:**  + Nêu vấn đề:  + Các biểu hiện cụ thể của vấn đề  + Nêu tác dụng của vấn đề với các thành viên trong gia đình.  + Trình bày mong muốn của em và cách giải quyết vấn đề.  **Bước 3: Luyện tập và trình bày.**  + Để trình bày tốt, em hãy luyện tập trước ( trình bày một mình hoặc trước bạn bè, người thân)  + Cách nói: tự nhiên, gần gũi, chia sẻ, giãi bày.  **Bước 4: Trao đổi, đánh giá.**  \* **Bảng tự kiểm tra bài nói.**   | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | --- | --- | | - Bài nói có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. |  | | * Em đã trình bày lần lượt: Biểu hiện của vấn đề; tác dụng, mong muốn và cách giải quyết vấn đề |  | | - Các ý trong bài viết có |  | | - Các hành động của nhân vật được kể đầy đủ. |  | | - Người kể dùng ngôi thứ nhất để kể lại câu chuyện. |  | | - Người kể thể hiện cảm xúc phù hợp với nội dung được kể. |  | | Lí giải được sự quan trọng, ý nghĩa của vấn đề được nói. |  | |

**2. Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu: N1- GQVĐ .** Biết cách, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

**b. Nội dung:** HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.

**c. Sản phẩm:** Phần trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm (YC)** |
| --- | --- |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:Gọi một số  - HS trình bày bài nói trước lớp. Còn những hS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công**  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  - Giới thiệu rõ vấn đề định nói.  - Trình bày rõ ràng, mạch lạc những ý chính cần trình bày trong bài như: Biểu hiện, tác dụng, mong muốn của bản thân hoặc giải pháp về vấn đề được nói.  - Lấy những dẫn chứng về biểu hiện của vấn đề trong gia đình làm minh chứng điều mình nói.  - Lựa chọn, điều chỉnh những từ ngữ, câu văn biểu thị cảm xúc một cách hiệu quả nhất (phù hợp với văn nói).  - Điều chỉnh cung bậc của âm thanh, giọng nói cho phù hợp với từng cung bậc cảm xúc.  - Sử dụng cách xưng hô, ngữ điệu cho phù hợp với đối tượng người nghe và nội dung bài nói (trình bày).  - Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ để thể hiện cảm xúc về bài thơ: nét mặt, cử chỉ, điệu bộ nhưng phải chân thật và phù hợp.  - Tương tác cùng người nghe. | **2. Trình bày bài nói** |

**3. Trao đổi về bài nói**

**a. Mục tiêu:** N1- GQVĐ , HS được rèn kĩ năng đánh giá bài nói, kĩ năng nghe, từ đó rút kinh nghiệm cho bản thân khi khi thực hiện bài nói trước tập thể

**b. Nội dung: HS chắt lọc kiến SGK và trả lời câu hỏi**.

**c. Sản phẩm:** Phiếu đánh giá bài nói .

**d. Tổ chức thực hiện.**

| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm (YC)** |
| --- | --- |
| **\*Bước 1: GV giao nhiệm vụ**: Gọi một số  - HS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài nói trước lớp của bạn. Còn những hS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\*Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công**  **\*Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **\*Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.** | **3. Đánh giá bài nói**  - Mình nói (trình bày) cho người khác nghe thì tiếp thu những góp ý từ phía người nghe để tự rút kinh nghiệm.  - Nếu trong vai trò người nghe, hãy đưa ra những ưu điểm trong cách trình bày và chỉ ra những hạn chế cần khắc phục.  - Sử dụng bảng đánh giá để tự đánh giá và điều chỉnh bài nói của mình (Bảng dưới) |

| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ** | | | |
| --- | --- | --- | --- |
| **NHÓM............................** | | | |
| TIÊU CHÍ | Chưa đạt  (0 điểm) | Đạt  (1 điểm) | Tốt  (2 điểm) |
|  |  |  |
| 1. Chọn được vấn đề hay, có ý nghĩa | Chưa có vấn đề để nói | Có vấn đề để nói nhưng chưa hay | Có vấn đề để nói ấn tượng |
| 2. Nội dung vấn đề được chọn hay, phong phú, hấp dẫn | Nôi dung sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu được nội dung vấn đề | Có đủ ý để người nghe hiểu được nội dung vấn đề. | Nội dung vấn đề hay, phong phú, hấp dẫn |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm | Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại ngập ngừng nhiều lần. | Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu. | Nói to, truyền cảm hầu như không lặp lại hay ngập ngừng |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,..) phù hợp | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp với nội dung vấn đề | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi và/ hoặc không có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi và/ có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi và/ có lời kết thúc bài nói ấn tượng. |
| **Tổng: ................/10 điểm** | | | |

**CỦNG CỐ**

**a. Mục tiêu:** tạo tâm thế cho HS chuẩn bị trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

**b. Nội dung:** Hs chia sẻ kinh nghiệm của mình.

**c. Sản phẩm:** HS lắng nghe, suy nghĩ, chia sẻ.

**d. Tổ chức thực hiện**

Các em ạ, việc đọc đối với mỗi chúng ta là vô cùng quan trọng, đọc giúp chúng ta mở mang hiểu biết, trau dồi vốn ngôn ngữ, hoàn thiện tâm hồn. Các em đã tự đọc được những câu chuyện nào, những bài thơ nào rồi nhỉ. Sau khi thầy/ cô đã hướng dẫn các em cách khai thác từng thể loại truyện, thơ...Tiết học hôm nay, chúng ta cùng chia sẻ về kết quả của việc đọc mở rộng ở nhà nhé!

HS chia sẻ về các tác phẩm mà em đã đọc ở nhà.

HS tiếp nhận nhiệm vụ

GV nhân xét, đánh giá

| Ngày soạn | 15/10/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 18-22-24/10/2022 | 22-24-25/10/2022 | 22-24-26/10/2022 |

**BÀI 3 : YÊU THƯƠNG VÀ CHIA SẺ**

**TIẾT 27+ 28+ 29: Văn bản (1): CÔ BÉ BÁN DIÊM**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Chủ động thu thập kiến thức xã hội có liên quan đến các tác phẩm văn tự sự nước ngoài  
- Tự lập, tự tin, có tinh thần vượt khó khi tìm tòi về các tác phẩm văn tự sự nước ngoài

- Biết phân tích để giải quyết vấn đề liên quan đến nội dung của văn bản.

- Sử dụng phương thức giao tiếp, thaot luận phù hợp

**b. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết ngôi kể chuyện thứ 3; nhận biết được các chi tiết miêu tả hình dáng, cử chỉ, lời nói, suy nghĩ của nhân vật cô bé bán diêm. Từ đó hình dung được đặc điểm nhân vật và hiểu nội dung của truyện.

- Phân biệt được lời của người kể chuyện và lời nhân vật; bước đầu nhận biết thái độ của người kể chuyện được thể hiện qua lời kể, qua cách miêu tả.

- Biết nhận xét, đánh giá cách ứng xử của những người đi đường với cô bé bán diêm, từ đó tránh được sụ thờ ơ, vô cảm- nhất là đối với những thân phận người cần được quan tâm.

**2. Về phẩm chất**

- Chăm chỉ: có ý thức tự học, tự tìm hiểu

- Có trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng, môi trường tự nhiên,...  
+ Có ý thức công dân, có lối sống lành mạnh;  
+ Có tinh thần đấu tranh với những quan điểm sống thiếu lành mạnh, trái đạo lý.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV:** giáo án, sgk, phiếu HT, giấy a4 để thực hiện nhóm.

**2. Chuẩn bị của HS:** sgk, sự chuẩn bị của HS

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỤC TIÊU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b.Nội dung***:* Cho học sinh quan sát tranh ảnh trao đổi với bạn và trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ HT**

**-** GV chiếu hình ảnh:Em hãyquan sát và cho biết các ảnh này khiến em liên tưởng đến điều gì?

 

**B2**: **Thực hiện nhiệm vụ**: HS quan sát và suy nghĩ trả lời

**B3**: **Báo cáo, thảo luận**: HS đưa ra ý kiến, suy nghĩ cá nhân.

**B4**: **Kết luận, nhận định**: Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**\*) Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** **:** Nắm được thông tin chính vê nhà văn Andersen và truyện ngắn *Cô bé bán diêm.*

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp và trả lời câu hỏi: Cho biết những nét khái quát về tác giả, tác phẩm?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-** HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **-** Câu trả lời của HS  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nx, bổ sung, chốt kiến thức  **- GV bổ sung thông tin về tác giả, tác phẩm**  *Có thể nói An-đéc-xen là một con người  tài năng, yêu cuộc sống; là danh nhân văn hoá thế giới, là người bạn của tuổi thơ gần xa trên khắp hành tinh, là nhà văn của “mọi thời, mọi người, mọi nhà”. Tác phẩm của ông để lại rất nhiều nhưng chỉ có loại truyện cổ tích là làm cho tên tuổi của ông trở nên bất tử.*  **2. Nhiệm vụ 2**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  GV yêu cầu HS dựa vào VB, đọc và trả lời các CH  *+ Nhân vật chính trong VB là ai?*  *+ PTBĐ của VB là gì?Hình thức kể chuyện ntn?*  *+ Truyện Cô bé bán diêm được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ mấy?*  *+ Bố cục của văn bản?*  **B2:Thực hiện nhiệm vụ:**HS suy nghĩ, trả lời  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo kết quả thực hiện;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung,  chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Tên đầy đủ: Hans Christian Andersen.  - Năm sinh – năm mất: 1805 – 1875.  - Quê quán: Đan Mạch  - Là nhà văn chuyên viết truyện cổ tích cho thiếu nhi.  **-** Các tác phẩm nổi tiếng: *Bầy chim thiên nga*, *Nàng công chúa và hạt đậu*, *Nàng tiên cá*, *Bộ quần áo mới của hoàng đế*.  - *Cô bé bán diêm* là một trong những truyện cổ tích nổi tiếng nhất của Andersen.  **2. Tác phẩm**  **a. Đọc- kể tóm tắt**  - Đọc to, rõ ràng, giọng cảm thông, chia sẻ.  ***b.Tìm hiểu chung***  - Người kể chuyện: ngôi thứ ba;  - Phương thức biểu đạt: tự sự  *-* Hình thức kểxen kẽ hiện thực và huyền ảo   * Bố cục: 3 phần   + Đoạn 1: Từ đầu... *đôi bàn tay em đã*  *cứng đờ ra*: hoàn cảnh của em bé bán diêm;  + Đoạn 2: Tiếp theo... *họ đã về chầu Thượng đế*: Những lần quẹt diêm vàmộng tưởng của em bé;  + Đoạn 3: Còn lại: Mọi người phát  hiện ra cái chết của em bé |

**\* Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

**-** Hình dung được đặc điểm nhân vật và hiểu nội dung của truyện.

- Phân biệt được lời của người kể chuyện và lời nhân vật; bước đầu nhận biết thái độ của người kể chuyện được thể hiện qua lời kể, qua cách miêu tả.

- Biết nhận xét, đánh giá cách ứng xử của những người đi đường với cô bé bán diêm, từ đó tránh được sụ thờ ơ, vô cảm- nhất là đối với những thân phận người cần được quan tâm.

**b. Nội dung:** HS trả lời, hoạt động cá nhân, nhóm thông qua phiếu HT và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức hoạt động:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi và hoàn thành phiếu học tập số 1:  *- Nêu các chi tiết miêu tả ngoại hình và cảnh ngộ của cô bé bán diêm. Những chi tiết đó giúp em hình dung như thế nào về cuộc sống của nhân vật ?*  *- Em bé xuất hiện trong bối cảnh như thế nào? Bối cảnh ấy có gì đặc biệt?*  *- Trong bối cảnh đó, em bé được khắc hoạ qua những chi tiết nào?*  *- Để khắc hoạ cảnh đời của em bé, tác giả đó sử dụng những  biện  pháp  nghệ thuật gì ? Tác dụng của những biện pháp nghệ thuật  đó?*  *- Qua nghệ thuật khắc hoạ của tác giả, em có suy nghĩ gì tình cảnh của em bé bán diêm?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS thảo luận nhóm và hoàn thành phiếu BT.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **-** HS trình bày kết quả thảo luận  -Các nhómkhác lắng nghe, nx, bổ sung ý kiến  **B4: Kết luận, nhận định**  *Có thể nói, sự đói rét, nỗi cô đơn, buồn tủi, bất hạnh như đang bủa vây lấy em, bám riết lấy em khiến em hoàn toàn cô độc trên cõi đời này. Em không chỉ thiếu thốn về vật chất mà còn mất mát cả chỗ dựa tinh thần, tình cảnh thật ái ngại, đáng thương. Trong đêm giao thừa ấy, gia đình không còn là tổ ấm của em, tình thương của cha mẹ không còn là thiên đường của tuổi thơ nữa, chỉ còn đường phố là nơi nương thân cho em trong đêm giao thừa. Trong cô đơn, tuyệt vọng; trong đói khát, tối tăm giá lạnh, em thèm một nguồn sáng, một chút hơi ấm. Em chỉ còn biết tìm ở những que diêm nhỏ bộ, mỏng manh hơi ấm sự sống cho mình*  ***(hết tiết 1)***  **2. Nhiệm vụ 2**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**   * GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi và hoàn thành vào phiếu học tập số 2   *- Em hãy đọc VB và cho biết có mấy lần em bé quẹt diêm? Mỗi lần quẹt diêm, những hình ảnh nào đã hiện ra?*  *+ Những hình ảnh sau mỗi lần quẹt diêm thể hiện những ước mong nào của em bé bán diêm? Theo em, có thể thay đổi trình tự xuất hiện của các hình ảnh đó không?*   * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **B2: thực hiện nhiệm vụ**   * HS thực hiện nhiệm vụ;   **B3: Báo cáo, thảo luận**   * HS báo cáo kết quả thảo luận; * GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.   **B4: Kết luận, nhận định**   * GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.   *GV: Mỗi lần quẹt diêm, đốt lửa là một lần cô bé đau khổ ước mơ, khát vọng. Những ước mơ của em thật giản dị, ngây thơ, trong sáng và nhân hậu. Em khao khát có cuộc sống vật chất đầy đủ, được hưởng thú vui tinh thần, được sống trong hạnh phúc gia đình êm ấm, được bà (người thân yêu nhất) chăm sóc, chiều chuộng. Đó còn là những ước mơ, khát vọng chính đáng, muôn đời của em bé nói riêng và mọi người nói chung*  **3. Nhiệm vụ 3**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  GV đưa câu hỏi:  - Những gì đó diễn ra khi lửa diêm tắt?  - Điều đó thể hiện thực tế thời kì đất nước ntn?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-**  HS suy nghĩ trả lời câu hỏi  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Câu trả lời của hs  - HS khác lắng nghe, nx, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, kết luận  *GV: Đó là một thực tế phũ phàng, thực tế của đất nước Đan Mạch những năm giữa TK XIX, nó đó xoỏ đi những mộng tưởng , những ước mơ bỡnh dị, ngây thơ của em bé bán diêm và bao người nghèo khổ khác  .*  ***(hết tiết 2)***  **4. Nhiệm vụ 4**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  GV đưa câu hỏi: Thảo luận cặp đôi  - Truyện được kết thúc như thế nào?  - Cái chết của em bé được miêu tả qua những chi tiết nào? Em có nhận xét gì về cái chết của cô bé?  - Nguyên nhân nào dẫn đến cái chết của cô bé? Cái chết của cô bé có ý nghĩa gì?  - Nêu cảm nhận của em về thái độ của tác giả đối với cô bé bán diêm? (Thông qua văn bản tác giả muốn gửi tới người đọc thông điệp nào)  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Câu trả lời của HS  - HS khác nx, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nx, bổ sung, chốt kiến thức  **5. Nhiệm vụ 5**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  **GV đưa câu hỏi:**  - Trong VB, nghệ thuật kể chuyện của tác giả có gì đặc sắc ?   - Qua nghệ thuật kể chuyện của tác giả , câu chuyện cho ta thấy được vấn đề gì?   - Từ nội dung và nghệ thuật, em thấy văn bản có ý nghĩa gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Câu trả lời của HS  - HS khác nx, bsung  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nx, chốt kt | **II. Đọc- hiểu văn bản**  **1. Hoàn cảnh của em bé bán diên**  **a. Cuộc sống của cô né bán diêm**  - Tình cảnh của cô bé bán diêm.  + Đầu trần, bông tuyết bám đầy trên tóc xõa thành từng búp trên lưng  + Đi chân đất, đỏ ửng lên rồi tím bầm lại;  + Dò dẫm trong đêm, bụng đói rét.  - Gia cảnh:  + Mồ côi mẹ, bà nội hiền hậu cũng đã mất, gia sản tiêu tán;  + Sống với cha trong một xó tối tăm, luôn bị mắng nhiếc chửi rủa;  + Phải đi bán diêm để kiếm sống.  🡺 gia cảnh khốn khó, tội nghiệp, đáng thương, thiếu vắng sự yêu thương,quan tâm  **b. Trong đêm giao thừa**  - *Bối cảnh*: Đêm giao thừa giá rét, mọi nhà đều sáng rực ánh đèn, trong phố sực nức mùi ngỗng quay.  *->Đây là thời điểm mọi người trở về đoàn tụ gia đình, sum họp đầm ấm trong không khí tràn đầy niềm vui và hạnh phúc*  - Em bé: ngồi nép trong một góc tường, thu đôi chân vào người, mỗi lúc càng thấy rét buốt hơn, em không thể về nhà vì ...nhất định sẽ bị cha đánh  **\* Nghệ thuật**: *tương phản đối lập*  - Thời tiết gió rét >< Sự nghèo khổ thiếu thốn.  - Cảnh đón giao thừa ấm áp trong nhà >< em bé đầu trần, chân đất, lang thang một mình đói rét.  - Việc bán diêm >< sự hờ hững của người qua lại.  - Ngôi nhà có dây trường xuân bao quanh >< Cái xó tối tăm.  ->*làm nổi bật cảnh đời bi thảm, đáng thương, không ai đoái hoài, quan tâm, giúp đỡ của em* *bé, gợi niềm cảm thương cho người đọc.*  **2. Thực tế và mộng tưởng**  **a. Khi quẹt diêm**  **-** Lần 1:Ngồi trước lò sưởi lửa cháy vui mắt toả hơi nóng dịu dàng 🡺 Vì em đang rét, muốn được sưởi ấm;  - Lần 2: Bàn ăn, đồ quý giá, ngỗng  quay… 🡺 Vì em đang đói, muốn ăn  - Lần 3: Cây thông Noel, ngọn nến  sáng rực, lấp lánh… 🡺 Em bé muốn được đón niềm vui, hi vọng vào năm mới;  - Lần 4: Thấy bà nội hiện về đang mỉm cười với em 🡺 Vì vậy lời cầu xin của em vang lên thống thiết sâu sâu;  - Lần 5: Em quẹt tất cả những que diêm còn lại trong bao 🡺 Mộng tưởng đẹp thể hiện khát khao cháy bỏng của cô bé về 1 cuộc sống tốt đẹp hạnh phúc.  \* Các mộng tưởng diễn ra theo trình tự hợp lý sau mỗi lần quẹt diêm:  - Khi diêm tắt, em bé trở về với thực tế phũ phàng  - NT: Tương phản, đối lập, mộng tưởng đan xen thực tế...  🡺 Ý nghĩa: Thực tế cuộc sống chỉ là buồn đau, đói rét với người nghèo  **b. Khi diêm tắt**  - Lần1: lò sưởi biến mất, niềm vui còn vụt tắt, em bần thần nghĩ đến nhiệm vụ bán diêm và lời cha quở mắng  - Lần 2: chỉ còn lại bức tường dày đặc, lạnh lẽo, phố xá vắng teo và lạnh buốt...khách qua đường vội vó, hoàn toàn lánh đạm với em  - Lần3: tất cả những ngọn nến bay lên, bay lên mãi rồi biến thành những ngôi sao trên bầu trời  - Lần 4,5: diêm tắt, ảo ảnh rực sáng trên khuôn mặt em còng biến mất  -> T*hực tế đen tối , đau xót đó dập tắt sự sống le lói của em.*  **3*. Cái chết của em bé***  ***-*** Em bé: chết nhưng đôi má vẫn hồng và đôi môi đang mỉm cười ->*Cái chết không bi luỵ mà được miêu tả rất đẹp, cái chết của một người toại nguyện.*  \* Nguyên nhân cái chết của cô bé:  - Giá rét trong đêm giao thừa  - Sự độc ác của người cha  - Sự lạnh lùng, vô tình của mọi người  *=>Là sự giải thoát cho em khái cảnh đói rét, cô độc, tố cáo sự độc ác của người cha và lên án sự thờ ơ, vô nhân đạo của người đời trước một em bé khốn khổ.*  ***\* Thái độ - thông điệp của tác giả.***  - Lòng thương cảm của tác giả đối với những số phận bất hạnh, kém may mắn.  - Phê phán sự vô cảm, thờ ơ của con người trước một em bé đáng thương.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  + Miêu tả rõ nét cảnh ngộ và nỗi khổ cực của em bộ bằng những chi tiết, hình ảnh đối lập.  + Sắp xếp trình tự sự việc nhằm khắc họa tâm lí em bé trong cảnh ngộ bất hạnh.  + Sáng tạo trong cách kể chuyện.  **2. Nội dung**  - Số phận em bé bán diêm và lòng thương cảm sâu sắc của tác giả đối với em bé bất hạnh  **3. Ý nghĩa:**  - Truyện thể hiện lòng thương cảm sâu sắc của nhà văn đối với những số phận bất hạnh. |

**3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

# d. Tổ chức thực hiện:

# B1: Giao nhiệm vụ HT

# - Tại sao truyện ngắn của An-đéc-xen lại được gọi là truyện cổ tích An-đéc-xen?

# B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi

# B3: Báo cáo, thảo luận: Câu trả lời của HS; HS khác nx, bs.

# B4: Kết luận, nhận định: GV nx, bs

# *GV: Truyện ngắn của An-đéc-xen lại được gọi là truyện cổ tích An-đéc-xen:*Cách viết giống truyện cổ tích  người bà nắm tay cháu bay lên là sự giải thoát, là niềm hạnh phúc thường gặp trong cổ tích .

# 4. VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

# d. Tổ chức thực hiện:

# *GV yêu cầu HS: 1.*Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu suy nghĩ của em về nhân vật cô bé bán diêm?

# \*CHNC: 2. *Viết đoạn văn ngắn tưởng tượng kết thúc mới cho cậu chuyện*

# *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức*

**IV: HỒ SƠ HỌC TẬP**

**- Phiếu HT số 1-**

| **1.Liệt kê các chi tiết miêu tả ngoại hình của cô bé bán diêm: ………………………………………………………………..**  **……………………………………………………………….**  **-> nhận xét: ………………………………………………..** | **- Qua nghệ thuật khắc hoạ của tác giả, em có suy nghĩ gì tình cảnh của em bé bán diêm***?.*  **………………………**  **………………** |
| --- | --- |
| **2. Em bé xuất hiện trong bối cảnh như thế nào?**  **…………………………………………………………………**  **………………………………………………………………….**  **-> nhận xét:………………………………………………..**  **………………………………………………………………….** |
| **Trong bối cảnh đó, em bé được khắc hoạ qua những chi tiết nào?........................................................................................**  **……………………………………………………………………….**  **- Tác giả đó sử dụng những  biện  pháp  nghệ thuật gì ? Tác dụng của những biện pháp nghệ thuật  đó?.............................**  **…………………………………………………………………...** |  |

**- Phiếu HT số 2-**

| *1. Em hãy đọc VB và cho biết có mấy lần em bé quẹt diêm? Mỗi lần quẹt diêm, những hình ảnh nào đã hiện ra?......................................................................................................................................*  *……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………* |
| --- |
| *2. Những hình ảnh sau mỗi lần quẹt diêm thể hiện những ước mong nào của em bé bán diêm? Theo em, có thể thay đổi trình tự xuất hiện của các hình ảnh đó không?*  *……………………………………………………………………………………………………………*  *………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….* |

| Ngày soạn | 21/10/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 25/10/2022 | 26/10/2022 | 26/10/2022 |

**TIẾT 30: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: chủ động tìm hiểu các thông tin có liên quan đến nd bài học

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Lựa chọn hình thức giao tiếp, thảo luận nhóm phù hợp

- Giải quyết vấn đề, sáng tạo và linh hoạt.

**b. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được đặc điểm, chức năng của cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ, biết cách sử dụng các loại cụm từ này để tạo câu.

**2. Về phẩm chất:**

- Có ý thức sử dụng cụm từ trong giao tiếp.

- Trách nhiệm: Chăm chỉ, tự giác trong học tập.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**: Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập, máy tính, tivi

**2. Chuẩn bị của HS**: sgk, vở ghi, sự chuẩn bị ở nhà

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu**: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

**b. Nội dung** : HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập**: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

**d. Tổ chứchoạt động**:

**B1: Giao nhiệm vụ HT**

- GV chiếu VD -> hs quan sát ví dụ và trả lời

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** hs quan sát và suy nghĩ

**B3: Báo cáo kết quả:** HS trình bày kết quả (cá nhân).

Ví dụ 1: Lá / rơi.

Ví dụ 2: Lá vàng / rơi đầy trên đường.

Gv: Cả hai câu cùng thông báo về một việc là có lá rơi. Tuy nhiên trong câu thứ hai, các em nhìn thấy có khác không, thành phần chủ ngữ nó dài hơn nó có thêm tính từ vàng, thêm từ đầy trên đường ở phía sau VN. Câu 1 thì ngắn gọn hơn, câu sau thì đầy đủ hơn và chi tiết hơn thì mình sẽ chọn câu nào nếu chúng ta viết các bài văn của mình

**B4: Kết luận, nhận định :** Như vậy chúng ta thấy rằng cùng một đối tượng để quan sát, nhưng câu văn khi chúng ta viết ra để thể hiện cái kết quả, sự diễn đạt của mình nó lại không giống nhau. Làm thế nào để chúng ta có thể viết câu văn mà các thông tin nó được cung cấp thêm, nó được bổ sung thêm cho nó đầy đủ, chính xác và phong phú nữa, đó chính là nội dung của bài thực hành tiếng việt hôm nay.

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu**: - Hiểu được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ;

- Biết cách mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm danh từ.

**b. Nội dung** : HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập**: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

**d. Tổ chứchoạt động:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1:**  **B1: Giao nhiệm vụ HT (GV)**  *- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp và hoàn thành bài tập:* So sánh hai câu sau để nhận biết tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ:  (1) Tuyết/ rơi.  (2) Tuyết trắng / rơi đầy trên đường.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Đọc phần nhận biết tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ Tr 66/sgk  **GV** hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Trình bày kết quả làm việc cặp đôi  - Nhận xét và bổ sung cho cặp đôi bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc cặp đôi của HS.  - Chốt kiến thức lên màn hình.  GV yêu cầu hs đọc phần nhận biết 1 GSK- 66  -> Chuyển dẫn sang phần mới.  **2. Nhiệm vụ 2**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  *? Nhắc lại khái niệm: thế nào là CDT?*  *Dựa vào kiến thức nhận biết cụm danh từ Tr.66 hãy*  *? Cụm danh từ có cấu tạo như thế nào? Lấy ví dụ cụm danh từ và phân tích cấu tạo.*  **Phiếu học tập số 1: Điền các cụm danh từ :**  Tuyết trắng.  Hai ngôi nhà.  Những buổi sáng lạnh lẽo ấy.  Một em gái nhỏ đầu trần, chân đi đất.  Vào mô hình dưới đây   | Phần phụ trước | Phần trung tâm | Phần sau | | --- | --- | --- | |  |  |  | |  |  |  |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Đọc phần nhận cụm danh từ Tr 66.  **GV** hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  - Trình bày kết quả làm việc cặp đôi  **Dự kiến sp:**   | Phần phụ trước | Phần tr ng tâm | Phần sau | | --- | --- | --- | |  | Tuyết | trắng. | | Hai | ngôi nhà. |  | | Những | buổi sáng | lạnh lẽo ấy | | Một | em gái | nhỏ đầu trần, chân đi đất. |   - Nhận xét và bổ sung cho cặp đôi bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc cặp đôi của HS.  - Chốt kiến thức lên màn hình.  GV yêu cầu hs đọc phần nhận biết CDT 2 GSK- 66  - Chuyển dẫn sang phần mới | **I. Bài học**  **1. Tác dụng của mở rộng thành phần câu bằng cụm từ.**  **a. Ví dụ**  **b. Nhận xét:**  - Trong câu (1), mỗi thành phần chính của câu chỉ có một từ.  - Trong câu (2), mỗi thành phần chính là một cụm từ. Chủ ngữ *tuyết trắng* cụ thể hơn *tuyết* vì có thêm thông tin về đặc điểm màu sắc của tuyết.Vị ngữ *rơi đầy đường* cụ thể hơn *rơi* vì có thông tin về mức độ đặc điểm của *tuyết*.  **c. Kết luận:**  - Thành phần chính của câu có thể là một từ, hoặc được mở rộng bằng một cụm từ.  - Khi được mở rộng bằng một cụm từ thì nội dung câu đầy đủ, chi tiết và sinh động hơn.  **2. Nhận biết cụm danh từ**  - **C**ụm từ có danh từ làm trung tâm gọi là cụm danh từ.  - Cấu tạo đầy đủ gồm ba phần:  + Phần trung tâm ở giữa: là danh từ  + Phần phụ trước: thường thể hiện số lượng của sự vật mà danh từ trung tâm biểu hiện  + Phần phụ sau: thường nêu đặc điểm của sự vật, xác định vị trí của sự vật trong không gian, thời gian. |

**3.LUYỆN TẬP**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1:**  **B1: Giao nhiệm vụ HT (GV)**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 -2 SGK trang 66;  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân hoàn thành bài tập 1,2 Tr 66.  - GV bổ sung thêm yêu cầu: sau khi tìm được các cụm danh từ, em hãy chỉ ra các thành phần trong cụm danh từ đó và phân tích tác dụng của chúng.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.  - Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - HS các nhóm nhận xét, bổ sung chéo nhau.  - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau.  Gv hỏi bổ sung:  *Cụm danh từ thường giữ chức vụ gì trong câu?*  **2.Nhiệm vụ 2:**  **B1: GV giao nhiệm vụ: thảo luận theo 4 nhóm trong 5 phút:**  Nhóm 1,2: Bài tập 3/Tr 66  Nhóm 3,4: Bài tập 4/ Tr 44  **B2:Thực hiện nhiệm vụ:**  **+** Tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm.  + GV quan sát, khích lệ HS.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **B4: Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức. | **II. Luyện tập**  **1. Bài tập 19 (sgk/66)** Tìm cụm danh từ trong những câu sau:  a. *Nhưng trời giá rét quá, khách qua đường đều rảo bước rất nhanh, chẳng có ai đoái hoài đến lời chào hàng của em.*  Cụm danh từ:  - *Khách qua đường* (*khách* là danh từ trung tâm; *qua đường* là phần phụ sau, bổ sung ý nghĩa về đặc điểm cho danh từ trung tâm.  - *Lời chào hàng của em (* *lời* là danh từ trung tâm; *chào hàng của em* là phần phụ sau, miêu tả định danh cho danh từ trung tâm..  b. (nt)  **Bài tập 2 (sgk/66)** Tìm một cụm danh từ trong truyện cô bé bán diêm. Từ danh từ trung tâm đó hãy tạo ra ba cụm danh từ khác.  Một cụm danh từ trong truyện Cô bé bán diêm:  Cụm danh từ: *hai ngôi nhà;* Danh từ trung tâm: *ngôi nhà.*  Ba cụm danh từ khác:  *- những ngôi nhà ấy*  *- ngôi nhà xinh xắn kia*  *- ngôi nhà của chúng tôi...*  **Bài tập 3 trang 66:**  a. *- Em bé vẫn lang thang trên đường.*  *- Em bé đáng thương, bụng đói rét vẫn đang lang thang trên đường.*  Cụm danh từ có tác dụng làm rõ cảnh ngộ éo le, sự đáng thương, bất hạnh của cô bé.  b. *- Em gái đang dò dẫm trong đêm tối.*  *- Một em gái nhỏ đầu trần, chân đi đất, đang dò dẫm trong đêm tối.*  Chủ ngữ là cụm danh từ giúp câu cung cấp thông tin nhiều hơn chủ ngữ là danh từ.  Trong hai câu có chủ ngữ là cụm danh từ, chủ ngữ không chỉ cung cấp thông tin về chủ thể của hành động *(em bé)* mà còn cho thấy ý nghĩa về số lượng *(một)* và đặc điểm rất tội nghiệp, nhỏ bé, đáng thương của em bé *(đáng thương, bụng đói rét; nhỏ, đầu trần, chân đi đất).* Từ đó câu văn còn thấy rõ thái độ thương cảm, xót xa của người kể chuyện với cảnh ngộ đáng thương, khốn khổ của cô bé bán diêm.  **Bài tập 4 trang 66**  a. *Gió vẫn thổi rít vào trong nhà*  - Chủ ngữ: Gió;  - Mở rộng chủ ngữ thành cụm danh từ: *những cơn gió lạnh*.  b. *Lửa tỏa ra hơi nóng dịu dàng*  - Chủ ngữ: Lửa ;  - Mở rộng chủ ngữ thành cụm danh từ: *Ngọn lửa hồng*. |

**4.VẬN DUNG**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

**b. Nội dung**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

**c. Sản phẩm học tập**: Đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ học tập:**

Em hãy tưởng tượng và viết một đoạn văn khoảng (5-7 câu) chủ đề tự do trong đó có sử dụng ít nhất một cụm danh từ làm thành phần chủ ngữ của câu.

**HSKG:** viết và đọc cho các bạn tham khảo.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành đoạn văn và triển khai ý tưởng.

**B3: Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

**B4: Kết luận, nhận định**

Đoạn văn tham khảo: *Bình minh vừa rạng , phương đông ửng hồng .Từ phía xa xa , ông mặt trời mặc bộ xiêm y hoàng bào lộng lẫy từ tư bước lên cao. Trên trời những đám mây màu vàng nhạt lững lờ trôi đi.****Những chú gà trống****oai phong như****những chàng hiệp sĩ*** *dạo lên***những khúc kèn***hoành tráng : "Ò ó o o",... từ xa vọng lại . Chị gió thướt tha mang những luồng khí mát lạnh đến quê huơng tôi . Ngoài đồng,* ***các bác nông dân****đang gặt lúa khung cảnh thật yên bình tuyệt đẹp trong buổi sáng mùa hè trên quê hương tôi. Không khí buổi sáng quê tôi thật tuyệt vời!*

**IV: HỒ SƠ HỌC TẬP**

**Phiếu HT số 1:**

| Phần phụ trước | Phần trung tâm | Phần sau |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

| Ngày soạn | 21/10/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 25-29-31/10/2022 | 29-31/10/2022 | 26-29-31/10/2022 |

**TIẾT 31+32+33: Văn bản (2): GIÓ LẠNH ĐẦU MÙA**

***(Thạch Lam)***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Chủ động tìm hiểu các thông tin liên quan đến văn bản và xử lí thông tin một cách phù hợp.

- Thể hiện được cảm xúc, thái độ sau khi học xong VB

- Có khăn năng đánh giá được nội dung VB; lựa chọn mục đích giao tiếp phù hợp

- Làm việc nhóm, giải quyết vấn đề một cách linh hoạt, sáng tạo

**b. Năng lực đặc thù**

- Xác định được ngôi kể chuyện thứ ba; nắm được cốt truyện, nhân vật; phân tích được một số chi tiết miêu tả cử chỉ, hành động, suy nghic…của nhân vật. Từ đó hiểu được đặc điểm nhân vật và nội dung câu chuyện.

- Nhận biết, đánh giá hành động của hai chị em Sơn và cách ứng xử của mẹ Hiên, mẹ Sơn.

- Đọc hiểu được nội dung tường minh và hàm ẩn mà tác giả muốn truyền tải tới người đọc.

- Nhận biết và phân tích được các yếu tố nghệ thuật được sử dụng trong bài.

**2. Về phẩm chất**

***-*** Chăm chỉ: tích cực học tập, chuẩn bị bài ở nhà làm bài tập đầy đủ trên lớp

- Trung thực: làm bài tập nghiêm túc, báo cáo đúng kết quả học tập

- Trách nhiệm: có trách nhiệm trong đảm nhận và hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.

- Nhân ái: Nhận thức được ý nghĩa của tình yêu thương; biết quan tâm, chia sẻ với mọi người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV:** sgk, giáo án, máy tính, ti vi, phiếu HT

**2. Chuẩn bị của HS:** sgk, vở ghi, sự chuẩn bị ở nhà

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:**  Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ HT:** *GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời:*

+ Đọc nhan đề ***Gió lạnh đầu mùa***, em dự đoán nhà văn sẽ kể câu chuyện gì?

+ Mùa đông có gì khác so với các mùa còn lại? Vào mùa đông, em thường làm gì để giữ cho cơ thể ấm và khỏe mạnh?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ trả lời câu hỏi

**B3: Báo cáo, thảo luận**: HS chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

**B4: Kết luận, nhận định**

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Mỗi khi mùa đông đến, chúng ta cảm nhận được cái lạnh trong từng thớ thịt. Vào những ngày mùa đông, để giữ ấm cơ thể, chúng ta phải mặc rất nhiều quần áo ấm và đôi khi cần đến lò sưởi. Trong truyện ngắn ***Gió lạnh đầu mùa*** của Thạch Lam cũng thế, cũng có một mùa đông lạnh. Nhưng cô bé Hiên trong truyện lại không có quần áo ấm để mặc, thậm chí chiếc áo em mặc mỏng manh và đã rách tả tơi. Liệu bé Hiên có vượt qua được mùa đông lạnh lẽo này? Chúng ta cùng tìm hiểu VB ***Gió lạnh đầu mùa*** trong tiết học hôm nay.

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**\* Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS **.**

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  - GV yêu cầu HS: đọc và giới thiệu về tác giả và tác phẩm;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.  \* GV mở rộng thêm về tác giả  Một cây bút giàu xúc cảm, ông được biết đến là một trong những nhà văn nổi tiếng của nền văn học hiện đại Việt Nam vàogiai đoạn những năm 1930 – 1945. Là thành viên của [Tự Lực văn đoàn](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%B1_L%E1%BB%B1c_v%C4%83n_%C4%91o%C3%A0n), nhưng khác với [Nhất Linh](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%E1%BA%A5t_Linh), [Hoàng Đạo](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ho%C3%A0ng_%C4%90%E1%BA%A1o_(nh%C3%A0_v%C4%83n)), [Khái Hưng](https://vi.wikipedia.org/wiki/Kh%C3%A1i_H%C6%B0ng)... ngòi bút của Thạch Lam có khuynh hướng đi gần với cuộc sống của những người dân bình thường nghèo khổ.  **2. Nhiệm vụ 2**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  - GV đọc mẫu sau đó gọi học sinh đứng dậy đọc bài.  *+ Câu chuyện được kể bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ mấy?*  *+ Em hãy nêu phương thức biểu đạt và thể loại của VB.*  *+ Bố cục VB gồm mấy phần? Nội dung của các phần là gì?*  *+ Em hãy tóm tắt lại VB?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**    - Tên: Tên khai sinh là Nguyễn Tường Vinh;  - Quê quán: sinh ở Hà Nội, lúc nhỏ sống ở quê ngoại – phố huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.  - Sáng tác ở nhiều thể loại (tiểu thuyết, truyện ngắn, tùy bút,...) song thành công nhất vẫn là truyện ngắn.  - Truyện ngắn của Thạch Lam giàu cảm xúc, lời văn bình dị và đậm chất thơ, ẩn chứa niềm yêu thương, trân trọng đối với thiên, con người…  - Tác phẩm chính: Gió lạnh đầu mùa, Nắng trong vườn, Sợi tóc…  **2. Tác phẩm**  **a. Đọc - kể tóm tắt**  \* Tóm tắt VB*: Sơn và Lan là 2 chị em sinh ra trong gia đình khá giả.Không giống như những đứa trẻ có điều kiện khác, cả 2 luôn hòa đồng, gần gũi với các bạn ở xóm nghèo. ………*  **b. Tìm hiểu chung**  \* Xuất xứ: Là tác phẩm truyện ngắn được in trong tập Gió đầu mùa năm 1937. Là một trong những truyện ngắn xuất sắc viết về đề tài trẻ em của Thạch Lam.  **-** Người kể chuyện: ngôi thứ ba;  - Phương thức biểu đạt: tự sự kết hợp miêu tả;  - Thể loại: truyện ngắn;  \* Bố cục:  + Đoạn 1: Từ đầu... *Sơn thấy mẹ hơi rơm rớm nước mắt*: Cảnh Sơn và gia đình ở buổi sáng mùa đông đầu tiên đột nhiên đến.  + Đoạn 2: Tiếp... *trong lòng tự nhiên thấy ấm áp vui vui*: Sơn và Lan ra ngoài chơi với các bạn nhỏ ngoài chợ và quyết định cho bé Hiên chiếc áo;  + Đoạn 3: Còn lại: Thái độ và cách ứng xử của mọi người khi phát hiện hành động cho áo của Sơn. |

**\* Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung, nghệ thuật của VB.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  - GV lần lượt yêu cầu HS:  + *Chỉ ra các chi tiết thể hiện sự thay đổi của đất trời? Ý nghĩa của việc tác giả sử dụng các chi tiết miêu tả đó?*  *+ Chỉ ra các câu văn miêu tả ý nghĩ của Sơn khi nghe mẹ và vú già trò chuyện về chiếc áo bông của em Duyên*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo kết quả hoạt động;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  *\* Dự kiến sp phiếu HT: Các chi tiết*  - Cuộc sống của chị em Sơn  + Có vú già; cách xưng hô; những người nghèo khổ vẫn hay vay mượn nhà Sơn; có nhiều quàn áo lành lặn, mới, ấm áp  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.  ***( hết tiết 1)***  **2. Nhiệm vụ 2**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**: Thảo luận nhóm bàn các câu hỏi sau:  +Hoàn thành PHT số 1  + Sơn và chị đã có suy nghĩ và hành động gì khi nghĩ đến bé Hiên? Khi mang chiếc áo cho Hiên, Sơn cảm thấy như thế nào? Cảm xúc ấy giúp em hiểu gì về ý nghĩa của sự chia sẻ?  + Hành động vội vã đi tìm Hiên để đòi lại chiếc áo bông cũ có làm em giảm bớt thiện cảm với nhân vật Sơn hay không? Vì sao?  + Qua những phân tích trên em nhận thấy nv Sơn là cậu bé ntn?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện nhóm trả lời câu hỏi  - Nhóm khác lắng nghe, bổ sung ý kiến  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt KT  Cuộc sống của những đứa trẻ nghèo khổ  + Mặc không khác ngày thường, vẫn những bộ áo nâu sờn rách; môi tím, da thâm đi vì lạnh; mỗi cơn gió đến co ro,… co ro đứng bên cột quán chỉ mặc áo rách tả tơi hở cả lưng và tay…  ***(Hết tiết 2)***  **3. Nhiệm vụ 3**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  + Hãy nhận xét về cách ứng xử của mẹ Hiên và mẹ Sơn trong đoạn kết của chuyện?  Hoàn thành phiếu HT số 2:  **Tìm các chi tiết:**   | Cách ứng xử của mẹ Hiên | Cách ứng xử của mẹ Sơn | | --- | --- | | Hành động……  Lời nói………….  Xưng hô……….  ……………………. | Cách cư xử  Với mẹ Hiên……..  …………………….  Với hai con……… | | Nhận xét: ………………………………… | |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS suy nghĩ hoàn thành phiếu HT  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  HS trả lời  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt KT  **4. Nhiệm vụ 4**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  - GV yêu cầu: *Em hãy tổng kết nội dung và nghệ thuật của VB*.  + Bài học em rút ra sau khi học xong VB này là gì?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. | **II. Đọc – hiểu văn bản**  **1. Nhân vật Sơn**  **a. Cảm nhận của Sơn khi thời tiết chuyển mùa**  - Nắm bắt sự đổi thay thời tiết lúc giao mùa thể hiện tâm hồn tinh tế, nhạy cảm của nv Sơn=> giúp người đọc hiểu về thiên nhiên, hình dung được khung cảnh và cảm nhận về nhân vật Sơn.  **b. Ý nghĩ của bé Sơn khi nghe mẹ và vú già trò chuyện**  - Khi nghe mẹ và vú già nói chuyện về em:  + *Sơn nhớ em, cảm động và thương em quá*;  + *Sơn thấy mẹ hơi rơm rớm nước mắt*.  -> Yêu thương, quan tâm đến người thân, giàu tình cảm, lòng trắc ẩn.  => Ngòi bút Thạch Lam tinh tế, giàu cảm xúc  **c. Thái độ của chị em Sơn với các bạn nhỏ**  \* Cuộc sống của chị em Sơn:  - Sung túc, giàu có của một gia đình trung lưu  \* Cuộc sống của những đứa trẻ nghèo khổ:  - Cuộc sống nghèo khổ, thiếu thốn, tội nghiệp  \* Thái độ: Với các bạn, Sơn và chị vẫn thân mật chơi đùa, chứ không kiêu kỳ và khinh khỉnh như các em họ của Sơn (thể hiện qua các chi tiết quan sát hình ảnh của các bạn khi trời rét, chơi đùa..)  - Với Hiên, chị Lan dơ tay vẫy một con bé từ nãy vẫn đứng dựa vào cột: Sao không lại đây Hiên, lại đây chơi với tôi.  **+** Chị Lan hỏi *“sao áo Hiên rách thế, áo lành đâu sao không mặc”*  **+** Nghe cái Hiên *“bịu xịu”* nói với chị Lan là “*hết áo rồi, chỉ còn cái áo này”,* *bấy giờ Sơn mới chợt nhớ ra* *“mẹ cái Hiên rất nghèo, chỉ có nghề mò cua bắt ốc thì lấy đâu ra tiền mà sắm áo cho con nữa”.*  - Cảm xúc của Sơn đã *“động lòng thương”* bạn và một *“ý nghĩ tốt thoảng qua”… Sơn đã nói thầm với chị Lan về lấy chiếc áo bông cũ của em Duyên đem cho cái Hiên mặc* khi gió lạnh đầu mùa đã thổi về.  Sơn và chị vẫn thân mật chơi đùa với, chứ không kiêu kỳ và khinh khỉnh như các em họ của Sơn  *=> Là những đứa trẻ có tình cảm trong sáng, nhân hậu, không phân biệt địa vị, giai cấp, giàu nghèo.*  **d. Suy nghĩ, hành động của Sơn trước hoàn cảnh của cô bé Hiên**  + Quyết định đem cho Hiên chiếc áo: *chợt nhớ ra mẹ cái Hiên rất nghèo*, *thấy động lòng thương*, *một ý nghĩ tốt bỗng thoáng qua trong tâm trí*.  + Cảm thấy ấm áp, vui vui  => quan tâm, yêu thương bạn bè  🡺 sự chia sẻ, giúp đỡ người khác trước hết mang đến niềm vui cho chính người cho  **e. Chiều tối khi trở về nhà.**  - Ngây thơ, sợ hãi, đi tìm Hiên để đòi áo  Lúc đó mới hiểu mẹ rất quý chiếc áo bông ấy; vẫn có sự trẻ con: đã cho bạn rồi còn đòi lại.  =>Lối miêu tả chân thực, tự nhiên của Thạch Lam khi khắc họa nhân vật trẻ em.  🡺 ***Sơn là cậu bé giàu tình cảm, nhân hậu, biết quan tâm, yêu thương người thân, bạn bè; biết sẻ chia với những người nghèo khổ, đáng thương***  **2. Cách ứng xử của hai người mẹ**  **\* Mẹ Hiên**  **-** Là người mẹ nghèo nhưng khéo léo, có lòng tự trọng, dạy con phải biết đói cho sạch, rách cho thơm.  **\* Mẹ Sơn**  **-** Là người phụ nữ giàu có, thuộc tầng lớp trung lưu: nhân hậu, tế nhị, cách cư xử vừa nghiêm khắc vừa yêu thương  **🡺 Cách cư xử đẹp của hai bà mẹ thuộc hai giai cấp khác nhau nhưng đều mang giá trị đạo đức.**  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Nghệ thuật tự sự kết hợp miêu tả;  - Giọng văn nhẹ nhàng, giàu chất thơ;  - Miêu tả tinh tế  **2. Nội dung**  Truyện ngắn khắc họa hình ảnh những người ở làng quê nghèo khó, có lòng tự trọng và những người có điều kiện sống tốt hơn biết chia sẻ, yêu thương người khác. Từ đó đề cao tinh thần nhân văn, biết đồng cảm, sẻ chia, giúp đỡ những người thiệt thòi, bất hạnh. |

**3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ HT:**

- Em có nhận xét gì về cách kết thúc câu chuyện của nhà văn Thạch Lam?

*\* CHNC*: Chỉ ra điểm giống và khác nhau giữa 2 nv cô bé bán diêm và bé Hiên?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nx, chốt KT

**4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV đưa câu hỏi: Viết đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của em về nhân vật Sơn?

**IV: HỒ SƠ DẠY HỌC**

Phiếu HT số 1: Tìn các chi tiết

| Cuộc sống của chị em Sơn | Cuộc sống của những đứa trẻ nghèo |
| --- | --- |
| ............................................................................  ............................................................................. | ....................................................................  .................................................................... |
| => Thái độ của chị em Sơn với các bạn nhỏ: ...............................................................................  .......................................................................................................................................... | |

Phiếu HT số 2: Tìm các chi tiết

| Cách ứng xử của mẹ Hiên | Cách ứng xử của mẹ Sơn |
| --- | --- |
| Hành động……  Lời nói………….  Xưng hô………. | Cách cư xử………  …………………….  …………………….. |
| Nhận xét: ………………………………… | |

| Ngày soạn | 27/10/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 1/11/2022 | 2/11/2022 | 2/11/2022 |

**ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: chủ động tìm hiểu và ôn tập các kiến thức có liên quan đến ND bài

- Có khả năng tóm tắt lại các nội dung đã học một cách khoa học, đầy đủ

- Năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**b. Năng lực đặc thù:** Hệ thống được các kiến thức về đọc hiểu Văn bản, thực hành tiếng việt và tập làm văn trong 8 tuần đầu của học kì.

**2. Về phẩm chất**

- Chăm chỉ: Thích đọc sách, báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để mở rộng hiểu biết.

- Trách nhiệm:Có ý thức học tập môn học.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV:** Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập, máy tính, máy chiếu.

**2. Chuẩn bị của HS**: sgk, vở ghi, chuẩn bị ở nhà

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**a.Mục tiêu**: Gợi nhắc kiến thức đã học thông qua các trò chơi. Tạo hứng thú vào

bài học

**b. Nội dung**: GV tổ chức trò chơi khởi động.

- HS quan sát và tham gia trò chơi.

**c. Sản phẩm**: HS nêu/trình bày được

- Nhắc lại được tên các bài học.

- Cảm xúc của cá nhân (định hướng mở).

- Ôn tập khái quát tri thức ngữ văn đã được học trong chương trình.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- GV hướng dẫn luật chơi và phân chia đội chơi.

- HS lắng nghe và thực hiện yêu cầu của giáo viên.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV: Gv trình chiếu một số hình ảnh liên quan đến các chủ đề đã học và phát phiếu bài tập số 1.

- Các đội chơi sẽ thi xem đội nào kể được nhiều vấn đề đã học có liên quan đến hình ảnh.

- Đội nào kể được nhiều hơn sẽ giành chiến thắng.

HS: Tham gia trò chơi. Dựa vào hình ảnh để thảo luận và đưa ra đáp án một cách

nhanh nhất có thể.

**B3: Báo cáo thảo luận**

- Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày phiếu bài tập số 1.

- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS: Trả lời câu hỏi của GV

- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc

- Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn.

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu**: Củng cố kiến thức về từ đơn, từ phức, nghĩa cuả từ, các biện pháp tu từ, các văn bản, tập làm văn.

**b. Nội dung** : Hs làm việc nhóm, HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập**: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

**d. Tổ chức choạt động**:

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1**  **B1: Giao nhiệm vụ:** Nhắc lại kiến thức về tác giả, về xuát xứ, ngôi kể, phương thức biểu đạt, các sự việc….  Nhóm 1: Văn bản Bài học đường đời đầu tiên”  Nhóm 2: Văn bản bắt nạt, Gió lạnh đầu mùa  Nhóm 3: Văn bản Mây và sóng  Nhóm 4: Văn bản “Nếu cậu muốn có một người bạn”,  Nhóm 5: Văn bản “ Chuyện cổ tích về loài người”  Nhóm 6: Văn bản “ Bức tranh của em gái tôi” “ Cô bé bán diêm”  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời  **B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả (cá nhân).  **B4: Kết luận, nhận định, chốt kiến thức.**  **2. Nhiệm vụ 2**  **B1: Giao nhiệm vụ học tập:**  Nhóm 1+2: Nhắc lại từ đơn, từ phức, nghĩa của từ: Ví dụ?  Nhóm 3+ 4: Nhắc lại các biện pháp tu từ? Cho ví dụ?  Nhóm 5+ 6: Nhắc lại tác dụng của dùng cụm từ mở rộng thành phần chính của câu? Cấu tạo của CDT, CĐT, CTT? Cho ví dụ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời  **B3: Báo cáo, thảo luận:**HS trình bày kết quả (cá nhân).  **B4: Kết luận, nhận định:**  **3. Nhiệm vụ 3:**  **B1: Giao nhiệm vụ:**  Em đã thực hành viết các kiểu bài: kể lại một trải nghiệm của bản thân, nêu cảm xúc về một bài thơ. Hãy thực hiện những yêu cầu sau đây:  a.. Trình bày yêu cầu đối với mỗi kiểu bài  b. Nêu đề tài mà em lựa chọn nếu thực hành viết một trong các kiểu bài.  **B2:Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời  **B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày kết quả (cá nhân).  **B4: Nhận định, kết luận, chốt kiến thức** | **I. PHẦN VĂN BẢN( Phần hồ sơ dạy học)**  **Bảng hệ thống kiến thức phần Văn bản**  **II. PHẦN TIẾNG VIỆT**  **1. Từ đơn, từ phức, nghĩa của từ**  - Từ đơn do một tiếng tạo thành.  - Từ phức do hai hay nhiều tiếng tạo thành. Từ phức được phân làm hai loại (từ ghép và từ láy).  + Từ ghép là những từ phức được tạo ra bằng cách ghép các tiếng có nghĩa với nhau.  + Từ láy là những từ phức được tạo ra nhờ phép láy âm  **\* Nghĩa của từ ngữ**  - Để giải nghĩa từ, có thể dựa vào từ điển, nghĩa của từ dựa vào câu văn, đoạn văn mà từ đó xuất hiện, với từ Hán Việt, có thể giải nghĩa từng thành tố cấu tạo nên từ.  **2. Các biện pháp tu từ:**  \* Biện pháp tu từ so sánh  \* Biện pháp tu từ nhân hóa  \* Biện pháp tu từ điệp từ- điệp ngữ  \* Ẩn dụ  **3. Tác dụng mở rộng thành phần câu, cụm từ**  -Tác dụng mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ làm cho nội dung câu đầy đủ, chi tiết, cụ thể và sinh động hơn.  - Nhận biết : CDT, CĐT, CTT  **III. PHẦN TẬP LÀM VĂN**  **1. Yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm:**  - Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất.  - Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ.  - Tập trung vào sự việc đã xảy ra.  - Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việ được kể.  **a. Các bước làm bài**  **\* Trước khi viết**  **- Lựa chọn đề tài**  **- Tìm ý**  **- Lập dàn ý**  - *Mở bài*: giới thiệu câu chuyện.  - *Thân bài*: kể diễn biến câu chuyện.  + Thời gian  + Không gian  + Những nhân vật có liên quan  + Kể lại các sự việc  - *Kết bài*: kết thúc câu chuyện và cảm xúc của bản thân.  **b. Viết bài**  **c. Chỉnh sửa bài viết**  **2.Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố miêu tả và tự sự**  **a, Lựa chọn bài thơ**  **b,Tìm ý- Lập dàn ý**  Mở đoạn:  + Giới thiệu tên tác giả và bài thơ  + Nêu được khái quát ấn tượng, cảm xúc về bài thơ  Thân đoạn:  + Nêu ấn tượng, cảm xúc của em về câu chuyện được kể hoặc chi tiết miêu tả có trong bài thơ  + Làm rõ nghệ thuật kể chuyện và miêu tả của tác giả  + Đánh giá hiệu quả của cách triển khai bài thơ bằng câu chuyện và các chi tiết miêu tả trong bài thơ đó  Kết đoạn  + Nêu khái quát điều em tâm đắc về bài thơ (trong đó có nói tới đặc điểm nghệ thuật riêng của bài thơ đã được phân tích ở trên)  **c, Viết bài:**  **d, Kiểm tra và chỉnh sửa** |

**3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung**: sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập**: kết quả của hs.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ HT:** hs tóm tắt lại các VB đã học (chia 6 nhóm- > tương ứng mỗi nhóm 1 VB

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**: hs thực hiện nhiệm vụ.

**B3: báo cáo kết quả và thảo luận**

- hs trả lời câu hỏi;

- gv gọi hs khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định**

- gv nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức.

**4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung**: sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập**: câu trả lời của hs

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ HT:** Thực hành viết một bài văn Kể lại một trải nghiệm của em

**B2: Thực hiện NV:** HS tiếp nhận NV

**B3: Báo cáo, thảo luận:** Bài viết của HS

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá kết quả

**IV: HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Bảng thống kê các văn bản đã học**

| **Văn bản** | **Tác giả** | **Thể loại** | **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài học đường đời đầu tiên** | Tô Hoài | Truyện | - MT sinh động  - Cách kể chuyện tự nhiên  - Ngôn ngữ chính xác, giàu tính tạo hình  SDPTT: so sánh, nhân hóa | Dế Mèn có vẻ đẹp cường tráng nhưng tính nết còn kiêu căng, xốc nổi. Do bày trò trêu chị Cốc dẫn dến cái chết thảm thương của Dế Choắt. Dế Mèn ân hận và rút ra bài học đường đời đầu tiên |
| **Nếu cậu muốn có một người bạn** | Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-r i | Truyện | - MT sinh động, ngôn ngữ giàu hình ảnh... Cách xây dựng nv thông qua nhiều chi tiết miêu tả lời nói, suy nghĩ, cảm xúc. Từ đó làm nổi bật đặc điểm nhân vật.  - BPTT nhân hóa .Truyện giàu chất tưởng tượng | Truyện kể về hoàng tư bé và con cáo, qua đó gửi đến bạn đọc bài học về cách kết bạn: cần kiên nhẫn và dành thời gian cho nhau, về cách nhìn nhận đánh giá và trách nhiệm với bạn bè. |
| **Bắt nạt** | Nguyễn Thế Hoàng Linh | Thơ | - Thể thơ 5 chữ  - Hình ảnh thơ ngộ nghĩnh.  - Giọng thơ hài hước, dí dỏm, tâm tình, gần gũi, tạo không khí thân thiện, khiến người nghe dễ tiếp nhận, thể hiện cách nhìn bao dung. | **-** Bài thơ nói về hiện tượng bắt nạt là thói quen xấu xí, đáng chê. Từ đó giúp mọi người có thái độ đúng đắn trước hiện tượng bắt nạt, góp phần xây dựng môi trường học đường lành mạnh, an toàn, hạnh phúc.  - Tâm hồn thơ trong sáng, cách nhìn thân thiện, bao dung của nhà thơ. |
| **Chuyện cổ tích về loài người** | Xuân Quỳnh | Thơ | - Thể thơ 5 chữ, giọng thơ hồn nhiên trong sáng.  - sự hài hòa giữa hai yếu tố tự sự và miêu tả khiến bài thơ vừa cuốn hút, thú vị lại vừa sinh động, chân thực.  - Biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ tăng sức gợi hình, gợi cảm cho hình ảnh thơ. | - Câu chuyện cổ tích về sự hình thành vạn vật trên thế gian dưới góc nhìn con trẻ, lấy trẻ em làm trung tâm.  - Tình yêu thương vô vàn của cha mẹ và những người thân yêu xung quanh dành cho những tâm hồn ngây thơ, trong sáng của trẻ em sẽ là những điều nâng đỡ các em trên hành trình khôn lớn.  - Lời nhắn nhủ: trẻ em là những tạo vật đẹp đẽ, trân quý nhất của thế gian. Hãy nâng niu, bảo vệ và mang đến những gì tốt đẹp nhất cho trẻ em. |
| **Mây và sóng** | Ta-go | Thơ | - Thể thơ tự do, ngôn ngữ thơ hàm súc, hình ảnh thơ đẹp, giàu chất trữ tình và mang ý nghĩa biểu tượng cao.  - Kết cấu bài thơ như một câu chuyện kể tạo ấn tượng thú vị với hình thức đối thoại lồng vào trong lời kể của em bé. | + Hạnh phúc không xa xôi, bí ẩn, do đấng siêu nhân ban cho mà giản dị, gần gũi, ở ngay bên cạnh chúng ta, do chúng ta tạo dựng.  + Tình mẫu tử là tình cảm thiêng liêng, là thế giới diệu kì, hạnh phúc và êm ái với trẻ thơ.  + Tình yêu thương của gia đình sẽ là điểm tựa vững chắc để ta có dũng khí để nói lời từ chối với những cám dỗ trong cuộc sống.  + Tình yêu chính là khởi nguồn của sự sáng tạo. |
| **Bức tranh của em gái tôi** | Tạ Duy anh | Truyện ngắn | * Miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc, ngôn ngữ độc thoại nội tâm. * Cách kể chuyện tự nhiên, hấp dẫn. * Ngôi kể thứ nhất tạo điều kiện cho nhân vật bộc lộ diễn biến tâm lí tự nhiên, chân thực. | – Sự ganh gét đố kị sẽ che mờ nhận thức, tình cảm khiến ta tầm thường, nhỏ nhen và đánh mất chính mình.   * Lòng nhân hậu , bao dung và tâm hồn cao thượng có..sức mạnh thức tỉnh, cảm hóa để để hướng con người đến những gì đẹp đẽ.   -Tình yêu thương của các thành viên trong gia đình là động lực mạnh mẽ giúp con người hoàn thiện bản thân, tìm thấy hạnh phúc. |

| Ngày soạn | 27/10/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 1/11/2022 | 7/11/2022 | 2/11/2022 |

**TIẾT 34: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: chủ động tìm hiểu các nội dung kiến thức liên quan đến bài học

- Năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**b. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được đặc điểm, chức năng của cụm động từ, cụm tính từ, biết cách sử dụng các loại cụm từ này để tạo câu.

**2. Về phẩm chất:**

- Có ý thức sử dụng cụm từ trong giao tiếp.

- Trách nhiệm, chăm chỉ trong học tập.

**II. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**: Học liệu: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập, máy tính, máy chiếu.

**2. Chuẩn bị của HS**: sgk, vở ghi, sự chuẩn bị ở nhà của HS

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu**: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh dẫn dắt vào chủ đề

**b. Nội dung hoạt động**: HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập**: Câu trả lời/chia sẻ của HS

**d. Tổ chức hoạt động:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV đưa câu hỏi

*Các từ ngữ in đậm trong câu sau bổ sung ý nghĩa cho những từ nào? Đó là những ý nghĩa gì?*

- Viên quan ấy **đã** đi **nhiều nơi**...

- Mẹ cái Hiên **rất** nghèo.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời cá nhân câu hỏi; báo cáo sản phẩm.*

**B3: Báo cáo kết quả:**HS trình bày kết quả (cá nhân).

+ ***Đã/ nhiều nơi***  bổ sung ý nghĩa cho từ đi. Đi là một động từ, đã/ nhiều nơi làm rõ về địa điểm mà viên quan đi – > ***cụm động từ***

+ ***Rất*** bổ sung ý nghĩa cho ***nghèo***. ***Nghèo*** là một tính từ, ***rất*** làm rõ hơn về mức độ của ***nghèo –> cụm tính từ.***

**B4: Đánh giá nhận xét, dẫn vào bài*:*** Như vậy, ngoài cụm danh từ, chúng ta có thể dùng cụm động từ và cụm tính từ để mở rộng thành phần câu. Trong tiết học hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về cụm động từ và cụm tính từ.

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS:

- Nhận biết được cụm động từ, cụm tính từ;

- Hiểu được tác dụng của việc mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ;

- Biết mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm động từ và cụm tính từ.

- Đặt câu với cụm động từ, tính từ.

**b. Nội dung**:

- GV chia nhóm.

- HS làm việc cá nhân, thảo luận hoàn thiện nhiệm vụ nhóm.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập mà học sinh hoàn thành.

**d. Tổ chức thực hiện**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1:**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm:  *Em hãy đọc phần thông tin về Cụm động từ trong SGK trang 74, trả lời các câu hỏi:*  *1. Thế nào là cụm động từ?*  *2. Cụm động từ có cấu tạo như thế nào? Cho ví dụ minh hoạ và phân tích cấu tạo?*  **Phiếu học tập số 1:** *Điền các cụm động từ***:**  + *đang chơi ở ngoài sân*;  + *đang chơi kéo co*;  + *chơi trốn tìm*.  Vào mô hình dưới đây   | Phần phụ trước | Phần trung tâm | Phần sau | | --- | --- | --- | |  |  |  |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ;  - Gv quan sát, hỗ trợ HS nếu cần.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo kết quả hoạt động;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức .  HS đọc phần nhận biết cụm động từ, SGK/Tr 74.  *Cụm động từ, cụm tính từ thường giữ chức vụ gì trong câu?*  **2. Nhiệm vụ 2**  **B1: Giao nhiệm vụ**  *? Nhắc lại khái niệm: thế nào là cụm tính từ?*  *Dựa vào kiến thức nhận biết cụm tính từ Tr74-75 hãy:*  *? cụm tính từ có cấu tạo như thế nào? Lấy ví dụ cụm danh từ và phân tích cấu tạo.*  **Phiếu học tập số 1:** *Điền các cụm tính từ***:**  Trời **rét quá**  Tòa nhà **cao quá**.  Cô ấy **đẹp vô cùng.**  Vào mô hình dưới đây   | Phần phụ trước | Phần trung tâm | Phần sau | | --- | --- | --- | |  |  |  |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Đọc phần nhận cụm danh từ Tr 66.  **GV** hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  - Trình bày kết quả làm việc cặp đôi  - Nhận xét và bổ sung cho cặp đôi bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc cặp đôi của HS.  - Chốt kiến thức lên màn hình.  GV yêu cầu hs đọc phần nhận biết CDT 2 GSK- 66  - Chuyển dẫn sang phần mới | **I. Bài học**  **1. Nhận biết cụm động từ**  - Cụm động từ là tổ hợp từ gồm động từ và các từ ngữ bổ trợ cho động từ tạo thành.  - Cấu tạo cụm động từ gồm ba phần:  + Phần trung tâm ở giữa: là động từ  + Phần phụ trước: thường bổ sung cho động từ những ý nghĩa như: thời gian, khẳng định, phủ định, tiếp diễn…  + Phần phụ sau: thường bổ sung về đối tượng, địa điểm, thời gian…  **2. Nhận biết cụm tính từ**  **-** Cụm tính từ gồm tính từ và một số từ ngữ khác bổ nghĩa cho tính từ.  - Cụm tính từ gồm ba phần:  + Phần trung tâm ở giữa: tính từ  + Phần phụ trước: thường bổ sung cho tính từ những ý nghĩa về mức độ, thời gian, sự tiếp diễn,...  + Phần phụ sau: thường bổ sung cho tính từ những ý nghĩa về phạm vi, mức độ,... |

**3.LUYỆN TẬP**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1:**  **B1: Giao nhiệm vụ (GV)**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 SGK trang 74  - HS làm việc cá nhân hoàn thành bài tập  - GV bổ sung thêm yêu cầu: sau khi tìm được các cụm danh từ, em hãy chỉ ra các thành phần trong cụm danh từ đó và phân tích tác dụng của chúng.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.  - Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - HS các nhóm nhận xét, bổ sung chéo nhau.  - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau.  Gv hỏi bổ sung:  *Cụm danh từ thường giữ chức vụ gì trong câu?*  **2. Nhiệm vụ 2:**  **B1:GV giao nhiệm vụ:**  **Thảo luận theo 4 nhóm trong 05 phút:**  Nhóm 1:Bài tập 2/Tr 74  Nhóm 2,: Bài tập 4/ Tr 74  Nhóm 3: Bài tập 3/Tr 74  Nhóm 4: Bài tập 5/ Tr 75-76  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **+** Tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm.  + GV quan sát, khích lệ HS.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **B4: Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức. | **II. Luyện tập**  **1. Bài tập 1 SGK trang 74**  - Tìm một cụm động từ trong VB *Gió lạnh đầu mùa*. Ví dụ: C*hơi cỏ gà ở ngoài cánh đồng*;  - Xác định động từ trung tâm: động từ *chơi*;  - Từ động từ trung tâm, tạo ra ba cụm động từ khác:  + *đang chơi ở ngoài sân*;  + *đang chơi kéo co*;  + *chơi trốn tìm*.  **2. Bài tập 2 SGK trang 74**   |  | Cụm động từ | ĐT trung tâm | Ý nghĩa mà động từ đó được bổ sung | | --- | --- | --- | --- | | a. | - Nhìn ra ngoài sân  - Thấy đất khô trắng | - Nhìn  - Thấy | - Hướng, địa điểm của hành động *nhìn*;  - Đối tượng của hành động *thấy*. | | b. | - Lật cái vỉ buồm;  - Lục đống quần áo rét. | - Lật  - Lục. | Đối tượng của hành động *lật*, *lục*. | | c. | - Hăm hở chạy về nhà lấy quần áo | - Chạy | Cách thức, hướng, địa điểm của hành động *chạy*. |   **3. Bài tập 3 SGK trang 74**  **-** Tìm thêm trong VB *Gió lạnh đầu mùa* hai câu văn có VN là một chuỗi CĐT và cho biết tác dụng của cách diễn đạt đó. Ví dụ:  (1) Chị Sơn và mẹ Sơn *đã trở dậy, đang ngồi quạt hỏa lò để pha nước chè uống*.  (2) Mẹ Sơn *lật cái vỉ buồm, lục đống quần áo rét*.  (3) Sơn *lo quá, sắp ăn, bỏ đũa đứng dậy, van*.  Tác dụng: Kiểu câu có vị ngữ là một chuỗi cụm động từ thường thông báo một chuỗi hoạt động kế tiếp nhau (câu 1, 2) hoặc nguyên nhân – kết quả (câu 3: trạng thái *lo quá* ở nhân vật Sơn dẫn đến kết quả *sắp ăn, bỏ đũa đứng dậy, van*.  **4. Bài tập 4 SGK trang 74**  - Tìm một CTT trong truyện *Gió lạnh đầu mùa*: *đã cũ*.  - Xác định tính từ trung tâm: *cũ*.  - Tạo ra ba cụm tính từ khác từ tính từ trung tâm:  + *chưa cũ*;  + *cũ lắm*;  + *rất cũ*.  **5. Bài tập 5 SGK trang 74 – 75**   |  | Cụm tính từ | Tính từ trung tâm | Ý nghĩa mà tính từ đó được bổ sung | | --- | --- | --- | --- | | a. | Trong hơn mọi hôm | Trong | Phần phụ sau bổ sung ý nghĩa so sánh | | b. | Rất nghèo | Nghèo | Phần phụ sau bổ sung ý nghĩa chỉ mức độ | |

**4.VẬN DUNG**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS khắc sâu kiến thức đã học.

**b. Nội dung**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

**c. Sản phẩm học tập**: Đoạn văn.

**d.Tổ chức thực hiện**:

**B1: Giao nhiệm vụ học tập:**

Em hãy viết một đoạn văn khoảng (5-7 câu) trong đó có sử dụng ít nhất một cụm động từ và một cụm tính từ và chỉ rõ.

*HSKG:* Đăt câu văn có sử dụng CTT miêu tả lọ hoa trên bàn GV .

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành đoạn văn và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**B3:Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

**B4: kết luận, nhận định:** GV nhận xét đoạn văn.

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**\* Phiếu HT số 1+ 2**

| Phần phụ trước | Phần trung tâm | Phần sau |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

| Ngày soạn | 27/10/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 7/11/2022 | 8/11/2022 | 7/11/2022 |

**TIẾT 35 : Văn bản (3): CON CHÀO MÀO**

**( Mai Văn Phấn)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Chủ động tìm hiểu các thông tin liên quan đến nội dung bài học

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v…

**b. Năng lực đặc thù**

- Bổ sung, mở rộng chủ đề bài học, tiếp tục hình thành và phát triển năng lực đọc- hiểu TP thơ.

- Phân tích nội dung và đánh giá được tình yêu thiên nhiên của tác giả được thể hiện qua bài thơ

- Phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản Con chào mào với các văn bản cùng chủ đề.

**3. Về phẩm chất:**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu thương, chia sẻ không chỉ là tình cảm đẹp đẽ, quý giá giữa con người với con người mà còn là tình yêu, sự trân trọng cái đẹp, ý thức bảo vệ thiên nhiên,... của con người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV** giáo án; phiếu bài tập, trả lời câu hỏi, máy tính, ti vi

**2. Chuẩn bị của HS** : sgk, sbt ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu**:tạo hứng thú cho hs, thu hút hs sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung**: hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm**: nhận thức và thái độ học tập của hs.

**d Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ HT**: gv đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu hs trả lời:

? Em hãy kể tên một số loài vật mà em biết?  Hãy bày tổ tình cảm của mình đối với một con vật mà em yêu thích?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**: hs tiếp nhận nhiệm vụ,

**B3: Báo cáo, thảo luận**: HS chia sẻ suy nghĩ của mình.

**B4: Kết luận, nhận định**: Từ chia sẻ của hs, gv dẫn dắt vào bài học mới:cuộc sống cần có tình yêu thương. Tình yêu thương ấy không chỉ là tình yêu thương giữa con người với con người, mà còn bao gồm cả tình yêu thương, sự trân trọng của con người với  các loài vật, với vẻ đẹp của thiên nhiên. Con người chính là một phần của tự nhiên, vì vậy ta phải bảo vệ nó. Tiết học hôm nay, thầy/cô trò ta sẽ cùng tìm hiểu về tình yêu thiên nhiên thông qua văn bản con chào mào của nhà thơ mai văn phấn.

**2. Hình thành kiến thức**

**\*) Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu**: nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung**: hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm** : hs tiếp thu kiến thức và câu trả lời của hs.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  - Gv yêu cầu hs: đọc và giới thiệu về tác giả và tác phẩm  - Hs tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Hs suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ.  **B3: báo cáo kết quả và thảo luận**  - Hs trả lời câu hỏi;  - Gv gọi hs khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - Gv nx, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức -> ghi bảng.  **2. Nhiệm vụ 2**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  Gv chỉ định một vài hs đọc thành tiếng bài thơ.  - Gv yêu cầu hs dựa vào vb vừa đọc, trả lời các câu hỏi:  + thể loại của vb là gì? phương thức biểu đạt?  + Bố cục vb gồm mấy phần? Nêu nội dung của các phần.  **B2**: thực hiện nhiệm vụ (gv & hs)  - đọc văn bản -> hoạt động cá nhân  Gv: theo dõi, quan sát hs hoạt động hướng dẫn hs,  **B3: báo cáo, thảo luận (gv & hs)**  hs trả lời, báo cáo sản phẩm  - Theo dõi, nx, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: kết luận, nhận định (gv)**  - nhận xét thái độ làm việc nhóm của hs  - đánh giá sản phẩm nhóm của hs  - chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Tên: Mai Văn Phấn  - Năm sinh: 1955  - Quê quán: Ninh Bình  - Ông sáng tác thơ và viết tiểu luận phê bình. Thơ Mai Văn Phấn rất phong phú về đề tài; có những cách tân về nội dung và nghệ thuật; một số bài thơ được dịch ra nhiều thứ tiếng.  **2. Tác phẩm**  **a. Đọc**  **b. Tìm hiểu chung**  - Xuất xứ: bài thơ *Con chào mào* được trích trong bầu trời không mái che, NXB Hội nhà văn, 2010.  - Thể loại: thơ tự do  - Phương thức biểu đạt: biểu cảm  - Bố cục: 3 phần  + Phần 1: khổ 1: Hình ảnh và tiếng hót của con chim chào mào trong thực tế  + Phần 2: khổ 2, 3, 4: Ý nghĩ, cảm xúc của nhân vật tôi về con chim chào mào  + Phần 3: còn lại: hình ảnh con chào mào lưu giữ trong ký ức nv *tôi* |

**\* Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu**: hs hiểu được nội dung và nghệ thuật bài thơ.

**b. Nội dung**: hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập**: hs tiếp thu kiến thức và câu trả lời của hs.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  - GV yêu cầu hs lần lượt trả lời các câu hỏi:  + Em có thể hình dung, tưởng tượng những gì khi đọc ba dòng thơ đầu - không gian, màu sắc?  -> *Dự kiến sp*: Hình dung về tiếng hót, màu sắc ; tưởng tượng ra khung cảnh thiên nhiên thoáng đãng, bình yên được gợi ra từ hình ảnh “ cây cao chót vót”))  + Tại sao khi ngắm nhìn bộ lông đẹp và tiếng hót rất hay của chim chào mào nv “tôi” lại “vội vẽ chiếc lồng trong ý nghĩ”.  + Tại sao nv tôi lại “hối hả đuổi theo”  + Khi không còn thấy tăm tích chim chào mào nv tôi lại hình dung về h/a chim chào ntn? Điều đó thể hiện ý nghĩa gì?  + Dòng thơ nào được lặp lại trong bài thơ? Theo em như vậy có tác dụng gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Hs trao đổi, suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ.  **B3: báo cáo kết quả và thảo luận**  - Hs trả lời câu hỏi;  - Gv gọi hs khác nhận xét, bs câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - Gv nx, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức -> ghi bảng.  **2. Nhiệm vụ 2**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  - Thảo luận nhóm bàn (5’)  + Vì sao lúc đầu nhân vật “tôi”“sợ chim bay đi” nhưng kết thúc bài thơ lại khẳng định: “chẳng cần chim lại bay về/ tiếng hót ấy giờ tôi nghe rất rõ”?  + Tiếng hót mà nhân vật “tôi” nghe “rất rõ” vang lên từ đâu (trên cây cao chót vót hay trong tâm hồn)? Tiếng hót ấy cho thấy trạng thái cảm xúc nào của nhân vật “tôi” (vui hay buồn, hạnh phúc hay đau khổ,...)? Vì sao nv “tôi” có thể cảm thấy như vậy?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Hs trao đổi, suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ.  **B3: báo cáo kết quả và thảo luận**  - Hs trả lời câu hỏi;  - Gv gọi hs khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - Gv nx, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức -> ghi bảng.  **3. Nhiệm vụ 2**  **B1: Giao nhiệm vụ HT (gv)**  - Chia nhóm lớp theo bàn  - Phát phiếu học tập:  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Ý nghĩa của văn bản.  **B2: thực hiện nhiệm vụ**  Hs: suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy.  - Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).  **B3: báo cáo, thảo luận**  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, hs nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  Gv: yêu cầu hs nx , đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: kết luận, nhận định (gv)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. | **II. Đọc- hiểu văn bản**  **1. Hình ảnh và tiếng hót của con chào mào trong thực tế (khổ đầu)**  - Màu sắc: đốm trắng mũ đỏ -> màu sắc rực rỡ, tươi tắn  - Âm thanh: Tiếng hót dài, trong trẻo.  - Vị trí: trên cây cao chót vót -> khung cảnh thiên nhiên thoáng đãng, bình yên.  => bút pháp tả thực vừa gợi ra vẻ đẹo của chú chim chào mào, vừa gợi ra vẻ đẹp của bức tranh tràn ngập màu sắc và âm thanh và ánh sáng.  **2. Ý nghĩ, cảm xúc của nhân vật tôi về con chim chào mào (4 khổ tiếp)**  *a/ Lúc đầu*  - “vội vẽ chiếc lồng trong ý nghĩ”, “sợ chim bay đi” -> thích tiếng chim, muốn tiếng chim là của riêng mình (“độc chiếm”), muốn níu muốn giữ mãi ở bên cạnh  *b/ Lúc sau*  - Hình dung chim chào mào với những h/a trong tâm trí nv tôi > nv tôi hiểu rằng con chim chào mào sẽ chỉ hạnh phúc trong cuộc sống tự do giữa thiên nhiên.  => hòa trộn giữa b/tranh trong thiên nhiên và b/tranh trong tâm tưởng của tác giả  - Điệp ngữ : lặp lại 2 lần  => nhấn mạnh âm thanh của tiếng chim chào mào, tiếng chim ấy không chỉ vang lên từ cành cao chót vót mà còn vang lên ngay trong chính tâm hồn nhà thơ  **3. Những thay đổi trong suy nghĩ của nhà thơ.**  - “chẳng cần chim lại bay về/ tiếng hót ấy giờ tôi nghe rất rõ” -> vẫn rất thích tiếng chim, nhưng hiểu chim chào mào là một phần của thiên nhiên -> nv tôi đã biết ứng xử với thiên nhiên bằng sự tôn trọng và tình yêu chứ không phải bằng sự độc chiếm, ích kỉ, hẹp hòi  -> trân trọng tiếng chim và lưu giữ nó trong ký ức của thiên nhiên và tình yêu của con người đối với thiên nhiên.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Thể thơ tự do phù hợp với mạch tâm trạng, cảm xúc.  - Miêu tả không gian giữa thực và ảo.  - Sử dụng phép điệp ngữ .  **2. Nội dung- Ý nghĩa**  Bài thơ miêu tả vẻ đẹp của chú chim chào mào. Từ đó ta thấy được vẻ đẹp của thiên nhiên và tình yêu của con người đối với thiên nhiên. |

**3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung**: sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập**: kết quả của hs.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ HT**

- GV tổ chức cuộc thi kể lại vb thơ vừa được học.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**: hs thực hiện nhiệm vụ.

**B3: báo cáo kết quả và thảo luận**

- hs trả lời câu hỏi;

- gv gọi hs khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định**

- gv nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức.

**4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung**: sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập**: câu trả lời của hs

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ HT**

*- HSKG:* GV yêu cầu hs: viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) miêu tả một hình ảnh thiên nhiên tươi đẹp được em lưu giữ trong ký ức.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** hs thực hiện nhiệm vụ.

**B3: báo cáo kết quả và thảo luận**

- hs trình bày bài làm của mình.

- gv gọi hs khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định**: gv nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức

| Ngày soạn | 4/11/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 8 /11/2022 | 12 /11/2022 | 9 /11/2022 |

**TIẾT 36: VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a/ Năng lực chung**

- Chủ động tìm hiểu các thông tin có liên quan đến nội dung bài học

- Giải quyết vấn đề sáng tạo, linh hoạt

- Lựa chọn phương thức giao tiếp, hoạt động nhóm phù hợp

**a/ Năng lực đặc thù**

**-** Nắm được các yêu cầu của bài văn Kể lại một trải nghiệm của em.

**-** HS viết được bài văn kể lại trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể;

- HS tiếp tục rèn luyện và phát triển kỹ năng viết bài văn tự sự (tiếp nối bài 1).

**2. Về phẩm chất**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**: sgk, giáo án, máy tính, ti vi

**2. Chuẩn bị của HS:** sgk, vở ghi, sự chuẩn bị ở nhà

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c.** **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ HT:** *GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời:* Em hãy chia sẻ vê một kỷ niệm của em. Kỷ niệm đó có thể là kỷ niệm vui hoặc kỷ niệm buồn. Nhưng đó là kỷ niệm khiến em nhớ mãi.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ :** *HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ về những kỷ niệm;*

**B3: Báo cáo, thảo luận***: HS trả lời câu hỏi*

**B4: Kết luận, nhận định:**

*Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Trong cuộc sống, có trải nghiệm đem lại cho em niêm vui, sự tự hào, hạnh phúc; có trải nghiệm để lại trong em nỗi buồn, sự sợ hãi hoặc tiếc nuối, v.v… Nhưng dù thế nào, từ những trải nghiệm đó, em có thể rút ra những bài học để trưởng thành hơn. Ở **bài Tôi và các bạn**, các em đã được hướng dẫn viết bài văn kể lại một trải nghiệm. Trong bài học này, em sẽ tiếp tục được rèn luyện và phát triển kỹ năng viết bài văn chia sẻ một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân với yêu cầu cao hơn.

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Mục tiêu**: Nhận biết được các yêu cầu cao hơn của bài văn kể lại một trải nghiệm. Từ bài viết tham khảo, nắm được cách viết bài văn và có cho mình ý tưởng để viết bài văn kể lại một trải nghiệm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- SH** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  *+ Em hãy nhắc lại yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm đã được học ở các tiết học trước?*  *Đối với yêu cầu của bv lần này có sự thay đổi ntn?*  *+ Kể chuyện theo ngôi thứ nhất, người kể xưng hô như thế nào? Tác dụng của ngôi kể thứ nhất là gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**   * HS trả lời câu hỏi; * GV gọi HS khác nx , bổ sung câu trả lời của bạn.   **B4: Kết luận, nhận định**   * GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.   **2. Nhiệm vụ 2**  **B1: Giao nhiệm vụ**  - GV giới thiệu: *Bài viết tham khảo kể về một câu chuyện buồn, một lần hiểu nhầm trong tình bạn. Bài viết có cả bài học mà người viết rút ra từ câu chuyện đó.*  - GV yêu cầu HS: Đọc bài viết tham khảo-> thảo luận nhóm (7’) và hoàn thiện PHT   * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS thực hiện nhiệm vụ; * Dự kiến sản phẩm.   **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**   * Đại diện nhóm trả lời câu hỏi; * GV gọi HS khác nx, bổ sung câu trả lời của bạn.   **B4: Kết luận, nhận định**   * GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.   **3. Nhiệm vụ 3**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**   * GV yc HS nhắc lại các bước viết kể lại một trải nghiệm của em đã học ở bài 1   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi;   Dự kiến sản phẩm.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**   * HS trình bày sản phẩm; * GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.   **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**   * GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt   kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **I. Yêu cầu về kiểu bài**  **1. Yêu cầu đối với bài viết Kể lại một trải nghiệm của em.**  - Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ  nhất;  - Giới thiệu được trải nghiệm đáng  nhớ;  - Tập trung vào sự việc đã xảy ra;  - Sắp xếp các sự việc, chi tiết theo  trình tự hợp lý;  - Sử dụng các chi tiết miêu tả cụ thể vê  thời gian, không gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện;  - Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể; rút ra được ý nghĩa, sự quan trọng của trải nghiệm đối với người viết.  **2. Phân tích bài viết tham khảo**   * Tóm tắt lại câu chuyện:      * Trả lời các câu hỏi:   + Đoạn mở bài đã giới thiệu đây là một trải nghiệm buồn có ý nghĩa với người viết.  + Trật tự thời gian: *Sáng thứ Hai, đúng lúc ấy, lúc quay vào, khi cô chủ nhiệm vào lớp, về nhà…*; quan hệ nhân quả: thoáng nhìn thấy Duy 🡪 nghĩ là Duy đã vẽ; hiểu lầm Duy 🡪 ân hận, v.v…  + *Chuyện xảy ra vào cuối tháng 9, năm tôi học lớp 6; tôi sầm sập chạy ra sân; Duy ngơ ngác như không hiểu chuyện gì; cả lớp im phăng phắc; Hai má tôi lúc ấy nóng rực lên vì xấu hổ;…*  + *Xấu hổ, ân hận, buồn, sợ hãi, v.v…*  + Đoạn cuối: *Tôi giữ nó trong trí nhớ như một lời nhắc nhở bản thân…*  **3. Các bước làm bài văn Kể lại một trải nghiệm của em**  **Trước khi viết**   * Lựa chọn đề tài * Tìm ý * Lập dàn ý   **Viết bài**  **Chỉnh sửa bài viết** |

**3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ HT:** *GV yêu cầu HS tiến hành tìm ý và lập dàn ý theo các gợi ý trong sgk*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS tiếp nhận nv

**B3: Báo cáo, thảo luận:** Dàn bài của HS

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức**.**

**4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

***GV yêu cầu HS:***

+ HS rà soát, chỉnh sửa lại dàn ý theo yc dàn ý trong sgk

+ Về nhà hoàn thiện lại dàn ý chi tiết theo nd đã chỉnh sửa trên lớp.

**IV: HỒ SƠ HỌC TẬP**

**Phiếu HT**

| *Câu chuyện gồm những sv chính nào: .*............................................................................................... |
| --- |
| *Phần nào, đoạn nào của bài viết giới thiệu câu chuyện: ………………………………………………..* |

| Ngày soạn | 4/11/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 8/11/2022 | 14-15 /11/2022 | 9/11/2022 |

**TIẾT 37+38 : VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM**

**(Tiếp theo)**

**MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Chủ động tìm hiểu các thông tin có liên quan đến nội dung bài học

- Giải quyết vấn đề sáng tạo, linh hoạt

- Lựa chọn phương thức giao tiếp, hoạt động nhóm phù hợp

**a. Năng lực đặc thù**

**-** HS viết được bài văn kể lại trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể;

- HS tiếp tục rèn luyện và phát triển kỹ năng viết bài văn tự sự (tiếp nối bài 1).

- Thực hành viết được bài văn hoàn chỉnh theo yêu cầu.

**2. Về phẩm chất**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

- Trân trọng trải nghiệm của bản thân

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**: sgk, giáo án, phiếu đánh giá bài viết

**2. Chuẩn bị của HS**: vở ghi, sự chuẩn bị ở nhà

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ HT**

- HS nhắc lại các bước làm viết bài văn Kể lại một trải nghiệm của em?

- Em đã lựa chọn được cho mình trải nghiệm nào chưa?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét -> dẫn vào bài

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu**: HS viết được bài viết Kể lại một trải nghiệm của em với yêu cầu cao hơn

**b. Nội dung**: HS viết bài

**c. Sản phẩm**: Bài viết của HS  
**d. Tổ chức hoạt động:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **B1: Giao nhiệm vụ HT**  - GV yêu cầu HS: HS thực hành viết bài dựa trên dàn ý chi tiết đã lập  - Viết xong, đọc và chỉnh sửa chéo bài nhau giữa HS trong bàn dựa theo phiếu chỉnh sửa bài viết trong SGK/ 80+81  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS viết bài  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS hoàn thành bài viết. Rà soát, chỉnh sửa  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nx, đánh giá phần TH của HS  - Nhắc HS chuẩn bị cho bài nói ở tiết sau  *\* Yêu cầu đối với HSKG*: Hoàn thiện bài viết đúng yêu cầu, cách diễn đạt rõ ý tưởng, mạch lạch.  (hết tiết 1) | **III. Luyện tập**  **1. Viết bài dựa trên dàn ý đã lập**  **2. Chỉnh sửa bài viết** |

**3. VẬN DỤNG** *(tiết 2)*

**a. Mục tiêu** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ HT:** HS viết lại bài viết sau khi đã chỉnh sửa

**B2: Thực hiện NV:** HS tiếp nhận nhiệm vụ

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS viết lại bài

**B4: Kết luận, nhận định:** Yc HS sau khi viết xong nộp lại bài cho GV -> gv đánh giá, nhận xét bài viết

| Ngày soạn | 4/11/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 12/11/2022 | 12/11/2022 | 12/11/2022 |

**TRẢ BÀI KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ 1**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Chủ động xem lại các kiến thức đã học sau khi đã KT

**-** Tích cực ôn tập lại những kiến thức, kĩ năng đã học

**b. Năng lực đặc thù**

- Nhận ra được những ưu điểm và nhược điểm trong bài kiểm tra

- Thấy được phương hướng khắc phục, sửa lỗi.

- Rèn kỹ năng nhận biết và sửa chữa lỗi sai

**2. Về phẩm chất**

- Trách nhiệm:  Có ý thức sửa chữa lỗi và rút kinh nghiệm cho những bài làm sau

- Chăm chỉ, trung thực

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**: Soạn bài; bài KT của HS

**2. Chuẩn bị của HS**: xem lại đề và các kiến thức trong bài KT

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút hs sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ HT

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức hoạt động**

**B1: Giao nhiệm vụ HT:** GV đưa câu hỏi

? Em dự đoán mình được bao nhiêu điểm? Sau khi làm bài xong em có rút ra được kinh nghiệm nào không?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS suy nghĩ, tiếp nhận câu hoit

**B3: Báo cáo, thảo luận**: Câu trả lời của HS

**B4: Kết luận, nhận định**: GV nhận xét -> dẫn vào bài

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu**: Nhận ra được những ưu điểm và nhược điểm trong bài kiểm tra. Thấy được phương hướng khắc phục, sửa lỗi và những kiến thức cần trau dồi thêm

**b. Nội dung**: HS nhận ra được ưu điểm, khuyết điểm trong bài KT

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, nhận xét của HS

**d. Tổ chức hoạt động**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  **-** GV trả bài KT sau đó đưa ra đáp án và yêu cầu HS đọc lại bài KT và trả lời các câu hỏi:  + Nhận xét xem bài làm của em đạt ở mức độ nào?  + Có những câu nào em xác định sai?  + Em rút ra kinh nghiệm gì qua phần bài làm này?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS tiếp nhận nv, đọc bài và tự nhận xét về bài KT của mình  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **-** Gọi 5,6 em đứng dậy nx về bài KT của mình  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung  **2. Nhiệm vụ 2**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  **-** HS chú ý, quan sát vào bài KT nghe GV nx -> rút ra những điểm chưa được của bài KT.  - Gọi điểm  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe, nx và so sánh với bài KT của mình  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Gọi HS rút ra kinh nghiệm  **-** Đọc điểm  **B4: Kết luận, nhận định**  **-** GV nhận xét, bổ sung | **I. Trả bài kiểm tra**  **1. Đề bài và đáp án**  **\* PHẦN I: ĐỌC- HIỂU** *(4điểm)*  **Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi.**  *Mẹ tôi quý Bi như một đứa con bé bỏng nhất nhà. Đi dạy học về, việc đầu tiên là bà gọi vang tên nó. Nó chui khe cửa, lẻn đi chơi lâu lâu một tí là bà lồng đi tìm. Không thấy hình bóng nó quẩn quanh bên mình là bà hoảng hốt………..*  *Còn tôi, tôi coi nó là thằng bạn nhỏ tuổi thân thiết, là chú em út trong nhà. Ngược lại, nó cũng không kém nhiệt tình, không hờ hững với tình yêu thương thật sự của tôi.*  *(Chó Bi, đời lưu lạc – Ma Văn Kháng, NXB Kim Đồng, 2006)*  **Lựa chọn đáp án đúng:**  **Câu 1:** Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản là gì?  A. Tự sự B. Miêu tả C. Nghị luận D. Biểu cảm  **Câu 2:** Việc đầu tiên khi người mẹ đi dạy về là làm gì?  A. Nấu ăn cho gia đình  B. Cho Bi ăn  C. Gọi vang tên Bi  D. Ôm Bi Vào lòng.  **Câu 3:** Chú chó Bi có thái độ, tình cảm như thế nào với nhân vật “*tôi*”?  A.Sợ hãi, trốn tránh  B. Nhiệt tình, không hờ hững  C. Đề phòng  D. Không để ý  **Câu 4:** Xét theo cấu tạo, các từ *bé bỏng, hoảng hốt, lo lắng, hờ hững* là:  A. Từ đơn  B. Từ ghép  C. Từ láy  D. Cụm từ  **Câu 5:** Các chi tiết kể về những việc làm của người mẹ đối với chú chó Bi trong đoạn trích thể hiện điều gì?  A. Yêu thương, quan tâm, lo lắng cho Bi  B. Mong Bi lớn thật nhanh  C. Yêu thương con trai của mình  D. Không muốn Bi có mặt trong nhà  **Câu 6:** Nêu công dụng của dấu ngoặc kép trong câu sau: *Bữa nào nó bỏ bữa hay ăn uống uể oải là bà sờ đầu nó, lo lắng: “Sao, Bi ốm à?”*  A. Đánh dấu nhan đề một tác phẩm.  B. Đánh dấu một từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt  C. Đánh dấu từ ngữ có hàm ý mỉa mai  D. Dẫn lời nói trực tiếp của nhân vật  **Câu 7:** Trong câu: “*Bà khâu cho nó một cái đệm bông dày để nó nằm khi trời trở lạnh.”* thì *“đệm bông”* là:  A**.** Động từ.  B. Danh từ  C. Tính từ.  D. Lượng từ  **Câu 8:** Trong câu: “*Không thấy hình bóng nó quẩn quanh bên mình là bà hoảng hốt”.* Từ *“hoảng hốt”* có nghĩa là gì?  A**.** Sợ hãi, luống cuống, mất bình tĩnh  B. Lo lắng  C. Tìm kiếm khắp nơi  D. Vui vẻ, bình thản  **Câu 9**. (1 điểm):Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu sau: *“Còn tôi, tôi coi nó là thằng bạn nhỏ tuổi thân thiết, là chú em út trong nhà.”*  **Câu 10**.(1 điểm): Đoạn trích gợi cho em những suy nghĩ và tình cảm gì?  **II. VIẾT (4.0 điểm)**  Em hãy kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.  **II. Nhận xét- chữa lỗi**  - Ưu điểm: Đa số các em đưa ra đáp án đúng , xác định được PBTT, biết cách xác định biện pháp tu từ;...viết được bài viết kể lại một trải nghiệm của em, trình bày rõ ràng, sạch đẹp.  - Nhược điểm: Một số em trả lời sai PTBĐ, xác định sai từ loại...., viết bài TLV còn gạch xóa, chữ viết ẩu, một số bài làm còn sơ sài, kết quả chưa cao...... |

**3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ HT:** HS xác định những lỗi trong bài KT của mình ( chính tả; cách diễn đạt…) -> đọc điểm

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận, so sánh và tìm ra lỗi của bài KT

**B3: Báo cáo, thảo luận:** Câu trả lời của HS

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, bổ sung -> đọc mẫu một số bài viết tốt-> vào điểm

**4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:** Yêu cầu HS về nhà hoàn thiện lại bài dựa trên những lỗi đã sửa trên lớp.

| Ngày soạn | 11/11/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 15/11/2022 | 21/11/2022 | 16/11/2022 |

**TIẾT 39 : NÓI VÀ NGHE: KỂ VỀ MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Chủ động tìm hiểu ND liên quan đến bài học

**-** Năng lực giải quyết vấn đê, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù**

- Tiếp tục rèn luyện, phát triển kĩ năng nói và nghe về một trải nghiệm đáng nhớ đối với bản thân (tiếp nối bài 1)

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

**2. Về phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV:** Giáo án, phiếu bài tập, trả lời câu hỏi..

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, sự chuẩn bị ở nhà của HS

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ HT***:* GV yêu cầu HS xem lại bài viết

? Sau tiết nghe và nói ở bài số 1 em đã rút ra cho mình kinh nghiệm gì?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS tiếp nhận nhiệm vụ;

**B3: Báo cáo, thảo luận**: Câu trả lời của HS

**B4: Kết luận, nhận định**: GV dẫn dắt vào bài học mới: Bài học hôm nay, chúng ta sẽ tiếp tục thực hành nói vê một trải nghiệm của em trước lớp.

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **B1: Giao nhiệm vụ HT**  - GV nêu rõ yêu cầu HS xác định mục đích nói, bám sát mục đích nói và đối tượng nghe;  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói: Dựa vào bài viết trong tiết trước, em hãy xem lại, chuẩn bị và luyện nói.  - GV hướng dẫn HS luyện nói theo cặp, nhóm, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói;  - Rút kinh nghiệm từ tiết nói Bài 1  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học;  - Các nhóm luyện nói.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nx, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi bảng | **I. Chuẩn bị bài nói và các bước tiến hành**  **Trước khi nói ( chuẩn bị ở nhà)**  - Lựa chọn đề tài, nội dung nói;  - Tìm ý, lập ý cho bài nói;  - Chỉnh sửa bài nói;  **- Tập luyện** |

**Hoạt động 2: Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN KẾT QUẢ** |
| --- | --- |
| **B1: Giao nhiệm vụ HT**  - GV gọi 1 số HS trình bày trước lớp, các HS còn lại thực hiện hoạt động nhóm: theo dõi, nhận xét, đánh giá điền vào phiếu.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** HS trình bày bài nói  - HS khác lắng nghe-> nhận xét  **B4: Kết luận, nhận định**  **-**  GV nx , bổ sung, chốt lại kiến thức  \*YC HSKG: chọn được câu chuyện hay, ý nghĩa, trình bày rõ ràng, mạch lạc | **2. Trình bày bài nói** |

**3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Trao đổi về bài nói:Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn HS đánh giá bài nói/ phần trình bày của bạn theo phiếu đánh giá.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện đánh giá theo phiếu.

**B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**

- GV điều phối:

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận;

+ HS tương tác, nhận xét, đặt câu hỏi.

**B4: Kết luận, nhận định**

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của GV và các bạn.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV: HỒ SƠ HỌC TẬP**

| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ** | | | |
| --- | --- | --- | --- |
| **NHÓM ………………….** | | | |
| **TIÊU CHÍ** | **MỨC ĐỘ** | | |
| **Chưa đạt (điểm 0)** | **Đạt (1 điểm)** | **Tốt (2 điểm)** |
| ***1. Chọn được câu chuyện hay,có ý nghĩa*** | Chưa có chuyện để kể. | Có chuyện để kể nhưng chưa hay. | Câu chuyện hay và ấn tượng. |
| ***2. Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn*** | Nội dung sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện. | Có đủ chi tiết để người nghe hiểu được nội dung câu chuyện | Nội dung câu chuyện phong phũ và hấp dẫn. |
| ***3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm*** | Nói nhỏ, khó nghe; nói lặp lại, ngập ngừng nhiều lần. | Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu. | Nói to, truyền cảm; hầu như không lặp lại hay ngập ngừng. |
| ***4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ(điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt…) phù hợp*** | Điệu bộ thiếu tự tin; mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, nhìn vào người nghe; biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động. |
| ***5. Mở đầu và kết thúc hợp lí*** | Không chào hỏi hoặc không có kt bài nói. | Có chào hỏi và có lời kết thúc bài nói | Chào hỏi và kết thúc hấp dẫn, ấn tượng. |
| **TỔNG ĐIỂM:……………………………/10 ĐIỂM** | | | |

| Ngày soạn | 11/11/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 15/11/2022 | 22/11/2022 | 16/11/2022 |

**TIẾT 40: ĐỌC MỞ RỘNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Chủ động sưu tầm và tìm hiểu các bài đọc, tài liệu phù hợp có liên quan tới yêu cầu của bài.

- Có khă năng nhận biết được các yếu tố cơ bản về thể loại có liên quan đến nội dung học tập

- Biết xác định mục đích giao tiếp, lựa chọn nội dung, hình thức giao tiếp phù hợp.

- Biết thảo luận, phản hồi, đánh giá về nội dung bài học

- Giải quyết vấn đề một cách độc lập, sáng tạo.

**b. Năng lực đặc thù**

- HS trình bày, trao đổi kết quả đọc mở rộng ngay tại lớp. HS biết vận dụng hiểu biết, trải nghiệm, kỹ năng được học trong bài 1. Tôi và các bạn, bài 2. Gõ cửa trái tim, và bài 3. Yêu thương và chia sẻ để tự đọc VB mới có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các VB vừa học.

- HS nêu được nội dung cơ bản của VB vừa đọc; trình bày được một số yếu tố của truyện (cốt truyện, nhân vật, ngôi kể, lời người kể chuyện, lời nhân vật), phân tích được một số đặc điểm của nhân vật; nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, yếu tố tự sự và miêu tả, v.v...

**2. Về phẩm chất**

- Chăm chỉ: tích cực học tập, chuẩn bị bài ở nhà làm bài tập đầy đủ trên lớp

- Trách nhiệm: có trách nhiệm trong đảm nhận và hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV: Máy tính,** máy chiếu, bút dạ, màu**,** tài liệu, phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh

**2. Chuẩn bị của HS: vở ghi, sự chuẩn bị ở nhà của HS**

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu***:*Tạo hứng thú, thu hút sự chú ý của HS,huy động hiểu biết đã có của bản thân khai thác thông tin và hình ảnh để hoàn thành nhiệm vụ học tập

**b. Nội dung***:* Cho học sinh quan sát tranh ảnh trao đổi với bạn và trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giáo viên

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d.Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ học tập:** Quan sát và cho biết các ảnh này liên quan đến các tác phẩm nào?

| Ghim trên Khăn đỏ | gio-lanh-dau-mua-105280 |
| --- | --- |
| D:\BÁN TÀI LIỆU\NGỮ VĂN 6 - KẾT NỐI\415791fe--4d81.jpg | Soạn bài Bài học đường đời đầu tiên lớp 6 ngắn gọn | VFO.VN |

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV - Nhận xét đánh giá câu trả lời của bạn

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung cơ bản của VB vừa đọc; trình bày được một số yếu tố của truyện (cốt truyện, nhân vật, ngôi kể, lời người kể chuyện, lời nhân vật), phân tích được một số đặc điểm của nhân vật; nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, yếu tố tự sự và miêu tả, v.v...

**b. Nội dung:** HS sử dụng các VB có cùng đặc điểm thể loại (truyện, thơ) và cùng chủ đề với các VB đã học trong những bài: bài 1. Tôi và các bạn, bài 2. Gõ cửa Trái tim, bài 3. Yêu thương và chia sẻ, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm**: HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **B1: Giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu: *Mỗi nhóm chọn một VB có cùng đặc điểm thể loại (truyện, thơ) và cùng chủ đề với các VB đã học trong những bài trước, tiến hành đọc và trình bày nội dung và nghệ thuật của VB.*  - GV gợi ý:  *+ Để hoàn thành tốt tiết học hôm nay, các em hãy đọc lại phần Tri thức ngữ văn trong các bài học trước để nắm vững về thể loại, cũng như cách phân tích các đặc điểm nghệ thuật.*  *+ Người kể chuyện trong VB là ai?*  *+ Cốt truyện? (Nêu các sự kiện chính trong câu chuyện)*  *+ Nhân vật (Truyện có mấy nhân vật? Nhân vật trong truyện gồm những ai?)*  *+ Đối với VB truyện: Tìm lời người kể chuyện và lời nhân vật (Cho biết đâu là lời người kể chuyện, đâu là lời nv)*  *+ Đối với VB thơ: tìm và nêu cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ->* HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức -> Ghi lên bảng.  *\* YC HSKG: Tóm tắt lại được câu chuyện đã tìm đọc* | **1. Chọn văn bản**  **2. Trao đổi, nhận xét**  **-** |

| Ngày soạn | 18/11/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 21-22/11/2022 | 26/11/2022 | 21-23/11/2022 |

**BÀI 4: QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU**

**TIẾT 41+42 : Văn bản (1): CHÙM CA DAO VỀ QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Chủ động tìm hiểu các thông tin có liên quan đến bài học, sưu tầm một số câu ca dao nói về tình yêu quê hương, đất nước.

- Nắm những đặc điểm cơ bản của thơ lục bát thể hiện qua các bài ca dao: số dòng, số tiếng, vần, nhịp của mỗi bài.

- Phân tích được nét độc đáo của từng bài ca dao nói riêng và chùm ca dao nói chung thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.

- Sử dụng phương thức giao tiếp, thảo luận phù hợp

**b. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của thơ lục bát

- HS biết nhận xét, đánh giá được nét độc đáo của từng bài ca dao nói riêng và chùm ca dao nói chung thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.

- HS cảm nhận được tình yêu quê hương đất nước, lòng yêu mến tự hào về vẻ đẹp của các vùng miền khác nhau mà tác giả dân gian thể hiện qua ngôn ngữ VB.

**2. Về phẩm chất**

- Trân trọng, tự hào về các giá trị văn hoá truyền thống và vẻ đẹp của quê hương, đất nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV:** SGK, SGV. Máy chiếu, máy tính, giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm, phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của HS**: vở ghi, sgk, sự chuẩn bị ở nhà

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b. Nội dung**: HS chia sẻ cảm xúc của mình với cả lớp về cảnh đẹp và những bài ca về quê hương đất nước để kết nối hiểu biết, trải nghiệm của HS với VB một cách thú vị và hiệu quả. Qua các câu hỏi ở phần trước khi đọc hoặc xem đoạn video...

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**B1: Giao nhiệm vụ HT**

Cho HS nghe bài hát Quê hương yêu cầu học sinh kết nối về quê hương mình sau đó chia sẻ. *? Với em, nơi đâu là quê hương yêu dấu? Nếu có thể nói những ấn tượng đẹp đẽ và sâu sắc nhất về quê hương, em sẽ nói điều gì?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**-** HS suy nghĩ cá nhân

- HS trao đổi nhóm về từng nội dung được nêu trong SHS.

- HS chia sẻ cảm xúc của mình với cả lớp.

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**\* Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu**

- HS biết đọc thành tiếng VB.

- HS: sử dụng ngữ điệu đọc phù hợp với nội dung từng bài ca dao. .

- HS tìm hiểu nghĩa của những từ ngữ khó được chú thích

- HS nhận biết (câu 1, 2, 3); phân tích, suy luận (câu 4, 5) và đánh giá, vận dụng (câu 6, 7).

**b.** **Nội dung**: GV đọc mẫu, học sinh đọc Nêu các câu hỏi trong sgk

**c. Sản phẩm:** HS đọc to thành tiếng, rõ ràng**.** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện**:

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **B1: Giao nhiệm vụ HT**  - Nêu cách hiểu của em về ca dao?  - GV yêu cầu HS đọc diễn cảm VB:  - GV yêu cầu HS tìm hiểu và giải thích các từ ngữ khó trong SGK:  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đọc diễn cảm VB;  - GV gọi HS khác nx, góp ý về cách đọc của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá -> chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Khái niệm về ca dao**  - Ca dao là thơ trữ tình dân gian, nội dung biểu hiện đời sống tâm hồn, tình cảm của người bình dân. Ngôn ngữ ca dao giản dị, trong sáng, gần với lời ăn tiếng nói hằng ngày của nhân dân lao động.  **2. Đọc văn bản**  **3. Chú thích**  - Bài 1: Đại danh ở kinh thành Thăng Long (Hà Nội): Thọ Xương, Yên Thái, chùa Trấn Võ  - Bài 2: Địa danh ở Lạng Sơn: xứ Lạng, sông Tam Cờ  - Bài 3: Địa danh ở Huế: chợ Đông Ba, Đập Đá, làng Vĩ Dạ, ngã ba Sình |

**\* Hoạt động 2: Khám phá tri thức**

**a. Mục tiêu:**

**-** HS biết nhận xét, đánh giá được nét độc đáo của từng bài ca dao nói riêng và chùm ca dao nói chung thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.

- HS cảm nhận được tình yêu quê hương đất nước, lòng yêu mến tự hào về vẻ đẹp của các vùng miền khác nhau mà tác giả dân gian thể hiện qua ngôn ngữ VB.

**b. Nội dung:** HS sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  -Yêu cầu HS đọc lại 3 bài ca dao-> phát phiếu HT số 1,2  **GV gợi ý:**  *- Em hãy đếm số tiếng của từng dòng để nhận số tiếng.*  *- Xác định vần được gieo ở dòng sáu, dòng tám*  *- Xác định thanh điệu của các tiếng 2- 4 – 6 trong dòng sáu tiếng và các tiếng 2- 4 – 6 – 8 trong dòng tám tiếng.*  *- Xác định cách ngắt nhịp trong các dòng thơ lục bát đó.*  - Hai bài ca dao 1,2, tác giả dân gian nói về vẻ đẹp của địa danh hay vùng, miền nào?  - Cho biết ở câu “Nhịp chày yên thái mặt gương Tây Hồ”, hình ảnh mặt gương hàm ý so sánh Hồ Tây với cái gì?  - Tác giả dân gian có trực tiếp nhắc đến sự vật được so sánh không? Dùng hình ảnh so sánh ngầm mang lại hiệu quả gì trong việc miêu tả vẻ đẹp của cảnh sắc thiên nhiên?  - Nêu tình cảm của em về tình cảm tác giả dân gian gửi gắm trong lời nhắn gửi: *Ai ơi, đứng lại mà trông*. Hãy tìm một số câu ca dao có sử dụng từ *ai* hoặc có lời nhắn *Ai ơi…*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ-> đọc và suy nghĩ cá nhân  - HS trao đổi nhóm về từng nội dung được nêu trong phiếu học tập hoặc trong sách SHS.  - Dự kiến sản phẩm:  + Câu trả lời của HS.  + Một số câu ca dao có sử dụng từ *ai* hoặc có lời nhắn *Ai ơi…*  *+ Ai ơi giữ chí cho bền*  *Dù ai xoay hứng đổi nền mặc ai.*  *+ Ai ơi chớ vội cười nhau*  *Nhìn mình cho tỏ trước sau hãy cười.*  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nx, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức, ghi bảng.  ***Hết tiết 1***  **2.Nhiệm vụ 2**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  - GV yêu cầu HS: làm phiếu HT số 3  - So với hai bài ca dao đầu, bài ca dao 3 là lục bát biến thể. Hãy chỉ ra tính chất biến thể của thể thơ lục bát trong bài ca dao này trên các phương diện: số tiếng trong mỗi dòng, cách gieo vần, cách phối hợp thanh điệu, v.v…  - Em hãy gạch dưới những từ chỉ địa danh trong bài ca dao.  - Việc liệt kê các địa danh nổi tiếng của xứ Huế như *Đông Ba, Đập Đá, Vĩ Dạ, ngã ba Sìn*h gợi cho em ấn tượng gì?  - Từ “*lờ đờ*” trong dòng thơ thứ ba thuộc loại từ nào, việc sử dụng từ đó có tác dụng gì? Cảm nhận của em về hình ảnh bóng ngả trăng chênh, tiếng hò xa vọng,...?  - Những từ ngữ, hình ảnh đó giúp em hình dung như thế nào về cảnh sông nước nơi đây?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:** Thảo luận nhóm  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo kết quả  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng.  **3. Nhiệm vụ 3**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  - Em hãy cho biết tác giả dân gia đã sử dụng thể thể gì để sáng tác ca dao?  - Các bài ca dao trữ tình thường bộc lộ tình cảm trực tiếp, cảm xúc của con người.  -Tình cảm trong các bài ca dao 1, 2, 3 là tình cảm đối với vùng miền nào của đất nước? Tình cảm đó được bộc lộ như thế nào?  *HS có thể thấy hình ảnh các miền quê hiện lên trong các bài ca dao rất phong phú: vẻ đẹp thơ mộng, tưởng như mơ màng, lặng lẽ nhưng ẩn chứa sức sống bền bỉ, mãnh liệt của Hồ Tây; con đường lên xứ Lạng sơn thuỷ hữu tình; con đò trên sông Hương và những miền quê xứ Huế êm đềm;... Như vậy, dù viết về các vùng miền khác nhau (Hà Nội, Lạng Sơn, Huế); miêu tả những phong cảnh đặc sắc của mỗi miền nhưng chùm ca dao đã thể hiện tình yêu thiết tha, sâu nặng đối với quê hương đất nước. Tình yêu đó có khi lặng lẽ, kín đáo như trong bài ca dao 1; cũng có khi thốt lên thành lời thơ tha thiết: Ai ơi đứng lại mà trông (bài ca dao 2); Tiếng hò xa vọng nặng tình nước non (bài ca dao 3).*  - Qua chùm ca dao trên, em cảm nhận được gì về tình cảm của tác giả dân gian đối với quê hương đất nước?  - Em hãy vẽ sơ đồ tư duy về bài học chùm ca dao về quê hương đất nước?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng.  ***HSKG: Trình bày cảm nghĩ của em về một danh lam thắng cảnh ở quê hương mình.*** | **II. Đọc- hiểu văn bản**  **1. Bài ca dao 1,2**  - Thể thơ: lục bát,  + Dòng 6 có 6 tiếng  + Dòng 8 có 8 tiếng  - Cách gieo vần:  - Tiếng cuối của dòng 6 ở trên vần với tiếng thứ sáu của dòng 8 ở dưới, tiếng cuối của dòng 8 lại vần với tiếng cuối của dòng 6 tiếp theo...  Câu lục : 2- 4 - 6 là B- T- B  Câu bát: 2- 4 - 6- 8 là B- T- B- B  Ví dụ :  1. Gió đưa cành trúc la đà  B T B  Tiếng chuông Trấn Võ canh gà thọ Xương  B T B B  - Ngắt nhịp: nhịp chẵn: 2/2/2; 4/4  ***Nội dung bài ca dao 1:***  - Biện pháp tu từ:  + Ẩn dụ: *mặt gương Tây Hồ* vẻ đẹp của Tây Hồ, nước trong vào buổi sớm như sương (ẩn dụ - so sánh ngầm)  - Vẻ đẹp nên thơ vào sáng sớm của Thăng Long xưa.  **Nhận xét:** Bài thơ tả cảnh kinh thành Thăng Long mang vẻ đẹp cổ kính, thơ mộng, yên bình.  **\* Cảm xúc của tác giả:** Thông qua miêu tả cảnh, ẩn chứa tình cảm tự hào, tình yêu, sự gắn bó của tác giả với Thăng Long và cũng là với quê hương đất nước:  ***Nội dung bài ca dao 2:***  - Lời nhắn gửi: *Ai ơi, đứng lại mà trông* Lời gọi, nhắn gửi tha thiết hãy dừng lại mà xem vẻ đẹp của xứ Lạng.  **Nhận xét:** Vẻ đẹp hùng vĩ, khoáng đạt, mêng mông của xứ Lạng.  **\* Cảm xúc của tác giả:** Bài ca thể hiện niềm tự hào, yêu mến thiết tha của tác giả dân gian về vẻ đẹp của xứ Lạng  **2. Bài ca dao 3**  - Lục bát biến thể:  + Số tiếng : hai dòng đầu: đều có 8 tiếng (không phải lục bát, một dòng 6 tiếng, một dòng 8 tiếng).  + + Về thanh, không tuân theo quy luật bằng – trắc  Đò từ Đông Ba, đò qua Đập Đá  B  **B** B  **T**  Đ Đò về Vĩ Dạ, thẳng ngã ba Sình  B T **T** B  - Vẻ đẹp nên thơ nhưng trầm buồn của xứ Huế - Huế đẹp với sông nước mênh mang, với những điệu hò mái nhì mái đẩy thiết tha, lay động lòng người.  - Hình ảnh:  + Những chuyến đò nối liền các địa danh nổi tiếng mở ra một miền sông nước mênh mông, thơ mộng, trữ tình của Huế.  + Hình ảnh ánh trăng *“Lờ đờ”* từ láy đặt đầu câu thơ *“Lờ đờ bóng ngả trăng chênh”,* khắc họa bức tranh sông Hương trong không gian chìm ánh trăng thơ mộng, huyền ảo. Thiên nhiên hòa nhịp với cuộc sống của người dân lao động,  + Âm thanh tiếng hò trên sông: *“Tiếng hò xa vọng, nặng tình nước non”*. Đó là những làn điệu dân ca Huế tha thiết, ngọt ngào, vang vọng, lan tỏa trên mênh mang sông nước; tiếng hò chan chứa tình yêu đất nước.  **Nhận xét:** Với hình thức lục bát biến thể, bài ca dao đã ca ngợi vẻ đẹp của xứ Huế thơ mộng, trầm mặc, với sông nước mênh mang, với điệu hò thiết tha lay động lòng người.  **\* Cảm xúc của tác giả:** Tình yêu, niềm tự hào của tác giả đối với xứ Huế  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Thể thơ lục bát và lục bát biến thể, phù hợp với việc tâm tình, bộc lộ tình cảm, cụ thể ở đây là tình yêu quê hương đất nước.  **2. Nội dung**  **-** Chùm ca dao thể hiện tình yêu tha thiết và lòng tự hào của tác giả dân gian đối với vẻ đẹp của quê hương đất nước. |

**3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức để giải bài tập.

**b. Nội dung:** Em hãy tìm một bài ca dao mà em thích, phân tích cấu trúc thể thơ lục bát.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ HT**

*- GV yêu cầu HS:* **:** Em hãy tìm một bài ca dao mà em thích, phân tích cấu trúc thể thơ lục bát..

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS làm bài

**B3: Báo cáo, thảo luận**: HS báo cáo kết quả.

**B4: Kết luận, nhận định**: *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức làm bài tập.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nghĩ của em về một danh lam thắng cảnh của quê hương đất nước.

- HS làm bài. GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**IV: HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Phiếu HT số 1:** Đọc các bài ca dao số 1 và 2 cho biết: Mỗi bài ca dao có mấy dòng? Cách phân bố số tiếng trong các dòng cho thấy đặc điểm gì của thơ lục bát?

| **Số dòng** | **Cách phân bố số tiếng trong dòng thơ** |
| --- | --- |
|  | - Dòng 6:…………..tiếng  - Dòng 8:…………..tiếng |

**Phiếu HT số 2:** Trang 90 -91: Đối chiếu với những điều được nêu trong mục *Tri thức đọc hiểu* về thể thơ lục bát ở bảng phía dưới, hãy xác định cách gieo vần, ngắt nhịp và phối hợp thanh điệu trong các bài ca dao 1 và 2.

| Vần | Câu lục  Câu bát |
| --- | --- |
| Thanh điệu | Câu lục  Câu bát |
| Nhịp | Câu lục  Câu bát |

**Phiếu HT số 3:** Quan sát lại lục bát biến thể ở bảng tri thức ngữ văn, em hãy chỉ ra tính chất biến thể của thể thơ lục bát trong bài ca dao này trên các phương diện: số tiếng trong mỗi dòng, cách gieo vần, cách phối hợp thanh điệu,...

| Đò từ Đông Ba, đò qua Đập Đá  Đò về Vĩ Dạ, thẳng ngã ba Sình  Lờ đờ bóng ngả trăng chênh  Tiếng hò xa vọng, nặng tình nước non | Số tiếng | -……………………..  -……………………. |
| --- | --- | --- |
| Cách gieo vần, phối hợp thanh điệu | - Luật B – T:  ………………………  -> Nhận xét………… |

| Ngày soạn | 18/11/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 22/11/2022 | 28/11/2022 | 23/11/2022 |

**TIẾT 43: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Chủ động tìm hiểu các thông tin có liên quan đến văn bản.

**b. Năng lực đặc thù**

- HS hiểu và phân biệt rõ từ đồng âm, từ đa nghĩa, cách dùng một số từ đồng âm, từ đa nghĩa thường gặp trong các ngữ cảnh quen thuộc và điển hình.

- Năng lực nhận diện và phân biệt các từ đồng âm, từ đa nghĩa, cách dùng một số từ đồng âm, từ đa nghĩa thường gặp trong các ngữ cảnh quen thuộc và điển hình.

**2. Về phẩm chất**

- Yêu tiếng việt, thích và sử dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV:** Giáo án, máy tính, máy chiếu, phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

**2. Chuẩn bị của HS:** sgk, vở ghi, sự chuẩn bị ở nhà

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo không khí học tập hấp dẫn, gây gấn, kích thích hứng thú cho HS.

**b. Nội dung:** GV chiếu video, câu hỏi

**Này hỡi anh ơi, cho em hỏi anh:**

*Trăm trăm loại dầu, có dầu chi là dầu không thắp?*

*Trăm trăm thứ bắp, có bắp chi là bắp không rang?*

*Trăm ngàn thứ than, có than chi là than không quạt?*

*Trăm ngàn thứ bạc, có bạc chi là loại bạc không đổi, không tiêu?*

*Trai nam nhi, bên chàng đối đặng, dải lụa điều em trao.*

**Nam:**

**Này hỡi em ơi,**

*Trăm trăm loại dầu,*

*có nắng dãi mưa dầu là loại dầu không thắp.*

*Trăm trăm thứ bắp, có lắp bắp mồm,*

*Lắp bắp miệng là loại bắp không rang.*

*Trăm ngàn thứ than, có than thở,*

*Thơ than là than không quạt.*

*Trăm ngàn thử bạc, có bạc tình,*

*Bạc nghĩa là bạc không đổi, không tiêu.*

*Trai nam nhi, anh đà đối đặng, dải lụa điều có đâu?*

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ HT**: GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:

- Em hãy tìm các từ giống nhau về phát âm và chữ viết của bài hát đối đáp trên ?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời;

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi, nêu suy nghĩ của bản thân

**B4: Kết luận, nhận định:**

- GV dẫn dắt vào bài học mới: *Trong các ví dụ trên, chúng ta thấy các từ có thể đồng âm nhưng khác nhau về nghĩa, bên cạnh hiện tượng đông âm chúng ta cũng thấy có hiện tượng từ thể có nhiều nghĩa và các nghĩa đó có sự liên quan với nhau. Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về từ đồng âm và từ đa nghĩa*.

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các khái niệm từ đồng âm, từ đa nghĩa

**b. Nội dung:**  GV yêu cầu HS đọc phần nhận biết từ đồng âm và từ đồng nghĩa

**c. Báo cáo, thảo luận**: Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA V- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **B1: Giao nhiệm vụ HT**  GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp:  Cho HS quan sát VD:  - Mẹ tôi ngâm đỗ (1) để nấu chè  - Tôi sung sướng vì đã đỗ (2) đầu trong kì thi HSG  - Tôi ăn (1) cơm  - Xe máy này ăn (2) xăng  ?Hãy cho biết nghĩa của từ đỗ (1) và từ đỗ (2).  ? Hãy giải thích nghĩa của từ ăn (1) và từ ăn (2).  ? Những từ trên có phát âm ntn với nhau? Các nghĩa đó có liên quan với nhau không?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thực hiện nhiệm vụ;  - Dự kiến sp : *+đỗ (1): là một loại ngũ cốc- hạt ăn được*  *không thể hơn được nữa; đỗ (2) chỉ thứ tự xếp thứ nhất,*  *-> phát âm giống nhau nhưng nghĩa khác nhau; + Ăn (1) tự cho vào cơ thể thức ăn nuôi sống; ăn (2) chỉ tiếp nhận cái cần thiết cho sự hoạt động -> nghĩa có liên quan tới nhau - có nét tương đồng.*  **B3: Báo cáo, thảo luận:** HS báo cáo kết quả  -> GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nx, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi bảng.  *HSKG*: Với từ bàn, hãy đặt 2 câu và phân biệt đó là từ đồng âm hay từ đa nghĩa | **I. Bài học**  **1. Từ đồng âm**  - Từ đồng âm là những từ có âm giống nhau nhưng nghĩa khác nhau, không liên quan với nhau.  **2. Từ đa nghĩa**  - Từ đa nghĩa là từ có hai hay nhiều hơn hai nghĩa, các nghĩa này có liên quan với nhau. |

**3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học: từ đồng âm, từ đa nghĩa.

**b. Nội dung:** Gv sử dụng bài tập SGK, học sinhsử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1**  **B1: Giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: đọc lại kiến thức về từ đồng âm và từ đa nghĩa, hoàn thành BT  - Thảo luận nhóm  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện nhóm trả lời -> nhóm khác nx  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nx, chốt kiến thức  **2. Nhiệm vụ 2**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  Chia lớp thành 4 nhóm tương ứng  + N1 bài 2; N2 bài 3; N3 bài 4; N4 bài 5  Thảo luận trong vòng 7’  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và làm việc theo nhóm  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo kết quả hoạt động;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - HS trả lời đúng -> cho điểm  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng. | **II. Luyện tập**  **Bài 1 SGK /92**  a. *Lờ đờ* ***bóng*** *ngả trăng chênh.*  *->* ***bóng***: hình ảnh của vật do phản chiếu mà có  b. ***Bóng*** *đã lăn ra khỏi đường biên dọc.*  -> ***bóng***: quả cầu rỗng bằng cao su, da hoặc nhựa, dễ nẩy, dùng làm đồ chơi thể thao  c. *Mặt bàn được đánh véc-ni thật* ***bóng.***  ***-> bóng***: nhẵn đến mức phản chiếu được ánh sáng gần như mặt gương.  => Những từ có âm thanh giống nhau nhưng nghĩa hoàn toàn khác nhau, không liên quan gì với nhau từ đồng âm.  **Bài 2 SGK /92 – 93**  a . ***Đường*** *lên xứ Lạng bao xa.*  ***đường***: chỉ khoảng không gian phải vượt qua để đi từ một địa điểm này đến một địa điểm khác  *- Những cây mía óng ả này chính là nguyên liệu để làm* ***đường*** .  -> ***đường***: chỉ chất kết tinh có vị ngọt, dùng trong thực phẩm  b. Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng, mênh mông bát ngát -> đồng: khoảng đất rộng và bằng phẳng, dùng để cày cấy, trồng trọt.  - Tôi mua cái bút này với giá hai mươi nghìn đồng -> **đồng:** đơn vị tiền tệ  => Những từ có âm thanh giống nhau nhưng nghĩa hoàn toàn khác nhau, không liên quan gì với nhau từ đồng âm.  **Bài 3 SGK/ 93**  a. *Cây xoài trước sân nhà em có rất nhiều* ***trái***  b. *Bố vừa mua cho em một* ***trái*** *bóng*  c. *Cách một* ***trái*** *núi với ba quãng đồng.*  *=>* ***Trái*** trong 3 vd đều biểu thị sự vật có dạng hình cầu   * Từ đa nghĩa.   **Bài 4 SGK/ 93**  a. *Con cò có cái* ***cổ*** *cao.*  *->* ***Cổ***: chỉ một bộ phận cơ thể, nối đầu với thân  b. *Con quạ tìm cách uống nước trong một chiếc bình cao* ***cổ*** -> ***Cổ***: chỗ eo ở gần nối phần đầu với thân của một đồ vật, giống hình dáng cái cổ  => Từ đa nghĩa.  c. *Phố* ***cổ*** *tạo nên vẻ đẹp của riêng Hà Nội.*  ***-> Cổ***: tính từ, chỉ sự cổ kính, lâu đời, không liên quan gì đến nghĩa của từ ***cổ*** trong hai câu a. và b.  => Từ đồng âm.  **Bài 5 SGK/ 93**  ***Nặng***: tính chất, mức độ nhiều tình cảm.  - Một số ví dụ có từ ***nặng*** được dùng với nghĩa khác:  + Túi hoa quả này **nặng** quá;  + Em rất buồn vì bà nội bị ốm **nặng.**  **-> nặng** ở đây là từ đa nghĩa. |

**4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Viết một đoạn văn ngắn (5 – 7 câu) nói về tình yêu quê hương đất nước của em, trong đoạn văn có sử dụng ít nhất một từ đồng âm và một từ đa nghĩa.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức*

| Ngày soạn | 17/11/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 26-28/11/2022 | 29/11->3/12/2022 | 26-28/11/2022 |

**TIẾT 44+45: Văn bản (2): CHUYỆN CỔ NƯỚC MÌNH**

**(Lâm Thị Mỹ Dạ)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

**-** Chủ động tìm hiểu các thông tin có liên quan đến nội dung bài, đọc hiểu VB một cách độc lập.

- Phân biệt được đặc điểm của thể loại thơ lục bát với các thể thơ khác.

- Sử dụng phương thức giao tiếp, thảo luận phù hợp. Giải quyết vấn đề một cách sáng tạo.

**b. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của thể thơ lục bát thể hiện qua bài thơ.

- Trình bày được suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Chuyện cổ nước mình.*

- Phân tích nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản. Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ..

- Cảm nhận được tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào của nhà thơ về những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc được thể hiện qua tình yêu đối với những câu chuyện cổ.

**2. Về phẩm chất**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu quê hương, đất nước, tự hào về những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV:** sgk, máy tính, máy chiếu, phiếu BT

**2. Chuẩn bị của HS:** sgk, vở ghi, sự chuẩn bị ở nhà

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ HT:** GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời

GV chiếu một số hình ảnh về các câu chuyện cổ có xuất hiện/được nhắc đến trong VB ***Chuyện cổ nước mình***, yêu cầu HS trả lời:

*? Các hình ảnh đó đang nhắc đến chuyện cổ nào.*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi.

**B3: Báo cáo, thảo luận**: Câu trả lời của HS

**B4: Kết luận, nhận định**: GV dẫn dắt vào bài học mới*: Ai trong chúng ta cũng đã từng nghe và biết đến một vài câu chuyện cổ. Vẫn nhắc về những câu chuyện cổ với kết thúc có hậu ấy, nhưng Lâm Thị Mỹ Dạ lại thể hiện nó qua thể thơ lục bát một cách rất sáng tạo. Trong tiết học hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu bài thơ Chuyện cổ nước mình của Lâm Thị Mỹ Dạ để thấy được những câu chuyện cổ đã được tái hiện như thế nào và tình yêu quê hương đất nước của nhà thơ.*

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu**: HS trình bày được các thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS**.**

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  - GV yêu cầu HS: Đọc và giới thiệu về tác giả và tác phẩm  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng.  **2. Nhiệm vụ 2**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  - Đọc VB: Gọi 1,2 HS đọc VB -> GV hướng dẫn cách đọc: đọc diễn cảm, lưu loát.. với giọng tình cảm, thiết tha, trầm lắng.  - Giải thích một số từ khó trong sgk  ? Em hãy cho biết thể loại và phương thức biểu đạt của VB. (gợi ý: Bài thơ được viết theo thể thơ nào? Hãy cho biết những dấu hiệu giúp em nhận ra thể thơ đó).  - Bố cục và nội dung từng phần  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  -HS đọc VB -> gọi HS khác nhận xét cách đọc  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nx, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nxt, đánh giá, bổ sung, chốt KT. Ghi bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Họ tên: Lâm Thị Mỹ Dạ;  - Năm sinh: 1949;  - Quê quán: Quảng Bình;  - Thơ Lâm Thị Mỹ Dạ nhẹ nhàng, đằm thắm, trong trẻo, thể hiện một tâm hồn tinh tế, giàu yêu thương.  **2. Tác phẩm**  a. Đọc – tóm tắt.  b. Xuất xứ: rút từ *Tuyển tập*, NXB Hội nhà văn, Hà Nội, 2011, tr.203.  c.Thể loại: thơ lục bát  d. PTBĐ: biểu cảm  e. Bố cục: 2 phần  + P1: Vẻ đẹp của chuyện cổ  + P2: Ý nghĩa của chuyện cổ |

**Hoạt động 2: Khám phá tri thức**

**a. Mục tiêu:**

- Trình bày được suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Chuyện cổ nước mình.*

- Phân tích nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản. Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ..

- Cảm nhận được tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào của nhà thơ về những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc được thể hiện qua tình yêu đối với những câu chuyện cổ.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  GV đưa câu hỏi: HS thảo luận nhóm bàn.  - Tìm những câu thơ cho biết lí do tác giả yêu thích chuyện cổ nước mình?  - Qua những câu thơ trên em hãy cho biết vì sao tác giả yêu chuyện cổ nước mình?  Suy nghĩ cá nhân câu hỏi sau:  - Tình cảm của tác giả đối với chuyện cổ thể hiện qua những câu thơ nào?  - Trong những câu thơ đó t/giả sd BPTT nào? Qua đó em hiểu gì về tình cảm của nhà thơ đối với những câu chuyện cổ?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận, suy nghĩ  **B3: Báo cáo và thảo luận**  - HS đại diện trả lời , hs khác nx, bổ sung  - HS trả lời CH tiếp.  **B4: Kết luận và nhận định:** GV nhận xét, chốt kiến thức  ***(hết tiết 1)***  **2. Nhiệm vụ 2:**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  **-** GV chiếu câu hỏi thảo luận nhóm (5’)  **+ Câu 1- N1:** Theo em, có những câu chuyện cổ nào được gợi ra trong bài thơ và ý nghĩa của các câu chuyện đó là gì?  **+ Câu 2- N2** Qua câu thơ "*Tôi nghe chuyện cổ thầm thì/ Lời cha ông dạy cũng vì đời sau",* Em hiểu câu thơ này có nghĩa như thế nào? Hãy chia sẻ về một câu chuyện cổ đã tác động tích cực đến bản thân em?  **+ Câu 3- N3+4**: Theo em vì sao với nhà thơ, những câu chuyện cổ “Vẫn luôn ***mới mẻ rạng ngời lương tâm***”? Qua đó em nhận ra chuyện cổ có vai trò như thế nào trong đời sống con người?  - Câu hỏi suy nghĩ cá nhân  - Tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì? Qua đó em rút ra cho mình bài học gì cho bản thân?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện các nhóm lần lượt trả lời các câu hỏi  - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận và nhận định**  - GV nx, chốt kiến thức -> ghi bảng  *HSKG:* trình bày suy nghĩ của em về giá trị của chuyện cổ đối với cuộc sống hiện nay.  **3. Nhiệm vụ 3**  **B1: Giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  H? Nêu nội dung và nghệ thuật của văn bản?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, đánh giá câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. | **II. Đọc- hiểu văn bản**  **1. Vẻ đẹp của chuyện cổ, tình cảm của tác giả đối với chuyện cổ.**  *\* Chuyện cổ chứa đựng:*  - Tình cảm nhân hậu, yêu thương giữa người với người.  - Niềm tin và ước mơ của nhân dân về chiến thắng của cái thiện đối với cái ác, sự công bằng cho những người ngay thẳng.  *\* Tình cảm của nhà thơ:*  “ Đời cha ông…. của mình”  -> là cầu nối, nhân chứng giúp hiểu về thế giới tinh thần: tâm hồn, phong tục, quan niệm đạo đức, triết lý nhân sinh … của cha ông  => Tình cảm yêu mến, trân trọng, biết ơn những câu chuyện cổ  **2. Ý nghĩa của chuyện cổ**  **a. Những bài học, triết lí gửi gắm qua những câu chuyện cổ**  - Tấm cám-> ở hiền gặp lành  - Đẽo cày giữa đường -> khuyên con người cần có chính kiến  - Sự tích trầu cau-> tình cảm anh em; tình yêu đôi lứa thủy chung  => bài học về đạo lí làm người  **c. Lời căn dặn từ cha ông đến con cháu**  - “ Tôi nghe…đời sau”  => câu chuyện cổ là những bài học sâu sắc, răn dạy con cháu phải biết sống đúng đạo lí và gìn giữ những giá trị văn hóa dân tộc  - “ Vẫn luôn…lương tâm”  *-> Vẻ đẹp về tình người và những bài học về cuộc sống trong những câu chuyện cổ vẫn còn nguyên giá trị, giáo dục con người; là hành trang, động lực phấn đấu của mỗi con người*  ***🡺 Tình yêu quê hương, đất nước***  ***Yêu mến, tự hào những giá trị truyền thống văn hóa của dân tộc.***  **3. Thông điệp của tác giả**  - Trân trọng, giữ gìn những giá trị văn hóa.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Dùng thể thơ lục bát truyền thống của dân tộc để nói về những giá trị truyền thống, nhân văn.  - Giọng thơ nhẹ nhàng, tâm tình, thể hiện tình yêu quê hương tha thiết, đằm sâu, nhưng đầy tự hào.  **2. Nội dung**  - Bài thơ thể hiện tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào của nhà thơ về những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc được thể hiện qua tình yêu đối với những câu chuyện cổ. |

**3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng để hoàn thành bài tập.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

Hãy kể một câu chuyện cổ tích mà em yêu thích nhất?

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ HT**: Hãy kể một câu chuyện cổ tích mà em yêu thích nhất?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi

**B3: Báo cáo, thảo luận**: HS kể lại câu chuyện yêu thích

**B4: Kết luận và nhận định**: GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức làm bài tập.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Viết đoạn văn (5 – 7 câu) nêu cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

*Đời cha ông với đời tôi*

*Như con sông với chân trời đã xa*

*Chỉ còn chuyện cổ thiết tha*

*Cho tôi nhận mặt ông cha của mình*

- GV gợi ý: Chú ý phân tích thể thơ lục bát có tác dụng như thế nào trong việc biểu hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhà thơ; chú ý đến các từ ngữ, các quan hệ từ, biện pháp tu từ, v.v...

- HS làm bài

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

| Ngày soạn | 25/11/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 29/11/2022 | 3-5/12/2022 | 30/11/2022 |

**TIẾT 46 + 47: Văn bản (3): CÂY TRE VIỆT NAM**

**(Thép Mới)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

**-** Chủ động tìm hiểu các thông tin có liên quan đến nội dung bài.

- Đọc hiểu VB một cách độc lập

- Sử dụng phương thức giao tiếp, thảo luận phù hợp. Giải quyết vấn đề một cách sáng tạo.

**b. Năng lực đặc thù**

- Trình bày được những nét tiêu biểu về nhà văn Thép Mới;

- Tình yêu quê hương, đất nước và niềm tự hào của nhà văn qua hình ảnh cây tre với những phẩm chất đẹp đẽ, cao quý đã trở thành một biểu tượng của dân tộc Việt Nam

- Trình bày được suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Cây tre Việt Nam*;

- Biết khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản; những đặc điểm nổi bật về giọng điệu, ngôn ngữ của bài kí.

- Phân tích, so sánh được đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề;

- Nhận diện và phân tích biện pháp tu từ hoán dụ, chỉ ra được tác dụng của biện pháp tu từ này;

**2. Về phẩm chất:**

-Tình yêu, niềm tự hào đối với quê hương đất nước, với biểu tượng cây tre của dân tộc Việt Nam.

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV:** Giáo án, máy tính, máy chiếu, phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

**2. Chuẩn bị của HS:** sgk, vở ghi, soạn bài ở nhà

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu**:Tạo hứng thú cho HS, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b. Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ HT:** GV chiếu hình ảnh

***-*** *Quan sát hình ảnh sau đây và cho biết các đồ dùng trên được làm từ chất liệu gì?*

*- Hãy kể thêm các vật dụng được làm bằng tre mà em biết?*



**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định** (GV):

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào kiến thức mới: *Cây tre là hình ảnh gần gũi với đời sống của người dân Việt Nam từ xưa cho đến nay. Trong tiết học hôm nay, vẫn tiếp tục với chủ đề Quê hương yêu dấu, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu VB Cây tre Việt Nam của Thép Mới.*

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu**: HS trình bày được các thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS**.**

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  - GV yêu cầu HS: Đọc và giới thiệu những nét cơ bản về tác giả và tác phẩm?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận:** HS báo cáo kết quả  - Gọi HS khác nx, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nx, đánh giá, bổ sung, chốt KT. Ghi lên bảng.  **2. Nhiệm vụ 2**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  - Đọc VB: Gọi 2 HS đọc VB -> GV hướng dẫn cách đọc: *Đoạn đầu đọc với giọng trầm lắng, suy tư, phía sau ngọt ngào, dịu dàng..*  - Giải thích một số từ khó trong sgk  - Em hãy cho biết thể loại PTBĐ của VB?  - Bố cục và nội dung từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đọc VB -> gọi HS khác nx cách đọc  - GV gọi HS khác nx, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nx, đánh giá, bổ sung, chốt KT-> ghi bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**   * Thép Mới (1925-1991), tên khai sinh là HàVăn Lộc, quê Hà Nội.   - Là nhà báo, nhà văn nổi tiếng.  - Tác phẩm của ông giàu chất trữ tình, cảm hứng nổi bật là tinh thần yêu nước của nhân dân ta.  **2. Tác phẩm**  a. Đọc – chú thích.  b. xuất xứ: Bài *Cây tre Việt Nam* là lời bình cho bộ phim cùng tên của các nhà điện ảnh Ba Lan  c. Thể loại: Bút kí  d. PTBĐ chính: Miêu tả xen biểu cảm, thuyết minh.  e. Bố cục: 3 phần:  + *Từ đầu….chí khí như người*: Vẻ đẹp của cây tre Việt Nam.  *+ Tiếp…của trúc, của tre*: Sự gắn bó của tre và người trong mọi hoàn cảnh.  + *Còn lại*: Vị trí của tre trong tương lai |

**Hoạt động 2: Khám phá tri thức**

**a. Mục tiêu:**

- Trình bày được suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Cây tre VN*

- Phân tích nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản. Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ..

- Cảm nhận được tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào của nhà thơ về những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc được thể hiện qua tình yêu đối với những câu chuyện cổ.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  - GV trình chiếu đoạn văn, yêu cầu HS quan sát, *thảo luận nhóm tổ (5p)* hoàn thành phiếu bài tập sau:  *+ Phiếu số 1*    ? Chỉ ra nét đặc sắc nghệ thuật và tác dụng của nó trong đoạn văn này?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận, suy nghĩ  **B3: Báo cáo và thảo luận**  - HS đại diện trả lời , hs khác nx, bổ sung  **B4: Kết luận và nhận định:**  GV nhận xét, chốt kiến thức  ***(hết tiết 1)***  **2. Nhiệm vụ 2:**  **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ  - GV cho HS thảo luận nhóm (5p) phác họa ý nghĩa của cây tre thông qua phiếu bài tập. Mỗi tổ được phân công nhiệm vụ như sau:  ***? Tìm các chi tiết biểu hiện và cho biết tác giả đã sử dụng nghệ thuật gì để thể hiện ý nghĩa của cây tre đối với người dân Việt Nam?***  *Nhóm 1: Trong đời sống hàng ngày, trong lao động*  ***Câu hỏi bổ sung:***  *Cho HS quan sát tranh*  ***? Những hình ảnh này khẳng định tre có mối quan hệ như thế nào với con người Việt Nam?***  *Nhóm 2: Trong chiến đấu*  *Câu hỏi bổ sung*  *Nhóm 3: Trong đời sống tinh thần*  *Câu hỏi bổ sung:*  ***? Bên cạnh việc chỉ ra những yếu tố về nội dung, em hãy chỉ ra các yếu tố nghệ thuật (lối viết giàu nhạc tính, nhịp điệu) đã góp phần thể hiện cảm xúc của nhà văn và khơi gợi cảm xúc của người đọc về hình ảnh gần gũi, sự thân thuộc của tre.***  **Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Các nhóm báo cáo kết quả.  - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định.**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức ghi lên bảng.  ***GV giao BTVN***: *Từ những nội dung được tìm hiểu, hãy tóm tắt ND, ý nghĩa của tre bằng sơ đồ tư duy.*  *Tích hợp GDQQP:YC HSKG- lấy vd?*  *Sự sáng tạo của nhân dân VN trong kháng chiến chống Pháp ,tre là vũ khí thô sơ nhưng rất hiệu quả. Nhân dân ta muôn ngàn đời biết ơn cây tre anh hùng lao động, anh hùng chiến đấu đã hi sinh để bảo vệ con người.*  **3. Nhiệm vụ 3**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  GV đưa câu hỏi: HS thảo luận nhóm bàn (3’)  ? Em hãy chỉ ra những hình ảnh trong VB mà nhà văn nói về tre trong tương lai?  ?Em đang sống ở thời điểm “ngày mai” mà tác giả nhắc đến trong VB, “khi sắt thép có thểnhiều hơn tre nứa”. Theo em, vì sao cây tre vẫn là một hình ảnh vô cùng thân thuộc với đất nước, con người Việt Nam?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận, suy nghĩ  **B3: Báo cáo và thảo luận**  - HS đại diện trả lời , hs khác nx, bổ sung  - HS trả lời CH tiếp.  **B4: Kết luận và nhận định:** GV nhận xét, chốt kiến thức  **4. Nhiệm vụ 4**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  GV đưa câu hỏi:  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản ?  ? Ý nghĩa của văn bản.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận, suy nghĩ  **B3: Báo cáo và thảo luận**  - HS đại diện trả lời , hs khác nx, bổ sung  - HS trả lời CH tiếp.  **B4: Kết luận và nhận định:** GV nhận xét, chốt kiến thức | **II. Đọc- hiểu văn bản**  **1. Vẻ đẹp của cây tre**  + Hình dáng: *mộc mạc và thanh cao*; *mọc thẳng,* dáng gầy, cao🡪 Phẩm chất thanh cao, thẳng thắn, bất khuất.  + Màu sắc: *tươi nhũn nhặn,* màu xanh bình dị🡪 tính cách khiêm tốn, nhún nhường.  + Môi trường sống: *mọc xanh tốt ở mọi nơi🡪* dễ thích nghi, không kén chọn.  =>Phép liệt kê, nhân hoá, nhiều tính từ được sử dụng nhằm ca ngợi vẻ đẹp bình dị, sức sống mãnh liệt, phẩm chất quý báu của tre cũng chính là ca ngợi vẻ đẹp của dân tộc Viêt Nam.  **2.Ý nghĩa của tre đối với người dân Việt Nam**  a. *Trong đời sống hàng ngày, trong lao động*  + cối xay tre  + tre làm nhà  + giang chẻ lạt, cho bóng mát  + Từ thuở lọt lòng đến khi nhắm mắt xuôi tay: chiếc nôi tre nằm trên giường tre.  + Là niềm vui của tuổi thơ, sự khoan khoái của tuổi già.  ***->*** *Biện pháp nhân hóa, so sánh, điệp ngữ, hình ảnh chọn lọc, âm điệu trầm bổng thiết tha 🡪 Tre gắn bó khăng khít, bền chặt, thủy chung với con người,* *là người bạn thân thiết, thủy chung lâu đời của nhà nông Việt Nam.*  *b. Trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc*  - Tre là đồng chí.  - Tre là vũ khí.  - Chống, xung phong, giữ, hi sinh vì ta.   * Tre: anh hùng lao động, anh hùng chiến đấu.   *-> Giọng điệu hào hùng, lời văn biểu cảm, điệp từ, nhân hóa 🡪 Sức mạnh, công lao của tre trong kháng chiến. Là vũ khí, là đồng chí, là đồng đội sát cánh sẵn sàng chiến đấu, hi sinh vì Tổ quốc*  *c) Tre với đời sống tinh thần*   * Tre là khúc nhạc đồng quê. * Sáo tre, sáo trúc vang lưng trời * Tiếng hát của trúc, của tre...   ->Tre là phương tiện để biểu lộ cảm xúc bằng âm thanh.  => Điệp ngữ “tre”, nhân hóa, liệt kê, câu văn giàu nhạc tính, biểu cảm cao, dẫn chứng sắp xếp hợp lí...nhấn mạnh những vẻ đẹp của tre, vẻ đẹp cần cù, bền bỉ, sáng tạo, đoàn kết, anh hùng, bất khuất của con người Việt Nam.  **3. Vị trí của cây tre trong tương lai.**  + Khẳng định: “sắt thép có thể nhiều hơn tre nứa”, nhưng tre vẫn là một hình ảnh vô cùng thân thuộc, bởi:  + Tre đã gắn với con người Việt Nam qua rất nhiều thế hệ; hình ảnh của tre là thân thuộc; hình ảnh có sự kế tiếp, từ đời này sang đời khác truyền cho nhau; tin tưởng vào truyền thống văn hóa: *uống nước nhớ nguồn*.  + Tre có sức sống mãnh liệt, ở đâu cũng có thể sống được;  + Tre mang những đức tính của người hiền là tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam;  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  Lời văn giàu hình ảnh, nhạc điệu; cách sử dụng các biện pháp tu từ, điệp ngữ, hoán dụ,... Thể hiện tình cảm, cảm xúc của người viết.  **2. Nội dung**  Văn bản thể hiện tình yêu quê hương, đất nước và niềm tự hào của nhà văn qua hình ảnh cây tre với những phẩm chất đẹp đẽ, cao quý đã trở thành một biểu tượng của dân tộc Việt Nam, đất nước Việt Nam; |

**3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng để hoàn thành bài tập.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ HT**: Em hãy tìm một bài ca dao, bài thơ về cây tre mà em biết?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi

**B3: Báo cáo, thảo luận**: Câu trả lời của HS

**B4: Kết luận và nhận định**: GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức làm bài tập.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

*GV yêu cầu HS:* Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nghĩ của em về cây tre

- HS làm bài

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức*

| Ngày soạn | 25/11/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 3/12/2022 | 6/12/2022 | 3/12/2022 |

**TIẾT 48: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực đặc thù**

***-*** Năng lực tự chủ và tự học: chủ động tìm hiểu các nội dung kiến thức liên quan đến bài học

- Năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**b. Năng lực đặc thù**

- HS nhận biết được biện pháp tu từ hoán dụ, chỉ ra được tác dụng của biện pháp tu từ này

- HS hiểu được ý nghĩa của một số thành ngữ thông dụng.

**2. Về phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**Giáo án, máy tính, ti vi, phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, vở ghi, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. **b.** **Nội dung:** GV trình bày vấn đê.

**c.** **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ HT**

*GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời:* GV chiếu hình ảnh các đặc trưng riêng riêng của 1 số đất nước, sau đó yêu cầu HS đoán tên đất nước đó.

+ Hình ảnh chuột túi; hình ảnh hoa anh đào; hình ảnh Bác Hồ; hình ảnh Vạn Lí Trường Thành…

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS tiếp nhận nhiệm vụ

**B3: Báo cáo và thảo luận**: HS trả lời câu hỏi

**B4: Kết luận và nhận định**

*GV dẫn dắt vào bài học mới*:Các em thấy chúng ta không cần đưa ra tên của đất nước mình mà chỉ đưa ra dấu hiệu đặc trưng, nổi bật tiêu biểu của đát nước thì nó cũng là một đại diện và giúp cho người nghe, người đọc có thể nhận diện ra đất nước của mình mà không cần phải nói trực tiếp. Trong giao tiếp cuộc sống, trong viết câu văn , câu thơ chúng ta thấy rằng nhiều khi các tác giả không cần gọi ra trực tiếp đối tượng mình định nói mà chỉ cần thông qua việc đưa ra các dấu hiệu đặc trưng của các đối tượng đó mình cũng có thể giới thiệu về đối tượng rồi và cách thức thú vị đó để có thể làm cho sự diễn đạt của chúng ta thêm giàu hình ảnh, thêm sống động đó chính là BPTT hoán dụ mà cô và các em sẽ tìm hiểu ngày hôm nay.

**a. Mục tiêu**: Nắm được các khái niệm vê hoán dụ và hiểu được nghĩa của một số thành ngữ.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  - GV yêu cầu HS đọc phần thông tin  trong SGK trang 99 – 100 nhận biết về hoán dụ  - Theo em từ : bàn tay” trong câu thơ chỉ đối tượng nào?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung  câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận và nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức  \* Lưu ý: phân biệt hoán dụ và ẩn dụ  **2. Nhiệm vụ 2**  **B1: Giao nhiệm vụ HT: HĐ nhóm bàn 5’**  Nhắc lại thế nào là thành ngữ? Lấy ví dụ?  ? Phân biệt thành ngữ với tục ngữ?  Bài tập: Phân biệt thành ngữ với tục ngữ   | **Thành ngữ** | **Tục ngữ** | | --- | --- | | Ăn như mèo  Bạc như vôi  Rách như tổ đỉa | Uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây.  Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng.  Học thầy không tày học bạn. |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thực hiện nhiệm vụ;  **B3: Báo cáo, thảo luận:** HS báo cáo kết quả-> GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nx, đánh giá, chốt lại KT-> Ghi bảng.  **Thành ngữ**  + Thành ngữ thường có cấu tạo là một cụm từ  +Thành ngữ là cách diễn đạt giàu hình ảnh, được dùng để khái quát những hành động riêng lẻ, mang tính phán đoán.  **Tục ngữ**  + Tục ngữ thường cấu tạo là một câu( một phán đoán)  +Tục ngữ là kinh nghiệm, lời khuyên của ông cha được đúc kết thành những khái niệm. Phản ánh ý thức xã hội, văn hoá, tinh thần của nhân dân.  ***HSKG***: Trong giao tiếp hàng ngày người ta có sử dụng hoán dụ và thành ngữ không? Lấy ví dụ? | **I. Bài học**  **1. Nhận biết hoán dụ**  **a. Ví dụ**  **b. Nhận xét**  - Từ “ bàn tay” trong câu thơ này dùng để chỉ người lao động, vất vả cực nhọc  => Tác dụng gợi lên hình ảnh người nông dân lao động, cần cù, chịu khó  **c. Kết luận**  **-** Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  **\* Phân biệt:**  **Ẩn dụ:**  Chuyển đổi tên gọi dựa trên mối quan hệ tương đồng ( giống nhau) giữa các đối tượng.  + Cơ chế hoạt động là dựa trên mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng độc lập.  **Hoán dụ:**  Chuyển đổi tên gọi dựa trên mối quan hệ tương cận ( gần gũi, song hành) giữa các đối tượng.  + Cơ chế hoạt động là dựa trên mối quan hệ giữa các phương diện khác nhau của cùng một sự vật, hiện tượng.  **2. Nghĩa của thành ngữ**  Thành Ngữ là cụm từ cố định, thường hiểu theo nghĩa bóng.  - Ví dụ: Dã tràng xe cát  Nước đổ lá khoai  \* Phân biệt thành ngữ với tục ngữ: |

**3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv sử dụng bài tập SGK, học sinhsử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  Chia lớp thành 4 nhóm tương ứng  + N1+ N2 bài 1; N3 + N4 bài 2  Thảo luận trong vòng 7’  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và làm việc theo nhóm  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo kết quả hoạt động;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - HS trả lời đúng -> cho điểm  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng.  **2. Nhiệm vụ 2**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  Chia lớp thành 2 nhóm tương ứng 2 dãy bàn + Dãy 1 bài 3; Dãy 2 bài 4  Thảo luận trong vòng 7’  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và làm việc theo nhóm  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS báo cáo kết quả hoạt động;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  - HS trả lời đúng -> cho điểm  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nx, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng. | **II. Luyện tập**  **Bài 1 SGK /99**  a. Nhắm mắt xuôi tay: nói đến cái chết, sự qua đời  -> Biện pháp hoán dụ lấy dấu hiệu của sự việc để thay thế cho sự việc.  b. Mái nhà tranh, đồng lúa chín: cuộc sống bình yên nơi quê hương, làng mạc, đồng lúa nói chung.  -> Biện pháp hoán dụ lấy cái cụ thể thay thế cho cái trừu tượng.  c. Áo cơm cửa nhà: nói đến của cải vật chất, những thứ tốt đẹp mà người tốt, người hiền lành xứng đáng được hưởng.  -> Biện pháp hoán dụ lấy cái cụ thể thay thế cho cái trừu tượng.  **Bài 2 SGK /100**  a. Biện pháp tu từ so sánh, ví khoảng cách giữa *Đời cha ông với đời tôi* cũng xa như *con sông với chân trời*.  Tác dụng: Tác giả muốn diễn tả ý: giữa các thế hệ luôn có những khoảng cách.  b. Biện pháp tu từ nhân hóa: gậy tre, chông tre *chống lại* sắt thép quân thù; Tre *xung phong* vào xe tăng đại bác.  Tác dụng: tăng tính gợi hình, gợi cảm, làm cho câu văn thêm sinh động, hấp dẫn đồng thời nhấn mạnh tác dụng và phẩm chất cao quý của cây tre: tre cũng có những hành động và đức tính giống con người.  **Bài 3 SGK/ 100**  **Thành ngữ “ Đẽo cày giữa đường”**  Ý nghĩa của thành ngữ: người không có quan điểm, chủ kiến riêng về các vấn đề, tiếp thu ý kiến của người khác một cách thụ động, máy móc thì làm việc gì cũng không đạt được kết quả.  **Bài 4 SGK/ 100**  - “ Tre già măng mọc” nói đến sự tiếp nối giữa các thế hệ, thế hệ trước già đi sẽ có thế hệ sau thay thế; thế hệ trước sẽ truyền lại những kinh nghiệm, tri thức, phẩm chất…đáng quý cho thế hệ sau. ***Nặng***: tính chất, mức độ nhiều tình cảm. |

**4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để vận dụng vào bài tập

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1.Giao nhiệm vụ học tập:** GV nêu yêu cầu bài tập.

Tìm và sưu tầm thêm các thành ngữ

**B2:Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**B3:Báo cáo kết quả:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá kết qủ

| Ngày soạn | 2/12/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 5/12/2022 | 10/12/2022 | 5/12/2022 |

**TIẾT 49: TẬP LÀM THƠ LỤC BÁT**

**I. MỤC ĐÍCH**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Chủ động tìm hiểu các thông tin liên quan và lựa chọn tài liệu để tham khảo, phục vụ cho nội dung bài học.

- Biết lựa chọn nội dung, hình thức giao tiếp phù hợp

- Có khả năng sáng tạo; giải quyết vấn đề linh hoạt

**b. Năng lực đặc thù**

- HS lựa chọn đề tài và vận dụng những hiểu biết về thể thơ để tập làm một bài thơ lục bát;

- HS viết được bài văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát; phát huy năng lực viết, tạo lập văn bản

- HS yêu thích và bước đầu có ý thức tìm hiểu thơ văn.

**2**. **Phẩm chất**

- Giáo dục tình cảm yêu mến thơ ca, tự hào về ngôn ngữ phong phú của đất nước.

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

- Tự lập, tự tin, tự chủ ; giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt..

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV:** Giáo án; p hiếu bài tập, trả lời câu hỏi; máy chiếu.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1:** **Giao nhiệm vụ :** GV nêu tên trò chơi: giải đố,

- Phổ biến luật chơi: Có 4 miếng ghép, mỗi miếng ghép chứa một câu đố, HS nào được lựa chọn sẽ được mở miếng ghép, trả lời đúng câu đó được thưởng điểm đồng thời một miếng ghép có chứa hình ảnh sẽ được mở ra. HS nào đọc đúng bài ca dao miêu tả về những hình ảnh ấy sẽ được thưởng điểm

- GV chiếu một bảng có chứa các câu đố, yêu cầu HS lật các miếng ghép và suy nghĩ trong 5 giây. Trả lời câu hỏi.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS lật các miếng ghép và suy nghĩ trong 5 giây. Trả lời câu hỏi.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ về những hiểu biết về thơ lục bát.

**B3**: **Báo cáo, thảo luận**

Cày trên đồng ruộng trắng phau  
Khát xuống uống nước giếng sâu đen ngòm?  
(**Là cái gì?** - Cái bút mực)

Đến đây hỏi khách tương phùng

Con gì mọc cánh dạo cùng nước non

**( Là cái gì)** Chiếc thuyền buồm

* Đố ai giải phóng Thăng Long

Nửa đêm trừ tịch quyết lòng tiến binh.

Đống Đa, sông Nhị vươn mình.

Giặc Thanh vỡ vộng, cường binh tơi bời

**Là ai** (Quang Trung – Nguyễn Huệ)

Rõ ràng một nửa là “đường”

Dai như kẹo kéo, dẻo dường kẹo nha.

Đen như bánh mật chẳng ngoa

Thế nhưng độc lắm ai mà dám ăn

(**Là từ gì** – nhựa đường)

**B4: Kết luận, nhận định (GV**)

GV lưu ý: HS tiến hành chơi, có thể có nhiều HS được đoán khi chưa đúng.

- Khi miếng ghép cuối được mở ra GV có thể hỏi thêm những câu hỏi sau:

? Những bức ảnh này nói về thắng cảnh đẹp của vùng miền nào trên đất nước ta?

? Bài ca dao miêu tả vẻ đẹp ấy gồm mấy dòng thơ, mỗi dòng có mấy tiếng

- HS trả lời ->GV hỏi tiếp: Vậy thể thơ gồm một hoặc nhiều cặp câu thơ với một câu 6 tiếng, một câu 8 tiếng thuộc thể loại văn học nào?

- Nếu HS trả lời là lục bát thì GV có thể hỏi: Em biết được gì về đặc điểm của thể thơ này

*- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời:* Qua những bài ca dao và thơ làm theo thể lục bát được học trong bài, em đã nắm được những đặc điểm cơ bản của thể thơ này. Dựa trên những hiểu biết đó, Hãy đọc 1 bài thơ luc bát mà em biết.

- *GV có thể đưa ra một số câu hỏi gợi mở nhằm khơi gợi, tạo không khí:* Em hãy đọc cho cả lớp nghe một bài thơ lục bát em thích. Em đã từng tập làm thơ lục bát chưa? Có thể chia sẻ với cả lớp bài thơ của em được không? *Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:*

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu đối với bài tập làm thơ lục bát.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  - GV yêu cầu HS: Theo em, yêu cầu đối với một bài tập làm thơ lục bát là gì?  - GV gợi ý:  + Làm một bài thơ lục bát có cần tuân theo vận luật của thơ lục bát không?  + Ngôn ngữ và nội dung của bài thơ phải như thế nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo và thảo luận**: HS báo cáo kết quả-> GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nx, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức 🡺 Ghi bảng.  **2. Nhiệm vụ 2**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ**  - Yêu cầu HS: xác định đề tài, tập gieo vần, phát triển ý tưởng  - GV cho HS làm bài tập SGK/100: Tập gieo vần bằng cách chọn những tiếng và từ ngữ thích hợp vaò các đoạn thơ  GV nhận xét ví dụ HS làm.  + Hình dung cụ thể về đề tài em định viết. Thử tìm một nhan đề thích hợp cho bài thơ theo đề tài mà em định chọn.  + Bắt đầu bằng cách thử viết dòng 6 đầu tiên, cặp lục bát đầu tiên. Chú ý sử dụng số tiếng, lựa chọn vần, ngắt nhịp theo đúng quy định của thể thơ lục bát.  + Viết những dòng lục bát tiếp theo.  + Thử phát triển ý tưởng, cảm xúc và hình ảnh thơ theo nhiều cách khác nhau.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo và thảo luận:** HS báo cáo kết quả**->** GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nx, đánh giá, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **1. Yêu cầu đối với một bài tập làm thơ lục bát**  - Đúng luật của thơ lục bát;  - Nội dung gần gũi, phù hợp với lứa tuổi, bộc lộ những tình cảm đẹp đẽ, chân thành;  - Ngôn ngữ thích hợp, sinh động, gợi cảm  **2. Các bước tiến hành**  *a. Khởi động viết*  - Tập gieo vần, Tìm từ ngữ phù hợp.  - Xác định đề tài.  *b. Thực hành viết*  *c. Chỉnh sửa* |

**3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng để hoàn thành bài tập.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ HT**: Dựa trên phần tìm hiểu trên, sau khi đã xác định được đề tài, nắm được cách viết, em hãy sáng tác một bài thơ lục bát .

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi

**B3: Báo cáo, thảo luận**: HS đọc bài thơ do mình sáng tác

**B4: Kết luận và nhận định**: Gọi HS khác nhận xét -> GV nx, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức làm bài tập.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**-** Yêu cầu HS sáng tác một bài thơ theo thể thơ tự do, đề tài tự chọn

- GV nhận xét, đánh giá

*\*HSKG:* Viết được bài thơ theo đúng thể thơ, có vần điệu, ngô ngữ thích hợp, sinh động.

| Ngày soạn | 2/12/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 6/12/2022 | 10-12/12/2022 | 7/12/2022 |

**TIẾT 50+51: VIẾT ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Chủ động tìm hiểu các thông tin, yêu cầu đối với nội dung bài học

- Biết xử lí thông tin bằng các hình thức phù hợp

- Biết lựa chọn nội dung, hình thức giao tiếp, hợp tác một cách phù hợp

- Giải quyết vấn đề linh hoạt, sáng tạo

**b. Năng lực đặc thù**

**-** Nhận biết được các yêu cầu đối với đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát.

- HS viết được đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát

- HS yêu thích và bước đầu có ý thức tìm hiểu văn thơ

**2. Về phẩm chất**

- Tự lập, tự tin, tự chủ ; giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt..

- Chăm chỉ và trách nhiệm; trau dồi tình yêu văn chương.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**: SGK, máy tính, tivi, hệ thống câu hỏi

**2. Chuẩn bị của HS**: SGK, vở ghi, sự chuẩn bị ở nhà

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ HT**

- GV chiếu video ngâm một bài thơ lục bát -> hs lắng nghe

? Em có cảm xúc gì khi nghe bài thơ trên

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**: Hs lắng nghe và suy nghĩ trả lời

**B3: Báo cáo và thảo luận**: HS nêu suy nghĩ, cảm nhận của bản thân

**B4: Kết luận, nhận định**: GV nhận xét -> dẫn vào bài mới

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

**-** Nhận biết được các yêu cầu đối với đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát

- Từ bài viết tham khảo, nắm được cách viết bài văn và có cho mình ý tưởng để viết bài văn kể lại một trải nghiệm

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời. HS biết chia sẻ cảm xúc về một bài thơ mà các em yêu thích.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1**  **B1: Giao nhiệm vụ HT:** GV đặt câu hỏi cho HS:  + Em hãy nhắc lại yêu cầu đối với một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả? + Theo em, yêu cầu đối với một đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát cần đáp ứng những yêu cầu gì? Có gì giống và khác giữa thể hiện cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả với thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát?  - GV gợi ý:  + Có cần nêu tên tác giả, tên bài thơ đó không?  + Có cần nêu cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ lục bát đó không?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận và nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.  **2. Nhiệm vụ 2**  **B1: Giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm để cùng đọc VB trong SGK và phân tích VB theo các chỉ dẫn (bên phải) trong SGK  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận và nhận định**  - GV nx, đánh giá, bổ sung, chốt KT🡺 Ghi lên bảng.  *( Hết tiết 1)*  **3. Nhiệm vụ 3**  **B1: Giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc?  - Có những lưu ý gì khi tìm ý?  - Dàn ý gồm những phần nào?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ trả lời câu hỏi  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV yêu cầu HS:  + Rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý chỉnh sửa trong SGK;  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nx, đánh giá, bổ sung, chốt KT 🡺 Ghi lên bảng.  \* HSKG: BT nâng cao | **1. Yêu cầu đối với đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát**  - Giới thiệu bài thơ, tác giả (nếu có)  - Nêu được cảm xúc về nội dung chính hoặc một số khía cạnh nội dung của bài thơ;  - Thể hiện được cảm nhận về một số yếu tố hình thức nghệ thuật của bài thơ (thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, v.v…)  **2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo**  - Giới thiệu bài ca dao (thơ lục bát)  - Nêu cảm xúc về nội dung chính của bài ca dao.  - Nêu cảm nhận về một số yếu tố hình thức nghệ thuật của bài ca dao.  **3. Các bước tiến hành**  **Trước khi viết**  - Lựa chọn đề tài  - Tìm ý  - Lập dàn ý  **Viết bài**  **Chỉnh sửa bài viết** |

**3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, tìm ý và lập dàn ý cho bài viết.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, dự kiến người đọc .

* Hướng dẫn HS lựa chọn đề tài.
* GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, tìm ý cho bài viết theo Phiếu học tập số 1

- Nhiệm vụ: Tìm ý cho đoạn văn: Viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát

Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em.

Sau khi tìm ý xong

=> HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý.

( 3 phần MĐ, TĐ, KĐ nêu những ý gì)

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

*\* HSKG: Lập được dàn ý cho đề viết được đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV: Hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện phiếu tìm ý.

- Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn đề tài.

- Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu.

- Lập dàn ý ra giấy

**B 3: Báo cáo thảo luận**

- GV yêu cầu HS báo cáo sản phẩm.

HS: Đọc sản phẩm của mình.

- Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau.

**4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS khắc sâu, mở rộng kiến thức đã học.

**b. Nội dung**: HS vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**c. Sản phẩm học tập**: Câu trả lời của hs

**d. Tổ chức thực hiện:**

**-** GV yêu cầu HS kiểm tra chéo dàn ý của nhau -> dựa vào yêu cầu cần đạt ở tiết 1 => rút ra dàn ý hoàn chỉnh nhất.

=> gọi 2,3 cặp đôi Kt chéo lên nhận xét, trình bày.

\* GV yêu cầu HS về nhà viết bài dựa trên dàn ý đã lập, đã chỉnh sửa và hoàn thiện bài viết tiếp vào tiết sau.

| Ngày soạn | 2/11/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6C | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 10/12/2022 | 13/12/2022 | 10/12/2022 |

**TIẾT 52: NÓI VÀ NGHE: TRÌNH BÀY SUY NGHĨ VỀ TÌNH CẢM CỦA CON NGƯỜI VỚI QUÊ HƯƠNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Tự chủ động tìm hiểu về yêu cầu của các bài văn được học, sử dụng ngôn ngữ để chia sẻ tình cảm về quê hương.

- Năng lực sáng tạo, cách viết mới, ngôn từ độc đáo, mới lạ.

**b. Năng lực đặc thù**

- HS biết trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương. Lòng tự hào về cảnh sắc, truyền thống văn hóa của nơi mình sinh ra và lớn lên.

- Tự tìm hiểu về yêu cầu của các bài văn được học, sử dụng ngôn ngữ để chia sẻ tình cảm về quê hương; Năng lực sáng tạo, cách viết mới, ngôn từ độc đáo, mới lạ.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

**2. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

*- Nhân ái*: Học sinh biết tôn trọng, yêu thương và tự hào về con người và cảnh sắc quê hương.

*- Chăm học, chăm làm:* có ý thức vươn lên trong học tập để bày tỏ tình cảm, cảm xúc môt cách thích hợp, biết vận dụng bài học vào tình huống thực tế, có ý thức học hỏi không ngừng.

- *Trách nhiệm*: trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với quê hương, để thành người công dân có ích.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV:** Giáo án;Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; ti vi, máy tính

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỞ ĐẦU**

**a.Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:** Hoạt động nhóm, cá nhân

**B1: Giao nhiệm vụ**: GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời*:*

? Quê hương em có điều gì đặc biệt khiến em ấn tượng hay nhớ mãi? Điều đặc biệt đó khiến em cảm thấy như thế nào?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân

**B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**: HS trình bày câu trả lời

**B4: Kết luận và nhận định:** Từ chia sẻ của HS, GV: cho hs xem 1 đoạn video đã chuẩn bị về nơi các em đang sinh sống.Hoặc nghe một bài hát về quê hương...

GV dẫn dắt vào bài học mới: *Tiết học hôm nay, chúng ta sẽ cùng thực hành trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương.*

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài. Giúp học sinh định hướng nội dung bài học, có hứng thú hơn trong việc học tập, khai thác và lĩnh hội kiến thức.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiêm vụ 1:**  **B1: Giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: xác định mục đích nói, bám sát mục đích nói và đối tượng nghe;  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói: lựa chọn đề tài, nội dung nói, tìm ý dựa vào trải nghiệm của chính HS;  - GV hướng dẫn HS luyện nói theo nhóm, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói, bằng các câu hỏi: Em muốn kể về điều gì của quê hương?  - Mục đích chia sẻ của em về điều em kể là gì?  GV hướng dẫn hs ghi chú ngắn gọn nội dung sẽ trình bày để hỗ trợ HS trong quá trình nói.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  GV yêu cầu HS luyện nói theo cặp\ nhóm.  GV giao nhiệm vụ cho từng cặp HS thực hành theo phiếu ghi chú đã xây dựng. ( Mỗi HS trình bày 5-7).  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học;( Bài trình bày có tập chungvào chủ đề không, ngônngữ sử dụng có phù hợp với mục đích nói và đối tượng tiếp nhận không, khả năng truyền cảm hứng thể hiện thế nào ở ngôn ngữ, âm lượng, nhịp điệu, giọng nói, cách phát âm…..  - Các nhóm tìm ý, luyện nói.  ***\* Hoạt động Trao đổi về bài nói***  - GV lưu ý HS (với tư cách người nói) lắng nghe những trao đồi của bạn một cách tích cực, chủ động.  + Tiếp thu những góp ý của bạn mà mình thấy hợp lí.  + Giải thích những điếu bạn muốn làm rõ hơn  + Trao đổi lại với bạn vế những ý kiến khác biệt.  - GV hướng dẫn HS (với tư cách người nghe) trao đổi, góp ý về nội dung nói, cách nói của bạn;  + Bạn đã trình bày hấp dẫn, rõ ràng, mạch lạc nd vấn đề chưa?  + Bài trình bày có tập trung vào việc thê’ hiện suy nghĩ vế tình cảm gắn bó của con người với quê hương không?  + Ngôn ngữ sử dụng có phù hợp với mục đích nói và đối tượng tiếp nhận không?  + Nhịp điệu, tốc độ, cách phát âm đã thực sự tạo được sức hấp dẫn, lôi cuốn chưa?  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời về đề tài, nội dung, các ý trong bài nói;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:** Kết luận, nhận định  - GV nx, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV gọi một số HS trình bày trước lớp;  - có thể nói theo cặp, luyện nói theo phiếu ghi chú đã xây dựng.  -GV hướng dẫn HS thực hành nói: Cần chú ý đặc điểm yếu tố kèm lời và phi ngôn ngữ trong khi nói như ngữ điệu, tư thế,ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ…  - GV hướng dẫn các HS còn lại đánh giá bài nói/phần trình bày của bạn theo phiếu đánh giá -> HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Một số HS nói trước lớp;  - Hai hoặc ba cặp trình bày trước lớp.  Các HS còn lại lắng nghe và điền vào phiếu.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - GV gọi HS khác nx, đặt câu hỏi, góp ý cho bài nói của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  *GV hướng dẫn HS lắng nghe, đánh giá bài của bạn bằng phiếu đánh giá*  GV có thể hỏi thêm vê' ấn tượng của HS khi nghe bài trình bày của bạn bằng câu hỏi gợi dẫn: *Em có đồng ý với những suy nghĩ của bạn về tình cảm của con người với quê hương không? Suy nghĩ của em vế vấn đề này có tương đồng với suy nghĩ của bạn không? Em thích điều gì nhất trong phẩn trình bày của bạn? Theo em, bài nói của bạn có nhận được sự đổng cảm của người nghe không? Em muốn thay đổi điểu gì trong phẩn trình bày của bạn?*  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  - GV hướng dẫn HS (với tư cách người nghe) trao đổi, góp ý về nội dung nói, cách nói của bạn;  + Bạn đã trình bày hấp dẫn, rõ ràng, mạch lạc nd vấn đề chưa?  + Bài trình bày có tập trung vào việc thê’ hiện suy nghĩ vế tình cảm gắn bó của con người với quê hương không?  + Ngôn ngữ sử dụng có phù hợp với mục đích nói và đối tượng tiếp nhận không?  + Nhịp điệu, tốc độ, cách phát âm đã thực sự tạo được sức hấp dẫn, lôi cuốn chưa?  *\* HSKG:* Trình bày tự tin, rõ ràng. Nêu được tình cảm sâu sắc của mình với quê hương. | **1. Chuẩn bị bài nói và các bước tiến hành**  **- Trước khi nói**  + Lựa chọn đề tài, nội dung nói.  + Tìm ý, lập ý cho bài nói.  + Chỉnh sửa bài nói.  - Lưu ý: khi trình bày bài nói, cần tập trung vào mục đích nói, nêu lên suy nghĩ của em về tình cảm của con người, sự gắn bó với quê hương, cần lien hệ tình cảm của e với quê hương mình.  - Tiếp thu những nhận xét, góp ý để phần trình bày mình hay hơn.  - Tập nói rõ ràng, điều chỉnh ngữ điệu phù hợp.  **2. Trình bày bài nói**  **3. Đánh giá bài nói** |

**3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng để nói và nghe, liên hệ thực tiễn

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**c . Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ**

**-** *GV yêu cầu HS:* HS thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của GV và các bạn.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS tiếp nhận nhiệm vụ

**B3: Báo cáo và thảo luận**: HS trình bày lại bài nói

**B4: Kết luận, nhận định:** *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**4 . VẬN DỤNG**

GV hướng dẫn HS tự hoàn thành các nội dung *Củng cố, mở rộng* ở nhà:

+ Đọc lại các VB *Chùm ca dao về quê hương đất nước*, *Chuyện cổ nước mình*, *Cây tre Việt Nam* và xác định lại nội dung, nghệ thuật nổi bật của các VB để hoàn thành bài tập 1.SGK-116.

+ Em có thể tìm thêm các bài ca dao, thơ lục bát và thực hành đọc diễn cảm.

| Ngày soạn | 9/12/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 12-13/12/2022 | 14 /12/2022 | 12-14/12/2022 |

**BÀI 5: NHỮNG NẺO ĐƯỜNG XỨ SỞ**

**TIẾT 53 + 54: Văn bản (1): CÔ TÔ**

**(Nguyễn Tuân)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Chủ động tìm kiếm và biết cách xử lí các thông tin liên quan đến nội dung bài học.

**-** Có khả năng đánh giá nội dung bài học từ đó phân tích nguồn thông tin giúp làm rõ và nắm được yêu cầu cần đạt của tiết học.

- Biết lựa chọn phương tiện giao tiếp, hợp tác phù hợp.

**-** Giải quyết vấn đề một cách chủ động và sáng tạo.

**b. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được hình thức kí - ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất trong đoạn trích *Cô Tô* và phân biệt với các loại hình khác. Nhận biết được cách kể theo trình tự thời gian của đoạn trích (từ ngày thứ tư đến ngày thứ năm, thứ sáu trên đảo; miêu tả Cô Tô trong trận bão và sau bão), xác định được người kể chuyện ngôi thứ nhất xưng “tôi”, nhận biết được các biện pháp tu từ, các chi tiết miêu tả đặc sắc.

- Phân tích, đánh giá được vẻ đẹp của cảnh và người Cô Tô. Tình cảm của tác giả đối với cảnh đẹo thiên nhiên.

- Phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề.

- Trình bày được suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Cô Tô.*

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ, trách nhiệm

- Yêu mến và tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV:** sgk, máy tính, ti vi,phiếu bài tập, trả lời câu hỏi…

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS câu hỏi gợi mở vấn đề, sau đó trình chiếu hình ảnh của đảo Cô Tô.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ***: GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:*

+ Kể tên những danh lam thắng cảnh của nước ta mà em đã từng được đến tham quan? Chia sẻ một số điều em quan sát được từ những chuyến đi đó?

+ Quan sát hình ảnh thiên nhiên đảo Cô Tô, từ đó nêu cảm nhận của em về thắng cảnh nổi tiếng này?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ***: HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ trả lời câu hỏi*

**B3: Báo cáo và thảo luận***: Chia sẻ, câu trả lời của HS*

**B4: Kết luận, nhận định***: Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Đất nước của chúng ta nổi tiếng với rất nhiều cảnh sắc thiên nhiên nên thơ, đẹp đẽ, là nguồn cảm hứng dạt dào cho các nhà thơ, nhà văn viết nên những tác phẩm hay, chứa chan tình yêu quê hương, con người xứ sở. Hôm nay, cô trò chúng ta sẽ cùng đến với tác phẩm Cô Tô của nhà văn Nguyễn Tuân để tìm hiểu về cảnh và người Cô Tô cũng như các đặc điểm nổi bật của thể loại kí.*

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin chính về nhà văn Nguyễn Tuân và tác phẩm *Cô Tô*.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1**  **B1: Giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS:  + Đọc và tìm hiểu nghĩa của những từ được chú thích ở cuối trang;  + Em hãy đọc phần thông tin và nêu các nét chính về tác giả, tác phẩm.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc phần thông tin, tìm ra các nét chính về tác giả, tác phẩm.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nx, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nx, đánh giá, bổ sung, chốt KT->ghi bảng  **2. Nhiệm vụ 2**  **B1: Giao nhiệm vụ:**  GV hướng dẫn và yêu cầu HS  + Ngữ điệu đọc phù hợp với nội dung từng phần của VB (phần miêu tả bão biển đọc khác với phần tả cảnh bình yên trên đảo,…);  + Dựa vào phần tri thức ngữ văn đã học, em hãy nêu thể loại và phương thức biểu đạt của VB.  + Bố cục của VB gồm mấy phần? Nội dung của các phần là gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi gọi HS khác nx, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nx, đánh giá, bổ sung, chốt KT->ghi bảng | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả:**  **-** Nguyễn Tuân (1910 – 1987)  - Quê quán: Hà Nội  - Ông là nhà văn có phong cách độc đáo, lối viết tài hoa, cách dùng từ ngữ đặc sắc.  - Sở trường của ông là kí, truyện ngắn. Kí của Nguyễn Tuân cho thấy tác giả có vốn kiến thức sâu rộng về nhiều lĩnh vực đời sống.  - Một số tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Tuân: *Vang bóng một thời* (tập truyện ngắn), *Sông Đà* (tùy bút)…  **2. Tác phẩm**  a. Đọc - tóm tắt.  b. Xuất xứ: *Cô Tô* được viết nhân một chuyến ra thăm đảo của nhà văn. Bài kí được in trong tập *Kí*, xuất bản lần đầu năm 1976  c. Thể loại: Kí  d. Phương thức biểu đạt: TS kết hợp MT  e. Bố cục: 4 phần  + Từ đầu… *quỷ khốc thần linh*: Cơn  bão biển Cô Tô;  + *Ngày thứ Năm trên đảo Cô Tô*… *lớn lên theo mùa sóng ở đây*: Cảnh Cô Tô một ngày sau bão  + *Mặt trời*… *nhịp cánh*: Cảnh mặt trời lên trên biển Cô Tô  + Còn lại: Buổi sớm trên đảo Thanh Luân |

**Hoạt động 2: Khám phá tri thức**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản *Cô Tô*;

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1:**  **B1: Giao nhiệm vụ:** GV phát phiếu học tập số 1, yêu cầu học sinh thảo luận theo cặp đôi:  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh hoàn thành phiếu học tập: Gợi ý:  - Các danh từ, cụm danh từ: Cánh cung, hỏa lực, trống trận, thủy tộc, quỷ khốc thần linh  - Lượng từ: ba ngàn thước, trăm thước...  - Cụm tính từ + động từ mạnh: buốt, rát, liên thanh quạt lia lịa, trắng mù mù, thúc, âm âm rền rền, vỡ tung, rít lên, rú lên, ghê rợn;  - Biện pháp so sánh:  + Mỗi viên cát …như một viên đạn mũi kim.  + ...trời đất trắn… như là kẻ thù đã bắt đầu thả hơi ngạt  + Sóng thúc lẫn nhau …như vua thủy…. trống trận.  + Nó rít …..thường gọi là quỷ khốc thần linh.  - Biện pháp nhân hóa:  + Hình như gió bão chờ chúng tôi lọt hết vào trận địa cánh cung bãi cát, rồi mới tăng thêm hỏa lực của gió.  + Nó rít lên rú lên...  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày kết quả thảo luận;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt KT-> ghi bảng **GV bổ sung:** Phong cách NT của Nguyễn Tuân, bút pháp tài hoa, MT cảnh thiên nhiên bằng những từ ngữ chiến sự, những từ HV độc đáo, giàu tính gợi hình.  *(H****ết tiết 1)***  **2. Nhiệm vụ 2**  **B1: Giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành 3 nhóm, các nhóm cùng thảo luận các câu hỏi:  + Khung cảnh thiên nhiên ở đảo Cô Tô sau bão hiện lên như thế nào (qua hình ảnh, bầu trời, cây, nước biển, mặt trời,…)?  + Em có nhận xét gì về cảnh Cô Tô trong và sau bão? Từ đây em có thấy hình ảnh trong thể loại kí có tác động như thế nào đến cảm nhận của người đọc?  + Em hãy chỉ ra câu văn thể hiện sự yêu mến đặc biệt của tác giả đối với Cô Tô trong đoạn văn từ *Ngày thứ Năm trên đảo Cô Tô…* *theo mùa sóng ở đây*.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: thực hiện nhiệm vụ;**  HS thực hiện nhiệm vụ.  **Gợi ý:**  - Cảnh đảo Cô Tô sau cơn bão được MT qua các từ ngữ:   * + Bầu trời – trong trẻo, sáng sủa, trong sáng * + Núi đảo, nước biển – xanh mượt, lam biếc đặm đà * + Cát – vàng giòn * + Cá – lưới càng thêm nặng mẻ cá giã đôi 🡪 tài nguyên phong phú   - Cảm xúc của tác giả: “càng thấy yêu mến hòn đảo như bất cứ người chài nào đã từng đẻ ra và lớn lên theo mùa sóng nơi đây  **B3**: **Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS của nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nx, đánh giá, bổ sung, chốt KT-> ghi bảng  **3. Nhiệm vụ 3**  **B1: Giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi: Nhà văn Nguyễn Tuân đã sử dụng những từ ngữ nào để miêu tả cảnh mặt trời mọc trên biển? Em có nhận xét gì về những từ ngữ ấy?  - Qua đó em thấy hình ảnh mặt trời mọc hiện lên ntn?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức, sau đó ghi lên bảng hoặc chiếu slide.  **4. Nhiệm vụ 4: Cảm nhận về cảnh sinh hoạt của con người trên đảo Cô Tô**  **B1: Giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức thảo luận theo nhóm: học sinh chia làm 4 nhóm, thực hiện nhiệm vụ theo thứ tự:  **- Nhóm 1**: Em hãy chỉ ra các từ ngữ miêu tả cảnh sinh hoạt của con người trên đảo Cô Tô.  + có không biết bao nhiêu là người đến gánh và múc  + bao nhiêu là thuyền của hợp tác xã đang mở nắp sạp đổ nước ngọt vào  + từ đoàn thuyền sắp ra khơi đến cái giếng ngọt, thùng và cong và gánh nói tiếp đi đi về về  + anh hùng Châu Hòa Mãn quẩy 15 gánh nước  + chị Châu Hòa Mãn địu con dịu dàng  **- Nhóm 2+3*:*** Chỉ ra và nêu tác dụng của phép tu từ so sánh được sử dụng trong đoạn trích.  + Cái giếng nước ngọt ở rìa một hòn đảo giữa biển, cái sinh hoạt của nó vui như một cái bến và đậm đà mát nhẹ hơn mọi cái chợ trong đất liền.  -> Phép so sánh khiến hình ảnh sinh hoạt của người dân đảo Cô Tô quanh giếng nước ngọt hiện lên nhộn nhịp, đông vui, đồng thời mang đậm hương quê, hồn quê.  + Trông chị Châu Hòa Mãn địu con, thấy nó dịu dàng yên tâm như cái hình ảnh biển cả là mẹ hiền mớm cá cho lũ con lành  -> Phép so sánh không chỉ tô đậm tình mẹ yêu con bao la của chị Châu Hòa Mãn, mà còn khẳng định thiên nhiên, biển cả như người mẹ hiền mang đến cho con người biết bao sản vật giàu có, trù phú.  **- Nhóm 4*:*** Em hình dung khung cảnh Cô Tô sẽ như thế nào nếu thiếu chi tiết miêu tả giếng nước ngọt và hoạt động của con người quanh giếng?  - Khung cảnh Cô Tô nếu thiếu chi tiết giếng nước ngọt sẽ thiếu sự sinh động, nhộn nhịp, mất đi sức sống hơi ấm của con người, chỉ còn là một quần đảo thiên nhiên hoang sơ đơn thuần. Giếng nước ngọt là một phần không thể thiếu trong sinh hoạt của người dân nơi đây, là linh hồn của đảo Cô Tô. Nếu không miêu tả chi tiết này, tác phẩm Cô Tô của Nguyễn Tuân thực sự đã thiếu đi một chi tiết rất quan trọng.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS tiếp nhận nhiệm vụ  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Các đội trả lời câu hỏi theo trạm, báo cáo kết quả;  - GV quan sát kết quả từng trạm,  **B4: Kết luận và nhận định**  - GV nx, đánh giá, bổ sung, chốt KT thức-> ghi bảng  **5. Nhiệm vụ 5**  **B1: Giao nhiệm vụ**  - Em hãy nêu những giá trị nội dung và NT của VB?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS tiếp nhận nv  **B3: Báo cáo, thảo luận**:  - HS trình bày câu trả lời -> hs khác nhận xét, bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định**:  - GV nx, chốt kiến thức  *\* Tích hợp ANQP (HSKG)*  ? Cô Tô là điểm du lịch đẹp, vậy theo em mỗi người cần làm gì để bảo vệ? Qua đó mỗi người cần có ý thức ntn trong bảo vệ chủ quyền biển đảo quê hương? | **II. Đọc- hiểu văn bản**  **1. Sự dữ dội của trận bão**  - Sử dụng hàng loạt các từ ngữ cùng phép tu từ so sánh, nhân hóa gây ấn tượng mạnh, tập hợp các từ ngữ trong trường nghĩa chiến trận  -> Diễn tả sự đe dọa và sức mạnh hủy diệt của cơn bão.  - Qua đó, thể hiện cái nhìn độc đáo của tác giả về trận bão biển. Miêu tả cơn bão như trận chiến dữ dội, để cho thấy sự đe dọa và sức mạnh hủy diệt của cơn bão.  => Phong cách nghệ thuật độc đáo của Nguyễn Tuân.  **2. Cảnh Cô Tô sau cơn bão**  - Miêu tả bằng các hình ảnh trong sáng, giàu sức sống, gợi không khí yên ả và vẻ đẹp tinh khôi của Cô Tô.  **->** Tình cảm yêu mến, gắn bó gần gũi của tác giả đối với mảnh đất này.  => Với thể loại kí, tác giả trực tiếp chứng kiến sự vật, sự việc, chú trọng ghi chép sự thật, nên hình ảnh trong kí hiện lên chân thực, cụ thể, rõ nét, để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc  **3. Cảnh mặt trời mọc trên đảo Cô Tô**  - Hình ảnh so sánh độc đáo, mới lạ:  + Khi mặt trời chưa nhú lên: chân trời trong, sạch như tấm kính  + Khi mặt trời bắt đầu nhú lên: mặt trời như lòng đỏ trứng thiên nhiên đầy đặn, hồng hào thăm thẳm   * + Bầu trời: mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hửng hồng; mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh   => Bức tranh mặt trời mọc trên đảo Cô Tô được khắc họa rực rỡ, lộng lẫy, nên thơ, hùng vĩ, thể hiện trí tưởng tượng phong phú, lối viết độc lạ, tài hoa;  - Dậy từ canh tư, ra tận mũi đảo ngồi rình mặt trời lên 🡪 Cách đón nhận công phu và trang trọng, thể hiện tình yêu của tác giả đối với thiên nhiên.  **4. Cảnh sinh hoạt của con người trên đảo Cô Tô**  - Sinh hoạt quanh giếng nước ngọt: đông đúc, nhộn nhịp  + Phép so sánh: cái sinh hoạt của nó vui như một cái bến và đậm đà mát nhẹ hơn mọi cái chợ trong đất liền.  -> Giếng nước ngọt là một phần không thể thiếu của người dân đảo Cô Tô, là dấu hiệu của sự sống con người trên đảo. Nó vừa là nguồn sống cho dân đảo, vừa ghi dấu sự sống của họ.  - Chị Châu Hòa Mãn địu con: hình ảnh so sánh nhiều tầng bậc giàu ý nghĩa, tạo cho người đọc ấn tượng khó quên về khung cảnh, tiếm năng của biển Cô Tô cũng như cuộc sống lao động của những con người mới đang từng ngày từng giờ cống hiến cho sự phồn vinh của đất nước.  => Thể hiện tình yêu của tác giả với biển đảo quê hương và sự tôn vinh những người lao động trên đảo.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  + Ngòi bút miêu tả chính xác, tinh tế, độc đáo, giúp hình ảnh thiên nhiên hiện lên đầy ấn tượng. + Các biện pháp nghệ thuật so sánh, ẩn dụ, nhân hóa được kết hợp nhuần nhuyễn tạo nên các hình ảnh đặc sắc. + Hệ thống ngôn từ được chọn lọc tinh tế, điêu luyện, các từ láy giàu sức gợi hình gợi cảm.  **2. Nội dung**  - Bức tranh thiên nhiên Cô Tô sau cơn bão trong trẻo, sáng sủa và cảnh mặt trời mọc vô cùng ấn tượng qua cách miêu tả đầy tinh tế của nhà văn Nguyễn Tuân. + Bức tranh sinh hoạt của con người trên đảo nhộn nhịp, đông vui, thanh bình, tươi vui. + Vốn hiểu biết sâu sắc và tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước của nhà văn Nguyễn Tuân. |

**3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:**Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ:** Em hãy viết một đoạn văn tả cảnh mặt trời mọc nơi em ở?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS tiếp nhận nv

**B3: Báo cáo và thảo luận:** Bài viết của HS

**B4: Kết luận, nhận định**: GV nhận xét, đánh giá.

**4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:** *GV yêu cầu HS:* Từ ấn tượng của em về khung cảnh đảo Cô Tô trong văn bản đã học, hãy vẽ một bức tranh thiên nhiên cảnh biển kèm một đoạn văn ngắn (từ 5 – 7 dòng) diễn giải về nội dung bức tranh và thông điệp em muốn gửi gắm qua bức tranh.

**IV: HỒ SƠ HỌC TẬP**

| **PHIẾU HỌC TẬP:** Hãy tìm những từ ngữ và các phép tu từ miêu tả sự dữ dội của trận bão. Chỉ ra tác dụng của việc sử dụng các từ ngữ, các phép tu từ vừa tìm được trong việc miêu tả cơn bão. | |
| --- | --- |
| Danh từ, cụm danh từ |  |
| Động từ, cụm động từ |  |
| Tính từ, cụm tính từ |  |
| Lượng từ |  |
| Phép tu từ  + So sánh  + Nhân hóa |  |
| Tác dụng: | |

| Ngày soạn | 9/12/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 14/12/2022 | 17/12/2022 | 14/12/2022 |

**TIẾT 55 : THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Chủ động tìm hiểu các thông tin liên quan đến nội dung bài học

- Lựa chọn hình thức giao tiếp và hợp tác phù hợp

- Giải quyết vấn đề một cách linh hoạt và sáng tạo

**b. Năng lực đặc thù**

- Nhận diện được biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh và chỉ ra được tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh trong ngữ cảnh.

- Biết sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh trong việc viết câu văn, đoạn văn và trong ngữ cảnh phù hợp.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ, trách nhiệm

**-** Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV:**  Giáo án; phiếu bài tập, trả lời câu hỏi; máy tính, ti vi…

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, , soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV trình chiếu các câu văn, câu thơ có sử dụng phép tu từ so sánh hoặc ẩn dụ, yêu cầu học sinh sắp xếp các câu văn, câu thơ đó vào ô “Ẩn dụ” hoặc “So sánh”.*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời;*

*- GV dẫn dắt vào bài học mới:* Trong các tiết học trước, chúng ta đã được học về biện pháp tu từ ẩn dụ và so sánh. Trong tiết học hôm nay, chúng ta tiếp tục nhận diện và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ và so sánh trong các ví dụ cụ thể.

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các khái niệm so sánh, ẩn dụ, vận dụng được kiến thức để thực hiện các nhiệm vụ.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **B1: Giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: Nêu lại kiến thức về biện pháp ẩn dụ và so sánh. Lấy vd ?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3:** **Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nx, đánh giá, bổ sung, chốt KT- ghi bảng. | **I. Bài học**  **1. Ẩn dụ**  - Ẩn dụ là biện pháp tu từ gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó, nhằm tăng khả năng gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  **2. So sánh**  **-** So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. |

**3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học: biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh, nhân hóa.

**b. Nội dung:**Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1**  **B1: Giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức chơi điền từ ngữ vào các ô ở cột phải tương ứng với các từ ngữ ở cột trái để chỉ ra những sự vật đã ngầm được nhắc đến.   | quả trứng hồng hào thăm thẳm, và đường bệ | ………………… | | --- | --- | | mâm bạc | ………………… | | mâm bể | ………………… | | cái chất bạc nén | ………………… |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi, viết các từ tương ứng;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung  câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nx, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **2. Nhiệm vụ 2:**  **B1: Giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc và hoàn thành bài tập 2 SGK trang 114.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-** HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi HS khác nx, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nx, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **3. Nhiệm vụ 3**  **B1: Giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: Đọc bài tập 3 SGK trang 114, sau đó đọc lại VB *Cô Tô* và tìm ba câu văn sử dụng biện pháp tu từ so sánh trong VB này.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập 3 và đọc lại VB Cô Tô;  - HS hoàn thành bài tập.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm;  - GV gọi HS khác nx, bổ sung câu TL của bạn.  **B4: Kết luận và nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1 (SGK/113 – 114)**  a.   | quả trứng hồng hào thăm thẳm, và đường bệ | mặt trời | | --- | --- | | mâm bạc | bầu trời sáng và lấp lánh | | mâm bể | mặt biển | | cái chất bạc nén | độ sáng và sự lấp lánh |   b. Biện pháp tu từ được sử dụng: ẩn dụ  -> Tác dụng: làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt, cụ thể ở đây là tăng vẻ đẹp cho hình ảnh thiên nhiên ở Cô Tô.  **Bài tập 2 SGK trang 114**  a. *Mỗi viên cát bắn vào má vào gáy lúc này buốt như một viên đạn mũi kim.*  - Biện pháp tu từ: so sánh. So sánh mỗi một hạt cát như một viên đạn mũi kim, so sánh việc cát bắn vào má (do gió bão) mạnh và đau buốt như bị viên đạn mũi kim bắn vào -> So sánh hợp lý vì hạt cát nhỏ, viên đạn mũi kim cũng nhỏ, khi bắn chỉ tập trung làm đau buốt một điểm.  - Tác dụng: Làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt, Từ đó cho thấy sự dữ dội của cơn bão ở Cô Tô.  b. *Hình như gió bão chờ chúng tôi lọt hết vào trận địa cánh cung bãi cát, rồi mới tăng thêm hỏa lực của gió.*  - Biện pháp tu từ: Nhân hóa. Gió bão vốn là các hiện tượng tự nhiên, vô tri vô giác, đã được gán với các đặc điểm như con người: biết ***chờ*** cho “chúng tôi” vào hết trận địa cánh cung bãi cát, biết ***tăng thêm hỏa lực***.  - Tác dụng: làm cho gió bão trở nên sinh động, có hồn, câu chuyện được kể trở nên hấp dẫn.  **Bài tập 3 (SGK/114)**  - Trong *Cô Tô*, Nguyễn Tuân sử dụng nhiều hình ảnh so sánh sinh động.  Ba câu văn sử dụng biện pháp tu từ so sánh trong VB này:  *+ Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây, hết bụi*  -> Cách so sánh cho người đọc hình dung một không gian trong veo (tấm kính), rất sạch (lau hết mây, hết bụi), gợi một cảm giác nhẹ nhõm và tinh khiết, trong lành, tầm mắt như được mở rộng ra khi nhìn “chân trời”, “ngấn bể”.  *+ Sóng thúc lẫn nhau mà vào bờ âm âm rền rền như vua thủy cho các loài thủy tộc rung thêm trống trận.*  -> So sánh hình ảnh sóng thúc lẫn nhau vào bờ như vua thủy; so sánh âm thanh của sóng thúc vào bờ với âm thanh của trống trận mà vua thủy cho các loài thủy tộc rung thêm: âm âm, rền rền -> gợi nhịp điệu, độ hăng say, dữ dội của trống trận trong trận chiến => khắc họa sinh động, cụ thể, giàu sức gợi sự dữ dội của những đợt sóng trong cơn bão.  + Nó rít lên…..gọi là quỷ khốc thần linh  -> So sánh tiếng gió với tiếng khóc của quỷ, làm nổi bật được sự kỳ quái, ghê rợn, đáng sợ  => Tiếng gió rú rít được tăng sức gợi cảm, khiến người đọc cảm nhận được sự đáng sợ, ghê rợn của gió và thấy được sức mạnh của một cơn bão. Đồng thời thấy được cách lựa chọn hình ảnh so sánh tài hoa, độc đáo, mới lạ của nhà văn Nguyễn Tuân. |

**4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) về một cảnh đẹp thiên nhiên trong đó có sử dụng biện pháp tu từ so sánh hoặc ẩn dụ -> GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

| Ngày soạn | 9/12/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 14-17 /12/2022 | 17 /12/2022 | 14-17/12/2022 |

**TIẾT 56 + 57: Văn bản (2) HANG ÉN**

**(Hà My)**

**I. Mục tiêu**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Chủ động tìm hiểu các thông tin có liên quan đến nội dung bài học

- Biết cách đọc- hiểu độc lập một văn bản

- Lựa chọn phương thức và hình thức giao tiếp, hợp tác, thuyết trình phù hợp

- Giải quyết vấn đề sáng tạo

**b. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của bài kí *Hang Én*.

- Đánh giá được vẻ đẹp nguyên sơ của thiên nhiên trong vùng lõi Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Vẻ đẹp đó khiến con người vừa ngỡ ngàng vừa thán phục, nó đánh thức bản tính tự nhiên, khát vọng hòa đồng với tự nhiên của con người.

- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: cách dùng biện pháp tu từ, cách tạo dựng không gian nghệ thuật, việc sử dụng các chi tiết miêu tả.

- Trình bày suy nghĩ, cảm nhận cá nhân về văn bản Hang Én.

**3. Về phẩm chất:**

**-** Rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV:** Giáo án,phiếu bài tập, trả lời câu hỏi, máy tính, máy chiếu

- Các phương tiện kỹ thuật, tranh ảnh liên quan đến chủ đề bài học;

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi…..

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ***: GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS trả lời:*

- Hãy kể tên một số hang động nổi tiếng ở Việt Nam mà em biết.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS tiếp nhận nhiệm vụ

**B3: Sản phẩm***:* Câu trả lời của HS, GV lắng nghe, đánh giá kết quả.

**B4: Kết luận, nhận định***: GV dẫn dắt vào bài học mới:* Trong tiết học trước, chúng ta đã tìm hiểu về thể loại kí qua VB *Cô Tô* của Nguyễn Tuân. Trong tiết học này, chúng ta tiếp tục tìm hiểu thể loại kí qua VB *Hang Én*.

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**\* Hoạt động: Đọc văn bản**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **B1: Giao nhiệm vụ HT**  - GV yêu cầu và đặt câu hỏi HS:  + Nêu những thông tin cơ bản của VB “Hang Én”?  + Dựa vào phần Tri thức ngữ văn đã học trong các tiết trước, em hãy cho biết VB thuộc thể loại nào?  + Xác định phương thức biểu đạt của VB?  + Bố cục VB gồm mấy phần? Chỉ rõ nội dung của từng phần?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS nêu những thông tin cơ bản của VB, PTBĐ, bố cục.  + Thể loại: Kí. Kể theo trình tự thời gian, tuyến tính Phù hợp với thể loại kí, cho thấy sự tuần tự, câu chuyện trở nên chân thật và người đọc dễ hình dung.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nx, bổ sung câu TL của bạn.  **B4: Kết luận và nhận định**  - GV nx, đánh giá, bs, chốt KT -> Ghi bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Thông tin về văn bản**  - Trích dẫn văn bản viết giới thiệu về hang Én trên trang thông tin điện tử Sở Du lịch Quảng Bình; truy cập: 14/10/2020.  - Tác giả: Hà My.  **2. Đọc - tóm tắt**  a. Thể loại: Kí  + Ngôi kể xưng “tôi”  + Chú trọng ghi chép sự thực  b.Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm  c. Bố cục: 2 phần chính:  + Phần 1: Từ đầu... *giấc mộng đẹp:* Hành trình đi đến hang Én  + Phần 2: Còn lại: Khám phá vẻ đẹp hang Én  (Lưu ý Phần 2 có thể chia nhỏ hơn)  Tiếp... *tạo tác của tự nhiên*: Cảnh quan bên trong hang Én  Tiếp... *đến hết*: Trải nghiệm cuộc sống trong hanh Én |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung và nghệ thuật của VB *Hang Én*.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành 3 nhóm thảo luận  Quan sát Phần I (theo bố cục đã chia) hãy tái hiện lại hành trình đến với Hang Én dựa trên việc trả lời những câu hỏi sau:  + Để đi đến hang Én du khách phải trải qua con đường như thế nào? Và phải trải qua mấy chặng đường?  + Cách thức di chuyển vào hang Én có gì đặc biệt?  + Tìm những chi tiết miêu tả địa hình, cây cối, loài vật trên đường đến hang Én. Những chi tiết này gợi cho em cảm nhận gì về rừng nguyên sinh?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS đại diện nhóm trả lời câu hỏi  - GV gọi HS nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của nhóm bạn.  **B4: Kết luận và nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.  ***( Hết tiết 1)***  **2. Nhiệm vụ 2**  **B1: Giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm bàn và trả lời câu hỏi:  + Hình dáng và kích thước, cửa hang Én được MT, thể hiện qua các số liệu nào? Tác giả đã sd BPTT nào để MT hình dáng và kích thước hang Én và tác dụng của BPTT đó?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**:  - HS suy nghĩ TL câu hỏi  **B3: Báo cáo và thảo luận kết quả**  - Đại diện nhóm bàn trả lời -> nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung  **B4: Kết luận, nhận đinh**  - GV nhận xét -> chốt KT  **3. Nhiệm vụ 3**  **B1: Giao nhiệm vụ**  + Tìm các chi tiết miêu tả về cảnh vật, hoạt động của đàn én trong hang? Tác giả sd BPTT nào? Tác dụng?  + Qua các chi tiết đó làm nổi bật vẻ đẹp trong hang chính ntn?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi  **B3: Báo cáo và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi -> hs khác nx, bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt KT.  **4. Nhiệm vụ 4**  **B1: Giao nhiệm vụ**  **-** Tìm các chi tiết miêu tả vẻ đẹp của đá trong hang Én?  - Tác giả đã sd BPNT nào khi MT vẻ đẹp của đá? Tác dụng  - Cách tác giả cảm nhận về cuộc sống hoang dã có làm cho người đọc khiếp sợ tự nhiên không? Vì sao?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-**  HS thực hiện nhiệm vụ  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận và nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng.  **5. Nhiệm vụ 5**  **B1: Giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi:  + Tìm các chi tiết miêu tả cảnh sinh hoạt- hòa mình của du khách trong hang Én?  + Qua đó em cảm nhận tâm trạng của du khách khi đến hang Én như thế nào?  + Có ý kiến cho rằng hành trình khám phá hang Én thích hợp với những người ưa mạo hiểm. Theo em, hành trình này còn đánh thức điều gì ở con người?  + Hãy tổng kết ND và NT của VB?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thực hiện nv.  - Dự kiến sản phẩm: HS nêu quan điểm.  + Hành trình khám phá hang Én đánh thức ở con người: mở rộng tầm mắt với những trải nghiệm thú vị khi được sống cùng thiên nhiên hoang sơ, vừa là thử thách đối với sức khỏe và kỹ năng sinh tồn của con người trong điều kiện thiếu thốn .  + HS tổng kết về ND và nghệ thuật của VB.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi-> HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, chốt lại KT-> Ghi bảng.  ***HSKG*: Trình bày suy nghĩ của em về mqh giữa con người với thiên nhiên.** | **II. Đọc- hiểu văn bản**  **1. Hành trình đi đến hang Én**  - “Phải xuyên…lội khoảng ba mươi quãng suối và sông”  - Trải qua 2 chặng đường:  + Bắt đầu từ: dốc Ba Giàn -> thung lũng Rào Thương -> hang Én  - Cách thức di chuyển: đi bộ  \* Chặng 1:  - Địa hình: dốc cao, gập ghềnh, đường nhỏ hẹp, trơn trượt,cây đổ chắn ngang đường. rập rạp…  - Cây cối: cây cổ thụ tán cao vút, thân đầy tầm gửi, phong lan nở hoa…  - Loài vật: có sên, vắt, côn trùng…  \* Chặng 2:  - Địa hình: thấp, trũng như thung lũng…  - Cây cối: thảm cỏ, rập rạp…  - Loài vật: chim kêu đủ giọng, đàn cá bơi liêu xiêu, đàn bướm đủ màu…  \* Cảm xúc: thích nhất, yêu vô cùng, ngỡ mình đang đi trong một giấc mộng đẹp-> thể hiện thái độ, tình cảm yêu mến, say mê của ngạc nhiên, bất ngờ của nv. (người viết)  🡺 rừng nguyên sinh hiện lên hoang sơ, xa lạ, hiểm trở, đầy thử thách mà cũng gần gũi, bao dung và đầy mê hoặc.  **2. Vẻ của hang Én**  *a. Hình dáng, kích thước, cửa vào hang*  - Giống như cái tổ khổng lồ…; trần hang đẹp như mái vòm một thánh đường, nơi cao nhất là 120m tương đương tòa nhà 40 tầng; lòng hang rộng nhất khoảng 110m2 có thể chứa hàng trăm người; sông ở hang chính len lỏi qua hang ngầm khoảng 4 km…  - Hang có 3 cửa lớn.  + NT: so sánh cụ thể dễ hình dung, sử dụng từ ngữ độc đáo => sự hoang sơ, kì vĩ, trang nghiêm của hang Én và bày tỏ lòng biết ơn và tình yêu của con người với thiên nhiên.  *b. Vẻ đẹp trong hang chính*  - Cảnh vật:  + Bờ sông cát mịn thoải dần  + Nước mát lạnh, trong veo, đáy toàn sỏi đá  -> đẹp, mát lành, nên thơ  - Đàn Én:  + Hàng vạn con chim Én hồn nhiên cư ngụ và chưa biết phải sợ con người.  + Bốn vách hang dày đặc chim Én…  + Én bố mẹ, Én anh chị tấp nập…  - NT: nhân hóa, liệt kê, sử dụng nhiều từ láy  => cuộc sống loài Én trở nên sinh động, gần gũi, có sự giao thoa, với con người, chưa bị con người khai thác, xâm phạm.  🡺 sự bình yên, thanh bình giữa con người với thiên nhiên -> tình yêu của tác giả với thiên nhiên.  **c. Vẻ đẹp của đá trong hang Én**  + Hàng trăm dải đá san hô  + Dải hóa thạch sò, ốc, san hô; nhũ đá, măng đá, ngọc động…  + Trải qua trăm triệu năm bào mòn hay bồi đắp mới nên.  - NT: so sánh, liệt kê, nói quá  => Những vật vô tri nhưng đều có sự sống, sinh thành, biến hóa qua chiều dài của lịch sử địa chất -> cảm nhận tinh tế của tác giả    **d. Sinh hoạt của du khách trong hang Én - Tâm trạng của du khách**  - Hòa đồng với chim Én  - Ngắm sông, ngắn trời…  - Chiêm ngưỡng vẻ đẹp của thiên nhiên, của đá, vục nước, rửa mặt… hòa mình với thiên nhiên  **- > yêu thích, cảm phục, kết giao với tự nhiên, cảm thấy được sống an yên trong cái “tổ” của “ mẹ thiên nhiên”**  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Sử dụng các từ ngữ giàu hình ảnh, cảm xúc tăng khả năng liên tưởng, tưởng tượng và khơi lên tình cảm trong lòng người đọc;  - Lối kể tuyến tính phù hợp với thể kí giúp câu chuyện trở nên gần gũi, sống động, chân thực với người đọc  **2. Nội dung**  - VB cho thấy vẻ đẹp hoang dã, nguyên sơ của hang Én và thái độ của con người trước vẻ đẹp của tự nhiên. |

**3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ**

*GV tổ chức cuộc thi vẽ tranh tưởng tượng về hang Én dựa vào VB đã học.*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**:HS thực hiện nv

**B3: Báo cáo ,thảo luận:** Sản phẩm của HS

**B4: Kết luận và nhận định:**  GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nhận của em về hang Én.

*GV gợi ý HS chú ý đến những chi tiết như phải đi bao lâu, bao xa mới đến được hang Én, bên trong hang Én có gì đặc biệt, cách sinh hoạt ở hang Én, v.*v...

| Ngày soạn | 15/12/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 19/12/2022 | 19/12/2022 | 19/12/2022 |

**TIẾT 58 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực:**

**a. Năng lực chung**

- Chủ động tìm hiểu các thông tin liên quan đến ND bài học.

- Giải quyết vấn đề sáng tạo.

- Năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực đặc thù**

- Nhận diện và phân tích tác dụng của dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang trong câu văn, đoạn văn.

- Nhận diện và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa trong VB văn học và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ đó.

**2. Về phẩm chất:** Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV:** Giáo án, máy tính, ti vi….

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ** : Trong các tiết học thực hành tiếng Việt trước, chúng ta đã tìm hiểu về các dấu câu, cụ thể là dấu ngoặc kép. Em hãy nêu lại định nghĩa về dấu câu, dấu ngoặc kép và nêu tác dụng của chúng.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời

**B3: Báo cáo và thảo luận**: HS chia sẻ

**B4: Kết luận và nhận định***: GV dẫn dắt vào bài học mới:* Tiết học hôm nay, chúng ta tiếp tục tìm hiểu về dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang trong câu, đoạn văn và luyện tập phân tích các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa.

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được khái niệm, tác dụng của dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang; nêu và phân tích các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa;

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **B1: Giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành các nhóm:  + Các nhóm hãy nêu lại khái niệm của dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang và các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa đã được học trong các bài học trước;  + Lấy ví dụ cho từng loại dấu câu và biện pháp tu từ.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận và nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. | **I. Bài học**  **1. Dấu câu**  **a. Dấu ngoặc kép**  - Dùng để đánh dấu tên tài liệu, sách, báo dẫn trong câu.  - Đánh dấu lời dẫn trực tiếp.  - Đánh dấu từ hiểu theo một nghĩa đặc biệt hay mỉa mai  **b. Dấu phẩy**  - Dùng để ngăn cách thành phần chính với thành phần phụ của câu;  - Dùng để ngăn cách các vế trong câu ghép.  - Dùng để liên kết các yếu tố đồng chức năng.  - Ngăn cách các thành phần chú thích với thành phần khác trong câu.  **c. Dấu gạch ngang**  - Đặt đầu dòng trước những bộ phận liệt kê.  - Đặt đầu dòng trước lời đối thoại.  - Ngăn cách các thành phần chú thích với thành phần khác trong câu.  - Đặt nối những tên địa danh, tổ chức có liên quan đến nhau.  **2. Biện pháp tu từ**  **a. So sánh**  **b. Nhân hóa** |

**3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập.

**b. Nội dung:**Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1**  **B1: Giao nhiệm vụ**  **-** Hoạt động theo dãy bàn tương ứng với 2 ý a và b.  - GV yêu cầu HS: Đọc và hoàn thành bài tập 1 trong SGK/ 118.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả hoạt động  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  **B4: Kết luận và nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức -> Ghi lên bảng.  - HS trả lời đúng cho điểm  **2. Nhiệm vụ 2**  **B1: Giao nhiệm vụ**  - Phân nhóm:  + Nhóm 1 bài 2  + Nhóm 2 bài 3  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi  **B3: Báo cáo, kết quả**  - HS trình bày kq -> HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS làm tốt cho điểm  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nx, chốt KT  **3. Nhiệm vụ 3**  **B1: Giao nhiệm vụ**  - Gọi HS lần lượt trả lời bài 4, 5 -> làm cá nhân  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ trả lời  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  **B4: Kết luận và nhận định**  - GV nx, chốt KT  - HS làm tốt cho điểm | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1 SGK trang 118**  a. Tác dụng khi đưa vào dấu ngoặc kép: “ngược dòng” được hiểu theo cách đặc biệt, là quay về tìm hiểu những điều từ xa xưa, lúc sự sống mới bắt đầu, như đi ngược với thời gian tuyến tính đang chảy trôi ở hiện tại.  b. Tác dụng khi đưa vào dấu ngoặc kép: so sánh không gian hang ngoài của hang Én rộng và đẹp giống như sảnh chờ, báo hiệu ngoài hang đầu tiên bên ngoài, sẽ còn những hang phía bên trong Cụ thể hóa, giúp người đọc dễ hình dung về không gian trong hang Én, gợi sự tò mò về các hang tiếp theo ở hang Én.  **Bài tập 2 SGK trang 118**  a. Tác dụng của:  - Dấu phẩy:  + Dấu phẩy (1): ngăn cách các vế trong câu, vế sau giải thích và làm sáng tỏ nghĩa cho vế trước.  + Dấu phẩy (2) (3): liệt kê sự vật, hiện tượng cùng loại với với sự vật, hiện tượng liền kề phía trước.  - Dấu ngoặc kép: đánh dấu từ ngữ được hiểu theo cách đặc biệt.  - Dấu gạch ngang: là thành phần phụ chú cho thành phần đứng trước nó  b. Tác dụng của:  - Dấu phẩy:  + Dấu phẩy (1): ngăn cách thành phần giải thích với thành phần chính (ở đây là chủ ngữ của câu), vế sau giải thích, bổ sung thêm ý nghĩa cho vế trước:  + Dấu phẩy (2): ngăn cách các vế câu, vế sau làm thành phần phụ chú cho vế trước và nhấn mạnh vào vế sau giúp sự diễn đạt trở nên gần gũi, dễ tiếp nhận..  + Dấu phẩy (3): ngăn cách các vế, các thành phần của câu;  + Dấu phẩy (4): liệt kê sự vật, hiện tượng cùng loại với với sự vật, hiện tượng liền kề phía trước.  - Dấu ngoặc kép:  + “Sống” được để trong ngoặc kép: nhấn mạnh và hiểu theo nghĩa cụ thể, đặc biệt:  - Dấu gạch ngang: “xen-ti-mét”: phiên âm từ tiếng nước ngoài.  **Bài tập 3 SGK trang 118:** Những câu văn có sử dụng dấu ngoặc kép trong các VB *Cô Tô*, *Hang Én*:  - VB *Cô Tô*:  + “Đi ra khơi,. gạo bằng nước biển thôi”  Tác dụng: trích dẫn lời nói được thuật lại theo lối trực tiếp. - Vb *Hang Én*:  + “thương hải tang điền” còn hiện hữu trên dải hóa thạch sò, ốc, san hô… nơi vách đá-> Đây là điển cố được sử dụng nhiều trong văn học Trung Quốc và văn học Việt Nam cổ trung đại.  Tác dụng: tăng khả năng gợi cảm cho sự diễn đạt, ngầm ý nói sự thay đổi từ biển sang hang động còn để lại dấu tích ở các hóa thạch.  **Bài tập 4 SGK trang 118**  a. Biện pháp tu từ: nhân hóa. Chim én được gọi bằng “chú”.  b. Biện pháp tu từ: nhân hóa. Chim én được miêu tả với những từ ngữ, cử chỉ, điệu bộ như con người: “thản nhiên”, “đi lại”.  Tác dụng: chim én được MT trở nên gần gũi, sống động như người mà còn có tác dụng thẩm mỹ. Tác dụng thẩm mỹ giúp lời văn có chất hồn nhiên, tinh nghịch. Người đọc cảm thấy những con chim én nhỏ trở nên thân thiết, quen thuộc như những người bạn.  **Bài tập 5 SGK trang 118**  a. Biện pháp tu từ: nhân hóa.  - Tác dụng: biện pháp tu từ nhân hóa ở đây không những làm cho con chim én được MT trở nên gần gũi, sống động như người mà còn có tác dụng thẩm mỹ. Tác dụng thẩm mỹ giúp lời văn có chất hồn nhiên, tinh nghịch. Người đọc cảm thấy những con chim én nhỏ trở nên thân thiết, quen thuộc như những người bạn.  b. Biện pháp tu từ: so sánh.  - Tác dụng: tăng sức gợi cho sự miêu tả, diễn đạt hình ảnh đàn bướm đậu thành từng vạt đẹp, rực rỡ như hoa lá và cho thấy cảm xúc của người viết trước vẻ đẹp.  c. Biện pháp tu từ: so sánh.  - Tác dụng: giúp cho đối tượng so sánh trở nên cụ thể hóa, dễ hình dung, tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt, tạo cảm giác choáng ngợp trước không gian sáng rộng, và trong trẻo. |

**4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:** *HSKG :*  Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) có sử dụng dấu ngoặc kép hoặc dấu phẩy và nêu tác dụng. -> GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

| Ngày soạn | 15/12/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 20/12/2022 | 20/12/2022 | 21/12/2022 |

**TIẾT 59: CỬU LONG GIANG TA ƠI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

**-** Chủ động tìm hiểu các thông tin có liên quan đến nội dung bài học.

- Độc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác...

**b. Năng lực đặc thù**

- Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Cửu Long Giang ta ơi*;

- Phân tích và đánh giá nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.

- So sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề.

**2. Về phẩm chất:**

- Giúp HS rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, yêu thương gia đình, cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV:**  Giáo án, máy tính, ti vi, phiếu HT

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình..

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ**

*- GV cho hs xem video giới thiệu về sông Cửu Long và nêu yêu cầu :* Bằng những kiến thức về địa lý Việt Nam cùng với việc theo dõi video sau, em hãy cho biết sông Cửu Long bắt nguồn từ con sông nào và sông Cửu Long chảy qua những địa danh nào của Việt Nam?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS tiếp nhận nhiệm vụ, theo dõi và trả lời.

**B3: Báo cáo và thảo luận**: Hs trình bày suy nghĩ

**B4: Kết luận và nhận định**

*- GV dẫn dắt vào bài học mới:* Trong các tiết học trước, chúng ta đã tìm hiểu các VB về chủ đề *Những nẻo đường xứ sở* qua những địa danh như Cô Tô, hang Én. Trong tiết học này, thầy/cô trò chúng ta tiếp tục tìm hiểu về hình ảnh sông Cửu Long thông qua VB *Cửu Long Giang ta ơi* của nhà văn Nguyên Hồng.

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1**  **B1: Giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp và trả lời các câu hỏi:  + Em hãy nêu những nét chính về tác giả, tác phẩm của VB;  + Nêu phương thức biểu đạt và bố cục của VB.  + Hd đọc: to, rõ ràng, lưu loát, giọng đọc say sưa, tự hào, ngắt nghỉ đúng chỗ  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: Thiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận và nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Tên: Nguyên Hồng (1918 – 1982)  - Quê quán: sinh ở Nam Định, sống chủ yếu ở Hải Phòng;  - Nguyên Hồng sáng tác ở nhiều thể loại: truyện ngắn, tiểu thuyết, kí, thơ, v.v… Những trang viết của ông tràn đầy cảm xúc chân thành, mãnh liệt với con người và cuộc sống.  - Các tác phẩm chính: *Những ngày thơ ấu* (hồi kí), *Bỉ vỏ* (tiểu thuyết), *Trời xanh* (thơ), *Cửa biển* (tiểu thuyết), *Bước đường viết văn* (hồi kí), v.v…  **2. Tác phẩm**  a. Đọc - chú thích.  b. Xuất xứ***:*** Trích trong *Trời xanh*, NXB Văn học, Hà Nội, 1960.  c.Thể loại: thơ tự do  d. PTBĐ: Biểu cảm  e. Bố cục:  + Phần 1: 10 câu thơ đầu: Hình ảnh sông Mê Kông trong những ngày đi học  + Phần 2: 21 câu thơ tiếp theo: Vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông  + Phần 3: 10 câu thơ tiếp: Sự gắn bó của dòng sông với con người Nam Bộ  + Phần 4: 5 câu thơ cuối: Suy ngẫm của nhà thơ |

**Hoạt động 2: Khám phá tri thức**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của VB.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1**  **B1: Giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi và yêu cầu HS:  + Theo em nhan đề bài thơ có gì đặc biệt? Nhan đề ấy gợi lên ấn tượng, cảm xúc gì?  + Tấm bản đồ rực rỡ xuất hiện trong bối cảnh nào dưới con mắt của nhà thơ?  + Em hình dung như thế nào về “tấm bản đồ rực rỡ”? Nhân vật trong bài thơ có cảm xúc như thế nào khi nhìn tấm bản đồ ấy? PBTT được sd là gì? Tác dụng  + Hình ảnh người thầy xuất hiện trong ánh mắt nhìn của cậu học trò ntn? BPTT được sử dụng  + Nêu những cảm nhận của em về tình yêu của tác giả đối với dòng Mê Kông.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nxt, bổ sung câu TL của bạn.  **B4: Kết luận và nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng*.*  **2. Nhiệm vụ 2**  **B1: Giao nhiệm vụ : chia nhóm**  - GV lần lượt đặt câu hỏi và yêu cầu HS trả lời:  + N1: Em hãy tìm những chi tiết miêu tả vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông ? PBTT được sử dụng? Tác dụng?  +N2: Hình ảnh người nông dân Nam Bộ được tác giả khắc họa qua những chi tiết nào? Những chi tiết đó gợi cho em cảm nhận gì về con người nơi đây?  + N3: Bài thơ *Cửu Long Giang ta ơi* có nhiều hình ảnh sinh động, giàu sức gợi. Em thích những hình ảnh nào? Vì sao?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **B2: thực hiện nhiệm vụ:**  HS thực hiện nv  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nx, bổ sung câu TL của bạn.  **B4: Kết luận và nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt  **3. Nhiệm vụ 3**  **B1: Giao nhiệm vụ**  **-** Tình cảm của tác giả với dòng sông được thể hiện qua những khoảng thời gian nào?  - Vậy theo em tình cảm của tác giả được thể hiện ntn qua từng khoảng thời gian?  **B2: Thực hiện hiện vụ**  - HS suy nghĩ, TL câu hỏi  **B3: Báo cáo và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi -> hs khác nx, bổ sung  **B4: Kết luận và nhận đinh**  - GV nhân xét -> chốt KT  **4. Nhiệm vụ 4**  **B1: Giao nhiệm vụ**  - Nếu giá trị ND và NT của bài thơ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ  **B3: Báo cáo và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - Gọi HS khác nx, bổ sung câu TL  **B4: Kết luận và nhận định**  - GV nx, chốt KT  \**HSKG:* Viết đoạn văn 5-7 câu thể hiện tình cảm của tác giả với dòng sông MK. | **II. Đọc- hiểu văn bản**  **1. Ý nghĩa nhan đề bài thơ**  **-** Nêu bật chủ đề của tác phẩm  - Có ý nghĩa:  + Giới hạn phần lãnh thổ (Cửu Long Giang)  + Gợi sự thân thiết, ý thức sở hữu (ta)  + Giống lời gọi tha thiết, thể hiện tình cảm dâng trào, dạt dào của nhà thơ (ơi)  **1. Hình ảnh ”tấm bản đồ rực rỡ**  - Bối cảnh xuất hiện: Trong những ngày đi học**-** trong tiết Địa lí mà thầy giáo trẻ dạy  - “Tấm bản đồ rực rỡ”: tấm bản đồ trong bài giảng của thầy giáo trở nên đẹp đẽ lạ thường, không chỉ là hình ảnh sông Mê Kông mà còn tượng trưng cho Tổ quốc thiêng liêng.  🡪 Tấm bản đồ trong cảm nhận của cậu học trò mười tuổi như mở ra một không gian mới, gợi niềm háo hức, mê say.  - Hình ảnh người thầy trở nên kỳ diệu, như có phép lạ: “gậy thần tiên và cánh tay đạo sĩ”;  => niềm tự hào, háo hức, say mê, tò mò, khao khát khám phá núi sông của Tổ quốc.  **3. Vẻ đẹp của dòng sông**  **- Hình ảnh dòng sông**  + Dài hơn hai ngàn cây số  + Sóng tỏa... buồm trắng  + “Chín nhánh..... trĩu quả”  - NT: nhân hóa, điệp ngữ, liệt kê  🡺 Dòng sông trù phú, giàu đẹp, gần gũi, gắn bó mật thiết với người dân Nam Bộ; như người mẹ nuôi dưỡng con người.  - **Hình ảnh người nông dân Nam Bộ**  + Gối đất nằm sông  + Mồ hôi... chia cắt  - NT: phóng đại, liệt kê, ẩn dụ  -> hình ảnh những con người cực nhọc, lam lũ, cùng bùn đất để xây dựng sự nghiệp, khai thiên lập địa, biết đoàn kết để giữ gìn quê hương, đất nước.  **4. Tình yêu của tác giả đối với dòng sông Mê Kông**  **- Thuở học trò thơ bé:** Háo hức, say mê, choáng ngợp và khát khao được khám phá  **- Khi khôn lớn:** tự hào về vẻ đẹp trù phú, giàu có của dòng sông, trân trọng, biết ơn.  - **Khi trưởng thành:** nhận thấy sông MK không đơn thuần là dòng sông địa lí mà còn là dòng sông lịch sử, văn hóa  🡺 tình yêu của tác giả với dòng sông MK lớn dần và sâu sắc hơn theo năm tháng.  🡪 Tình yêu đối với quê hương, đất nước.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Sử dụng các hình ảnh mang tính hình tượng;  - Lối viết tự sự kết hợp biểu cảm tạo nên cảm xúc trong lòng người đọc;  - Sử dụng các từ ngữ đắt giá, có tính biểu cảm cao;  - Các biện pháp tu từ: nhân hóa, so sánh, điệp ngữ, v.v...  **2. Nội dung**  Bài thơ thể hiện tình yêu của tác giả đối với dòng Mê Kông, rộng ra là tình yêu với quê hương, đất nước. |

**3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ**

*- GV yêu cầu HS:* Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5 – 7 câu) nêu những cảm nhận của em về tình yêu của tác giả với dòng Mê Kông, với quê hương đất nước được thể hiện trong bài thơ.

*- GV hướng dẫn:* Nhìn bao quát toàn bộ đoạn trích để thấy những dòng thơ thể hiện từng chặng đường đời của nhân vật trữ tình: *Mười tuổi thơ*; *Ta đi… bản đồ không nhìn nữa*, *Ta đã lớn…*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ*:*** HS thực hành viết

**B3: Báo cáo và thảo luận**: Bài viết của HS

**B4: Kết luận và nhận định:**  *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi, trả lời và trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đưa câu hỏi:*

- Nêu hình ảnh và hiểu biết của em về một dòng sông quê hương em?

***-*** *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

| Ngày soạn | 16/12/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 20-26/12->3/1/2023 | 24-26/12->3/1/2023 | 21-26/12->4/1/2023 |

**TIẾT 60+61+62 VIẾT BÀI VĂN TẢ CẢNH SINH HOẠT**

**I.MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

**-** Biết chủ động tìm hiểu về nội dung liên quan đến tiết học.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

- Có khả năng phân tích các nguồn thông tin liên quan đến bài học để đáp ứng được chủ đề của bài viết.

**b. Năng lực đặc thù**

- HS biết chọn một cảnh sinh hoạt để viết bài văn miêu tả theo đúng các bước.

- HS được khơi gợi óc quan sát, khả năng sáng tạo và nhận ra những ý nghĩa mới của cuộc sống.

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**2.Phẩm chất:** Có ý thức tự giác tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV:** SGK, SGV, phiếu học tập cho hs,các phương tiện kỹ thuật.

**2. Chuẩn bị của HS:**SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu: Kết nối** (HS hào hứng tiếp cận, khám phá kiến thức).

**b. Nội dung:** Làm việc cá nhân để chia sẻ cảm xúc cảnh sinh hoạt.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

GV chiếu ảnh cảnh sinh hoạt, yêu cầu HS chia sẻ cảm xúc của mình khi xem bức ảnh về cảnh sinh hoạt?

Dự kiến phương án trả lời của HS:

HS có thể bày tỏ cảm xúc: thích thú, ngỡ ngàng nhận ra, vui vẻ, hào hứng muốn khám phá...

GV dẫn dắt vào bài: *Các em thân mến! Cuộc sống xung quanh chúng ta luôn có những cảnh tượng thật đẹp. Vẻ đẹp muôn màu của cuộc sống đã đem lại cho mỗi chúng ta những cảm xúc tích cực, tạo cho ta nguồn năng lượng dồi dào. Nhưng làm thế nào để ghi lại khoảnh khắc đẹp của cuộc sống? Ta có thể chụp ảnh, có thể quay vi deo...và cũng có thể viết bài văn miêu tả tái hiện lại những gì ta đang thấy bằng ngôn ngữ, qua lăng kính của mỗi người. Trong giờ viết văn hôm nay, chúng ta sẽ tập làm điều đó. Trước hết, chúng ta sẽ học cách viết bài văn tả cảnh sinh hoạt*.

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.**

**a. Mục tiêu:**

- HS biết chọn một cảnh sinh hoạt để viết bài văn miêu tả theo đúng các bước.

- HS được khơi gợi óc quan sát, khả năng sáng tạo và nhận ra những cảnh sinh hoạt trong cuộc sống.

**b. Nội dung:** làm việc cá nhân để tạo lập một bài văn tả cảnh sinh hoạt.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d.Tổ chức thực hiện.**

| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| --- | --- |
| ***\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV đặt câu hỏi cho HS:  - Theo em, yêu cầu đối với một bài văn thể tả cảnh sinh hoạt là gì?  + Tại sao phải giới thiệu cảnh sinh hoạt?  + Có các cách thức nào miêu tả?  + Nếu chỉ miêu tả mà không có cảm nghĩ của người viết thì bài văn tả cảnh có giảm sức cuốn hút hay không? Tại sao?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **\* Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + Phải giới thiệu cảnh sinh hoạt: để người đọc (người nghe) nắm được đó là cảnh gì, từ đó mà hình dung, tưởng tượng ra không gian, thời gian, bước tranh cảnh vật phù hợp với cảnh đó.  + Có các cách thức miêu tả: từ khái quát đến cụ thể, từ xa đến gần...  + Nếu chỉ miêu tả mà không có cảm nghĩ của người viết thì bài văn tả cảnh giảm sức cuốn hút. Vì cảm xúc sẽ tác động trực tiếp lên người tiếp nhận. Cảm xúc khiến cho bài văn sống động, có hồn, chứ không khô khan, cứng nhắc. | **I. Tìm hiểu yêu cầu đối với một bài văn tả cảnh sinh hoạt.**  - Giới thiệu được cảnh sinh hoạt.  - Tả bao quát quanh cảnh (không gian, thời gian, hoạt động chính).  - Tả hoạt động cụ thể của con người.  - Sử dụng từ ngữ phù hợp để miêu tả cảnh sinh hoạt một cách rõ nét, sinh động.  - Nêu được cảm nghĩ về cảnh sinh hoạt. |

**HOẠT ĐỘNG 3: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:** Từ bài viết tham khảo, HS nắm được những điểm cần lưu ý khi viết bài văn tả cảnh sinh hoạ

t**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập**: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| --- | --- |
| ***\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:***  Hãy đọc SGK trang 122,123,124 và trả lời các câu hỏi .Bài viết tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của một bài văn tả cảnh sinh hoạt như thế nào:  + Bài viết đã giới thiệu cảnh sinh hoạt nào? Khi giới thiệu cảnh sinh hoạt là phiên chợ, người viết đã giới thiệu điều gì?  + Cảnh sinh hoạt được tả trong bài viết tham khảo là cảnh gì? Tác giả đã dùng cách thức nào để tả?  + Tác giả đã sử dụng những từ ngữ như thế nào để miêu tả cảnh sinh hoạt?  + Bài viết này có bố cục như thế nào? Nêu nội dung từng phần?  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.***  ***\*Bước 3: Nhận xét.***  ***\* Bước 4: Chuẩn kiến thức.***  ***(Hết tiết 1)*** | **II. Phân tích bài viết tham khảo: *“Phiên chợ vùng cao****”*  Bài viết tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của một bài văn tả cảnh sinh hoạt:   * **Giới thiệu cảnh sinh hoạt**: chợ phiên vùng cao: *“Bạn đã đi chợ phiên vùng cao bao giờ chưa?....hàng tuần”:*   **+** giới thiệu tên cảnh sinh hoạt “chợ vùng cao”,  + ấn tượng chung *“thú vị”* và thời gian họp chợ “*sáng thứ Bảy hàng tuần”.*  - **Tả quang cảnh chung**:  + cái nhìn bao quát, đi từ bên ngoài vào trong, từ xa đến gần (“*chợ họp trên sườn núi”, “từ trên cao nhìn xuống”, “vào chợ*”);  + theo trình tự thời gian: sáng sớm đến quá trưa.  - **Tả cảnh hoạt động cụ thể của con người**:  + Trang phục của người đi chợ: phụ nữ, đàn ông, em bé  + Hoạt động của con người:  . có những hoạt động riêng: *“Phụ nữ xúng xính...”, “đàn ông tay cầm kèn...bàn tán xôn xao”, “em bé ...toét miệng cười*”,...  . Hoạt động mua bán nhộn nhip của chợ: chỗ bán đồ ăn, chỗ bán súc vật như trâu, bò, dê...  + Sử dụng từ ngữ phù hợp để miêu tả cảnh sinh hoạt một cách rõ nét, sinh động: tính từ, động từ, từ láy...  - Thể hiện thái độ, suy nghĩ của người viết (“*Chợ phiên là nơi lưu giữ bản sắc văn hóa trong sinh hoạt cộng đồng các dân tộc thiểu số phía bắc Việt Nam).*  **\* Bố cục:** bài viết có bố cục 3 phần mở bài, thân bài, kết bài**.** |

**HOẠT ĐỘNG 4: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Từ bài viết tham khảo, HS biết viết bài văn tả cảnh sinh hoạt.

**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập**: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:*** Có mấy bước để viết bài văn tả cảnh sinh hoạt?  Em hãy nhớ lại những cảnh sinh hoạt để lại cho em ấn tượng sâu sắc hoặc khiến em nhận ra ý nghĩa mới của cuộc sống?  Có thể lựa chọn một trong những cảnh sau:  - Cảnh chợ cá bên bờ biển  - Cảnh ngày tết Trung thu ở địa phương em.  - Cảnh gói bánh chưng trong ngày Tết.  - Cảnh lễ hội của một địa phương  ***-\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.***  ***\*Bước 3: Nhận xét.***  ***\* Bước 4: Chuẩn kiến thức.***  ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  1- Xác định đề tài bằng cách trả lời các câu hỏi sau: | **III.Các bước tiến hành**  **1.Trước khi viết.**  a.Lựa chọn đề tài: |



| 2. Tìm ý:  Sau khi đã xác định đề tài, em hãy tìm ý cho bài văn bằng các cách sau:  Hình dung các chi tiết về cảnh sinh hoạt theo trí nhớ của em, em thấy thấy được những chi tiết nào? Hãy viết ngắn gọn dưới hình thức cụm từ?   | Em sẽ tả cảnh gì? | ……………. | | --- | --- | | Cảnh sinh hoạt diễn ra ở đâu? Vào thời gian nào? | ……………. | | Nhìn bao quát, khung cảnh hiện lên như thế nào? | ……………. | | Cảnh sinh hoạt có những chi tiết nào đặc sắc? | ……………. | | Trong cảnh sinh hoạt, con người có những hoạt động gì? | ……………. | | Em có cảm xúc gì khi quan sát cảnh đó? | ……………. |   \* Lập dàn ý: Sắp xếp các thông tin vừa tìm được theo dàn ý:  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS tìm ý, lập dàn ý theo yêu cầu  **\*Bước 3: Nhận xét.**  HS trình bày các ý trong bài và dàn ý của mình  **\* Bước 4: Chuẩn kiến thức.**  Bước này, GV chủ động hướng dẫn lí thuyết để HS biết cách tìm ý.    ***(Hết tiết 2)***  **Viết bài văn:**  **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ*:*** Em hãy dựa vào dàn ý đã lập để tiến hành viết bài văn .  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.** | **b. Tìm ý và lập dàn ý.**  \* Tìm ý  Hình dung các chi tiết về cảnh sinh hoạt theo trí nhớ của em (viết ngắn gọn dưới hình thức cụm từ):  - Thời gian, địa điểm.  - Quang cảnh chung và những hoạt động cụ thể.  - Những người tham gia, hành động, lời nói của họ.  - Sưu tầm những tư liệu như vật dụng, tranh ảnh, đoạn phim ngắn liên quan đến cảnh sinh hoạt.  \* Lập dàn ý.  - Sắp xếp các ý theo trình tự  + Không gian: từ bao quát đến cụ thể, từ xa đến gần,...  + Thời gian: cái gì diễn ra trước tả trước, cái gì diễn ra sau tả sau.  + Theo diễn biến của cảm xúc: ngạc nhiên, đến yêu thích, muốn tham gia, khám phá  - Dàn ý gồm 3 phần:  + Mở bài: Giới thiệu cảnh sinh hoạt: tên cảnh sinh hoạt, ấn tượng chung về cảnh được tả.  + Thân bài: Miêu tả cảnh sinh hoạt  - **Tả bao quát** quanh cảnh  - **Tả cụ thể cảnh sinh hoạt theo trình tự** (không gian, thời gian, hoạt động chính).  + Tả hoạt động cụ thể của con người. Hoạt động nào là nổi bật. Chi tiết nào gây ấn tượng.  + Thể hiện cảm xúc khi quan sát, khi chứng kiến hoặc tham gia cảnh sinh hoạt.  + Sử dụng từ ngữ phù hợp để miêu tả cảnh sinh hoạt một cách rõ nét, sinh động.  \* Kết bài: Nêu suy nghĩ đánh giá của người viết  **3. Viết bài văn.**  **4. Chỉnh sửa đoạn văn** (tự đánh giá đoạn văn theo bảng dưới)  - Tự chỉnh sửa bằng cách bổ sung những chỗ còn thiếu hoặc chưa đúng.  - Tự đánh giá và rút kinh nghiệm. |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |

**Bảng kiểm tra bài văn tả cảnh sinh hoạt**

| **Yêu cầu** | **Gợi ý chỉnh sửa** |
| --- | --- |
| Giới thiệu cảnh sinh hoạt và quang cảnh chung | Chỉnh sửa, bổ sung nếu bài viết chưa Giới thiệu cảnh sinh hoạt và quang cảnh chung |
| Tả hoạt động cụ thể của những người tham gia cảnh sinh hoạt. Cung cấp một số thông tin liên quan đến cảnh sinh hoạt. | Bổ sung các chi tiết về các hoạt động cụ thể của những người tham gia cảnh sinh hoạt (nếu cần). Có thể thêm các thông tin về lịch suer, địa lí, văn hóa...có liên quan đến cảnh sinh hoạt. |
| Sử dụng các từ ngữ phù hợp để miêu tả một cách rõ nét, sinh động. | Đánh dấu những từ ngữ miêu tả cảnh sinh hoạt. Nếu cần thiết, hãy bổ sung để cảnh sinh hoạt hiện lên một cách rõ nét, sinh động. |
| Thể hiện những cảm nghĩ của bản thân về cảnh sinh hoạt | Đánh dấu những từ ngữ thể hiện những cảm nghĩ của bản thân về cảnh sinh hoạt. Nếu cần thiết, hãy bổ sung. |
| Đảm bảo yêu cầu về chính tả và diễn đạt | Rà soát lỗi chính tả: dùng từ, đặt câu ...trong bài viết và chỉnh sửa nếu phát hiện. |
|  |

**Hoạt động: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: HS vận dụng các kiến thức về kiểu bài để làm văn miêu tả

**b. Nội dung**: chắt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong bảng gợi ý của GV.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| --- | --- |
| **\*Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** yêu cầu HS Trình bày sản phẩm trước nhóm và tham gia góp ý cho các bạn trong nhóm  **\*Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS Trình bày sản phẩm trước nhóm, các em khác nghe, góp ý bằng phiếu học tập.  + GV quan sát, khuyến khích  **\*Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  **\*Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  GV nhận xét, đánh giá, bổ sung khen ngợi những bài viết sáng tạo, chân thành, có cảm xúc...đảm bảo yêu cầu. Khích lệ HS chưa đạt được yêu cầu nỗ lực hơn. | ***Bước 5: Trình bày sản phẩm trước nhóm và tham gia góp ý cho các bạn trong nhóm*** |

| Ngày soạn | 30/12/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 2/1/2023 | 2/1/2023 | 2/1/2023 |

**TRẢ BÀI KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Chủ động xem lại các kiến thức đã học sau khi đã KT

**-** Tích cực ôn tập lại những kiến thức, kĩ năng đã học

**b. Năng lực đặc thù**

- Nhận ra được những ưu điểm và nhược điểm trong bài kiểm tra

- Thấy được phương hướng khắc phục, sửa lỗi.

- Rèn kỹ năng nhận biết và sửa chữa lỗi sai

**2. Về phẩm chất**

- Trách nhiệm:  Có ý thức sửa chữa lỗi và rút kinh nghiệm cho những bài làm sau

- Chăm chỉ, trung thực

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**: Soạn bài; bài KT của HS

**2. Chuẩn bị của HS**: xem lại đề và các kiến thức trong bài KT

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút hs sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ HT

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức hoạt động**

**B1: Giao nhiệm vụ HT:** GV đưa câu hỏi

? Em dự đoán mình được bao nhiêu điểm? Sau khi làm bài xong em có rút ra được kinh nghiệm nào không?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**: HS suy nghĩ, tiếp nhận câu hoit

**B3: Báo cáo, thảo luận**: Câu trả lời của HS

**B4: Kết luận, nhận định**: GV nhận xét -> dẫn vào bài

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu**: Nhận ra được những ưu điểm và nhược điểm trong bài kiểm tra. Thấy được phương hướng khắc phục, sửa lỗi và những kiến thức cần trau dồi thêm

**b. Nội dung**: HS nhận ra được ưu điểm, khuyết điểm trong bài KT

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, nhận xét của HS

**d. Tổ chức hoạt động**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  **-** GV trả bài KT sau đó đưa ra đáp án và yêu cầu HS đọc lại bài KT và trả lời các câu hỏi:  + Nhận xét xem bài làm của em đạt ở mức độ nào?  + Có những câu nào em xác định sai?  + Em rút ra kinh nghiệm gì qua phần bài làm này?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-** HS tiếp nhận nv, đọc bài và tự nhận xét về bài KT của mình  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **-** Gọi 5,6 em đứng dậy nx về bài KT của mình  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung  **2. Nhiệm vụ 2**  **B1: Giao nhiệm vụ HT**  **-** HS chú ý, quan sát vào bài KT nghe GV nx -> rút ra những điểm chưa được của bài KT.  - Gọi điểm  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe, nx và so sánh với bài KT của mình  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Gọi HS rút ra kinh nghiệm  **-** Đọc điểm  **B4: Kết luận, nhận định**  **-** GV nhận xét, bổ sung | **I. Trả bài kiểm tra**  **1. Đề bài và đáp án**  **\* PHẦN I: ĐỌC- HIỂU** *(6.0điểm)*  **Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi.**  **VỀ QUÊ**  **Vũ Xuân Quản**  *Theo ông cháu được về quê*  *Đồng xanh tít tắp mùa hè thênh thang*  *Về quê được tắm giếng làng*  *Bắc thang bẻ ổi chín vàng trên cây*  *Trời cao lồng lộng gió mây*  *Tre đu kẽo kẹt nắng đầy sân phơi*  *Chó mèo cứ quẩn chân người*  *Vịt bầu từng nhóm thảnh thơi bơi thuyền*  *Vườn sau gà bới giun lên*  *Lũ con chiêm chiếp theo liền đằng sau*  *Buổi trưa cháu mải đi câu*  *Chiều về mấy đứa tranh nhau thả diều*  *Ở quê ngày ngắn tí teo*  *Nghỉ hè một tháng trôi vèo như không…*  (*Thả diều trên đê,* NXB Văn học, 2020, tr.65)  **Câu 1.** Nhận định nào dưới đây phù hợp với đặc điểm của bài thơ?  A. Bài thơ được viết theo thể thơ sáu chữ.  B. Bài thơ không có yếu tố miêu tả và tự sự.  C. Nhịp thơ linh hoạt: nhịp 3/4, nhịp 4/3, nhịp 4/2.  D.Tiếng thứ sáu của câu lục thường gieo vần với tiếng thứ sáu của câu bát.  **Câu 2.** Chi tiết nào dưới đây được miêu tả trong bài thơ?   | A.Lúa xanh mơn mởn.  B. Tre đu kẽo kẹt  C. Ao thu trong veo.  D.Diều sáo lộn nhào |  | | --- | --- |   **Câu 3.** Từ nào dưới đây trong bài thơ **không** phải là từ láy?   | A. Ngày ngắn.  C. Lồng lộng. | B. Kẽo kẹt.  D. Tít tắp. | | --- | --- |   **Câu 4.** Dòng nào dưới đây nêu đúng cảm xúc của người cháu  trong bài thơ?  A. Ngày hè ngắn ngủi của người cháu khi được theo ông về quê.  B. Những trải nghiệm thú vị của người cháu khi được theo ông về quê.  C.Niềm vui mừng, thích thú của người cháu khi được theo ông về quê.  D. Sự ngạc nhiên, bất ngờ của người cháu khi được theo ông về quê.  **Câu 5.** Từ “*thảnh thơi*” trong bài thơ được hiểu như thế nào?  A. Nhàn nhã, không có việc gì làm, đang dư thừa thời gian.  B. Ở trạng thái thoải mái không vướng bận, không lo nghĩ gì.  C. Nhiều việc một lúc, việc nọ tiếp việc kia.  D. Chán và nản lòng, không muốn gì nữa.  **Câu 6.** Nội dung chính của hai dòng thơ cuối bài là gì?  *Ở quê ngày ngắn tí teo*  *Nghỉ hè một tháng trôi vèo như không…*   1. Ngày ở quê ngắn hơn ngày ở thành phố. 2. Nghỉ hè ở quê rất vui nên thời gian trôi nhanh. 3. Kỳ nghỉ hè chỉ có một tháng nên rất ngắn. 4. Người cháu muốn ngày hè dài thêm.   **Câu 7.** Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ nổi bật trong hai dòng thơ:  *Chó mèo cứ quẩn chân người*  *Vịt bầu từng nhóm thảnh thơi bơi thuyền*  **Câu 8.** Bài thơ khơi gợi trong em những tình cảm gì?  **Câu 9.** Mơ ước của em trong mùa hè là gì? (Trình bày ngắn gọn từ 3 đến 5 câu).  **II. VIẾT (***4.0 điểm***)**  Viết bài văn kể lại một trải nghiệm sâu sắc, khó quên của  em với người thân.  **II. Nhận xét- chữa lỗi**  **1. Đối với phần I.**  - Ưu điểm: Đa số các em đưa ra đáp án chính xác, biết dựa vào nội dung của bài thơ mà lựa chọn đáp án đúng,... Đối với các câu viết 7,8,9 đa số các em đã biết xác định biện pháp tu từ là: Nhân hóa.  Sau khi đọc bài thơ đã gọi cho các em những tình cảm tốt đẹp về quê hương, làng quê. Biết trình bày ước mơ của các em trong mùa hè là gì (Đó đều là những ước mơ đẹp và phù hợp với lứa tuổi của các em.  - Nhược điểm: Nhiều em còn tẩy xóa , khiến cho bài làm còn bẩn.Một số em còn chưa biết cách xác định BPTT, không đọc kĩ đề dẫn đến nhiều em còn làm lạc đề đối với câu hỏi số 8.  Đối với câu 9 đề yêu cầu các em viết từ 3-5 câu nhưng một số em chỉ viết được một câu hoặc viết đủ câu nhưng lại không có dấu ngắt câu.   1. **Đối với phần II**  * Ưu điểm: Các em đã trình bày đúng cấu trúc của bài văn tự sự: MB, TB, KB.   Mộ số ít em viết chữ rất sạch đẹp, trình bày rõ ràng, đáp ứng đúng yêu cầu của đề bài.   * Nhược điểm: Đa số các em trình bày bài làm còn bẩn, tẩy xóa nhiều, viết con số, viết hoa tùy tiện…. |

**3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ HT:** HS xác định những lỗi trong bài KT của mình ( chính tả; cách diễn đạt…) -> đọc điểm

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận, so sánh và tìm ra lỗi của bài KT

**B3: Báo cáo, thảo luận:** Câu trả lời của HS

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, bổ sung -> đọc mẫu một số bài viết tốt-> vào điểm

**4. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:** Yêu cầu HS về nhà hoàn thiện lại bài dựa trên những lỗi đã sửa trên lớp.

| Ngày soạn | 30/12/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 3/1/2023 | 7/1/2023 | 4/1/2023 |

**TIẾT 63 NÓI VÀ NGHE: CHIA SẺ MỘT TRẢI NGHIỆM NƠI EM SỐNG HOẶC TỪNG ĐẾN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Chủ động tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để viết bài văn tả cảnh sinh hoạt.

- Lựa chọn phương pháp giao tiếp phù hợp; thảo luận nhóm để thực hiện phiếu học tập, hợp tác giải quyết vấn đề để viết bài văn tả cảnh sinh hoạt.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Năng lực trình bày và trao đổi thông tin trước lớp.

**b. Năng lực đặc thù:**

- Biết trình bày về một cảnh sinh hoạt

- Học sinh biết cách nói và nghe phù hợp:

+ Với tư cách người nói, học sinh có thể dựa trên bài đẫ viết, phát triển và làm phong phú hơn cho phần nói, biết phát huy những lợi thế giao tiếp trực tiếp bằng lời .

+ Với tư cách người nghe, học sinh biết lắng nghe và phản hồi tích cực.

**2. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Chịu khó tìm hiểu sách báo, qua mạng để mở rộng hiểu biết

*-* Trách nhiệm*:*  Cảm nhận và trân trọng vẻ đẹp trong đời sống sinh hoạt quanh em.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**: Ngữ liệu/Sách giáo khoa, phiếu học tập, máy tính, ti vi

**2. Chuẩn bị của HS:**  sgk, vở ghi, sự chuẩn bị ở nhà của HS

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu**: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

**b. Nội dung** : HS chơi trò chơi

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời/chia sẻ của HS bằng ngôn ngữ

**d. Tổ chứchoạt động**:

**B1: Giao nhiệm vụ:** GV chiếu tranh: phong cảnh (Hồ Hoàn Kiếm, Sông Hương,…), sinh hoạt ( Chợ, trường học,…)

- GV đặt câu hỏi: Hãy nêu nội dung những bức tranh này? Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về những nơi này?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** Hs trả lời

**B3: Báo cáo và thảo luận:** hs chia sẻ có thể dùng lời nói, hình ảnh, vi deo, bài viết.

**B4: Kết luận và nhận định** : GV nhận xét và dẫn dắt vào bài học mới: Bài học hôm nay, chúng ta sẽ thực hành nói và nghe về chủ đề Chia sẻ một chủ đề về nơi em sống hoặc từng đến.

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

**a. Mục tiêu:**

- HS tìm hiểu, luyện tập cách thức, quy trình kể và tả một cảnh thiên nhiên hay sinh hoạt mà em trực tiếp quan sát hay tham gia; biết cách thức kể chuyện, trao đổi chia sẻ thông tin trước nhóm, tổ, lớp; cách dùng phương tiện nghe nhìn để hỗ trợ trình bày.

- Rèn cho HS kĩ năng lắng nghe tích cực (tôn trọng người nói, biết cách đặt câu hỏi để hiểu nội dung nghe...)

**b. Nội dung:**

- HS bám sách giáo khoa, chuẩn bị đề tài, xây dựng các ý chính của bài nói. ( Làm trước ở nhà).

- Thảo luận, trao đổi với các bạn trong nhóm về đề tài đã chuẩn bị ( nội dung, tranh ảnh, clip...; cách thức trình bày, cách nghe.

**c. Sản phẩm học tập:** HS chọn ra được một bài và một bạn nói đại diện cho nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV-HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **B1: Giao nhiệm vụ HT**  GV: Như hướng dẫn chuẩn bị trước của cô, mỗi một bạn đã chọn cho mình một khung cảnh thiên nhiên hoạt một cảnh sinh hoạt mà em đã trực tiếp quan sát hoặc tham gia. Vậy trong tiết nói và nghe hôm nay, chúng ta sẽ tiến hành chia sẻ những trải nghiệm của mình về những điều đó cho các bạn cùng lớp nghe; đồng thời nghe các bạn chia sẻ. Chúng ta sẽ làm việc theo nhóm, mỗi nhóm sẽ chọn một bài và một bạn lên trình bày.  - GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm: Phát phiếu câu hỏi cho từng nhóm. Chiếu phiếu câu hỏi lên máy chiếu.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ (Giải quyết những câu hỏi trong phiếu)**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **? Chọn đề tài, nội dung nói nào trong số các bài đã chuẩn bị?**  GV gợi ý: Em có thể kể về những điều đã thấy trên con đường tới trường; những lần theo cha mẹ, ông bà ra đồng ruộng, đi chợ, đi dạo phố…Có thể chia sẻ về một khung cảnh thiên nhiên hay sinh hoạt…  **? Dàn ý chuẩn bị đã đủ ý chưa? Cần bổ sung thêm ý gì?**  GV hướng dẫn: Cần chú ý các ý chính; phần giới thiệu hoàn cảnh; kể, tả cụ thể; nêu những trải nghiệm và ấn tượng cụ thể của em về khung cảnh nơi em nói đến.  - HS tiến hành chỉnh sửa, bổ sung dàn ý của bài nói.  **?Em có chuẩn bị tranh ảnh, tư liệu minh họa không? Dự kiến đưa vào những ý nào?**  GV hướng dẫn: Nhóm chọn các tranh ảnh, tư liệu tiêu biểu. Thảo luận cách trình bày sao cho ấn tượng.  **? Cách nói thế nào?**  GV hướng dẫn: nói tự tin, sử dụng thêm ngữ điệu, động tác, nét mặt,…  Các nhóm cho bạn trình bày trước nhóm, nhóm góp ý.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả hoạt động: Đề tài, nội dung. Bạn trình bày nói.  **B4: Kết luận và nhận định**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | **1. Trước khi nói**  - Lựa chọn đề tài, nội dung nói.  - Tìm ý, lập ý cho bài nói.  - Chỉnh sửa bài nói.  - Tập luyện. |

**3. LUYỆN TẬP:**

**a. Mục tiêu:**

- Trình bày trải nghiệm về nơi em sống hoặc từng đến bằng hình thức nói

- Tóm tắt được nội dung trình bày của bạn.

- Tham gia và trình bày thảo luận, đặt và trả lời câu hỏi…

**b. Nội dung:**

- Chia sẻ một trải nghiệm về nơi em sống hoặc từng đến**.**

**-** Các câu hỏi và trả lời của các bạn nghe và nói.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài nói và ý kiến đánh giá, nhận xét của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **1. Nhiệm vụ 1**  **B1: Giao nhiệm vụ**  - GV cho đại diện các nhóm bốc thăm thứ tự nói.  - Yêu cầu các học sinh tronh quá trình nghe, chú ý ghi lại các câu hỏi về bài trình bày của các bạn. Để sau khi từng nhóm nói  **B2:**  **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS chuẩn bị  **B3: Báo cáo và thảo luận**: HS lên trình bày bài nói  **B4: Kết luận và nhận định**  - GV khen ngợi tinh thần trình bày của nhóm  **2. Nhiệm vụ 2**  **B1: Giao nhiệm vụ**  - GV phát phiếu đánh giá, hướng dẫn HS đánh giá bài nói/ phần trình bày của bạn theo phiếu đánh giá. Các nhóm kiểm tra vòng tròn (nhóm 1-> nhóm 2-> nhóm 3-> nhóm 4->nhóm 1)  **-** HS nghe đặt câu hỏi về những điều cần rõ thêm, hoàn thành phiếu đánh giá nghe. (nhóm 4-> nhóm 3->nhóm 2-> nhóm 1)  **2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoạt động nhóm: thực hiện phiếu đánh giá nói theo phân công; đưa ra câu hỏi về những điều cần làm rõ thêm cho nhóm bạn và hoàn thành phiếu đánh giá nghe theo phân công.  **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận:** GV điều phối:  + HS tương tác, nhận xét, đặt câu hỏi.  + HS trình bày phiếu đánh giá đã thảo luận.  **B4: Kết luận và nhận định**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  + Tổng hợp kết quả theo bảng tổng hợp  *\* HSKG:* Trình bày tự tin, rõ ràng. Chọn câu chuyện hay, ý nghĩa. | **2. Trình bày bài nói**  - Trình bày nội dung dưới hình thức nói cá nhân  **3. Sau khi nói**  - Học sinh lắng nghe  - Học sinh nghe đưa ra câu hỏi để nhóm nói trả lời |

**4. VẬN DỤNG:**

**a. Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, nội dung bài học.Mở rộng thêm kiến thức

**b. Nội dung hoạt động**: GV ra bài tập. HS làm bài tập

**c. Sản phẩm học tập:** Bài tập của học sinh

**d. Tổ chức hoạt động:**

GV giao nhiệm vụ:

**BT 1**- Viết đoạn văn trình bày nhận thức, bài học rút ra từ chia sẻ trải nghiệm của nhóm mình.

**BT 2-**Tìm đọc, tự tìm thêm các tác phẩm kí hoặc thơ viết về các vùng miền của đất nước, chỉ ra một vài nét tương đồng và khác biệt của những tác phẩm đó với các tác phẩm đã học trong bài: Cô Tô và Hang Én.

**-** GV hướng dẫn hs tìm hiểu yêu càu của bài tập.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

**-** GV hướng dẫn hs nộp sản phẩm sau khi hoàn thành: Thời gian : sau 1 tuần, nộp trực tiếp trên giấy kiểm tra.

**-** GV nhận xét ý thức và chất lượng bài làm của học sinh sau khi chấm

- GV nhắc nhở những học sinh không làm bài

**IV: HỒ SƠ HỌC TẬP**

**PHIẾU CÂU HỎI THẢO LUẬN**

| **Câu** | **Nội dung** | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Chọn đề tài, nội dung nói nào trong số các bài đã chuẩn bị? | | | | | | |
| 2 | Dàn ý chuẩn bị đã đủ ý chưa? Cần bổ sung thêm ý gì? | | | | | | |
| 3 | Em có chuẩn bị tranh ảnh, tư liệu minh họa không? Dự kiến đưa vào những ý nào? | | | | | | |
| 4 | Cách nói thế nào? | | | | | | |
| **PHIẾU SỐ 1: ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG NÓI** | | | | | | | |
| **NHÓM:** | | | | | | | **Điểm** |
| **Tiêu chí** | | **Mức độ** | | | | |
| **Chưa đạt**  **(0 điểm)** | | **Đạt**  **(1 điểm)** | **Tốt**  **(2 điểm)** | |
| 1. Chọn được nội dung phù hợp | | Chưa có nội dung, đề tài để kể, tả | | Có đề tài, nội dung để kể, tả nhưng chưa hay | Nội dung và đề tài hay và ấn tượng | |  |
| 2. Trải nghiệm phong phú, hấp dẫn | | Nội dung sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu trải nghiệm của bạn | | Nội dung có đủ chi tiết để người nghe hiểu được trải nghiệm của bạn | Nội dung có đủ chi tiết để người nghe hiểu được trải nghiệm và hấp dẫn, thú vị. | |  |
| 3. Giọng nói rõ ràng, truyền cảm, trôi chảy | | Giọng nhỏ, khó nghe, nói lặp lại, ngập ngừng nhiều lần. | | Giọng nói to, rõ ràng; có thể nói lại hoặc ngập ngừng một vài câu. | Giọng nói to, rõ ràng, trôi chảy, truyền cảm. | |  |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp | | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn về người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | | Điệu bộ tự tin, nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động. | |  |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | | Không chào hỏi hoặc không có lời kết thúc bài nói. | | Có lời chào hỏi và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi và kết thúc hấp dẫn, ấn tượng. | |  |
| **Tổng điểm** | |  | | | | |  |
| **PHIẾU SỐ 2: ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG NGHE. NHÓM:……..** | | | | | | | |
| **Tiêu chí** | | | **Yêu cầu** | | | **Nhận xét ( Đánh dấu X vào dòng thích hợp)** | |
| 1. Tập trung chú ý | | | Chú ý ( 2đ) | | |  | |
| Bình thường( 1đ) | | |  | |
| Chưa chú ý ( 0đ) | | |  | |
| 2. Thái độ lắng nghe | | | Chăm chú, ghi chép lại ( 2đ) | | |  | |
| Chú ý nghe nhưng không ghi chép ( 1đ) | | |  | |
| Không chú ý( 0đ) | | |  | |
| 3. Phản hồi ý kiến | | | Khéo léo, lịch sự ( 2đ) | | |  | |
| Bình thường ( 1 đ) | | |  | |
| Gay gắt ( 0đ) | | |  | |

| **BẢN TỒNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG NÓI- NGHE** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Nhóm** | | | |
| **1** | **2** | **3** | **4** |
| 1. Chọn được đề tài, nội dung hay, có ý nghĩa |  |  |  |  |
| 2. Nội dung trải nghiệm phong phú, hấp dẫn |  |  |  |  |
| 3. Giọng nói rõ ràng, truyền cảm, trôi chảy |  |  |  |  |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp |  |  |  |  |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí |  |  |  |  |
| **Tổng điểm nói ( 1)** |  |  |  |  |
| 1. Tập trung chú ý |  |  |  |  |
| 2. Thái độ lắng nghe |  |  |  |  |
| 3. Phản hồi ý kiến |  |  |  |  |
| **Tổng điểm nghe( 2)** |  |  |  |  |
| **Tổng chung (1)+ (2)** |  |  |  |  |

| Ngày soạn | 30/12/2022 | | |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C |
| Ngày dạy | 7/1/2023 | 7/1/2023 | 7/1/2023 |

**TIẾT 64: ĐỌC MỞ RỘNG**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Chủ động sưu tầm và tìm hiểu các bài đọc, tài liệu phù hợp có liên quan tới yêu cầu của bài.

- Có khă năng nhận biết được các yếu tố cơ bản về thể loại có liên quan đến nội dung học tập

- Biết xác định mục đích giao tiếp, lựa chọn nội dung, hình thức giao tiếp phù hợp.

- Biết thảo luận, phản hồi, đánh giá về nội dung bài học

- Giải quyết vấn đề một cách độc lập, sáng tạo.

**b. Năng lực đặc thù**

- HS trình bày, trao đổi kết quả đọc mở rộng ngay tại lớp. HS biết vận dụng hiểu biết, trải nghiệm, kỹ năng được học trong bài 4 và bài 5.

- HS nêu được nội dung cơ bản của VB vừa đọc; trình bày được một số yếu tố của thơ lục bát được thể hiện qua bài thơ, nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ; nhận biết được cách kể chuyện, cách ghi chép và cách kể chuyện trong bài kí.

**2. Về phẩm chất**

- Chăm chỉ: tích cực học tập, chuẩn bị bài ở nhà làm bài tập đầy đủ trên lớp

- Trách nhiệm: có trách nhiệm trong đảm nhận và hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV:** Máy tính,ti vi, phiếu bài tập, trả lời câu hỏi cho học sinh

**2. Chuẩn bị của HS:** vở ghi, sự chuẩn bị ở nhà của HS

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu***:*Tạo hứng thú, thu hút sự chú ý của HS,huy động hiểu biết đã có của bản thân khai thác thông tin và hình ảnh để hoàn thành nhiệm vụ học tập

**b. Nội dung***:* Cho học sinh quan sát câu hỏi trao đổi với bạn và trả lời các câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d.Tổ chức thực hiện:**

**B1: Giao nhiệm vụ học tập:** Chiếu một bài thơ lục bát. GV đặt câu hỏi

Đây là bài thơ được viết theo thể thơ nào mà các em đã được học?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV - Nhận xét đánh giá câu trả lời của bạn

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

*Trong các bài học vừa qua, chúng ta đã được thầy/cô hướng dẫn đọc 1 VB cụ thể.*

*Trong tiết học hôm nay, các em sẽ tự chọn ra các VB đã được yêu cầu để tiến hành đọc mở rộng.*

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a.** **Mục tiêu:** Thể hiện khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng được học để tự đọc những VB mới có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các VB đã học (trình bày được một số yếu tố của thơ lục bát được thể hiện qua bài thơ, nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ; nhận biết được người kể chuyện, cách ghi chép và cách kể chuyện trong bài kí).

**b. Nội dung:** HS sử dụng các VB có cùng đặc điểm thể loại (thơ lục bát, kí) và cùng chủ đề với các VB đã học trong những bài: bài 4. *Quê hương yêu dấu* và bài 5. *Những nẻo đường xứ sở*, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV- HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| --- | --- |
| **B1: Giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu: *Mỗi nhóm chọn một VB có cùng đặc điểm thể loại (thơ lục bát, kí) và cùng chủ đề với các VB đã học trong những bài trước, tiến hành đọc, trình bày nội dung và nghệ thuật của VB.*   * GV gợi ý:   *+ Để hoàn thành tốt tiết học hôm nay, các em hãy đọc lại phần Tri thức ngữ văn trong các bài học trước để nắm vững về thể loại, cũng như cách phân tích các đặc điểm nghệ thuật;*  *+ Đối với VB thể kí, chú ý các kể, tả sự kiện cho mang tính chất chân thật hay không (người kể chuyện có tham gia vào câu chuyện hay không)? Cách kể chuyện có gì đặc biệt? (tuyến tính*  *– theo thời gian hay phi tuyến tính)? Nêu tác dụng của cách kể này.*  *+ Đối với VB thơ lục bát, chú ý phân tích số tiếng, số dòng, vần, nhịp và những nét độc đáo trong cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.*   * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS thực hiện nhiệm vụ   **B3: Báo cáo kết quả và thảo luận**   * HS báo cáo kết quả hoạt động * GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.   **B4: Kết luận và nhận định**  GV nhận xét, đánh giá, bổ sung,chốt kiến thức. Ghi bảng.  *\* YC HSKG: Đọc thuộc lòng , truyền cảm một bài thơ lục bát* | **1. Chọn văn bản**  **( Chuẩn bị ở nhà)**  **2. Luyện tập**  - HS trình bày  - Trao đổi và nhận xét  **-** |

**4. VẬN DỤNG**

**4. VẬN DỤNG:**

**a. Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, nội dung bài học.Mở rộng thêm kiến thức

**b. Nội dung hoạt động**: GV ra bài tập. HS làm bài tập

**c. Sản phẩm học tập:** Bài tập của học sinh

**d. Tổ chức hoạt động:**

GV giao nhiệm vụ: Yêu cầu HS về nhà tìm đọc 1 bài thơ hoặc 1 câu truyện khác thể loại và tự phân tích theo những đặc điểm cơ bản của thơ và truyện.